

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

TINH HOA VĂN HỌC DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

Truyền thuyết dân gian người Việt

Quyển 2



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRUYỀN THUYẾT VỀ THỜI
BẮC THUỘC
NGÔ - ĐINH - TIỀN LÊ

Quyển 2

**Viện nghiên cứu Văn hóa
và Nhà xuất bản Khoa học xã hội
giữ bản quyền sách này**

TINH HOA VĂN HỌC DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

**TRUYỀN THUYẾT VỀ THỜI
BẮC THUỘC
NGÔ - ĐINH - TIỀN LÊ**
Quyển 2

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2009

Chủ biên
GS. TS. KIỀU THU HOẠCH

Nhóm biên soạn
KIỀU THU HOẠCH
TRẦN THỊ AN
MAI NGỌC HỒNG

LỜI GIỚI THIỆU

Việt Nam là nước có truyền thống văn học. Bộ sách *Tổng tập văn học Việt Nam* do GS. Đinh Gia Khánh làm Chủ tịch Hội đồng biên tập, được Nhà xuất bản Khoa học xã hội tái bản năm 2000 (gồm 42 tập) là minh chứng cho truyền thống đó. Đây là bộ *Tổng tập văn học* viết của cả người Việt và các dân tộc thiểu số Việt Nam từ thế kỷ X cho đến ngày 02 tháng 9 năm 1945.

Về văn học dân gian, từ năm 2002 đến năm 2006, Viện Nghiên cứu Văn hóa và Nhà xuất bản Khoa học xã hội đã hợp tác biên soạn và xuất bản trọn bộ *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (19 tập, gồm 20 quyển). Hiện nay, hai đơn vị đang hợp tác biên soạn và theo kế hoạch đến năm 2010 sẽ hoàn thành việc công bố bộ sách *Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam* gồm 23 tập. Bộ sách giới thiệu diện mạo văn học dân tộc thiểu số nước ta theo từng thể loại và được xuất bản với hình thức song ngữ (ngôn ngữ phổ thông và ngôn ngữ dân tộc thiểu số).

Bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (19 tập, 20 quyển) là bộ sách lần đầu tiên được biên soạn tương đối thống nhất về phương pháp, giới thiệu diện mạo văn học dân gian người Việt theo thể loại. Trong *Tổng tập*, mỗi một thể loại được giới thiệu như sau: Bài Khảo luận (trong bài trình bày, giới thiệu thể loại, lịch sử sưu tầm, nghiên cứu, giá trị nội dung và hình thức); phần biên soạn các tác phẩm; thư mục. Các thể loại tục ngữ, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, vè, ca dao được dành hai tập cho một thể loại. Còn các thể loại sau được thể hiện với dung lượng mỗi tập một thể loại: câu đố, truyện ngụ ngôn, giai thoại văn học, truyện nôm bình dân, kịch bản chèo sân đình, kịch bản tuồng dân gian. Người Việt cổ có thần thoại và có thể có sử thi, nhưng vì lý do lịch sử, sử thi bị mai một, thần thoại chỉ còn những mảnh vụn, không còn hệ thống.

Bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt* trước hết và chủ yếu được biên soạn dành cho giới nghiên cứu. Để đáp ứng nhu cầu rộng rãi của bạn đọc, được sự cho phép của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, sự đồng ý của các soạn giả, Viện Nghiên cứu Văn hoá và Nhà xuất bản Khoa học xã hội chủ trương trên cơ sở đảm bảo nội dung cơ bản, lược bỏ phần dị bản của các tác phẩm, in thành những quyển sách có khuôn khổ và độ dày phù hợp nhằm phục vụ độc giả cả nước. Những quyển này nằm trong bộ sách *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*. Khi từng quyển sách này đến tay bạn đọc, sau khi thưởng thức trí tuệ mẫn tiệp trong các câu tục ngữ, sự hóm hỉnh trong câu đố, sự sáng khoái trong các truyện cười, tính chất ý nhị trong các giai thoại văn học, những rung động thiết tha qua lời ca dao trữ tình..., xin bạn đọc hiểu rằng đó là tài sản văn hoá tinh thần quý báu của cha ông, việc sưu tầm, gìn giữ nó không chỉ do các soạn giả được ghi tên ở trong sách, mà còn do nhiều thế hệ, nhiều nhà sưu tầm thực hiện, tên tuổi và các công trình của họ đã được ghi nhận đầy đủ trong bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt*.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc từng quyển trong bộ sách *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*.

Hà Nội, tháng 8 năm 2008

Giám đốc
Tổng biên tập
NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC XÃ HỘI
TS. Vi Quang Thọ

Viện trưởng
VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ
Chủ tịch Hội đồng biên tập
Tổng tập văn học dân gian người Việt
GS. TS. Nguyễn Xuân Kính

PHẦN I
TRUYỀN THUYẾT
VỀ THỜI BẮC THUỘC

1. SỰ TÍCH CHÀNG CẢ, CHÀNG HAI, CHÀNG BA ĐẠI VƯƠNG THỜI TRIỆU VŨ ĐẾ

Theo sự tích, ngày trước Triệu Đà còn làm Nam Hải úy đem quân tới đóng đồn ở trang Vạn Ninh (bấy giờ gọi là phường Vạn Ninh), huyện Nam Chân (huyện Trục Định ngày nay) gặp người con gái xinh đẹp họ Vũ tên là Lan nương. Triệu úy hỏi xin ông bà Vũ công lấy Lan nương làm Đệ nhị Cung phi. Sau khi phong Lan nương làm Đệ nhị phi Triệu Đà có đến miếu Lạc Long Quân cầu đảo. Đêm đến Triệu Đà thấy Long Quân báo mộng cho biết là Long Quân đã hiểu lòng thành kính của Triệu đế, Long Quân đưa tặng cho ba quả trứng rồng. Triệu Đà cảm tạ Long Quân hai tay nhận ba quả trứng rồng ra về thì tỉnh giấc. Triệu đế biết ngay là giấc mộng kê vàng. Bấy giờ Lan cung phi lấy Triệu đã được hơn ba tháng bỗng nhớ nhà nhớ cha mẹ xin chồng về thăm hỏi song thân, Triệu đế vui lòng thuận cho. Lan phi cùng một vài thị tỳ về quê Vạn Ninh. Nhân khi đi bức Lan phi ra sông tắm liền bị cuồng phong nhấn chìm (vào ngày 12 tháng 8). Triệu Đà thương tiếc, thường ra bến sông nơi vợ chết làm lễ cầu siêu suốt bảy tuần. Vào tối ngày cuối cùng, bỗng thấy trời nổi gió mây, gió gào sóng cuộn trên sông, Triệu Đà trông thấy Lan phi đứng giữa đám mây ngũ sắc vờ Triệu tới gần bảo: "Thiếp vốn là con gái Long cung, tạm giáng nhân gian may gặp được vua sủng ái, từ sau khi được thành thân tới nay đã được ba tháng. Nhưng tới hạn của thiên đình đòi về không được tri hoãn ở trần gian, xin đợi mãn kỳ sẽ trở lại dương thế, ngày sau có dịp sẽ mang hết sức đền đáp. Ngày nay âm dương đôi ngả, thân thiếp đã không thể cùng chàng hưởng phúc, kính chúc hoàng thượng của ta trường thọ cùng với tổ quốc giang sơn". Chúc xong mây tan mưa tạnh, sông lặng gió yên, trời thanh mây quang. Đế bời hồi khôn nguôi, lệnh cho xây miếu bên sông, sắc phong Hoàng Lan cung phi cho dân địa phương thờ cúng bốn mùa hương khói.

Lại nói vào ngày 10 tháng 7 năm Mậu Dần. trời bỗng dưng nổi cơn gió táp mưa sa chớp giạt sấm vang. Sáng sớm hôm sau, người ta nhìn vào trong miếu thấy một đại mãng xà thân dài quá trượng, vảy màu ngũ sắc, đang cuộn tròn ôm gọn ba quả trứng lớn. Nhân dân thấy việc lạ, bèn làm sớ tâu vua. Khi ấy nhà vua được gặp Lan nương cung phi báo mộng rằng: "Đội ơn Long Quân đưa cho ba rồng, đầu thai giáng thế phù vua cứu nước, nay đã mãn nguyện xin nạp cho triều đình dương thế. Nói rồi lại đọc bài thơ:

Ba cái thai rồng mãn nguyệt sinh

Thiếp nay tiến nạp phó dương đình

Long Quân cho hóa hoàng gia tử

Cứu hạn tiền trình khắp chốn nghinh.

Đọc xong thì biến mất, vua tỉnh giấc. Ngài cho quần thần đưa ba quả trứng rồng về cung bảo quản. Đúng ba ngày thì bỗng nổi mây mưa, sấm nổ đình tai một tiếng xé ngang trời, ba quả trứng đều nở hiện ra ba chàng trai khôi ngô tuấn tú. Tới khi trăm ngày Đế làm lễ cầu đảo bách thần sông núi, xin đặt tên cho tam vị: Đế nhất lang là Hoàng Hưng công, Đế nhị lang là Hoàng Cát công, Đế tam lang là Hoàng Lai công. Đến khi trưởng thành đều là những bậc danh văn tài vũ, thiên văn địa lý tỏ tường. Đến năm trời làm đại hạn, cỏ cây hoa màu khô héo, Đế sai Tam công cầu đảo bách thần. Tam công lập đàn tế cáo trời đất, trời cho đổ mưa tràn bờ tràn ruộng, lúa má hoa màu hồi sinh. Tuy nhiên đất nước đương lúc thanh bình quốc gia vô sự, nhưng Tam công vẫn thấy trong dân nước còn nhiều nơi đói không có cơm ăn, rét không có áo mặc, ốm đau bệnh tật không có thuốc men. Tam công liền tâu xin Triệu đế thực hành chính sách khoan dân, thi hành nhân nghĩa: có người nghèo thì phát chẩn, người già cô quả thì nuôi nấng, kẻ đói khát thì cho ăn uống, kẻ ốm đau bệnh tật thì chăm sóc thuốc thang. Tới khi Tam công vô bệnh mà chết, nhân dân thương tiếc. Vua than rằng: "Tam công đại hữu huân lao với quốc, đức trạch với dân

mà trăm chưa báo đáp được bao". Ngài bèn sai lập đền từ tại các triền sông để thờ phụng Tam công, và phong sắc:

- Đệ nhất: Hoàng Triệu lang Hưng Đại vương.
- Đệ nhị: Hoàng Triệu lang Cát Đại vương.
- Đệ tam: Hoàng Triệu lang Lai Đại vương.

Các triều đại đế vương đều có phong sắc.

Năm Cảnh Hưng 44 (1783) chúa Trịnh Tông lại phong: - Tảo ế Thiếp lãng Phù tô Chàng Cả Đương thần Đại vương. - Hiển khánh Tuy phúc Diễn hựu Chàng Hai Đương thần Đại vương.

- Hiển linh Tập phúc Chàng Ba Đương thần Đại vương.

2. SỰ TÍCH BÀ MAN THIỆN

Ở làng Nam Nguyễn, tổng Cam Giá, huyện Phúc Lộc, phủ Quảng Oai, trấn Sơn Tây xưa (nay là thôn Nam An, xã Cam Thượng, huyện Ba Vì tỉnh Hà Tây) vẫn còn một ngôi miếu cổ đứng trong một vòm cổ thụ giữa cánh đồng, gần bên bờ sông Hồng. Miếu ấy gọi là miếu Mền, thờ bà Man Thiện, mẹ đẻ của hai vị nữ anh hùng dân tộc Trưng Trắc và Trưng Nhị.

Theo thần phả của miếu Mền và các truyền thuyết dân gian ở địa phương thì bà Man Thiện, người làng Nam Nguyễn vốn là cháu chất bên ngoại các vua Hùng. Bà nổi tiếng là người tài sắc song toàn, không những rất xinh đẹp mà còn tinh thông võ nghệ, am hiểu quân cơ binh pháp.

Bà lấy ông Hùng Định cũng là người thuộc dòng dõi Hùng Vương, về sau đổi tên là Trưng Định, làm Lạc tướng cai quản đất Mê Linh là vùng trọng địa, trung tâm của Châu Phong, đất bản bộ của các vua Hùng. Bà sớm góa chồng, nên bà là người chủ yếu phải chăm lo nuôi dưỡng, dạy dỗ các con. Khi Trưng Trắc, Trưng Nhị đã khôn lớn, bà tìm người tài giỏi về dạy văn, luyện võ cho các con, ngầm nuôi chí lớn thu phục lại giang sơn đất nước đang thuộc nhà Hán cai trị. Bà còn đi khắp các vùng

trong nước thu phục anh hùng hào kiệt và chiêu mộ dân binh, hẹn ngày về tụ nghĩa bên bờ sông Hát để đánh đuổi quân thù, giành lại đất nước. Vốn mến mộ danh tiếng của Lạc tướng Trưng Định trước đây, lại căm giận bọn quan lại đô hộ nhà Hán vô cùng tàn ác nên người đi theo bà rất đông. Mọi người ở khắp nơi đều về tập trung ở bãi cát Tràng Sa bên cửa sông Hát lập đàn thề và làm lễ tế cờ khởi nghĩa.

Mùa xuân năm 40, sau khi đánh đuổi quân xâm lược, Hai Bà Trưng xưng vương, đóng đô ở Mê Linh và tôn mẹ là Man hoàng hậu. Nhưng bà Man Thiện không ở kinh đô mà trở về quê, lập đồn trấn giữ ở ngay làng Nam Nguyễn.

Khi Hán Quang Vũ sai Mã Viện đem quân sang đánh Hai Bà Trưng, quân ta đã chống cự rất quyết liệt. Nhưng vì thế yếu. Hai Bà Trưng phải lui về căn cứ Cẩm Khê (ở bậc thềm Sơn Tây - Ba Vì ngày nay). Bà Man Thiện lúc này tuy tuổi già, sức yếu, vẫn trực tiếp chỉ huy tướng sĩ từ đồn Nam Nguyễn dùng chiến thuyền ngược theo sông Hồng đi chi viện cho các con chống giặc. Bởi Nam Nguyễn ở ngay bên bờ sông Hồng, hành quân theo đường thủy vừa nhanh chóng, vừa thuận lợi. Không ngờ đang đi giữa đường thì bị quân giặc đánh úp, bà Man Thiện đã cùng ba quân chiến đấu hết sức anh dũng. Đến phút cuối cùng, bà đã gieo mình xuống sông tự vẫn.

Thi thể của bà trôi về đến Nam Nguyễn thì dạt vào bờ. Dân làng vớt lên vẫn thấy sắc diện hồng hào như khi còn sống. Mọi người thương tiếc, chôn cất bà trên một gò đất cao, gọi là Mã Dạ¹. Hôm ấy là ngày 10 tháng Chạp âm lịch. Sau đó, nhân dân đã xây dựng một ngôi đền gần mộ bà để làm nơi khói hương thờ phụng muôn đời người mẹ đẻ của hai vị nữ anh hùng dân tộc và bản thân cũng là một vị anh hùng trong sự nghiệp chống xâm lăng để bảo vệ Tổ quốc. Đền ấy nay còn di tích là miếu Mèn, nằm kế bên đường quốc lộ 32, cách thị xã Sơn Tây chừng 3 km.

1. Dạ là tiếng Việt cổ, chỉ một bà già với thái độ ngưỡng mộ, kính phục.

Miếu Mèn đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử - văn hóa. Vào mùa xuân hằng năm, cứ đến ngày 10 tháng Giêng âm lịch là ngày sinh của bà Man Thiện nhân dân địa phương lại tổ chức lễ hội tung bồng, có rước kiệu linh đình và tế lễ trọng thể để tưởng nhớ công ơn bà Man Thiện.

3. TRUYỆN HAI BÀ TRINH LINH PHU NHÂN HỌ TRƯNG

Theo sách Sử ký thì Hai Bà Trưng vốn dòng họ Hùng, chị tên là Trắc, em tên là Nhị, người ở huyện Mê Linh, đất Phong Châu, con gái quan Hùng tướng đất Giao Châu. Xưa Trắc lấy Thi Sách người huyện Chu Diên. Bà rất có tiết nghĩa, tính khí hùng dũng, có trí quyết đoán sáng suốt.

Thời ấy, Tô Định ở Giao Châu rất tham bạo, nhân dân rất khổ sở. Trắc thù Định giết chồng mình, bèn cùng em là Nhị dấy binh đánh Định, vây hãm Giao Châu; các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng, hai chị em bèn bình định được sáu mươi lăm thành ở Lĩnh Ngoại tự lập làm vua, xưng hiệu là Trưng Vương, đóng đô ở thành ô Diên.

Tô Định chạy về Nam Hải, Hán Quang Vũ nghe tin, biếm Tô Định về quận Đạm Nhĩ, sai tướng là bọn Mã Viện và Lưu Long sang thay. Quân địch đến Lãng Bạc, bà chống cự. Qua năm, bà thấy binh thế Mã Viện cường thịnh, tự lượng sức quân mình ô hợp, sợ không chống nổi, bèn lui về đất Cấm Khê. Viện đem quân đến đánh, bộ hạ bà Trưng đều bỏ chạy. Bà thế cô, bị hại trong trận. Có chỗ nói rằng bà lên núi Hy Sơn rồi không biết đi đâu mất.

Người trong châu thương cảm, lập miếu ở cửa sông Sát Giang để phụng thờ. Phàm những người gặp tai họa tới cầu đảo đều ứng nghiệm. Thời Lý Anh Tông gặp đại hạn, vua sai Cầm tinh thiên sư cầu mưa. Một hôm mưa xuống, mát lạnh thấu người. Vua mừng, ra xem, tự nhiên ngủ thiếp đi, mộng thấy hai

người con gái, đội mũ phù dung, mặc áo xanh, thắt lưng đỏ, cưỡi ngựa theo gió lướt qua. Vua lấy làm lạ bèn hỏi. Hai người trả lời rằng: "Chúng ta là hai chị em họ Trưng vâng mệnh Thượng đế làm ra mưa". Vua muốn hỏi thêm cận kề. Hai người bèn gơ tay ngăn lại. Vua tỉnh mộng, cảm kích, ra lệnh tu sửa đền, đem lễ đến dâng. Về sau Hai Bà lại thác mộng cho vua xin lập đền ở bãi Đồng Nhân. Vua nghe theo, sách phong làm Trinh linh Nhị Phu nhân. Triều Trần lại gia phong cho mỹ tự là Hiển liệt Chế thắng Thuần bảo thuận. Cho đến nay vẫn được bao phong đời đời lửa hương không dứt.

4. BÀ TRƯNG NHỊ VÀ THÀNH DỀN

Trên một khu đất cao ráo và rộng rãi, có nhiều vẻ đẹp thiên nhiên, nổi lên giữa cánh đồng làng Cự An, xã Tam Đồng, thuộc huyện Yên Lãng ngày nay, người ta còn trông thấy di tích một ngôi thành cổ tục gọi là thành "Dền". Truyền thuyết của địa phương còn để lại nhiều chi tiết về việc bà Trưng Nhị luyện quân, xây đắp thành lũy, và những trận ác chiến giữa quân của Hai Bà và quân Mã Viện ở đây.

Tương truyền rằng: Sau khi "rửa sạch quốc thù", đất nước trở lại thanh bình, bà Trưng Trắc được tôn lên ngôi vua, hiệu là "Trưng Vương", đóng đô ở Mê Linh, bà Trưng Nhị được phong là "Bình Khôi công chúa, Phó quốc vương nội chính", các tướng lĩnh và binh sĩ đều được luận công phong thưởng tước lộc. Trưng Vương lại sai các tướng lĩnh mang quân về các ngả khắp nơi trong nước để xây đắp đồn ải, thành lũy bố phòng.

- Trên bờ sông Nguyệt Đức (thuộc làng Toàn Liệt, xã Tự Lập) có đạo quân của ông Hùng Thiên Bảo cùng vợ là bà Trần Nang trấn giữ.

- Đội quân của Lũ Lũ tướng quân thì đóng ở Văn Lôi (thuộc xã Tam Đồng).

- Phó nguyên soái Hồ Đề nương cùng em là Hồ Hác thì đóng trại quân ở Đông Cao.

- Đắt Tráng Việt thì có đạo quân của Tể tướng Hùng Lự nương cùng em là Hùng Bạch Trạch trấn giữ.

Trên dòng sông Mê Linh (một đoạn của sông Hồng thuộc xã Chu Phan) thủy tướng quân Vĩnh Gia nương chỉ huy một đạo thủy binh có nhiều chiến thuyền sẵn sàng ứng chiến.

Bà Trưng Nhị vâng mệnh Trưng Vương đưa một đạo quân về trang Cự Triển để củng cố lại ngôi thành đã được xây đắp từ trước. Những ngày chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa, bà Trưng Nhị đã nhiều lần đưa quân sĩ về nơi đây để luyện tập, nhân dân trong vùng hết lòng hưởng ứng và cử nhiều trai tráng gia nhập nghĩa quân của Hai Bà. Bà Trưng Nhị liền cho xây dựng doanh trại trú quân tạm thời, rồi dần dần trở thành đồn ải quan trọng.

Trở lại trang Cự Triển, bà Trưng Nhị có nhiều điều vui và tin tưởng, vì nhân dân nơi đây hết lòng hưởng ứng và ủng hộ nghĩa binh; cảnh thiên nhiên đã đẹp, lại có địa thế dùng binh rất thuận lợi nhân dân đã tự nguyện dời nhà sang một khu đất khác gần nơi đây để ở đặt tên là trang Cự An (nghĩa là "ở yên").

Thành được xây dựng trên một khu đất thuộc trang Cự Triển, khu đất rộng rãi cao ráo và đẹp đẽ, ba bề là một cánh đồng nước sâu bao bọc, nhân dân ở quanh vùng đông đúc. Thành ở cách sông Mê Linh và sông Nguyệt Đức khoảng chừng bốn năm dặm, việc đi lại cả hai con đường thủy bộ đều được thuận lợi, thành Dền chỉ cách thành Mê Linh khoảng 9 dặm đường.

Suốt một năm dòng dã. Quân sĩ tận lực ngày đêm, nhân dân tận tình góp sức, thành đã được xây đắp xong. Thành đắp hình bán nguyệt, xung quanh thành là một tuyến hào sâu và rộng, bốn bề có tháp canh, có đài quan sát, cổng thành có vọng gác cẩn thận. Trong thành có giếng nước ăn, ngoài thành có nhiều giếng để quân sĩ tắm rửa. Tường thành đắp cao, cổng thành xây đẹp, trông hình thành vững chắc, quân dân phấn khởi hân hoan

vui mừng. Bà Trưng Nhị cho mở tiệc mừng công, quân sĩ lại thi bắn cung múa kiếm, nhân dân cùng múa hát vui vầy, thật là một ngày hội tưng bừng. Các đạo quân ở các nơi được cử về dự hội khánh thành, nhân dân xa gần nô nức đi dự hội mừng công. Trưng Vương cùng ngự hội tỏ lòng vui mừng, gia phong khen thưởng cho các tướng sĩ và nhân dân đã có công xây đắp thành.

Thành được gọi là "thành Dền", còn gọi là thành Cự Trien hoặc thành Trại (vì trước kia chỉ là một trại quân), sau này có tên gọi là thành Tam Khả. Thành Dền là một đồn quân quan trọng được xây đắp từ những ngày chuẩn bị khởi nghĩa của Hai Bà, nay lại được củng cố vững chắc với cả một hệ thống đồn ải xung quanh để bảo vệ cả hai thành: Mê Linh và thành Dền. Thành Dền do bà Trưng Nhị chỉ huy và có nhiều danh tướng giúp sức.

Đất nước ta vui cảnh thanh bình chưa được bao lâu thì vua nhà Đông Hán lại sai Mã Viện cùng phó tướng Lưu Long đem đại binh sang xâm lược nước ta lần nữa.

Khi được tin báo có giặc Mã Viện đưa quân đến bờ cõi đất nước ta, Trưng Vương đã truyền lệnh khẩn cấp đi các nơi cho các tướng lĩnh để sẵn sàng đón đánh giặc. Trận đầu, từ ngoài biên ải quân ta và quân giặc đã đánh nhau quyết liệt, giặc Hán bị chết nhiều, Mã Viện lại phải xin thêm quân và chúng đã tiến quân đến Lãng Bạc thì cũng gặp đội tiên quân của Hai Bà, ở đây nổ ra trận chiến đấu rất ác liệt, quân sĩ cả hai bên đều thiệt hại nhiều. Sau trận này, Trưng Vương liền cho lui quân về giữ thành Mê Linh, bà Trưng Nhị đưa quân về trấn giữ thành Dền.

Có lần, quân Mã Viện rất đông kéo đến vây thành Mê Linh, quân ta và quân giặc đánh nhau rất dữ dội, quân giặc chết rất nhiều, quân số bị hao hụt nặng, Mã Viện đã phải cử ty tướng đem sớ về tâu vua Hán và xin thêm viện binh, vua Hán lo sợ mà phải cho tiếp thêm nhiều quân đưa sang nước ta cho Mã Viện. Mã Viện nhận được thêm viện binh bổ sung, y liền củng cố lực lượng và dùng lực lượng vừa đông vừa mạnh để vây hãm

thành Mê Linh. tình thế trở nên ngặt nghèo và nguy cấp. Bà Trưng Nhị được tin cấp báo, liền cho đem lương thực và binh sĩ đến tiếp viện và đánh giải vây cho thành Mê Linh. Quân ta từ thành Dền được chia ra nhiều mặt tiến quân thẳng hướng về thành Mê Linh, với khí thế tung bừng quyết tâm chiến đấu để giết giặc cứu thành. Mã Viện đem quân đón đánh viện binh của ta; nhưng đã bị quân ta từ bốn mặt đánh ập tới, quân giặc Hán bị thiệt hại nhiều, nên chúng phải cho giãn binh lui ra xa thành. Trong trận quyết liệt này, bà Trưng Nhị chỉ huy dũng cảm và mưu trí, đã giết được tên ty tướng của Mã Viện và nhiều binh sĩ của giặc Hán. Sau này Mã Viện có cho lập đền thờ tên ty tướng của y đã bị chết trận, và phong cho nó cái tên "Đông Hán Đại vương" (đền thờ này ở xã Chu Phan, huyện Yên Lãng, Vĩnh Phúc). Trận này quân ta thắng lớn, thành Mê Linh được giải vây.

Sau khi bị thua, Mã Viện lại sai người đưa sớ về tâu vua Hán và lại được vua Hán gửi thêm quân cho Mã Viện. Chúng lại đưa quân đến vây hãm thành Mê Linh. Lần này chúng đã dùng lực lượng đông gấp bội để vây hãm thành. Trước tình thế gay go và bất lợi, Trưng Vương liền rút quân về thành Dền để cùng bà Trưng Nhị bảo vệ thành.

Mã Viện cho quân đuổi theo quân ta nhưng đã gặp đạo quân của Lũ Lũy tướng quân đón đánh quyết liệt, giết nhiều quân giặc, nên chúng không đuổi theo được.

Từ khi Trưng Vương lui quân về hợp lực với bà Trưng Nhị ở thành Dền, lực lượng ta được tăng cường, các đồn ải bảo vệ thành Dền cũng như thành Dền được củng cố lại vững chắc. Mã Viện nhiều lần đem quân đến tấn công bực vây thành, nhưng đều bị quân ta đánh lui giết nhiều quân giặc, tuy nhiều lần thua, nhưng Mã Viện vẫn âm mưu đánh chiếm thành để tiêu diệt nghĩa quân Hai Bà, y cho xây đắp thành ngay bên cạnh thành Dền cách khoảng 3 dặm, gọi là thành "Vượn" (thành Vượn được xây trên cánh đồng chiêm trũng giữa khoảng cách hai làng Cư An và Nam Cường thuộc xã Tam Đồng, huyện Yên Lãng).

Quân Mã Viện từ thành Vượn (phía Nam) và thành Mê Linh (phía Đông) mở nhiều cuộc tiến công vào thành Dền, nhiều trận quân giặc bị thua to, chết nhiều phải lui quân. Chúng liền cho tập trung quân đánh vào đồn Văn Lô do Lũ Lũy tướng quân chỉ huy để tiêu diệt đồn trại tiền thành của ta, quân hai bên đánh nhau ác liệt mấy ngày đêm liền, quân giặc chết nhiều, quân ta cũng thiệt hại. Lũ Lũy tướng quân bị hy sinh ngay ở dinh Văn Lô. Đồn tiền tiêu của thành bị hạ, thành Dền lại ở vào tình thế o ép. Trong nhiều ngày tháng kéo dài, các trận chiến đấu vẫn liên tiếp xảy ra ác liệt, quân địch bị thiệt hại, nhưng lực lượng ta cũng bị suy yếu không thể bổ sung kịp, thành Dền bị lâm vào tình thế bất lợi cho ta. Hai Bà quyết đánh một trận lớn rồi rút quân khỏi thành Dền lui về đất Cẩm Khê để định liệu mưu kế đánh giặc lâu dài.

Cuộc kháng chiến chống xâm lược của Hai Bà Trưng thất bại, dân tộc ta lại bị nô lệ Bắc thuộc một lần nữa. Nhưng lòng dân vẫn tưởng nhớ tới công ơn to lớn của Hai Bà mà lập đền thờ tôn kính. Nhân dân trang Cư An, nơi có ngôi thành Dền uy nghiêm, đã lập đền thờ bà Trưng Nhị. Các triều đại phong kiến đều có sắc phong mỹ tự và chiếu chỉ cho dân tu sửa đền thờ. Ngày nay dấu vết ngôi thành cổ uy nghiêm, ngôi đền cổ kính, cũng như uy danh lừng lẫy của Hai Bà, vẫn còn ghi nhớ mãi trong lòng nhân dân Việt Nam ta.

5. SỰ TÍCH NĂM ANH EM CHÀNG VỊT

Ngày xưa, vào thời phong kiến nhà Hán đô hộ nước ta. ở vùng đất nay là xã Thanh Lãng huyện Bình Xuyên (Vĩnh Phú cũ) có con đầm rộng mênh mông nổi lên những quả gò rậm rạp. Tương truyền rằng ở đất này có nàng Triệu Khoan Hòa xinh đẹp nét na vì muốn tránh khỏi bị bọn quan lại ngoại bang làm nhục nên thường ra lánh thân ở những gò rậm trên đầm. Một đêm nằm ở gò, nàng mộng thấy có một người dị dạng hiện đến chòng ghẹo. Nàng bàng hoàng trong phút chốc rồi tỉnh dậy biết

rằng đó chỉ là giấc mộng! Nhưng lạ thay, từ đó nàng thấy mình đã mang thai rồi một ngày kia nàng sinh ra được năm anh em khôi ngô tuấn tú, dân trang ai cũng lấy làm lạ. Mọi người rủ nhau, kẻ bắt gạo, người thung ngô đem đến giúp nàng nuôi con. Chẳng bao lâu năm người con trai lớn khôn, tính tình cũng hiền hậu như mẹ vậy. Các chàng sinh sống nơi đầm nước, qua lại trên mặt nước như đi trên đất liền nên mọi người thường gọi năm anh em là năm chàng Vịt nước.

Lại nói: hồi đó viên Đô úy dị tộc ở huyện này nghe tin kẻ Láng có những chàng trai giỏi bơi tài lặn nên đã nhiều lần y cho quân về lùng bắt, muốn đem họ về vùng bể mò trai lấy ngọc dâng nộp Tô Định lấy công. Mẹ con nàng lại phải nhiều phen lẩn tránh mới thoát được. Kịp lúc đó nàng nghe tin ở vùng Mê Linh có hai người con gái dòng dõi các vua Hùng được dân chúng suy tôn là "nữ chủ" đang chiêu mộ tướng để đánh đuổi kẻ thù dị chủng. Nàng Triệu Khoan Hòa chẳng sợ hiểm nguy bèn tìm đến bản doanh của Trưng nữ chủ xin cho năm con được xung vào quân ngũ.

Trưng nữ chủ khen ngợi bà Triệu Khoan Hòa và vui lòng chấp thuận cho năm anh em chàng Vịt đứng trong hàng ngũ nghĩa quân. Được thỏa trí trai, năm anh em cùng đội nghĩa quân ra sức ngày đêm luyện tập đường khiên, mũi giáo. Vốn biết các chàng giỏi nghề bơi lặn, Trưng nữ chủ lại điều năm chàng vào đội thủy binh. Từ đó, năm chàng càng đem hết sức mình ra công luyện tập cưỡi trên những con thuyền độc mộc nhẹ lướt như bay trên dòng sông Phó Đáy, ẩn hiện khôn lường.

Trước ngày ra trận, trong buổi khao quân kén tướng, Bà Trưng phong chàng Cả là "Giám sát quân vụ thủy đạo", chàng Hai được giao cho chuyển vận binh lương trên sông Nguyệt Đức. Cả năm anh em đều được Trưng nương giao cho cầm quân cùng theo Trưng nương. Lại nói trong quân ngũ lúc đó phát sinh bệnh ghẻ lở, quân sĩ đều ta thán. Năm anh em chàng Vịt nghĩ ra một thứ thuốc, lấy lòng đỏ trứng vịt bơi cho đều được khỏi cả

nên có lúc quân đã thân mật gọi năm chàng là: "Tướng quân lòng đỏ trứng vịt!".

Đánh đuổi quân Hán xong, các chàng xin Trưng Vương cho được về quê thăm mẹ nhưng khi năm anh em về tới bản quán thì bà mẹ Triệu Khoan Hòa đã mất và được dân làng ký táng ở đầu trang. Vô cùng thương xót vì khi đất nước thanh bình thì mẹ lại không còn cùng các con đoàn tụ cho bỏ lúc gian nan, các chàng than khóc rồi bốc hài cốt mẹ an táng ở xứ gò Thờ, nơi xưa kia bà đã cùng các chàng lần tránh bọn ngoại bang lùng sục.

Khi Mã Viện vâng lệnh vua Hán đem quân sang xâm lược nước ta lần thứ hai, năm anh em chàng Vịt lại hùng dũng tiến quân đi nghênh chiến với giặc ở Lăng Bạc. Hai bên cầm cự với nhau khá lâu nhưng chưa phân thắng bại. Mã Viện được Hán Quang Vũ cho thêm viện binh, ý bèn dốc toàn lực đánh mạnh vào đội quân của Hai Bà. Trận chiến đấu ở Lăng Bạc đã diễn ra vô cùng ác liệt. Quân Hai Bà thế yếu đã phải lui về đóng ở Mê Linh. Quân giặc đuổi theo sát Hai Bà và ồ ạt vây thành. Năm anh em chàng Vịt phải cùng đội thủy binh đánh mở đường máu cho quân trong thành thoát vòng vây theo sông Nguyệt Đức mà rút. Thế rồi trong một trận kịch chiến ở phía Đông thành trên bờ sông Nguyệt Đức nữ chủ tướng Trưng Nhị đã bị tử thương! Ba quân thương xót, nữ vương quá đỗi ghen ngào! Vương bèn chỉ huy quân sĩ quyết đánh báo thù thì được lòng trời hữu định nên nổi cơn dông tố, dòng sông Nguyệt Đức hiền từ bỗng nổi trận phong ba... Nhân lúc quân ta và quân địch cùng đang gặp khó, chàng Vịt Hai coi việc chuyển lương bèn lao vào trong đám lửa khói đao binh cướp lấy thi hài chủ tướng Nhị nương đem xuống thuyền vượt sóng dữ đưa ra sông Hồng rồi đem lên an táng tại núi Hy Sơn đất Phong Châu. Qua trận này Trưng Vương thế cùng binh tổn phải lui về giữ đất Cấm Khê định kế hồi binh phục sức thu lại giang san nhưng thế không kịp nữa. Tại Cấm Khê, Trưng Vương đã tử tiết! Chàng Vịt Cả cùng tướng sĩ lại đánh cướp được thi hài vị nữ Vương đem an táng trên núi Hy Sơn.

Quân ta lúc này tuy như rắn mất đầu nhưng cũng không chịu quy hàng quân giặc, năm anh em chàng Vịt vẫn cùng quân sĩ dũng cảm chiến đấu với giặc và máu của đội quân anh hùng lại nhuộm đỏ thêm dòng nước sông Mê Linh lịch sử (quãng sông Hồng từ ngã ba sông về đến cuối huyện Yên Lãng bây giờ).

Lại nói các chàng Vịt cùng một toán quân rút về đến An Lan tạm trú để định mưu sau nhưng địch quân lại truy đánh. Sau một trận kịch chiến, biết rằng lực cùng thế tận, năm anh em chàng Vịt cùng số quân sĩ còn lại chạy tới đất Cổ Lộng thuộc An Lan bèn cùng tuấn tiết. Hôm ấy là ngày mồng Mười tháng Năm năm Quý Mão. Biết tin đó dân trang trong vùng An Lan đã thắm lạng rủ nhau đến xứ Cổ Lộng để mai táng các anh hùng.

6. SỰ TÍCH ANH EM TRÙ CÔNG VÀ THUẬN NƯƠNG GIÚP BÀ TRƯNG ĐÁNH ĐUỐI TÔ ĐỊNH

Tục truyền, cha của hai vị là dòng dõi vua Hùng, làm Quan lang Phụ đạo, người thôn Đường Cát, xã Phù Minh, tổng Thanh Minh, huyện Hoàng Hóa, phủ Hà Trung đạo Thanh Hoa Nội (tức Thanh Hóa ngày nay), tên là Trương Sùng Liên; thân mẫu là con gái của quan Tiến Châu tên gọi là Lan Hoa. Có một đêm thân mẫu của hai vị chiêm bao lên vườn bần đào của Tây Vương Mẫu ở thượng giới, bắt được hai bông hoa: một bông hoa đào, một bông hoa huệ. Từ đó thân mẫu có thai, rồi sinh ra hai vị: anh là Trù công, em là Thuận nương. Anh trai thì mặt vuông tai lớn, răng trắng môi hồng, tay dài quá gối, cẳng chân có ba chiếc lông màu đỏ mọc ngược dài hơn hai tấc. Em gái thì mày ngài mắt phượng, mặt tựa mai hoa. Anh thì học một biết mười, không gì không tỏ tường. Em gái thì xinh đẹp đến mức chim sa cá lặn, trăng thẹn hoa hờn.

Lại nói, bấy giờ Thái thú Tô Định nghe tin Thuận nương xinh đẹp khuynh quốc khuynh thành, liền sai người tìm tới nhà

Trương gia công triệu ông bà lên kinh để hỏi Thuận nương làm vợ. Trương công không bằng lòng. Tô Định liền nổi giận, rồi ghép ông bà Trương vào tội phạm pháp mà ám hại. Sau đó, Tô Định còn tìm cách bắt cả Thuận nương để giết. Cô cùng anh trai trốn đến chùa làng Tử Tế, giả làm tăng ni đạo sĩ, sớm tối chiêu binh mãi mã chờ ngày giết Tô Định trả nợ nước thù nhà. Số người đi theo giúp hai vị đã tới con số hơn ba ngàn người, trong ấy có nữ nghĩa sĩ Đào Ngọc Hoa nương, là một cô gái cũng thạo nghề cung kiếm, giúp đỡ hai vị nhiều việc trong quân. Bấy giờ nghe tin Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa tại Hát Môn giang, anh em liền mang hết sĩ tốt trong bản bộ nguyện đi theo Bà Trưng, cùng tiến quân đi đánh đuổi giặc Tô Định. Khi thắng lợi, Bà Trưng lên ngôi vua. Ba năm sau giặc lại tới để báo thù, thế và lực giặc mạnh đông hơn ta gấp bội. Bà Trưng bại trận đành tự tử, còn hai vị rút về miền quê biển, cuối cùng không thể bảo toàn được lực lượng, hai vị cũng tự sát. Nhân dân nhớ ơn hai vị, sửa sang từ vũ, viết tên thần hiệu phụng thờ làm thần Thành hoàng làng. Kể từ sau khi hai vị hy sinh, lịch đại đế vương các triều cầu mưa được mưa, cầu nắng được nắng, mới biết các vị rất linh thiêng, bèn phong là Thượng đẳng Phúc thần và ban phong mỹ tự.

- Nhị vị là Dương cảnh Thành hoàng Thiên quan Cửa chùa, Phù quốc dục vận, Cương nghị quả đoán, Thánh đức chí nhân Thượng đẳng Tối linh Đại vương.

- Nhị vị là Tuyên hòa Trinh thuận, Cẩn tiết Phương Dung, Nhân lãnh tình nghi, Đoan trang yếu diệu Na phu nhân công chúa.

7. SỰ TÍCH ĐÀO KỲ THỜI VUA TRƯNG

Theo sự tích, vua Quang Vũ nhà Đông Hán cho Tô Định làm Thái thú Giao Châu (tức là nước Văn Lang). Tô Định là kẻ tham tàn, bạo ngược, xâm chiếm xứ Trung Nguyên, nhân dân lầm than, không chỗ nương tựa. Lúc đó ở trại Mĩ Dã trang, huyện Chu Diên, phủ Tam Đái đạo Sơn Tây có người con gái Trưng

tướng quân, chúa ngoại họ Hùng, họ Trương tên Trắc bị Định giết mất người chồng là Thi Sách. Họ Trương giận lắm, bèn cùng em ruột là nàng Nhị kéo nghĩa binh ở cửa Hát Môn. Nhưng nam tướng, nữ tướng chưa có ai là người thao lược, anh tài, nên còn mộ binh, chứa lương để chờ cơ hội. Khi ấy ở trang Nông Cống, ở huyện Lương Giang, phủ Thiệu Thiên, châu Ái, có một nhà dòng dõi thi thư nền nếp hiếu để họ Đào tên là Minh lấy Trần Thị Tốt làm vợ. Nhà ấy thường làm việc phúc thiện, cứu kẻ bần cùng, không khi nào nghĩ đến việc hại người, không bao giờ làm việc gian ác, nhân dân ở đó đều cho là một nhà rất tốt. Đào công đã ngoại 60, Trần Thị cũng ngoại 50 mà con cái chưa có. Vợ chồng buồn bã hết sức. Một hôm, Đào công than với vợ rằng: "Người ta 30 tuổi mà không có con trai đó là một điều bất hiếu lớn nhất. Nay ta đã nhiều tuổi mà con trai chưa có, nếu lỡ ra có mệnh nào thì mỗ mả tiên tổ uỷ thác vào ai? Chi bằng đi tìm những đền chùa thiêng liêng, thủ cầu tự, nếu như mình có thành tâm chắc có gười đất chứng giám".

Liền đó, nghe tin có chùa Linh Quang ở núi An Tuy thiêng lắm, ai cầu nguyện cũng được như ý. Ngay hôm ấy hai vợ chồng đem tiền, hương đến cúng bái về khẩn rằng: "Chúng tôi ở cõi trần, không lo thiếu tiền của, chỉ lo không có con, xin đức từ bi quảng đại soi xét tấm lòng thành, ban cho phúc đức, khiến cho vợ chồng tôi được đội ơn che chở".

Khẩn xong, vợ chồng cùng nằm ở trước hương án. Đến đêm, chợt thấy trong chùa bóng mây rực rỡ, mùi hương thơm ngào ngạt, rồi một vị thiên nhân mặc áo xanh, hai tay bông đùa con đứng ở trước cửa gọi vợ chồng Đào công bảo rằng: "Nhà người vẫn làm điều thiện, trời đã biết rõ. Nay đức Hoàng thiên sai ta đem cho nhà người một người con Phật, sau này có thể làm cho cửa nhà sáng tỏ, nổi tiếng ở gần trời. Sớm con hay muộn con, số trời đã định, không phải lo".

Nói rồi quảng đưa trẻ vào lòng Trần Thị. Trần Thị ôm lấy đứa trẻ, chưa kịp lay tạ, thình lình nghe ở trên trời có một tiếng sét. Giật mình thức dậy biết là một giấc mộng lành.

Hôm sau hai vợ chồng sửa lễ tạ Phật rồi về. Sau đó Trần Thị có mang, trong lúc mang thai thường thường nghe thấy ở trên không có tiếng ngâm thơ, đại ý nói nhà họ Đào sẽ có người tài danh giúp nước dẹp giặc, hưởng lộc mãi mãi.

Bấy giờ ở huyện Lương Giang bị mấy năm mất mùa, nhân dân đói khát, lại gặp lúc binh đao rối loạn, vợ chồng Đào công liền bàn với nhau: "Nghèo khó thế này gặp hồi loạn, thì sống làm sao, chỉ bằng tìm chỗ lánh lấy sự giữ mình làm gốc yên nhà".

Nói rồi thu xếp gia tài, vợ chồng đem nhau xuống thuyền vượt ra đạo Kinh Bắc. Đến trại Cối Giang thuộc về huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, thấy ở cạnh trại có ngôi chùa nhỏ rất cổ, vợ chồng Đào công bèn nói với dân làng xin ở giữ chùa, dân làng bằng lòng. Từ đó vợ chồng Đào công ở trong chùa ấy, ngày thì hương hoa cúng bái, đêm thì tâm niệm. Được hơn một tháng, Trần Thị sinh được một giai (bấy giờ là ngày rằm tháng Ba năm Nhâm Thân) mặt mũi khôi ngô, giống như đứa trẻ trong mộng. Vợ chồng Đào công mừng rỡ vô cùng mới đặt tên là Kỳ. Khi lên 8 tuổi, cha mẹ cho vào học Hiên Đường tiên sinh. Được vài năm văn chương võ nghệ Kỳ đều giỏi hơn người. Trong lúc đương học, ông Kỳ có bảo với bạn bè rằng: "Làm người, nên như thánh hiền đời xưa gây dựng lấy công danh, nếu không thì nên chết ở sa trường, dùng da ngựa bọc thây đem về, mới là khí phách trượng phu". Rồi ông ngâm một bài thơ rằng:

Nhĩ mục tu mi thiên phú dữ

Công danh sự nghiệp chính đương kì

Vì nhân tử giả đương như thị

Phủ tắc sa trường nhất loã thi.

Nghĩa là:

Trời cho tai mắt với râu mày

Sự nghiệp công danh phải gắng xây

Làm người ví chẳng nên thân thối

Thà côi sa trường chết bỏ thây.

Hiên Đường tiên sinh nghe thấy liền nói: "Nhà này có phúc đức gì mà sinh được người con giai phúc đức thế này! Sau này người con giai ấy sẽ trở nên một bậc văn võ kiêm toàn, làm nổi tiếng cho gia đình vậy".

Đến năm ông Kỳ 15 tuổi, cha mẹ đều mất trong một năm. Ông kêu gọi kêu đất rất là thảm thiết. Sau khi đã chọn cát địa làm lễ an táng, ông ở nhà thờ cúng rất chu đáo cẩn thận. Thường thường ông vẫn gạt nước mắt mà rằng: "Công đức cha mẹ giống như non cao, bể sâu không thể nói xiết. Nay chưa có tóc tơ báo đáp, tình cảnh đã thế này, mai sau dù có sử nghìn trang cũng không thể nào đền bù được". Thấm thoát đã hết ba năm, việc hiếu đã xong. Nghe tin chị em Bà Trưng khởi nghĩa ở đạo Sơn Tây, ông liền đem vài trăm thuộc hạ, thẳng đến cửa sông Hát Môn ra mắt Bà Trưng. Bà Trưng thấy ông tướng mạo khôi ngô, nghị dung lẫm liệt, khí giới tinh nhuệ, gươm giáo sắc bén sáng sủa lấy làm mừng mà rằng: "Giời vì ta sinh bậc hiền tài mà sao gặp nhau quá muộn vậy!".

Luôn bữa đó. Bà Trưng phong ông Kỳ làm chức Đại nguyên soái bình an tướng quân coi cả quân thủy, quân bộ. Rồi Bà Trưng cùng các tướng làm lễ tế trời đất, quỷ thần. Bà khẩn rằng: "Thiếp là một người con gái, đau đớn vì nhân dân lầm than. Nay người Bắc quốc tên là Tô Định, quen tính chó đẻ, tàn hại lương dân. thiếp là dòng dõi vua Hùng, không thể nín lặng. Vì vậy phải kéo cờ nghĩa binh dẹp yên nghịch tặc, xin giới đất quỷ thần phù trợ để lấy lại được giang sơn cũ của nhà Hùng thờ cúng tiên tổ. Đó là nhờ đức lớn của giới đất".

Khẩn xong, các đạo quân chia các ngả cùng tiến thẳng đến thành của Tô Định đại chiến một trận, quân Tô Định thua to. Tô Định phải chạy về nước, đồ đảng cũng bị dẹp yên tất cả. Rồi đó Bà Trưng sai đắp lại 65 thành ở miền Lĩnh Nam. Bà Trưng lên làm vua, phong em bà là Nhị làm Bình Khôi công chúa, hết thầy nam nữ tướng tá đều được phong thưởng thực ấp. Đào Kỳ tướng quân cũng được phong làm chức Huyện doãn ở huyện Đông Ngàn.

Sau khi phụng mệnh tới nhậm, Đào tướng quân đi xem khắp các địa hạt trong huyện, chỗ nào ruộng đất phì nhiêu, dân cư đông đúc tướng quân đều có lập hành doanh làm chỗ yên nghỉ trong khi đi tuần. Ngày thường tướng quân rất hay đi lại ở miền Cối Giang, khuyên dân chăm chỉ cày ruộng, trồng dâu. Rồi tướng quân lại vì dân mà gây dựng điều lợi, trừ điều hại và dùng điều nhân nghĩa để ràng buộc lòng dân, dùng điều hòa mục để dựng xây phong tục, thật là có công lớn với dân. Nhân dân từ trẻ đến già ai ai cũng yêu mến kính trọng ngài.

Qua ba năm, nhà Hán lại sai Mã Viện đem 30 vạn hùng binh sang đánh vua Trưng để rửa cái thẹn ngày trước.

Khi quân Hán kéo đến Lạng Sơn. Bà Trưng bèn đòi các tướng về triều bàn việc đánh giặc. Đào tướng quân được lệnh bèn gọi phụ lão trong hạt bảo rằng: "Ta cùng các người tình nghĩa ràng buộc không phải mới một hai ngày, lẽ nào phút chốc mà quên đi được. Nay ta chọn được một nơi cát địa trong bờ cõi cát địa của các người. Sau này nếu ta trăm tuổi, các người nên viết thân hiệu của ta và lập miếu thờ ở hành doanh, làm chỗ thờ cúng"

Cảm phục công lao của ngài, sau khi thất trận, ngài hóa cùng Hai Bà Trưng, dân làng lập đền thờ ngài. Đền thờ ngài rất thiêng, dân cầu đảo đều được linh ứng.

Trải qua các triều đại đều gia phong mi tụy, hương hỏa ngàn thu.

8. SỰ TÍCH ĐƯỜNG HOÀNG THỜI VUA TRƯNG

Tục truyền về đời nhà Đông Hán, thuộc đất Long Biên có một ông họ Đặng, húy là Vận. Ông lấy bà vợ người họ Tạ húy là Cận vốn là một nhà thi lễ trâm anh. Ông thì chỉ chuyên nghề làm thuốc, dạy học, và chuyên làm những việc phúc đức. nhân từ. Khi ông đã gần tới 60 tuổi, bà thì ngoại 40 tuổi rồi, mà mới được có vài người con gái, chứ chưa có con trai, hai ông bà thì thường lúc nào cũng lo phiền, chỉ ao ước giá biết đâu có đến

miếu linh thiêng thì đi làm lễ cầu tự. Một hôm nghe tin ở làng Đông Cửu thuộc huyện Gia Định, phủ Thuận An, đạo Kinh Bắc có chùa Thiên Thai là một nơi rất linh ứng, ai cầu gì cũng được, hai ông bà liền sửa lễ đến chùa ấy, chiều đến vào trong động, thắp hương cầu khẩn rồi ngủ ở trước hương án trong chùa một đêm. Đến cuối canh ba, mơ màng thấy một người ăn mặc dị dạng khác thường lại bảo ông rằng: "Nhà ngươi ăn ở có đức, giới đã biết rồi, sau này thế nào nhà ngươi cũng có con giai, nhà ngươi không lo". Nói xong thân ấy biến mất. Ông tỉnh dậy biết là thần báo mộng, tưởng ngay trong mộng, tin chắc thế nào cũng có điềm lành. Sớm ngày hôm sau hai ông bà lễ tạ rồi về. Mới về đến trang Trại Lộ khu Ngọc Trì chợt thấy giới đất tối sẫm lại, một cơn gió rất to nổi lên, phía chân trời có một đám mây che. Hai ông bà bèn chạy vào trú ở trong nghề khu Ngọc Trì. Vào đến nghề thì hai ông bà thấy ở trong nghề có một ánh sáng thật lạ, trông tựa như bó đuốc soi tỏ mình bà. Hai ông bà sợ hãi thiếp đi, thì thấy có một người con giai ăn mặc khác thường ở trong miếu bước ra, tự xưng là Bản thổ linh thần, bảo ông bà rằng: "Ta vâng mệnh Thiên đình xuống đầu thai làm con ông bà". Nói rồi biến mất, ông bà tỉnh dậy thì không thấy gì nữa. đem nhau về nhà. Từ đấy bà có thai, đến ngày mồng Mười tháng Năm năm Quý Mùi bà sinh ra một người con giai, tướng mạo khôi ngô, thiên tư dĩnh ngộ, thông minh khác thường, khi ngài lên ba tuổi, đã biết lễ nghĩa, biết kính nhường. Khi lên bảy tuổi ngài mới đi học. Đến năm 13 tuổi ngài đã văn võ kiêm toàn, ai ai cũng khen là một ông thánh. Tên ngài là Đường Hoàng. Đến năm ngài 18 tuổi thì phụ mẫu ngài đều chết cả. Ba năm ngài hết tang thì có giặc Tô Định nổi lên, đem quân đánh phá trong cõi, tàn hại nhân dân rất tệ không có ai chống cự nổi với quân giặc ấy. Ngài phải lánh loạn đi ở trong chùa. Được một năm thì có bà Trưng nữ hứ là Trắc, là cháu gái vua Hùng Vương. Bà bí mật vời nữ trung hào kiệt. Giặc Tô Định đem quân đến đánh, bà Trưng nữ bảo đức Thánh Tản Viên Sơn và hội cả các bách thần ở cửa sông Hát Môn, tức là xứ Sơn Tây bây giờ.

Bà lập đàn thờ tế bách thần, rồi nói rằng: "Trải bao nhiêu đời làm vua, đều hết một tấm lòng, yêu dân mến nước, khắp trong thiên hạ được thanh bình, quốc gia vô sự. Bây giờ có quân giặc Tô Định khác nào muông cầm thú đến tàn phá nhân dân, từ gò đất thánh thần, cùng người ta đều là oán giận cả". Bà nói bà là một người cháu gái vua Hùng Vương, bà kêu cầu gò đất thánh thần, và âm binh chứng giám cho bà, để bà đi dẹp giặc Tô Định. Nói xong bà bèn truyền tờ hịch khắp trong cõi nước Nam, ai là người có văn võ kiêm toàn, thì mang quân đến giúp. Đường Hoàng nghe thấy có tờ hịch truyền ra, ngài bèn mộ được ngay vài nghìn quân, đem đi giúp bà Trưng nữ. Bà Trưng nữ thấy ngài là một đấng nam nhi thao lược, văn võ kiêm toàn, bèn phong ngay cho ngài Tả tướng quân. Ngài vâng mệnh đến đảo Kinh Bắc, phủ Thuận An, huyện Gia Định, trang Trại Lộ khu Ngọc Trì đóng quân ở đấy, dân khu Ngọc Trì thấy thế đều kinh khiếp. Ngài thấy dân sợ hãi, mới nói rằng: "Phụ mẫu trước có bảo ta rằng dân nhà các người trước đã thờ ta làm Thành hoàng, những ta đã xuất thế rồi, bởi vậy, cho nên nay ta lại mang quân đóng ở đây". Nhân dân nghe thấy ngài nói đều mừng rỡ lắm, đều nói rằng: "Chính là đức Thành hoàng dân ta phải thờ từ trước rất là linh ứng, nhưng độ khoảng hơn ba mươi năm nay, không thấy linh nghiệm như trước nữa". Ngài bảo: "Phải đấy, vì ta đã xuất thế rồi". Nhân dân lại làm lễ xin hiệu thờ. Ngài cho hiệu ngay. Sau đó ngài lấy hơn ba mươi người trai dân khu Ngọc Trì mạnh khỏe, cho làm quân nội đạo. Sớm ngày hôm sau có sứ giả mang thư đến vờn ngài đi đánh giặc.

Ngài lập ngay đàn làm lễ thiên địa thần kỳ và khao quân sĩ. Rồi ngài đem quân đến đánh phá đồn quân Tô Định. Quân Tô Định thua bỏ chạy tan tác. Bà Trưng nữ đắp được 65 cái thành và lấy lại được cả cõi đất nước Nam. Bà Trưng nữ bèn lên ngôi vua, tự xưng là Trưng Nữ Vương. Bà Trưng Nữ Vương sai sứ vờn các tướng sĩ về châu để ban yến, phong công thưởng tước cho các tướng sĩ, và phong cho ngài hưởng lộc ở huyện Gia Định. Ngài vâng mệnh trở lại Gia Định, ngài thấy đất khu Ngọc Trì là một

nơi sơn thủy hữu tình, phong cảnh ngoạn mục bèn lập tức truyền quân sĩ và nhân dân trong khu lập đền thờ. Đến ngày mồng Tám tháng Hai ngài đặt yến và nhân dân trong khu ra ban yến cho ăn. Trong khi đương ăn uống, chợt thấy trên trời có một đám mây vàng to, trông như bó lụa đào tự trên trời thẳng xuống trước cung điện, thì thấy ngài bay ra ngoài thành lâu mất không trông thấy đâu nữa, thì ra là ngài hóa. Nhân dân thấy thế đều sợ hãi, bèn làm biểu tấu lên nhà vua. Nhà vua bèn sai sứ giả ra dụ tế, và phong sắc cho ngài là Trung đẳng Phúc thần, rồi lại truyền cho dân khu Ngọc Trì là nơi sở tại phụng sự ngài. Đến đời vua Lê Đại Hành xét lại các bách thần thấy ngài linh hiển lắm, bèn gia phong là Đương cảnh Thành hoàng linh ứng chi thần. Ngài sinh là ngày mồng Mười tháng Ba năm Quý Mùi, ngày mồng Tám tháng Hai là ngày hóa.

9. SỰ TÍCH THỦY HẢI VÀ ĐĂNG GIANG THỜI VUA TRUNG

Theo sự tích, thánh phụ hai ngài họ Trương húy là Long, thánh mẫu họ Phùng húy Lan, người ở làng Đường Lâm, vốn nhà thi lễ, có lòng dạy bảo nhân dân. Bấy giờ hai vợ chồng ngài đi đến làng Hà Vỹ, tổng Hà Lỗ phủ Từ Sơn, thấy dân phần nhiều dốt nát, thánh phụ hai ngài bèn mở một cái trường để dạy dân. Một ngày kia thánh mẫu đi chơi đến sông Như Nguyệt, thấy nước sông mát mẻ. Bà liền nghỉ chân tắm mát. Khi trở về làng Hà Vỹ, dọc đường đang lúc ban ngày, tự nhiên giời đất tối tăm, chợt có đám hào quang từ trên giời rơi xuống người bà. Bà mang thai tự bấy giờ. Đến ngày mồng 10 tháng 10 năm Giáp Thìn thì sinh ra hai ngài. Năm hai ngài 16 tuổi thì thiên tư dĩnh ngộ lại tài kiêm văn võ. Đến khi hai ngài 18 tuổi thánh phụ thánh mẫu đều từ trần cả. Ba năm đoạn tang, chợt có giặc Tô Định nhiễu loạn bà Trưng Vương nổi lên đánh đuổi. Bà hiệu triệu khắp thiên hạ ai có tài ra giúp nước lập công. Hai ngài bèn ra đầu quân. Bà Trưng thấy hai ngài văn võ toàn tài liền phong

cho đức Thủy Hải làm Tả tướng quân Đô chỉ huy sứ, và đức Đàng Giang làm Hữu tướng quân Đô chỉ huy sứ, và cấp binh cho hai ngài tuần thú mặt Đông Bắc. Trước khi đi tuần thú hai ngài về lại nơi mình sinh ra là làng Hà Vỹ. Hai ngài vời phụ lão nhân dân cho ăn yến và kể lại chuyện thánh mẫu sinh ra hai ngài cho dân nghe. Dân làng xiết nổi vui mừng, và xin sau này lập đền thờ hai ngài. Hai ngài bằng lòng cả. Chợt có sứ giả mang chiếu của Bà Trưng sai hai ngài đi đánh giặc. Hai ngài đánh đuổi được Tô Định. Bà Trưng phong cho hai ngài là Đô chỉ huy sứ Điện tiền phụ chính. Được ba năm giặc Mã Viện tràn sang. Bà Trưng Vương cùng hai ngài đều bị thất bại. Hai ngài cùng Bà Trưng chạy đến cửa bể đều hóa (tức là ngày mồng 10 tháng 7). Cứ theo sự tích thì hai ngài hiển linh từ đấy. Về sau ngài âm phù đức Đông Hải Đoàn Đại vương, dẹp lại được giặc nhà Trần. Ngài lại phù đức Tam Giang và vua Triệu Quang Phục đuổi được giặc nhà Lương.

10. SỰ TÍCH MỘC HOÀN THỜI VUA TRUNG

Theo sự tích, đương thời nước Nam còn đang nội thuộc nhà Tây Hán, có một người tên là Mộc Quyên, quê quán ở làng Bình Bộ, tổng Bình Bộ, phủ Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, vợ ông là Doãn Thị Nhuệ. Ông Quyên nhà rất hào phú, rất nhân hậu và làm nhiều việc đức thiện. Năm ông ấy 28 tuổi, vợ 24 tuổi mới có thai; đến ngày 11 tháng Giêng năm Tân Sửu, bà mới sinh được một người con gái, đặt tên là Đề nương. Năm ông Quyên 40 tuổi (vợ ngoài 30) cũng chưa có con trai.

Một hôm ông Quyên được buổi thừa nhân đến chơi với anh em bạn tên là Thai công, người làng Đa Lợi (sau đổi là Đa Cúc) thuộc huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh. Ông Thai lập ấp ở thôn Thiện Dù thuộc xã Bùi Xá, tổng Nghĩa Xá, phủ Thuận An (sau là phủ Thuận Thành) tỉnh Bắc Ninh. Hai người kết bạn rất thân. Vả lại ông Quyên lại có người chú làm

Tri huyện Siêu Loại (tức là chỗ ông Thai ở) cứ khi nào đến chơi với chú, lại đến chơi với anh em bạn.

Còn ông Thai đến năm 46, bà vợ 42 tuổi mới sinh được một người con gái. Khi bà vợ ông Thai là Đặng Thị Phàn có thai nằm mộng thấy con bạch tượng (con voi trắng) vào nhà. Đến ngày 10 tháng 3 năm Tân Sửu thì sinh được một người con gái, tướng mạo đường đường, hình dung cao nhón, đặt tên là Thông.

Sau này ông Quyển và ông Thai giao ước gả con cho nhau. Có một hôm ông Quyển than thân với ông Thai về đường con gái hiếm muộn. Ông Thai bảo ở chùa Thiên Thai thiên hạ ai hiếm con gái cứ đến cầu tự sẽ được như ý. Ông Quyển nghe lời ông Thai, rồi vợ chồng đến chùa Thiên Thai làm lễ cầu tự. Lễ xong vợ chồng ngủ lại ở chùa để nằm mộng, nhưng không thấy ứng mộng gì cả. Sáng hôm sau, làm lễ tạ rồi ra về, nhân đó vào chơi với ông Thai, tối ngủ ở đấy. Vào khoảng nửa đêm, vợ ông Quyển nằm mộng thấy một cụ già đầu râu tóc bạc, áo mũ chỉnh tề, tay cầm một cái hòm đứng trước cửa nhà bảo vợ ông Quyển rằng: "Vợ chồng nhà mày phúc hậu hơn người, sắc giới sai ta đem cho nhà mày một hòm, trong hòm có một cây lạ, mày phải giữ lấy để làm gia bảo, tất sau này sẽ có người con quý tử".

Vợ ông Quyển mừng rỡ mở hòm ra xem, thời thấy một cây bách điệp nhỏ, rồi ông cụ già ấy biến lên giới mất. Khi tỉnh dậy, vợ ông Quyển đem việc mộng ấy thuật lại cho chồng nghe. Ông Quyển vui mừng bảo: "Chắc nhà ta sau này sẽ sinh được nam tử kì tài phi thường vậy".

Vợ chồng ông Quyển từ già ông Thai ra về, trong khoảng 3, 4 tháng vợ ông Quyển có thai, đến giờ Mão ngày 15 tháng 8 năm ất Mão, sinh được một người con gái, diện mạo đường đường, khôi ngô tuấn tú, hình dung cao nhón lạ thường, đặt tên là Hoàn. Năm ông Hoàn 28 tuổi, anh hùng khí khái, dùng lược tinh thông, lòng khoan nhân đại độ, trí đức lượng rộng tài cao, học thông tam phần ngũ điển, biết suốt việc thiên địa huyền cơ.

Sau con gái ông Thai là ông Thông lấy con gái ông Quyển là

bà Đế nương, rồi ông Quyền và ông Thai đều mất cả. Ông Hoàn (là con giai ông Quyền) và ông Thông (là con giai ông Thai) đều là người đại trí anh hùng, khắp trong thiên hạ các quận, huyện nghe tên đều kính phục. Nhân đó ông Mộc Hoàn đi cáo dụ nhân dân trong phủ hạt kết thành một đảng, ngoại 100 người, thường thường đi ăn trộm ăn cướp của bọn quan lại nhà Hán đến chia cho dân nghèo. Bấy giờ trong huyện hạt có viên Trưởng huyện tên là Phùng Lực, liền đốc xuất binh dân trong huyện đánh bắt ông Hoàn. Nhưng ông Hoàn đem quân đi đêm đến vây đánh viên Trưởng huyện. Viên Trưởng huyện chạy thoát, liền đi cầu viện quan Thứ sử tên là Tô Định, hấn sức trong phủ đều phải đem binh cự chiến vây bắt ông Hoàn. Hai bên đánh nhau 10 trận, ông Hoàn đều được cả. Sau Tô Định càng ngày càng phái thêm quân đi đánh ông Hoàn. Lúc ấy ông Hoàn chỉ thủ thành, không ra khai chiến, rồi đến đêm đem mẹ và các binh tướng lên núi con Diều Hâu thuộc huyện Bình Tuyên, phủ Bình Tuyên, tỉnh Thái Nguyên, lập đồn trại. Được hơn 10 ngày thì bà mẹ bị bệnh, rồi qua đời. Ông Hoàn đem táng mẹ ở tại núi con Diều Hâu, rồi bỏ chỗ ấy đem quân về làng Đa Cốc (trước là Đa Lợi) huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh, cùng anh rể là ông Thông hội hợp. Lúc bấy giờ, ông Thông đã là người Hùng trưởng một phong, đều đốc lòng phản nhà Hán, đang ngầm mưu cầu người hiền tài trong thiên hạ, chiêu tập binh lương để một ngày kia, lo việc đại sự. Các anh hùng hảo hán bốn bề đều kính phục, dân làng Đa Cốc (là nguyên quán ngài) đều xin làm tôi con của ngài cả.

Ông Hoàn đem binh hội hợp với ông Thông, được ông Thông rất yêu kính, đều cắt đất chia làm đồn trại (ông Hoàn thì lập đồn trại ở Cảo Hai trang thuộc xã Đa Lợi; còn ông Thông thời lập ở làng bên cạnh). Từ đấy uy trấn một phương, tên lừng bốn bề, ai ai đều kính phục đức tài.

Trong thời gian ấy có quan Thứ sử người Hán là Tô Định cai trị nước ta, chính sự tham tàn những loạn, nhân dân khổ sở, bốn bề anh hùng một lòng khởi loạn. Khi ấy quan huyện huyện

Chu Diên tên là Thi Sách bị Tô Định giết chết. Vợ ông Thi Sách là cháu gái vua Hùng Vương, tức là bà Trưng Trắc bèn khởi binh đánh Tô Định để báo thù cho chồng, lại có em gái là bà Trưng Nhị (Hai Bà đều là nữ trung hào kiệt) bèn đưa hịch đi cáo dụ những bậc anh hùng hào kiệt, cùng mộ những người phụ nữ anh tài. Nhân nghe thấy xã Đa Cốc có ông Hoàn và ông Thông, Hai Bà đưa thư chiêu dụ. Nhưng ông Hoàn còn đương do dự không quyết định, vì không muốn làm bấy tôi đàn bà. Sau đến đêm nằm thấy ứng mộng, thấy một vì sao Thái Âm ở trên trời nảy ra 5 sắc, trông thấy cửa trời vàng đỏ chói lọi, ngọc sáng long lanh, ở trên cửa có treo một cái biển đề bốn câu thơ rằng:

*Thiên tâm dĩ định quân Nam Bắc
Hán sử Tô bình tán nhược vân.*

Nghĩa là:

Nam quốc non sông đặt nữ quân
Hùng Trưng làm đế, Mộc làm thần
Lòng trời đã định chia Nam Bắc
Hán sử Tô bình hẳn nát tan.

Trong bốn câu thơ ấy, ý nói nước Nam ta sẽ có người đàn bà về họ Hùng làm vua, mà họ Mộc thì làm bấy tôi, lòng trời đã định chia nước Nam và nước Tàu ở hai phương Nam - Bắc, quân tướng họ Tô (chỉ vào Tô Định) và Hán sử (là sử nhà Hán) sẽ tan như đám mây (ý nói quan quân nhà Hán thua).

Ông Hoàn tỉnh dậy, ngẫm nghĩ lòng trời đã định, bèn đi nghênh tiếp sứ và thụ mệnh, rồi đi mộ được 500 quân. Ngày 10 tháng 5 khao thưởng quân sĩ rồi đem quân đến thành Phong Châu hội quân cùng bà Trưng Trắc. Bà Trưng thấy ông Hoàn diện mạo khôi kì, bèn cho làm Đốc lĩnh làm chức Tả đạo Đại tướng quân. Lại cho em gái là bà Trưng Nhị chiêu mộ binh lính đàn bà, trong 5 ngày được 5.000 người quân tướng phụ nữ, để đi phù giá tả hữu. Một mặt đưa hịch đến các phủ, huyện, quận, châu mộ được 6 vạn người cùng hội họp ở cửa sông Hát Giang, châu Trường Sa, lập đàn làm lễ tế thiên địa. Sau đó cử đại binh đánh một trận khiến quân Tô Định đại bại. Bà Trưng lấy lại

giang sơn nước Nam, cộng 65 thành, rồi lên làm vua xưng là Trưng Vương, phong cho em gái là bà Trưng Nhị là Bình Khôi công chúa và mở tiệc khao thưởng tướng sĩ, phong cho ông Mộc Hoàn làm chức Chuông quốc quân Đại tướng và sai trấn giữ thành Long Biên.

Được một năm, nước Đông Hán lại cử người Mã Viện làm chức Phục Ba tướng quân đem 30 vạn hùng binh sang đánh nước ta, nhưng mới đem 10 vạn đi trước, còn bao nhiêu lưu lại ở cửa ải. Khi quân nhà Hán đến đánh thành Long Biên. Ông Mộc Hoàn ra cự chiến, đánh với tướng nhà Hán 10 trận, quân Hán đều bị thua to và bị bệnh phong hàn chết quá nửa, còn bọn nào sống sót thì đều bỏ chạy về nước.

Đến năm Giáp Thìn, bà Trưng Trắc làm vua được ba năm, nhà Hán lại cử người Mã Viện đem quân sang đánh nước Nam. Khi quân Mã Viện tiến đến đất Lãng Bạc, bà Trưng Vương cử ông Mộc Hoàn làm chức Tổng quốc quân Đại tướng đánh một trận đầu tiên, quân Mã Viện thua chạy. Ông Mộc Hoàn cứ giữ vững đồn Lãng Bạc được hơn 10 ngày, lại thấy quân nhà Hán đến đánh. Giặc vây đồn 3 lần, ông Hoàn đem quân lên ngựa, đánh một trận phá được vòng vây, rồi cứ tiến đánh với quân Hán, giết được 7, 8 tướng nhà Hán và giết được gần 100 quân. Sau ông Hoàn bị tướng nhà Hán là Lưu Âm bắn trúng một phát tên vào bụng, ông bèn phi ngựa về đến cung Cảo Hai trang (là nơi trước ngài đã đóng đồn ở đấy) thuộc xã Đa Cốc, đến ngày 10 tháng Giêng thời ngài hóa. Trong khi hóa, nhân dân đến xem thấy một tấm lụa điều ở trong mình ngài bay lên giời. Một lát thì thấy giời đất tối tăm u ám, sấm sét đùng đùng, mưa gió, bão như long trời lở đất. Sau 3 ngày giời quang mưa tạnh, nhân dân ra xem thấy mối đùn thành mộ. Nhân dân lấy làm lạ, bèn đi tâu với bà Trưng Vương.

Bà Trưng bèn sai đình thần đến nơi làm lễ tế và cho dân làng Đa Cốc vàng bạc để lập đền thờ, sá cho làng ấy không phải sưu dịch, lại viết họ tên ngài truyền cho dân làng ấy thờ cúng, hương hỏa lưu truyền ngàn vạn đời.

Nước Nam ta kể từ Đinh, Lê, Lý, Trần khai sáng cơ đồ, ngài thường anh linh hiển ứng hộ quốc cứu dân, các đời vua ấy đều có phong cho ngài, được thờ cúng muôn đời mãi mãi.

Đến đời vua Đinh Tiên Hoàng (ở động Hoa Lu) khởi nghĩa đánh giặc. Khi ấy tướng nhà Đinh là ông Nguyễn công phụng mệnh đi đánh giặc (12 sứ quân), nghe thấy đền ngài tối anh linh, bèn đem binh làm lễ mật cầu dẹp giặc. Vào hồi cuối canh hai, ông nằm mộng thấy một vị quan áo mũ chỉnh tề, cưỡi con ngựa bạch đem quân từ ở ngoài kéo vào trong đền, ông Nguyễn công hỏi thì ngài xưng là tướng của bà Trưng Vương, và nhất tâm âm phù hộ quốc, rồi giao cho ông Nguyễn công một cái búa. Ông Nguyễn công tỉnh dậy, trông thấy cái búa ở đền thờ ngài (búa ấy là của ngài ngày trước dùng để đánh giặc). Ông Nguyễn công lễ tạ liền lĩnh lấy búa ấy đi đánh giặc. Sau quả nhiên dẹp được tan giặc.

Ông Đinh Tiên Hoàng lên làm vua, ông Nguyễn công tâu vua việc ấy vua bèn phong cho ngài được thờ làm thần dài lâu. Lại đến đời vua Lê Trang Tông, có ông Nguyễn Thái úy khởi binh đánh nhà Mạc, cũng đến cầu đền ngài, đều thấy âm phù hộ quốc thành công. Sau vua phong là: Vạn cổ Phúc thần thờ cúng mãi mãi vô cùng.

Trải đốn các đời vua nhà Nguyễn cũng đều bao phong cho ngài như trước.

11. SỰ TÍCH DOÃN CÔNG DẸP GIẶC TÔ ĐÌNH

Theo sự tích, ngài là con đức Cao Nguyên công, khi đức thánh mẫu thụ thai, có một ngôi sao từ trên trời sa xuống mồm, đức thánh mẫu nuốt đi. Ngày mồng 6 tháng 2 năm Canh Dần, giờ Dần, bà sinh ra ngài, diện mạo khác thường đặt tên là Doãn công. Khi ngài lên 5 tuổi, đức thánh phụ mất. Bấy giờ ở khu Bảo Tháp trang Đông Cứu, huyện Gia Bình,

phủ Thuận An có ông thầy dạy học là Nguyễn Tín công. Một đêm, ông Nguyễn Tín công nằm mộng thấy một người mặc áo xanh, cầm lá cờ xanh đến báo mộng cho ông Nguyễn Tín công biết, sáng mai có quý khách đến nhà, chính là vị thần linh giáng thế, đến đây thai làm con nuôi, sau này giúp nước bảo dân. Đến sáng hôm sau Nguyễn công quả thấy đức Doãn công cùng mẹ đến nhà ông Nguyễn công, ông Nguyễn công thấy đức Doãn công người diện mạo khác thường, thân thể cao lớn, tay dài quá gối, mắt sáng như sao, thực là người tuấn kiệt, bèn lưu hai mẹ con đức Doãn công ở nhà. Tự đấy đức Doãn công học đức Nguyễn Tín công, Doãn công tư chất thông minh, học một biết mười, được mấy năm văn chương đều thông quán cả, lại kiêm cả võ nghệ, có tài thao lược. Nguyễn công rất là yêu mến, Nguyễn công có người con gái là Đào nương bèn gả cho đức Doãn công làm vợ. Bấy giờ có giặc Tô Định thấy ông Nguyễn Tín công có người con gái là Đào nương có nhan sắc, muốn chiếm lấy không được, hấn triệu ông Nguyễn Tín công đến giết đi. Hai vợ chồng đức Doãn công lấy làm căm tức, bèn lập dinh trại ở khu Bảo Tháp và đi chiêu mộ quân dân ở các quận huyện được hơn hai vạn người. Bấy giờ ở khu Hương Vinh thuộc trang Đông Cửu có ông Trương Quán công là bậc anh hùng. Giận Tô Định ngược chính tham tàn, ông Trương Quán công cũng kết được một đảng hơn một nghìn người tình nguyện theo giúp đức Doãn công. Bấy giờ các quận huyện có nhiều người hào kiệt đi theo giúp đức Doãn công. Đức Doãn công gặp bà Trưng Nhị ở Thời. Thờ tỉnh Sơn Tây cùng theo chị là bà Trưng Trắc khởi binh ở cửa sông Hát Giang để dẹp giặc Tô Định. Bà Trưng Trắc biết đức Doãn công là người có tài thao lược bèn sai người đưa thư tín triệu ông làm tướng đi dẹp giặc Tô Định. Đức Doãn công được thư tín cả mừng, rồi về dinh trại yết kiến, giết trâu bò khao quân sĩ. Hai vợ chồng đức Doãn công cùng ông Trương Quán công và bà Trưng Nhị cùng đem quân đến cửa sông Hát Giang bái yết bà Trưng Vương. Bà Trưng cả mừng phong cho

Đức Doãn công làm Đại tướng quân lĩnh ấn nguyên suý. Bà Trưng lập đàn cáo tế thiên địa cầu được dẹp yên giặc Tô Định. Đức Doãn công cùng ông Trương Quán công đem quân đến thành Tô Định, mới đánh nhau một trận, Tô Định cả thua, phải bỏ trốn về nước. Khi đã dẹp được giặc Tô Định, ngoài 65 thành trì nước Nam đều thuộc về bà Trưng Vương cả. Bà Trưng lên làm vua, phong đức Doãn công làm Tổng đốc tỉnh Hải Dương và sắc chỉ cho khu Bảo Tháp, trang Đông Cửu là nơi hương hỏa phụng sự đức Doãn công. Còn ông Trương Quán công cùng các tướng tá đều được bao phong phẩm tước. Bấy giờ đức Doãn công lại về khu Bảo Tháp, triệt bỏ chỗ lập dinh trại, lập ngay sinh từ ở đấy, và làm yến tiệc đãi dân làng. Sau đó ông lại đi phò nhậm tỉnh Hải Dương. Thời thường ngài vẫn về khu Bảo Tháp dạy bảo dân việc làm ăn cày cấy. Được vài năm, nhà Hán sai Mã Viện, Lưu Long đem 30 vạn quân đến đánh Trưng Vương. Trưng Vương có triệu các tướng về triều bàn kế dẹp giặc Mã Viện. Đức Doãn công và phu nhân về châu Trưng Vương, phụng mệnh cùng các tướng đem quân đến thành Lạng Sơn chống cự với quân Mã Viện. Hơn một năm không phân được thắng bại, bà Trưng Vương binh thế suy yếu, phải lui quân về giữ Cẩm Khê thành. Quân Mã Viện đến hãm vây Khê thành, bà Trưng Vương lực kiệt thế cùng, không chống cự lại được đều cùng các tướng sĩ tự tận. Đức Doãn công bị quân Mã Viện hãm vây, không chống cự được, bèn phá vòng vây phi ngựa chạy về khu Bảo Tháp. Nhân dân đều ra làm lễ mừng, đức Doãn công mở yến tiệc, hội phụ lão nhân dân đều đến đãi yến và di chúc lại cho dân rằng: Khi ngài trăm tuổi cứ viết hiệu là Trương công Đại vương mà thờ phụng. Nói rồi tự nhiên trời nổi cơn mưa, gió to giời đất tối tăm, nhân dân trông thấy chỗ đức Doãn công ngồi có một ngôi sao to bay thẳng lên trời. Sau đó trời đất lại sáng, mưa gió lại tạnh mà đức Doãn công thì không thấy đâu nữa, chỉ thấy khăn áo của ngài còn lại, đó là ngày ngài hóa, tức ngày 20 tháng 7, dân nhân làm lễ tả thần hiệu là Tướng công Đại vương.

12. SỰ TÍCH HỌC CÔNG, NGÀ NUỜNG, HÔNG NUỜNG THỜI HAI BÀ TRƯNG

Nước Nam Việt kể từ triều vua Hùng Vương thay đổi 18 đời, thịnh trị hơn 2.000 năm, đều xưng hiệu là Hùng. Đời thứ 18 truyền đến vua Duệ Vương không có con nối ngôi, nên nhường ngôi cho Thục An Dương Vương. Ngài giữ việc nước được 50 năm, phải người Chân Định tên là Triệu Đà đến cướp nước. Triệu Đà cha truyền con nối được năm đời. Thế là nước ta lúc ấy lại thuộc về Hán. Ông Hán Quang Vũ sai người Tô Định đến làm Thái thú, Định là người tính nết tham tàn, không cứu giúp ai. Bấy giờ có cháu ngoại Hùng Vương tên là bà Trưng Trắc cùng em gái là bà Trưng Nhị. Hai bà đều bậc nữ trung hào kiệt, đem quân lại đánh. Bấy giờ ở đại quận Kinh Bắc, bộ Vũ Ninh, có người học trò tính nết hiền đức tên là Dương Bảo, vợ là Hà Thị Cầu vốn là nhà hào phú, nhưng vợ chồng một lòng trung hậu, từ lúc trắng răng cho đến lúc bạc đầu, dốc lòng làm phúc, làm thiện, không có mảy may tư lợi, ăn thay chủ tất, nghề kiếm cung thật cũng hơn người. Lúc ấy, người Tô Định làm quan Thái thú nước ta tài hẹp, hay ghen ghét kẻ tài, hễ nước ta có người nào khá thì cho lấy quan sang chức trọng, bắt làm đầy tớ mình để làm đường mưu hại. Định thường nhiều lần vời ông cho làm Trưởng công huyện Nam Xang. Không được, ông phải đem bà vợ tới huyện nhậm chức, tuy mình vẫn làm quan mà giữ được tính nết nhân từ lượng cả bao dung, hễ được bổng lộc chút gì cũng ban cho những kẻ bần nông trong huyện. Một hôm, ông bà ở buồn ngủ, nằm mơ màng ngủ, bỗng thấy tia đỏ rực nhà, trông rõ con rồng vàng uốn co bò lại, rồi hóa ra một đôi chim sẻ, bà bắt được một con, tỉnh dậy mới biết là chiêm bao, rồi ứng mộng có mang, sinh ra người con trai đỉnh ngộ khác thường. Cha mẹ mừng lắm, đặt tên là Trục, sau lớn lại đặt tên là Học. Học thường chơi với người bản huyện trang Ngô Khê, Khu Sanh tên là Đào Công Bảo, Đào công cũng có mưu chí đánh lại Tô Định. Vợ là Trương Thị Hồng, tắm ở bến ngài thấy con rùa vàng

bò vào mình, đến tối nằm chiêm bao thấy đám mây đỏ rơi xuống sân, bà ấy theo đám mây đỏ lên trời gặp hai người tiên.

Tỉnh dậy, nói chuyện với ông, ông nói trước đã có chuyện con rùa, giờ lại như thế, thực là điềm hay. Rồi sau bà có mang, sinh được hai người con gái, một người đặt tên là Nga nương, một người là Hồng nương. Hai cô cùng với hai con trai ông Dương công cùng tuổi, mà cùng học. Lúc trước hai người nhà đã hẹn thông gia, sau rồi gả cho nhau. Nhưng người nào vẫn ở nhà ấy, thời kì lấy nhau, Tô Định nghe nói ông Đào công có hai người con gái đẹp chục lạy, ông Đào công trót gả cho họ Dương, Tô Định liền bắt ngay vợ chồng Dương công đem chém, lại chục bắt cả Đào công, may có người đưa tin cho Đào công biết, ông Đào công đưa hai người con gái chạy trốn. Sau Đào công bị phải bệnh nặng, bèn gọi Học lang cùng người con gái cầm tay mà bảo rằng:

- Vợ chồng con chớ quên cái thù Tô Định.

Nói xong rồi mất, Bà Trưng cũng mất theo.

Sau ba vợ chồng ông Học hợp được 6000 người, đóng ở Khu Sanh, viết thư hẹn ngày đánh Tô Định. Tô Định thua chạy vì giữ thành. Lúc bấy giờ, chị em Bà Trưng cũng dấy binh ở sông Hát, sai bà Trưng Nhị nương đến dụ vợ chồng ông, ông Học hã còn do dự thời nằm chiêm bao thấy ông Đào công, ông Dương công bảo phải giúp họ Trưng. Từ lúc ấy. Bà Trưng được vợ chồng ông Học giúp, rồi cho một bài thơ sau này:

Khuyến quân phu phụ phụ Trưng quân

Khả bảo danh thành ức uẩn xuân

Vật khả tài nghi do dự

Khuyến quân phu phụ phụ Trưng quân.¹

1. Nghĩa là: Khuyến vợ chồng anh hã phò giúp vua Trưng. Có thể lưu danh thơm ức vạn xuân. Chớ nên có ý trì nghi do dự. Khuyến vợ chồng anh hã phò giúp vua Trưng.

Ông Học tỉnh dậy nói chuyện với Hai Bà, họ đều bằng lòng giúp họ Trưng. Từ lúc ấy, Bà Trưng được vợ chồng ông Học lại giúp, lại tập hợp được 60.000 quân, đều họp ở cửa sông Hát làm lễ tế thiên địa, rồi kéo quân thẳng đến đánh Tô Định. Tô Định phải thua, chạy về đất Bắc. Bà Trưng đắp sáu thành ở ngoài núi, lấy lại bờ cõi nước Nam ta, tự xưng là Trưng Vương, phong bà Trưng Nhị làm Bình Khôi công chúa, còn chủ tướng cứ theo thứ bậc mà phong, lại phong ông học công làm Đại nguyên suý, nhưng ông không chịu làm, nói rằng:

- Nhà vua là đàn bà thời đã có hai vợ tôi giúp nhà vua, còn tôi xin đi chơi thiên hạ.

Rồi trở về quê nhà cùng dân hoan lạc, cũng có lúc cùng kẻ nhân giả đi chơi, cứ hàng năm ngày đại điển sắc vọng lại châu. Có một hôm nàng Nga nương, nàng Hồng nương, cùng với vua Trưng Vương đến nhà ông Học công chơi. Bấy giờ vua tôi ăn yến, thấy cái quạt trên trời rơi xuống trước mặt bà Trưng Vương. Bà truyền đưa vào xem, thời thấy trong quạt có những câu sau này: màng Nga hỡi nàng Nga. Xin gửi một lời mà nàng quyền giữ Cửa Ngôi. Ta thì về Hằng Nga. Việc mình mình phải giữ. Việc ta đã có ta. Bảo em Hồng Vân mấy. Ngày mai dẫu chẳng xa". Bà Trưng Vương muốn trở lại hay xem cả ngày mơ thấy một trận cuồng phong, khí trời u ám, có một đám mây đỏ từ trên trời rơi xuống ở trước cửa, một chốc trời lại yên lặng, thời ông Học công cùng với Nga nương. Hồng nương không thấy. Bà Trưng phân nần một lúc rồi lại đem xem lại bài thơ trong cái quạt, rồi phong cho Nga nương làm Quạt nhà Cửa Ngôi công chúa, Hồng nương là Hồng Vân công chúa, còn ông Học công thì phong theo như trước, viết thần hiệu, dựng miếu thờ ở cung sở ở ngay trong làng, chuẩn cho dân phụng sự. Từ bấy đến nay rất là linh ứng.

Đời vua Cảnh Hưng năm thứ 45 gia phong vị cư sĩ là Phổ hóa Tuy du sĩ lược Đại vương, phong vị Quạt ngà Cửa Ngôi là Thanh lăng Huyền diệu tứ huệ công chúa. Những đạo sắc ấy phong từ triều nhà Lê.

13. SỰ TÍCH PHƯƠNG DUNG CÔNG CHÚA THỜI VUA TRUNG

Theo sự tích, về cuộc đời Hùng Vương thứ 18, đến đời Đông Hán, ở Sơn Nam đạo, phủ Nghĩa Hưng, huyện Thượng Hiền, làng Lưu Xá, có họ Trương công, tên húy là Điều, trước đã được phong, đời nhờ nền ấm, lấy vợ người cùng quận, tên húy là Phùng Thị Huệ, nhà ngài là nhà thi lễ, truyền đời trâm anh, có ba người con trai, sau sinh được một người con gái đặt tên là Phương Dung. Ngài có vẻ đẹp dễ, nhan sắc không ai sánh tầy. Tuổi ngài 16, ngài không đi lấy chồng, chỉ mộ đạo Phật. Một hôm ngài đi du lịch đến trang Yên Phú, thuộc huyện Thanh Trì (Thanh Đàm), châu Thường Tín. Ngài thấy ở đầu địa phận trang Yên Phú có một tòa chùa, bốn bề phong quang đẹp dễ. Chùa ấy gọi là Thanh Vân cổ tự Ngài bèn ở đấy, sớm tối đèn hương ở chùa ấy. Kể được một năm, có một hôm ngài đi ra đến bến nhỏ ở sông Kim Ngưu, vào giữa giờ Mùi, ngừng trông lên gò đồi thấy có một đám mây hình như vóc nhiều rơi xuống. Ngài sợ, chạy về chùa, thời ngay đêm hôm ấy, ngài nằm mộng thấy có một người tướng đàn ông, có áo xiêm đai, thân thể lạ lùng, theo từ dưới nước lên, tự xưng là quan Thủy thần, bảo với ngài rằng: "Nhà ngươi có đức dày, gò đồi đã xét biết, định cho hai vị Thủy thần xuất thế để làm con, đừng có sợ gì". Ông tướng ấy nói xong, rồi lại bước xuống thuyền, theo dòng vượt sóng mà đi. Ngài tỉnh ra mới biết là mộng lạ. Đến sáng ngày, ngài đi qua đường chỗ miếu thờ, trông thấy ở trước cửa miếu có hai quả trứng rất nhón. Ngài bèn cầm đưa về chùa. Chợt thấy hai quả trứng ấy nổ ra hai tiếng như sấm sét dữ dội. Lúc bấy giờ thuộc về ngày 22 tháng 4 năm Quý Tỵ, hiện ra hai ông đầu người mình rắn, da có vẩy giáp, tướng mạo khác thường. Thân thể hai ông đều dài nhón. Ngài biết là Thủy thần xuất thế. Khoảng lúc bấy giờ ở trang Yên Phú, những già lão nhân dân nghe thấy lấy làm lạ, đều ra cả ở chùa xem. Bấy giờ hai ông Thủy thần giáng sinh ấy bảo dân làng rằng: "Anh em ta vốn vẫn là Thần ở dân

này thờ cúng, tên thứ nhất là Trung Vũ, tên thứ hai là Đái Liệu, hai chúng ta vâng mệnh trên Thiên đình giáng sinh giúp nước". Bấy giờ già lão nhân dân đều sợ, làm lễ tâu rằng: "Chúng tôi đích thực vẫn phụng thờ Thủy thần tên hiệu như thế". Rồi dân bèn làm lễ mừng, xin làm tôi con. Từ đấy hai ông Thủy thần giáng sinh ấy do đức thánh bà nuôi nấng. Đến năm hai ông lên 7 tuổi, thiên tư cao nhón, sức học tinh giỏi, học kỹ sách binh thư, nghề võ giỏi giang. Gặp khoảng giời làm đại hạn, lúa cây khô khan, bấy giờ hai ông bảo dân bày đàn cầu đảo, rồi thấy giời đất mờ tối, ngày mà cũng như đêm, mưa to gió nhón một chập, cứu được một phương dân, đồng điền được nước đầy, năm ấy lúa tốt được mùa. Tự bấy giờ, dân làng yên nghiệp làm ăn, được trông ơn đức của ngài. Khoảng lúc bấy giờ có người Tô Định đem quân đến cõi, lấn chiếm đất nước Nam. Nhân dân bị tàn hại, không có ai cứu vớt. Đến lúc có cháu gái vua Hùng Vương tên húy là bà Trắc, bà ấy là một người: Hào kiệt trong phái đàn bà, thực là ông thánh thần ở đời có tiếng hùng uy, cất quân đến đánh người Tô Định. Đương lúc ấy không có ai con giai thao lược, để đàn bà con gái làm tướng cầm quân. Việc động đến thần linh, bà Trưng nữ bèn một khấn ông Tản Viên, các Sơn Thánh hội đồng cùng các bách thần ở cửa sông Hát (tức là xứ Phúc Thọ bây giờ). Bà bày đàn tế cầu khấn các thần linh, có bài cầu chúc rằng:

"Giời sinh ra một người đều là tôn chủ cả muôn giống vật ở trong giời đất. Kẻ sống và người chết có khí thiêng cũng hệ đến một giống cỏ cây chết cũng lo. Trái kẻ tự đời trước đứng Đế đứng Vương, đứng Thiên tử Thánh minh, chôn triều đình có đạo yên dân lo nước, đức hóa rộng khắp, trong thiên hạ bình yên, nhà nước không có việc gì. Nay có người họ lạ, tên gọi là Tô Định, giống chó dê thường quen thói càn rỡ ngang ngược, hung dữ hại dân. Giời đất thánh thần và người đều giận căm. Thiếp tôi nay trở về trước là cháu gái vua Hùng Vương, một máy người con gái này. Nói đến thì người sống cùng các khí thiêng và đấng Hoàng thiên cũng có nước mắt. Ngày nay dân làng sốt ruột, đem

nghĩa trừ kẻ hại. Xin trăm vị các tôn Thần linh thiêng, hội lại ở đàn chứng cho nhời thề, giúp sức cho tôi tên là Trưng Vương Nữ, đem quân đánh giặc, giữ nước cứu dân, đề thiếp mọn này đánh lấy lại nền vật cũ của đấng Tổ Tông, đặt cho mọi người vào trên chỗ chốn chiêu, cứu vớt cho mọi người khỏi ở trong đám nước lửa, đề cho khỏi phụ ý của Hoàng thiên, thỏa chứng khí thiêng của sông núi, của đấng Tiên hoàng ở miếu thờ, vui chứng dưới cửu tuyến đấng Tổ phụ".

Đọc lời chúc xong, Bà Trưng gọi ra quân binh nghìn vạn đội; lại phát hịch đi các nơi châu huyện trong nước Nam, các thần linh và nhân dân ai có anh linh tài trí, đức độ hơn người, thì bắt ngay lấy binh lính giúp tôi đi đánh giặc. Lúc ấy bà Phương Dung cùng hai ông hầu, mẹ con đồng lòng giúp nước, bèn mới nghe thấy chiếu của vua dân bà, cho tứ hải võ thần, liền mộ ngay hương binh lấy vài nghìn đem ra để giúp nước đánh giặc. Lại lấy 25 người khỏe mạnh ở trang Yên Phú để làm bấy tôi nhà, tay trong; Ngay ngày ấy đức Thái bà cùng hai ông Thủy thần đem quân tiến trước. Trên đường cờ xí gió thổi xa vạn dặm, chiêng trống vang lừng như sét động nghìn núi. Một ngày tiến quân đến đồn bà Trưng nữ, bèn thấy hai ông tự nhận là Thần lực, văn võ giỏi cả. Bà Trưng lại bảo rằng: "Đó là người giỏi giảng sinh xuất thế, chứ không phải là người trần". Bèn cho ngay hai ông làm chức Chỉ huy sứ ở bên tả bên hữu tướng quân. Lại cho ngay mẹ nuôi hai ông tên là bà Phương Dung làm công chúa. Tự đấy mẹ con đều được hưởng lộc của bà vua. Rồi hai ông truyền binh sĩ cùng hai người dân, sửa làm sở miếu, hai ông ngâm một bài thơ rằng:

*Tự cổ đế vương ức triệu dân
Quân thần tất tự điện tinh thần
Thử đặc biện minh chân dữ ảo
Hồi tưởng giang sơn Phật tức chân.*

Nghĩa là:

Từ cổ vua cùng ức triệu dân

Quân dân ắt phải vững tinh thần

Lại cần phân rõ chân cùng ảo

Hồi tưởng non sông Phật tức chân.

Một ngày ngài đặt yến tiệc cho đôi già lão cùng người dân lại ăn yến. Hai ông bảo già lão cùng gia thần rằng: "Anh em ta tự khi hiển thánh ở trang này vẫn thờ cúng hai vị như trước. Nay ta có mẹ nuôi là Thái bà, nếu về sau thác hóa thể nào, ở trang này phải thờ cúng cả ba vị cùng hưởng". Già lão nghe đều xin vâng nhờ, làm lễ mừng. Lúc ấy mẹ nuôi hai ông là Thái bà bèn cho dân 10 nén vàng để sau cúng tế. Sáng hôm sau thấy sứ giả đem chiếu thư đến, sai mẹ con ngay ngày hôm ấy đem binh đánh người Tô Định. Rồi cả mẹ con hai ông Thủy thần cùng với bà Trưng Nữ Vương đi thẳng đến đồn người Tô Định, chia quân ra làm 5 đạo, đánh phá một giờ, làm cho quân người Tô Định phải chạy tan tác, bắt được đại tướng, lấy lại được hơn 65 thành, lấy lại được hết cả bờ cõi nước Nam. Bà Trưng Nữ Vương bèn lên ngôi vua. Lại nói đương lúc bấy giờ là về mùa hạ, trung tuần ngày 18 tháng 5, chợt thấy sứ giả phụng tờ chiếu đem lại, nói rằng: Giặc là người Định đã dẹp được rồi, nay ban chiếu cho về". Bà Trưng Vương mở tiệc rất to, phong thêm cho các tướng sĩ phẩm chức từng bậc, và cho mẹ con hai ông về ăn ở tại hạt Thanh Trì. Bấy giờ thì cả hai ông Thủy thần cùng mẹ nuôi là đức thánh mẫu lạy tạ trở về luôn. Tự đấy hai ông cùng mẹ xuống thuyền rồng trở về. Khi đến giữa sông Kim Ngưu thấy có một đám mây vàng pha màu đỏ tự trên giong bay thẳng xuống tới giữa thuyền rồng. Lúc ấy thì hai ông Thủy thần cùng đức thánh mẫu đều cả sợ, chạy đến đầu địa phận trang Yên Phú, lên bên trên bờ sông cùng ngồi núp ở gò đồng, cũng thuộc địa phận Yên Phú. Chợt thấy trên giong u ám, mưa gió rất to, thì thấy đức Thái bà cưỡi xe theo mây lên không mà đi. Bấy giờ hai ông Thủy thần bay ra giữa sông biến mất, và đều cùng hóa cả, vào ngày mùng 7 tháng 11. Khi ấy thì ở sông sông vô dũ dội, và có con rùa con giải con rắn đều cùng dẫn đi. Quân lính cùng người dân

trông thấy đều cả sợ, bèn làm số tấu dâng vua. Thế là vua sai cho làm lễ tế. Khi tế xong, vua lại truyền cấm chỗ đất xứ ấy gọi là xứ Đồng Lãng, và cho trang Yên Phú làm hộ nhi sở tại để phụng thờ mãi mãi ngàn thu.

14. SỰ TÍCH HÀ ĐẠI LIỄU, CAO SƠN, TÂN THẮNG THỜI VUA TRUNG

Theo sự tích của vị công thần Hà Đại Liễu thì ngài sinh giờ Thìn, ngày 15 tháng Hai nhuận, năm Giáp Thìn. Giữa thời kỳ nước Nam nội thuộc nhà Đông Hán, quý quán ngài ở về Đường Lâm. Ông thân phụ ngài là Hà Hưng, bà thân mẫu ngài là Đào Thị Loan.

Ngài là bậc tài kiêm văn võ, tính chất trung nghĩa. Thời bấy giờ có Tô Định mang quân xâm chiếm, làm cho sinh linh nước Nam chịu nhiều điều khổ sở. Bấy giờ có hai chị em bà Trưng Trắc, Trưng Nhị là bậc nữ trung hào kiệt, thương trăm họ nằm trên đồng chông gai, bèn cáo yết bách thần, phát cờ khởi nghĩa, ba thước gươm thể với non sông, không dung kẻ tàn dân hại vật. Hai Bà tức thời truyền hịch bốn phương, thu phục anh hùng hào kiệt. Lúc ấy ông Hà Đại Liễu nghe hịch nữ vương, tức thời mộ hương binh được hơn hai nghìn người, đến ngay trước đồn bà Trưng Vương ứng tuyển. Bà Trưng thấy ngài là bậc văn võ toàn tài, nhất nghệ nhất năng, dụng làm chức Chỉ huy sứ Tả tướng quân, bà cử ngài lĩnh năm nghìn quân đi tuần tiễu về đạo Sơn Tây để tiết lộ quân Hán. Ngài lĩnh mệnh mang quân tới đạo Sơn Tây huyện Phù Khang, trang Tiên Châu, và khu Xuân ái hạ trại. Ngài thấy sơn thủy hữu tình, liền lập một đồn ở trang Tiên Châu, một đồn ở Xuân Ái để ngăn chống quân Tàu... Nhân dân phụ lão Tiên Châu thấy ngài là bậc đạo đức, xin làm gia hạ thần tử. Bỗng có chiếu chỉ vời ngài về đánh giặc. Ngài khao thưởng ba quân và phụ lão Tiên châu, định ngày hôm sau định hồi trào thánh chỉ. Đến nửa đêm hôm ấy, tức là mồng 4

tháng 11, mộng thấy hai người đàn ông mũ áo chỉnh tề, hình dong cổ quái, xưng một là Cao Sơn, mặt là Tần Thắng là bản cảnh ở Tiên Châu, nay thấy tướng quân đi dẹp giặc, xin tòng quân âm phù. Nếu sau toàn quân thắng trận sẽ cùng phối hưởng. Ngày hôm sau cử binh về đánh phá được Tô Định, cùng với Trưng Nữ Vương cướp lại được 65 thành. Sau khi bình giặc rồi, Trưng Nữ Vương phong thực ấp cho ngài ở huyện Phù Khang. Ngài lại tới Tiên Châu, phụ lão xin lập một hành trang, khi sinh thời là nơi ngài ngự. Sau khi về thần sẽ xin nơi ấy là đình thờ. Ngài nói rằng, sở dĩ được thắng trận và vinh hiển là nhờ có hai vị mộng thần ở đây là Cao Sơn và Tần Thắng dân thôn nên thơ hai vị ấy đồng phối với ta. Trong thôn vâng lời phụng tự như vậy.

Sau Mã Viện bên Hán lại mang quân sang đánh. Trưng Nữ Vương và ngài thua chạy. Ngài về kiên thủ trang Tiên Châu. Đến ngày mồng 8 tháng 12, quân Hán tiến bức. Ngài thế cô không địch nổi, bị hại vào tay quân nhà Hán.

Vua Lê Đại Hành khảo khóa thấy linh ứng phong vị: Chỉ huy sứ Tả tướng quân Vũ dương hầu Hà Đại Liễu Quý công Đại vương tặng Hiển ứng Tế thế Hộ quốc Khang dân Bảo cảnh Uy linh Đại vương.

Phong ông (mộng thần) Cao Sơn Linh ứng Đại vương tặng Hùng thời Việt tích Thánh tổ Linh quang Hùng chấn Đại vương.

Phong ông Tảo Ngô Tần Thắng Bản cảnh Thành hoàng Đại vương, tặng Hùng vĩ Trợ thuận đôn ngưng chi thần.

Khi ông Quốc Tuấn bình giặc Ô Mã Nhi cầu đảo bách thần, thấy linh ứng, vua Trần Thái Tông phong ba vị đều là:

Linh ứng Anh triết Hiển hựu trợ thuận đại vương.

Vua Lê Thái Tổ bình giặc Liễu Thăng thấy linh ứng phong ba vị đều là:

Phổ tế Cương nghị Anh linh.

Ngày 21 tháng 8 năm Gia Long thứ 9 phong lịch triều mi tự.

Ngày 15 tháng 7 năm Minh Mệnh thứ 2 sắc y cựu phụng tự.

Ngày 7 tháng 8 năm Thiệu Trị thứ 2 dịp đại lễ ngũ tuần của đức Thánh tổ Nhân hoàng đế sắc phong đẳng trật.

Ngày 9 tháng 9 năm Thiệu Trị thứ 2 dịp phi ung cảnh mệnh sắc y cựu phụng tặng.

15. SỰ TÍCH ĐỨC THÁNH HÙNG PHÚC THỜI HAI BÀ TRƯNG

Theo sự tích, ngài nguyên ở Long Biên, thánh phụ là Đặng Công Vận, thánh mẫu là Tạ Thị Cẩn, là một nhà thi lễ trâm anh, vả lại sẵn lòng chần tế, nhưng con giai còn muộn. Một đêm bà mẹ nằm mộng thấy thần nhân cho một hòn ngọc bích, từ ấy có thai. Gặp năm Giáp Ngọ, mồng Mười tháng Hai thì sinh ra ngài. Ngài lên ba tuổi đã biết lễ nghĩa kính nhường, lên bảy tuổi học thông hết sách kinh sử. Các sĩ tử bấy giờ đều khen ngài Thánh Đồng. Đến năm ngài mười sáu tuổi, thánh phụ và thánh mẫu đều mất. Gặp đời Bà Trưng Trắc có giặc Tô Định, Bà Trưng mật cáo đức Thánh Tản Viên, hội đồng ở cửa sông Hát, hạ chiếu đi chiêu mộ anh hùng hào kiệt. Ngài lập tức mộ được một nghìn hương binh dẫn đến đồn Bà Trưng ứng tuyển. Bà Trưng thấy ngài có tài văn võ, phong làm Chỉ huy Thượng tướng quân. Ngài lĩnh mệnh đi tuần tiệt, đến đạo Hải Dương, phủ Thượng Hồng, xã Ngọc Cục, khu Tào Khê, thấy một chỗ sơn thủy kỳ quan, ngài truyền cho binh sĩ và nhân dân dựng một cái đồn để tiếp ứng. Ngài chọn trong khu Tào Khê được 50 người cường tráng để làm thủ hạ.

Bỗng thấy sứ giả mang chiếu triệu ngài về hội đồng đi đánh Tô Định. Khi thắng trận rồi, Bà Trưng mở tiệc khánh hạ, lại cho ngài về thực ấp ở huyện Đường An, khu Tào Khê. Khi ấy già lão nhân dân khu Tào Khê có thỉnh cầu ngài rằng, đương nay làm đồn dinh, mai sau làm tự sở (nơi thờ tự).

Ngài cho dân 15 hốt vàng để mua ruộng ao, để ngày sau

cung vào việc cúng tế. Không được bao lâu, nhà Hán sai Mã Viện sang. Bà Trưng lại triệu ngài về đánh Mã Viện. Chẳng may hai chị em Bà Trưng thất thế đều hóa. Khi ấy ngài đem quân về đồn khu Tào Khê. Ngài ra một nơi rừng nhỏ, ngài ngửa lên gào thán rằng: "Trung thần bất sự nhị quân, tất tử vô uý, kỳ thiên hồ" (Trung thần không thờ hai vua, dầu chết không sợ ông trời ơi?) rồi hóa ở chỗ ấy. Nhân dân khu Tào Khê truyền chỗ ấy là cấm địa, dựng một cái miếu lộ thiên, tức ở nơi ngài hóa ngày 15 tháng Ba.

16. SỰ TÍCH Ả TÚ, Ả HUYỀN, THƯỢNG CÁT - BA NỮ TƯỚNG THỜI HAI BÀ TRƯNG

Theo sự tích, nguyên về thời cổ có 12 họ đến ở một hai bên tả hà, gọi là Vân Thủy thôn, thuộc tổng Nhật Triệu, huyện Bạch Hạc, phủ Vĩnh Tường trấn Sơn Tây, quận Giao Chỉ, nội thuộc Bắc triều về đời nhà Hán. Bấy giờ trong thôn có một cụ lớn họ Phùng húy Liệt, cụ bà là Phạm Thị Tự, xưa nay là nhà tích thiện. Ngài làm quan thanh liêm nhân hậu, dân tình kính yêu. Vì có âm chất lương tâm, cảm cách giờ đất, ngày mồng Sáu tháng Giêng, đã sinh ra một bà đặt tên là Ả Tú, cách ba năm sau ngày Rằm tháng Tám lại sinh một bà đặt tên là Ả Huyền. Hai bà đều là người đức hạnh đoan trang. Tính thần trác lạc, dung mạo đẹp như tiên giáng trần, tinh thần nét đất và có tướng lạ ai thấy cũng kỳ. Lại nói. Ở làng Nhật Chiêu có một cụ Hoàng Xuân Hy, cụ bà là Phạm Thị Chỉ.

Ngày mồng Ba tháng Chạp cũng sinh một bà đặt tên là Thượng Cát, cũng là một bậc phong tư tuấn nhã, khí bẩm hơn người. Năm 18 tuổi, ba bà đều kết bạn học tập, ngày thường ở riêng một nhà học tập, xem sách, học một biết mười, thực là bậc sinh ra đã biết lại hay dần sáo, tinh thông âm luật, giỏi võ nghệ thuộc trận môn, mấy bộ binh thư đều thuộc lòng, đích nhiên là những bậc trên gò họa có, dưới đất hẩn không. Ba bà chưa

định nơi nào cả. Lúc bấy giờ nghe tiếng Bà Trưng chiêu mộ tướng tài để đánh Tô Định. Ba bà bàn định quyết lòng tự nguyện cứu dân bèn hội họp thầy tổ nhà được 52 người, tới ứng mộ lập công. Bà Trưng trông thấy phong tư tuần nhã, nghĩa khí phi thường lấy làm vô dục, chọn ngày cáo tế giới đất hạ lệnh tiến binh. Nghĩa binh đánh đuổi Tô Định, dẹp yên được giặc Hán. Bà Trưng tự lập làm vua được năm năm. Bấy giờ vua Hán Quang Vũ lại sai Mã Viện đem năm vạn quân sang đánh. Quân của Bà Trưng cùng ba bà không thể chống lại được, thua trận ở tại Cấm Khê.

Ba bà đều hóa trận về châu giời. Đó là ngày mồng Hai tháng Chạp. Tương truyền ba bà không được hiển thánh.

17. SỰ TÍCH PHẠM ĐỒNG

Theo sự tích, nguyên ông Phạm Túc vợ là Hoàng Thị Từ ở châu Bá Mậu, đạo Quảng Đông, vốn nhà hào cường trung hậu. Bấy giờ ông đã ngoài 50 tuổi, bà 40 tuổi chưa sinh dục gì. Ông bà rất là từ thiện, ngay bấy giờ gặp năm đói kém, bệnh tật nhiều, ông bà xuất cửa nhà ra cứu kẻ đói rét và thuốc thang cho người có bệnh. Ông bà vẫn tâm niệm thờ Trời, khấn Phật, tuy rằng giàu có sung sướng thật, nhưng hiềm vì nội không có con trai nối tự. Lòng thành thấu đến Ngọc Hoàng thượng đế, khi khấn xong thiêu thiêu ngửi, ông bà chợt mộng thấy ánh sáng đỏ lòe đầy nhà như ban ngày, trông rõ một vị thiên thần hai tay bế một thanh đồng trao cho, và thấy thanh đồng tay tả cầm thuốc vàng, tay hữu cầm khăn ngọc. Lại thấy thần tướng bảo rằng, nhà ngươi lòng từ thiện đã thấu rõ cả, trời sai ta đem cho nhà ngươi một trai đồng này. Ngày sau tất phải giúp nước yên dân. Việc trời đã định, không phải lo chi. Khi tỉnh dậy biết là mộng thấy, chắc sau này sinh quý tử. Từ ấy Phạm bà có thai 11 tháng, đến ngày mồng 10 tháng 2 năm Đinh Sửu, sinh ra ngài, đây tuổi biết nói, lên 5 tuổi hiểu âm luật. Ông bà đặt tên cho ngài là Phạm Đồng. Đến năm 12 tuổi, gặp khi thời loạn, giặc nổi

như ong. Hạt ấy có một người tướng cướp là Chương Hoat rất là cường bạo, chỉ chuyên nghề cướp bóc. Gặp khi trong nước có loạn, liền tụ tập đồ đảng để lo việc lớn. Nhân thấy bố con ngài có chí mưu, đến dụ lo việc lớn. Nhưng song thân ngài vốn lòng từ thiện và trung thành, bèn đến trú nhờ nhà em họ làm Trưởng quan ở huyện Đa Cầm, nên ông đưa vợ con đến huyện Đa Cầm. Sau ông thấy Đống công mặt mũi khôi ngô khác thường, bèn chọn thầy cho học. Ngài thụ nghiệp ông Nguyễn tiên sinh, học một biết mười, thiên văn địa lý chẳng gì là không biết. Học được 3 năm, tiên sinh bị bệnh, trước lúc chết có cầm tay ngài bảo rằng "nên chọn vua mà thờ, sau 10 năm ắt có nữ quân. Về phía Tây Nam có nữ tinh rực rỡ, nước Việt ta ắt phải sinh thánh nữ". Nói xong thì mất, ngài làm lễ an táng xong, làm nhà bên mộ cư tang trong 3 năm. Hết 3 năm, ngài về ở với song thân, được ít lâu song thân ngài đều mất cả. Ngài cư tang xong 3 năm, lại về ở với chú. Chẳng may chú bị Tô Định giết. Ngài đêm ngày nghĩ cách báo thù, nhưng vì sức còn yếu, không thể trả thù ngay được, nên ngài lại trở về trang Tứ Minh ở. Khi về đến Tứ Minh, nhân dân bị dịch tễ chết nhiều, đêm sau mọi người mộng thấy quân quan đi đến bảo rằng nay có Đống công đến ở hạt này làm Phúc thần, phải lập miếu thờ ngay thì yên. Khi tỉnh dậy biết là mộng rõ như vậy, bèn rủ nhau làm lễ mời Đống công đến, cầu đảo xong thì yên. Sau đó, dân làng lập đền thờ ngài, từ bấy dân làng mới yên ổn.

Lại nói, lòng báo thù của ngài vẫn canh cánh bên lòng, ngài bèn tự mộ quân lính và tráng đinh trong trang Tứ Minh được vài nghìn người. Ngài luyện tập võ nghệ cho và sắm cung đao, binh khí, rồi lập đồn tại Thị Chiến, Xuân Dục để phòng thủ. Ngài bắt đầu đánh Tô Định mấy trận đầu đều thắng cả. Rồi các anh hùng thiên hạ tự kéo đến xin ngài xưng vương một phía Nam. Ngài nhớ lời thầy học dạy, không nghe ai cả. Đêm ngài xem tinh tướng, phía Nam có vì sao nữ tinh là sáng suốt rực rỡ hơn cả, bèn đi tìm chân chúa. Khi ngài tìm thấy Hai Bà Trưng, biết là chân chúa, bèn xin theo. Hai Bà Trưng bằng lòng cho

theo, tức thì phong cho ngài xưng chức Đại nguyên suý, kiêm Thủy bộ chư quân. Ngài vâng mệnh, ra tờ hịch với các phủ huyện hào kiệt đến cùng ngài giúp nước, trừ đuổi Tô Định. Một trong 10 ngày được hơn 6 vạn quân. Rồi Hai Bà Trưng lập đàn cầu thiên địa thần kì để âm phù đánh Tô Định, để tỏ lòng báo đền nhà Hùng. Khẩn xong chia các đạo dẫn đến thành Tô Định vây đánh Tô Định một trận. Tô Định thua trốn chạy, quân toán loạn cả. Còn Tô Định chạy trốn về Tàu. Bấy giờ Hai Bà Trưng xây đắp lại 65 thành để phòng thủ. Bà Trưng Trắc tự xưng làm vua, lên ngôi, phong cho em là Trưng Nhị làm công chúa ở Bình Khôi, phong em con nhà chúa là Trưng Am làm Tả thuộc Đông chúa, phong Đông công làm Hữu thuộc Đông chúa, và phong thưởng cho các quan quân. Từ đấy, thiên hạ thái bình, ngài phụng chiếu phong, sau ngài dâng sổ biểu xin trừ sưu thuế công dịch cho 2 khu Thị Chiên và Xuân Dục ở trang Tứ Minh. Rồi ngài đặt yến tiệc khao các binh sĩ. Xong rồi tự lấy Thị Chiên, Xuân Dục hai khu. Được ít lâu ngài trở về làng cũ ở Bá Ngâu, Quảng Đông làm lễ yết gia tiên phụ mẫu. Ngài ở đấy được vài tháng, đến ngày 20 tháng 11 năm ấy, chợt thấy trời đất giữa ban ngày tự nhiên mở tối tựa như đêm vậy mà trông như hổ báo kinh nghê ở trên không, lại có cả Kim Đồng, Ngọc Nữ đàn sáo hát. Vừa khoảng ấy, ngài hóa, còn mũ áo để lại. Người hai khu Thị Chiên và Xuân Dục theo ngài thấy thế, bèn về báo với dân làng, làm tờ biểu tâu vua. Trưng Vương được tin thương nhớ ngài có công lớn giúp nước, bèn hạ chiếu tặng phong cho ngài làm Đại vương, sắc ban về cho Thị Chiên và Xuân Dục hai khu lập miếu thờ.

18. SỰ TÍCH BÁT NÀN CÔNG CHÚA

Theo thần tích, Bát Nàn là con gái ông Vũ Công Chất và bà Hoàng Thị Mậu, người trang Phượng Lâu, thành Phong Châu (về sau đổi là huyện Bạch Hạc). Vũ công thế gia đời đời làm nghề thầy thuốc nổi tiếng. Vũ công thường chu du khắp miền

đất 16 châu thuộc miền sơn cước để hành nghề được. Nơi đó tại châu Đại Man có ngôi miếu thờ công chúa Sơn Tinh có tiếng linh thiêng. Ngôi miếu đã bị giặc Ai Lao tàn phá làm cho nó bị hoang tàn đổ nát, từ đấy lại thêm mưa đập gió vùi, tượng thần bị hư hỏng. Vũ công tự bỏ tiền ra để tu bổ, tô lại tượng thần, giúp cho miếu lại hương khói sầm uất như xưa. Có một lần, đang đêm bỗng có tiếng người một vợ chồng Vũ công ra bên sông có người muốn gặp, nhưng đến nơi chẳng thấy một người nào, mà lại chỉ thấy một cây gỗ, nghe trong cây gỗ có tiếng người nói: "Công đức của Vũ công cao như trời, sâu như biển, không biết báo đáp thế nào cho phải. Nay mang cây gỗ tới báo đáp và xin làm con". Từ đó quả nhiên phu nhân có thai, rồi sinh ra Thục nương. Thục nương mặt sáng như gương, mắt phượng mày ngài, cha mẹ yêu quý mới gọi là Thục nương. Thục nương càng lớn lại càng thông minh một cách kỳ lạ, nhan sắc vào bậc tuyệt thế giai nhân, đọc sách khắp cả Chu tử Bách gia không sách nào không thiệp liệp qua, lại giỏi đường gươm mũi giáo, khiến cho những bậc anh, hùng thời ấy đều phải tấm tắc khen là: "Thánh nữ giáng trần". Bấy giờ, Quận trưởng quận Nam Chân tên là Phạm Danh Hương nhờ người đánh mối, tìm tới Vũ công xin hỏi Thục nương làm vợ. Thục nương bèn thuận cho. Song chưa kịp hên ngày nhận sính lễ, thì có người họ Trần trong ấp cũng muốn lấy Thục nương, nhưng Vũ công không nhận lời. Về sau họ Trần hận thù, mới lập mưu kết bè với Thái thú Tô Định, mách cho Tô Định biết Thục nương là người đẹp hiếm có. Tô Định liền sai sứ giả tìm đường tới nhà Vũ công ướm hỏi Thục nương, nhưng Vũ công không chịu. Tô Định trở mặt, liền ép gia đình Vũ công vào tội phạm pháp, rồi bắt ông bà phải chết, lại ghép tội cả cho Trần Nam quận trưởng mà giết. Tô Định sai Tỳ tướng mang hơn trăm binh sĩ đến vây ráp tại nhà của Vũ công để bắt Thục nương. Thục nương hai tay cầm hai thanh kiếm chém mười thủ cấp Tỳ tướng của Tô Định, rồi bỏ trốn chạy về Tiên La, huyện Diên Hà, phủ Tiên Hưng, đạo Sơn Nam, tá túc tại ngôi chùa làng. Về sau Thục nương cắt tóc giả

làm người tu hành, ra sức hô hào tập hợp anh tài bốn phương, tích trữ lương thực, khí giới để diệt Tô Định trả nợ nước thù nhà. Người hưởng ứng đi theo Thục nương đã lên tới số trên ngàn. Thục nương bèn tự xưng là Bát Nàn đại tướng quân, đánh nhau với Tô Định mấy chục trận mà trận nào Tô Định cũng đều bị thất bại. Vừa khi gặp Bà Trưng đứng dậy phát cờ khởi nghĩa. Bà Trưng sai sứ tới căn cứ nghĩa quân thỉnh cầu Thục nương. Thục nương liền mang quân bản bộ gia nhập đoàn quân của Hai Bà đi diệt thù. Bà Trưng liền ban chức cho làm tướng đốc lĩnh tiền quân tiến thẳng tới thành, đánh một trận lớn, quân của Tô Định đại bại. Sau khi khôi phục giang sơn đất Việt. Bà Trưng lên ngôi vua tại thành Phong Châu, xưng hiệu là Trưng Vương. Bấy giờ Thục nương tâu với Bà Trưng: "Thiếp vì Tô Định bất nhân, giết cha giết chồng, bởi thế mà dấy binh để phục thù. Nay đã trả được thù đã toại chí nguyện, xin đa tạ quân vương". Trưng Vương nghe lời tâu của Thục nương, mới khen nương là người tài trí hiếu nghĩa, quý trọng nương, đối đãi nương như một tân khách, giữ lại ở trong triều luôn ở bên mình thân thiết như chị em ruột, rồi gọi Thục nương là phu nhân. Tuy làm quan ở trong triều, nhưng lòng phu nhân vẫn canh cánh nhớ về Tiên La, một miền quê có bao tấm lòng cứ mang che chở ủng hộ ngưỡng vọng phu nhân.

Lại nói, Trưng Vương lên ngôi được ba năm, triều Đông Hán vẫn chưa nguôi cái hận bại trận năm trước, lại cử Mã Viện làm Phục Ba tướng quân đem quân thủy bộ ào ạt tiến vào biên cương nước ta. Trưng Vương tôn phong Thục phu nhân giữ chức Điều bát nữ quân các đạo, đốc chiến với quân Hán, chúng bị thua nhiều trận. Vua lại tôn phong lên Điện chương điện nội Thục phu nhân. Có một ngày, Thục phu nhân đang ở quê Phụng Lâu trang thăm nom bà con trong họ ngoài làng, thì được tin quân Hán ập tới. Phu nhân vội vấn tóc, mặc đồ binh giáp, đội mũ đối long, tuốt gươm nhảy lên mình ngựa cùng tướng sĩ xông vào trận tả xung hữu đột, giết được hàng ngàn tên giặc Hán. Quân Hán giả chia đường đánh lại quân ta, nhử quân

ta vào trận địa mai phục của chúng. Đợi khi quân ta đã lọt vào vòng vây thì chúng bốn mặt trước sau ồ ạt xông lên chém giết. Bấy giờ Trưng Vương chạy lên đỉnh núi lao mình xuống dòng sông Hát. Còn Thục phu nhân một tướng một ngựa cùng mười gia thần phi về Tiên La, đạo Sơn Nam. Trong khi đó, Mã Viện ra lệnh truy nã cho người truy bắt, treo phần thưởng vàng bạc và phong trọng tước cho người bắt được phu nhân.

Lại nói, Thục phu nhân trú ngụ với bà con ở Tiên La được bảy tám tháng, nhân dân và gia thần đều nhất tâm bảo vệ, nuôi dưỡng phu nhân. Cho đến đêm ngày 18 tháng 3, phu nhân cùng gia thần dạo chơi vãng cảnh ngoài đình, đang vui vẻ, tố thấy thù tạc bỗng Hán binh hô hoán tứ bề ập tới, phu nhân chỉ còn thanh kiếm trong tay vội vung kiếm xông ra đâm chém quân thù phá vây vượt tới gốc cây tùng cổ thụ thì sức cùng lực tận bèn rút kiếm tự hóa. Lũ giặc xốc tới, nhìn thấy cảnh ấy đều ộc máu mồm mà chết, những tên còn lại đều bỏ chạy thục mạng. Giữa lúc phu nhân đang hóa, trời nổi trận gió táp mưa sa, một tiếng sét nổ vang trời, rồi một bóng màu đỏ dài hơn một trượng đột nhiên bay lên không trung mà biến mất. Trong khoảnh khắc, nhân dân kéo tới gốc cây tùng làm lễ an táng cho phu nhân, nhưng khi tới nơi thì đã thấy côn trùng đùn thành một ngôi mộ lớn, mà cây đại tùng cũng đã chết khô. Nhân dân địa phương bèn dựng miếu ngay trên nơi phu nhân hóa để thờ phụng bà muôn đời. Miếu này xưa nay luôn có tiếng linh thiêng, quốc đảo dân cầu đều được ứng nghiệm, nên đế vương các triều đều tặng sắc phong. Vua Lê Thánh Tông có lần đi chinh phạt Chiêm Thành qua đây cầu đảo đã được thần phù giúp, dẹp xong giặc, khải hoàn, vua phong 4 chữ: Bát Nàn phu nhân. Gia phong thêm 4 chữ: Trình Thục công chúa.

19. SỰ TÍCH HAI ANH EM UYÊN MẶC ĐẠI VƯƠNG VÀ QUANG DUNG CÔNG CHÚA THỜI HAI BÀ TRƯNG

Theo huyền tích, cha sinh của anh em thân là Trình Hùng,

mẹ là Chu Thị Phương, quán tại xã Dương Liệt, huyện Tế Giang, phủ Thuận An, đạo Kinh Bắc. Gia cảnh ông Hùng, bà Phương là một gia đình có truyền thống học hành khoa cử, hiền hoạn công danh, và có truyền thống tích đức tu nhân. Hiềm vì muộn đường con cái, ngoài 40 tuổi mà chưa có triệu điểm sinh nở, nên ông bà ra công làm việc thiện, hễ thấy các linh từ chùa Phật ở đâu đâu bị hư phế thì ông bà đều gia tâm tự cung tiến tiền bạc để tu bổ. Dân làng ai cũng khen là một gia đình tích thiện tất có hạnh phúc. Bà Phương có lần chiêm bao, lúc đầu bắt được con thạch sùng từ trên trời giáng xuống giữa nhà, sau giây lát lại hóa ra một thằng bé hét to một tiếng khiến bà tỉnh giấc. Thế rồi bà có thai, đến ngày 10 tháng Giêng năm Giáp Thìn sinh ra một cậu con trai: thần phong tuấn chỉnh, khí vũ hiên ngang, cha mẹ rất yêu quý mới đặt tên cho là Mặc công (Trình Mặc công). Sau đó bà Chu lại chiêm bao bắt ngất được bông hồng rất tươi đẹp, đến ngày 10 tháng 8 năm Bính Ngọ bà lại sinh ra một cô con gái mặt tươi như kính ngọc, không hề vương một chút bụi, nhan sắc tựa hoa mai. Cha mẹ mệnh danh cho là Chu nương. Tới năm Chu nương lên 8 tuổi, cha mẹ cho hai anh em đi học. Hai anh em học rất giỏi, học một biết mười. Đến tuổi trưởng thành, anh thông tài trí, võ nghệ cao cường, em gái thì tài hoa nhan sắc không ai bằng. Bấy giờ Thái thú Tô Định biết tiếng Chu nương tài sắc, bèn đánh tiếng xin với thân phụ Trình công cho y lấy Chu nương làm vợ. Trình công không chịu gả. Tô Định cho lính đến tận nhà giết chết vợ chồng Trình công, tịch thu gia sản. Hai anh em Mặc công và Chu nương liền tìm tới ngôi chùa làng Xuân Lôi, xã Thám Động, huyện Thư Trì, phủ Kiến Xương đạo Sơn Nam để trú ngụ, sớm tối tụng kinh niệm Phật, nuôi chí trả thù nhà nợ nước. Trải hơn một năm ngấm chiêu tập lực lượng, bốn phương anh hùng đa số đều qui tụ về tới hơn 500 người. Lại có 36 người nam binh nữ tướng ở Xuân Lôi cũng xin làm gia thần thuộc hạ cho anh em họ Trình. Mặc công bèn cho xây đồn sở tại Xuân Lôi, ngày đêm luyện tập binh mã. Quân thanh ngày càng hùng lũy, nghĩa sĩ khắp vùng

kéo về qui tụ ngày một đông, tới lúc quân số lên tới trên 2000 người. Sau đó được tin chị em Bà Trưng Trắc, Trưng Nhị khởi nghĩa ở Hát Môn giang. Trình Mắc công trên bàn với em gái mang quân bản bộ đi theo Bà Trưng để hợp sức đánh đuổi Tô Định. Giặc Tô Định đại bại chạy về Bắc quốc đất nước thanh bình, Bà Trưng lên ngôi vua, phong thưởng tướng sĩ. Khi ấy vua Trưng phong cho Mắc công làm Thái úy Trình đô hộ Uyên Mắc đại tướng quân, phong Chu nường là Bình Khẩu Quang Dung công chúa. Hai năm sau, Hán Quang Vũ lại sai Mã Viện và Lưu Long đem 30 vạn binh mã sang xâm lược nước ta một lần nữa. Thế giặc mạnh hơn ta gấp bội, Bà Trưng giao cho anh em Trình công cầm quân ra trận chiến đấu với giặc, đều bị tử trận. Nhân dân Xuân Lôi thương tiếc và nhớ ơn anh em nhà thần, liền tu bổ đền dinh thành miếu thờ phụng họ đời đời. Các triều đại sau đều phong tặng mỹ tự là Uyên Mắc Đại vương và Quang Dung công chúa Đại vương.

20. TRUYỆN HAI MẸ CON THEO VUA TRƯNG ĐÁNH GIẶC TÔ

Theo thần tích, có người họ Vũ, tên gọi Minh công là người văn tài võ lược, lấy vợ họ Nguyễn, tên gọi Thị Cầu. Nguyên bà ngoại chiêm bao bắt được rắn trắng rồi sinh ra bà Cầu. Bà là người văn thông võ thạo chẳng kém đám mây râu. Hai vợ chồng Minh công đều là người trang Thái Đường, huyện Chương Đức, phủ ứng Thiên, đạo Sơn Nam. Khi Tô Định sang làm Thái thú Giao Châu trưng dụng Minh công ra làm Huyện thừa huyện Đông Lan. Sau khi đến nhiệm sở. Minh công thường đi thăm thú nhân dân, quan tâm phong cảnh núi sông trong huyện hạt để tìm mảnh đất an cư. Khi ông đi tới trang Hóa Tai, thấy địa thế rồng châu hổ chực, cảnh trí phong quang, dân tục thuần hậu, Minh công cho lính tráng cùng nhân dân xây một sở để ở. Lúc bấy giờ Minh công đã đến 45 tuổi mà chưa có con nối dõi tông đường, bèn bàn với vợ rằng: "Con người ta có ba điều bất

hiếu, nhưng không con nổi dõi là tội lớn nhất". Từ đấy vợ chồng quyết tâm ban phát tiền tài để làm phúc, giúp người nghèo, cứu kẻ khốn khó. Đại phạm những việc cứu người, những sự làm phúc thì không có việc gì là không hết sức để thi hành. Thế rồi vào một đêm bà Cầu chiêm bao thấy một viên thần tướng cuội hồ từ ngoài sân đi thẳng vào trước mừng của bà, rồi quăng hồ vào trong mừng. Sau đó bà Cầu có thai và sinh ra cậu con trai tướng mạo dị kỳ, oai phong凛冽, tiếng nói oang oang như hổ gầm, trí tuệ thông thái như thần. Nhớ chiêm bao ngày nào, cha mẹ mới đặt tên cho con trai là Mạnh công. Đến năm 12 tuổi, cha mẹ cho Mạnh công đi học. Học được ít năm thì Mạnh công văn chương quán triệt, có thể thấu hiểu căn kẽ học thuyết của Khổng Mạnh, tinh thông võ nghệ, am tường binh pháp thao lược chẳng kém Tôn Ngô. Lại kiêm thiên văn địa lý, lục giáp, thần phù, chẳng môn khoa gì mà Mạnh công không thông tỏ. Bấy giờ Tô Định nghĩ tới tài năng của Minh công cũng biết là ông không thể cam tâm làm tôi thần cho hán lâu dài, mới sai người vu cáo cho ông cùng vợ con làm phản. Tô Định liền hạ lệnh bắt Minh công tống giam vào ngục hại chết ông. Tô Định còn sai tay chân ập tới tư dinh của Minh công ở Hóa Tái để bắt cả vợ và con ông. May có người tốt bụng trong quân ngũ của Tô Định mật báo cho hai mẹ con Mạnh công biết trước. Bà Nguyễn Thị Cầu vốn là người thạo nghề cung kiếm, nửa đêm mang con trai là Mạnh công trốn đi, rồi đổi tên, đổi họ lánh về làng Tức Mặc, phủ Xuân Trường. Trong thời gian ở đó chừng năm sáu năm, hai mẹ con phải chịu cảnh nằm gai nếm mật để khỏi lãng quên tính tàn bạo của Tô Định. Họ luôn canh cánh nỗi oan uổng của Minh công, chỉ trời đất mà thề rằng không đội trời chung với giặc Tô. Thế rồi vào một đêm nọ, hai mẹ con nhìn về vùng trời phía tây nam tổ quốc thấy ngôi Sao Mai lấp lánh mà Sao đế Tử Vi rất rực rỡ dịch gần tới Sao Nữ, mẹ con bàn với nhau: "Nước Việt ta sắp sinh thánh nhân, Sao Nữ rất thịnh, nên tướng vua nữ rất sáng". Thế là họ vội chuẩn bị hành trang, hai mẹ con cứ trông hướng sao mà đi, chẳng quản gian nan. Qua

thời gian chừng một tháng thì đi tới địa phận Sơn Tây. Nghe tiếng Trưng nữ có tài kiêm văn võ, có lượng đế vương, khởi nghĩa ở cửa sông Hát, họ mới tìm đường đến tận nơi để vào yết kiến. Bà Trưng vừa gặp mẹ con họ thì rất vui, mới lưu mẹ con họ ở trong quân và sủng ái hai mẹ con, giao cho hai mẹ con nhiệm vụ là đi tới các địa phương chiêu tập binh mã. Vâng mệnh Bà Trưng, hai mẹ con trở lại trang Hóa Tài, huyện Đông Lan, phủ Thái Ninh. Nhân dân phụ lão ở đây đa phần chịu ơn Vũ công. Nay thấy phu nhân Nguyễn Thị và thần tử Mãnh công, thì biện lễ khoản đãi rất nồng hậu. Hai mẹ con bảo với bà con Hóa Tài rằng: "Tô Định vốn không phải là người Việt. Diên cuồng giết hại người trung lương. Mẹ con ta đã gặp được chân chúa, khởi nghĩa báo thù. Thần dân hết thảy hãy nguyện làm trợ thủ cho". Nhân dân và phụ lão đều hưởng ứng xin làm trợ thủ. Mẹ con đều rất vui đi thăm hỏi nhân dân. Bà Cầu bèn ra mệnh lệnh cho con trai làm cáo dụ và hịch báo cho các hào kiệt rằng: "Đồng tâm khai quốc trừ tàn, giả dụ sau khi thắng Tô Định thì thấy đều hưởng phúc của phong cảnh hòa bình". Chỉ trong tuần nhật nghe tin hịch dụ, binh mã các chi đều cũng thu nạp được trên sáu vạn người mà lấy người ở Hóa Tài làm nòng cốt tay chân, cùng hành quân tới cửa sông Hát. Bà Trưng bèn bái bà Nguyễn Thị làm Tham tán nữ quân, Mãnh công làm tướng quân, mở đại yến tam sinh (trâu, bò, dê, lợn) khao thưởng tướng sĩ, kỳ đảo thiên địa trăm thần trước cửa sông Hát. Đọc xong lời chú, chia đường phân đạo, tiến quân đại phá Tô Định với khí thế trúc chẻ ngói bay, uy phong gió cuốn cây khô. Tô Định đại bại tháo chạy về Bắc quốc. Bà Trưng lên ngôi vua, xưng làm Trưng Vương phong cho em gái Trưng Nhị là Bình Khẩu công chúa, suy tôn Nguyễn Thị là Hoàng Bà mà không gọi tên. Trưng Vương bảo với Mãnh công rằng: "Người xông pha nơi hòn tên mũi đạn chẳng quản hiểm nguy, đúng là một Mãnh tướng, nên ta phong cho người là Mãnh tướng. Chồng quý vợ vinh, con quý cha cũng vinh. Huống hồ đã có vợ con quý hiển mà thân cha không quý hiển chẳng. Hơn nữa cha của người là người

quý hiển, ông thuộc dòng danh gia. Vậy nên trăm phải phong Vũ công tên chữ là Quý Minh đại vương. Lại cho mẹ con về lập miếu ở Hóa Tài trước là để ở, sau giao cho dân Hóa Tài thờ phụng". Sau đó vua lấy đất Thanh Lan phong cho gia đình họ Vũ làm thực ấp để biểu rõ tình vua tôi, và cho dân địa phương thờ phụng muôn đời những người có công với giang sơn tổ quốc.

21. SỰ TÍCH CAO THIÊN HOÀNG BÀ

Thần họ Cao, tên Như tuổi vừa đôi mươi, nhan sắc đẹp nghiêng thành, trắng thẹn hoa hờn, gồm cả tứ đức: công dung ngôn hạnh vẹn toàn, lại kiêm văn thông võ lược. Tô Định nghe tiếng muốn ép làm vợ, y tìm trăm kế ngàn phương dụ dỗ đe dọa nhưng vẫn bị tiếu thư cự tuyệt. Cuối cùng Tô Định phải giở đến ngón côn đồ, là bắt ông bà Cao công và bức chết họ.

Như nương bèn giả dạng tăng ni đạo sĩ, lên chùa ở núi Yên Tử, chiêu tập anh hùng hào kiệt bốn phương được hơn 500 người và trai tráng của các xã lân cận: Thanh Nê, Trình Phố. An Bồi trên 1.000 người, phát cờ khởi nghĩa tại cửa biển Trà Lý. Tự xưng là Hoàng Thiên Hoàng Bà đại vương đánh nhau với Tô Định hai năm mà vẫn không phân thắng bại. Tiếng tăm của Hoàng Bà lừng lẫy, hào kiệt bốn phương quy về ngày một đông. Đến khi nghe lời hiệu triệu của chị em Hai Bà Trưng, đánh đuổi Tô Định để trả thù nhà nợ nước thì Hoàng Bà liền mang sĩ tốt của mình nguyện đến đứng dưới cờ Hai Bà Trưng. Hai Bà cả mừng, liền phong cho Hoàng Bà là Cao Thiên Hoàng Bà, lại giao cho ba vạn tinh binh làm quân tiên phong tiến thẳng tới cửa biển Trà Lý giao chiến với Tô Định hơn 30 trận, khiến cho lực lượng quân địch bị tiêu hao khá nhiều, góp vào chiến thắng của cuộc khởi nghĩa đánh đuổi Tô Định. Đến ngày 15 tháng 8 năm ấy Hoàng Bà cho lui quân về đóng đồn tại quê nhà là ấp An Bồi. Đôi lúc Hoàng Bà tản bộ ngắm nhìn phong cảnh quê hương hữu tình, địa mạch cồn gò, sông lạch muôn nẻo châu về rất lợi cho công việc chiến sự, bà rất hứng khởi.

Tới khi Trưng Trắc đánh đuổi Tô Định ra khỏi bờ cõi, lên ngôi vua, xưng là Trưng Nữ Vương. Khi vua Trưng phong tặng các tướng sĩ, Hoàng Bà được gia phong Cao Thiên Hoàng Bà Minh Quý Quân chư thị nữ điện nội. Tự đẩy quân thần hiệp đức, thiên hạ thái bình, quốc gia vô sự, dân chúng được hưởng cuộc sống yên vui. Sau đó ít lâu, Hoàng Bà làm sớ xin vua về quán sở, Trưng Vương thủ bút phê chuẩn cho xã An Bồi, quê của Hoàng Bà được miễn mọi việc binh dịch, lương thảo thuế khóa, khi còn sống thì hưởng lộc, lúc chết được hưởng sự thờ phụng của quê hương.

Về quê, Hoàng Bà mở tiệc khao thưởng phụ lão nhân dân cùng binh sĩ. Tiệc tan, Bà đi thăm hỏi giao du với hào kiệt quanh vùng.

Ba năm sau, vua Hán Quang Vũ tôn Mã Viện là Phục Ba tướng quân, đem 30 vạn quân thủy bộ tiến vào nước Nam để phục thù Bấy giờ Trưng Vương bèn giao cho Hoàng Bà thống lĩnh nhị quân thủy bộ ba vạn quân. So sánh lực lượng giữa ta và địch tức một địch mười, cho nên ta bị thất bại. Quân ta chiến đấu rất ngoan cường trên 20 trận và đã chém được đầu tướng Mã Viện và hàng nghìn thủ cấp giặc giữa trận tiền. Nhưng Trưng Vương bị giặc vây hãm không thoát được mà tự chết. Thấy thế cô Hoàng Bà cũng rút gươm tự sát, đó là ngày mồng 10 tháng Chạp, năm Ất Tỵ (năm 43 sau CN).

Bấy giờ, tướng lĩnh nghĩa binh cùng nhân dân phụ lão xã An Bồi tụ tập lại cự đồn làm lễ diễu phúng viết tên húy, thần hiệu: Cao Thiên Hoàng Bà Chủ A Thiên để phụng thờ bà, lưu truyền hương hỏa muôn vạn năm, vĩnh tồn cùng giang san đất nước vậy.

22. TRUYỆN TAM VỊ THIÊN THẦN THỜI TRƯNG VƯƠNG

Tục truyền, nhà Hùng truyền ngôi đến hệ đời thứ 18, tức

thời Hùng Duệ Vương, đóng đô tại Việt Trì, bên sông Bạch Hạc, kiến quốc tại thành Phong Châu, xưng quốc hiệu là Văn Lang. Vương sinh hạ 20 hoàng tử nhưng đều nối gót nhau vân du tiên cảnh, vua không có con trai để nối ngôi. Nên mới có câu nói, tới đây là đoạn mạt vận của nhà Hùng. Thế là nước ta từ đấy bị lệ thuộc triều đại nhà Tây Hán. Bấy giờ ở trang Sóc Sơn, huyện Kim Hoa, phủ Đa Phúc, đạo Kinh Bắc (thời cổ gọi là quận Vũ Ninh), có một người họ Vương tên húy là Đạo, vợ là Nguyễn Thị Hiền, gia cảnh bản bạch thiếu thốn, lấy việc dón củi làm nghề, hay làm việc thiện lại chuông việc chẩn giúp người nghèo. Cả hai vợ chồng là người đôn hậu suốt đời phúc đức. Ngặt một nỗi, tuổi cao mà chưa có con trai nối dõi tông đường, khiến ông bà ngày đêm buồn rầu và thường than thở cùng nhau. Vào một đêm tầm cuối canh ba, ông vừa thiêm thiếp ngủ đi thì đã mơ màng thấy một lão ông râu tóc bạc phơ, khăn mũ chỉnh tề: áo vàng, đầu đội mũ hoa, tay cầm cây trượng đỏ tới đứng ngay trước đầu giường bảo: "Nhà ngươi đức dày trời đã thấu tỏ, sau đây sẽ ban cho nhà ngươi một đứa con trai, không nên buồn phiền làm gì".

Nói xong thì vụt biến, cũng vừa lúc ông tỉnh giấc và ông cũng biết ngay đó là giấc mơ nhưng vẫn nửa tin nửa ngờ. Sau lại thấy bà vợ Nguyễn Thị kể cho ông nghe về chiêm bao đêm qua rằng: Bà thấy ngôi sao băng từ trên trời rơi xuống bụng mình. Nghe rồi, ông khẳng định đấy là điềm lành. Về sau quả nhiên bà Nguyễn có thai, đến ngày 13 tháng 11 năm Nhâm Ngọ bà mơ thấy cô một dải mây từ không trung sà phủ xuống nóc nhà suốt ba ngày mới tan, lại có ánh sáng huy hoàng, gió mát hương thơm ngào ngạt khắp phòng. Sau đó, bà sinh ra một bọc, nở ra ba người con trai thiên tư thông minh, diện mạo khôi ngô khác hẳn muôn vàn người thường. Cha mẹ rất yêu các con nhưng cũng rất khó phân biệt đâu là anh, đâu là em. Thế rồi vẫn phải đặt cho mỗi người con một cái tên: con lớn là Hồng công, con thứ hai là Dũng công, người con thứ ba là Lược công. Nuôi dưỡng tam công ngày qua tháng lại thoảng đã lên bảy

tuổi. Sự đến bất ngờ, họa vô đơn chí, cha mẹ đều kể nhau qua đời! Đến năm tam công lên 12 tuổi thiên tư cao mạo, học lực tinh thông, đọc suốt binh thư, sở trường võ nghệ, mỗi khi cầm cây trường côn thì dũng mãnh sức muôn người khôn địch. Anh em lừng danh nổi tiếng đương thời. Bấy giờ, Tô Định làm Thái thú quận Giao Chỉ, triệu tam công ra trình diện vua Hán để được phong quan tước; song chiêu dụ tam phen tứ phen tam công vẫn không chịu ra, lại còn trốn lên núi Tản Viên ở đạo Sơn Tây. Khi ấy Tô Định đem quân tới xâm lược nước ta, chúng tàn sát nhân dân không người cứu giúp, mãi đến lúc có người cháu gái ngoại vua Hùng tên là Trưng Trắc, là hào kiệt trong đám quần thoa, là bậc thánh thần của thiên hạ, đứng dậy phát cờ nghĩa dấy binh, chiến đấu chống giặc ngoại xâm. Giữa thời nam nhi thao lược vắng bóng thì một mình người phụ nữ ấy tướng soái binh thần, phát động cầu viện các vùng lân cận. Một hôm Trưng Trắc lập đàn trước cửa sông Hát (xứ Sơn Tây) giết trâu dê, mổ lợn tế cáo trăm thần sông núi và Thánh Tản Viên: "Trời sinh ra một người làm tôn chúa cho muôn loài trong trời đất, chốn sở hệ của sinh linh, nơi quan thiết của cỏ cây, trải bao đời chúa thánh vua thần sáng láng, triều đình hữu đạo, yêu nước thương dân, đức hóa nhân ban, thiên hạ yên bình, nơi nơi vô sự. Thế mà nay có kẻ dê chó ngoại bang Tô Định điên cuồng bạo ngược hung tàn sát hại lê dân... Khiến cho thần nhân trời đất cùng phẫn uất. Thiếp tôi một đứa cháu gái nhỏ xa xưa các vua Hùng nói tới sinh linh khiến Hoàng thiên nhỏ lệ. Nay thấy đau lòng xót thương con trẻ dấy nghĩa trừ tàn, nguyện xin chư vị trăm thần linh thiêng hội đàn chứng giám lời thề này, hãy phù trợ Trưng nữ để binh diệt giặc, bảo vệ non sông, cứu giúp nhân dân, phù hộ thiếp giành lại đất đai xưa của Tổ quốc, cứu sinh linh ra khỏi nơi nước sôi lửa bỏng và đưa họ tới chốn yên lành, ăn ngon ngủ yên. Cơ hồ khôi phục lòng trời, đáp đền ân trạch của các bậc tiên vương nơi miếu điện, an ủi vong linh tiên tổ ở cõi cửu tuyền". Đọc xong lời chú liên hô xuất âm binh thiên hàng vạn đội, lại truyền hịch tới các quán, châu, đạo trong cả nước kêu gọi những

anh hùng hào kiệt, văn võ song toàn hãy mau chiêu binh tuyển mã, dẫn đưa hương binh nghĩa dũng tới ứng tuyển. Bấy giờ tam công vừa nghe biết lời hiệu triệu của Trưng nữ đã kích động đến tâm can của các nữ thần trong bốn cõi. Ngay ngày hôm ấy họ yết bảng chiêu binh, chưa tới năm ngày mà con số nghĩa binh tụ về lên tới hàng mấy nghìn người. Tam công cũng làm lời tâu lên Bà Trưng rằng: "Anh em nhà tôi vốn có nỗi oán thù với Tô Định từ lâu. Nay nghe tin tướng bà xuất chinh, thì đó là sự sắp bày của trời đất, ngôi thứ đã định, đã có người làm vua này, thì tất có kẻ làm bề tôi này. Cho nên, anh em nhà tôi muốn được gặp nữ vương, tự nguyện để binh cùng quyết chiến diệt giặc một trận tất sẽ dẹp yên được chúng thôi. Nay anh em tôi trước xin ban cấp binh sĩ đi tuần các đạo để gây thanh thế cho quân đội và quan sát địa hình tiến thủ như thế nào, sau mới quay về hợp binh cùng quyết chiến đánh một trận là dẹp xong được giặc". Nghe lời nói ấy, Trưng Trắc cả mừng, chiếu theo sở nguyện phong cho ba anh em là Đương lộ Chỉ huy sứ Thượng tướng quân. Họ chối từ không nhận quan tước, mà chỉ xin ban cho quân thủy bộ hàng ngàn người ra đi tuần phòng ở hai đạo Hải Dương và Kinh Bắc. Khi hành quân tới địa phận huyện Tiên Minh, đạo Hải Dương thì thủy quân của địch vừa đi tới. Tam công đưa quân tiến về trang Tĩnh Lạc, cho binh sĩ và nhân dân sở tại thiết lập 5 đồn doanh để đối phó từ phía sau lưng địch. Lúc bấy giờ nhân dân địa phương đều rất lo sợ: bèn làm lễ bái yết xin làm thần tử và gia thần cho tam công. Tam công thuận tình, liền tuyển lấy 12 tráng đinh ở thôn làm gia thần thủ túc. Bấy giờ đang là lúc bình minh, tiết mùa xuân tháng Giêng. Tam công quay lại hội với quân của Bà Trưng kết thành đội ngũ, mở một trận đại phá giặc. Quân giặc đại bại, quân ta chém chết được Chánh tướng của Tô Định, và thu hồi số lượng khí giới lương thực ngựa xe của chúng nhiều vô xiết kể. Sau khi đại phá đồn giặc, trời đất bỗng nhiên tối râm, bốn bề gió mây mù mịt, trong giây lát trời đất quang mây lại sáng, mọi người trông thấy một đám mây ngũ sắc như cỗ xe tự trên không trung giáng

xuống như để nghênh đón ba người. Tam công liền cưỡi ngựa cùng mây bay lên không trung về phía đỉnh Tản Sơn mà biến. Hôm đó tam công đã hóa, đó là ngày 13 tháng 12. Tướng sĩ khi ấy ai thấy cũng đều kinh sợ về sự bình đẹp Tô Định tham tàn, lại trả thù cho chồng đòi nợ nước và lấy lại được 65 thành cho giang sơn nước Việt của Trưng nữ. Trưng nữ lên ngôi vua, mở đại yến để khao thưởng tướng sĩ theo thứ bậc cao thấp khác nhau. Nhân đấy Trưng Vương tuyên bố rằng: "Sở dĩ ta dẹp nhanh được giặc Tô Định như thế là bởi lòng trời thương xót giúp đỡ, giáng sinh cho nhiều bậc anh tài". Nói đoạn, Vua Trưng bèn sai người làm sắc chỉ phong tặng cho Bách thần.

Sắc phong thần hiệu cho tam vị như sau:

- Hồng công Thiên Quan Đại vương, Tặng phong: Đương cảnh Thành hoàng Hùng kiệt Dũng quyết Tế thế An dân Anh linh Đại vương.

- Dũng công Thiên Quan Đại vương, Tặng phong: Đương cảnh Thành hoàng Hùng kiệt Dũng quyết Tế thế An dân Cảm ứng Đại vương.

Lược công Thiên Quan Đại vương, Tặng phong: Đương cảnh Thành hoàng Hùng kiệt Dũng quyết Tế thế An dân Hiển ứng Đại vương.

Chuẩn cho trang Tĩnh Lạc nghinh sắc về dân lập miếu để thờ tự các ngài.

Lại nói, từ đó về sau, thường luôn hiển hách linh thiêng, nên đời đời đế vương đều có sắc phong tặng cho tam vị Đại vương.

Tới triều Trần Thái Tông, kinh thành bị giặc Nguyên vây hãm, Trần Quốc Tuấn vâng mệnh vua làm lễ cầu đảo tại đền miếu Bách thần, có qua đến thờ tam vị, cũng được ứng nghiệm am phù: nêu vua Trần Thái Tông bao phong mỹ tự là Hiển ứng Tra thuận Đại vương.

Sang thời Lê Thái Tổ khởi nghĩa Lam Sơn, diệt nhà Hồ, bình giặc Minh, khôi phục lại giang sơn, tam vị cũng có công âm phù,

nên Thái Tổ bèn gia phong cho tam vị là Phổ tế Cương nghị Anh linh Đại vương. Sắc chỉ cho nhân dân trang Tĩnh Lạc trùng tu miếu diện để phụng thờ các ngài mãi mãi muôn đời.

23. SỰ TÍCH BA ANH EM MỘT NHÀ LÀM TƯỚNG CỦA HAI BÀ TRƯNG

Tương truyền Hách Thanh và Hương Trản là anh em song sinh, mà Kiều Hoa là cô em gái út. Cha họ Nguyễn tên Hùng, người xã Quang Liệt, huyện Yên Mô, phủ Trường Yên, đạo Thanh Hoa Ngoại. Mẩu nằm mơ gặp ông lão từ trên trời giáng xuống, tay cầm hai chiếc râu rồng đưa cho bà, rồi thần nhân tự thăng thiên mà biến. Từ ấy thân mẫu cảm động có thai, đến ngày 10 tháng Giêng sinh ra một bọc hai con trai đều là mặt rồng mắt phượng, ở bụng mỗi người đều có hàng chữ: Nhất vị thiên thần Hách Thanh đại vương và Nhất vị Hương Trản đại vương. Ba năm sau, thân mẫu lại sinh thêm một cô con gái nữa mà đặc biệt trên cánh tay trái có hàng chữ: Kiều Hoa công chúa. Đúng là một nhà đại phúc, sinh con trai thì tuần tú, hiền đức tài năng, con gái thì xinh đẹp, thiên hương quốc sắc. Cả ba người như cổ nhân đã nói: "Sinh nhi tri chi". Cha mẹ không tốn kém nhiều mà ba anh em thần học hành tấn tới, văn võ kiêm toàn, thượng thông thiên văn, hạ tường địa lý. Đến năm Kiều Hoa 15 tuổi, nhan sắc lại càng tươi đẹp. Bấy giờ Thái thú Tô Định nghe tin liền tìm đến xin thân phụ Hùng công gả Kiều Hoa cho y. Ông bà Hùng công không chịu nạm, Tô Định cả giận liền bức hại thân phụ của ba người. Từ đấy ba anh em thần ngày đêm nuôi chí căm thù giặc Tô Định, nuôi chí phục thù giết y để trả thù nhà nợ nước, mới ra sức chiêu binh mãi mã, sức tích binh lương, tập hợp anh hùng bốn cõi. Ngay ở địa phương Kinh Nhứt, Trục Định, đã có hơn 400 người hưởng ứng, sau đó đi theo nhập vào đoàn quân của Hai Bà Trưng. Bà Trưng phong cho Hách Thanh làm Thái bảo Đại tướng quân, Hương Trản là Thái phó Tướng quân, Kiều Hoa là Công chúa. Cùng ngày Bà

Trưng ra lệnh cho binh lính chia quân làm hai đạo cùng tiến công tiêu diệt Tô Định. Tô Định đại bại chạy về Bắc quốc, Bà Trưng lên ngôi Hoàng đế, ban phong tước cho các tướng sĩ cao thấp khác nhau:

- Hách Thanh là Thái bảo Đại vương.
- Hương Trăn là Thái phó Đại vương.
- Kiều Hoa là Cẩn tiết Công chúa.

Ban thực ấp ở xã Kinh Nhuế huyện Trục Định để lúc sống hưởng thực ấp, khi chết để cho xã ấy phụng thờ. Bấy giờ Kiều Hoa công chúa tâu xin Trưng Vương cho dân xã Kinh Nhuế được miễn mọi thuế khóa, binh dịch, để cho họ lo hầu hạ tam vị. Giặc tan, đất nước thanh bình, quốc gia vô sự, anh em nhà thần làm sớ tâu vua xin được lưu lại quê nhà để giúp đỡ nhân dân hưng thiện trừ hại, khuyến khích nông tang. Sau khi tam vị hóa, dân địa phương nhớ công ơn bèn cùng nhau tu tạo miếu đến thờ phụng. Vua nghe tin, cho người về tận nơi lo việc tang lễ và phong sắc:

- Hách Thanh là Thuần hòa Hồng hy Đại vương.
- Hương Trăn là Khoan lương Bảo hộ Đại vương.
- Kiều Hoa là Cẩn tiết Công chúa.

Từ sau ngày tam vị hóa, rất linh thiêng, quốc đảo dân cầu đều ứng nghiệm.

24. SỰ TÍCH HAI ANH EM ĐÁNH GIẶC TÔ ĐỊNH

Tục truyền, cha của nhị vị là dòng dõi vua Hùng làm Quan lang Phụ đạo, người thôn Đường Cát, xã Phù Minh, tổng Thanh Minh, huyện Hoàng Hóa, phủ Hà Trung, đạo Nội Thanh Hoa (tức Thanh Hóa sau này), tên là Trương Sùng Liên, thân mẫu là con gái của quan Tiến Châu tên gọi là Lan Hoa. Có một đêm thân mẫu của nhị vị chiêm bao lên bàn đào của Tây Vương Mẫu ở thượng giới ngắt được hai bông hoa: một bông hoa đào, một

bông hoa huệ. Từ đó thân mẫu có thai, rồi sinh ra nhị vị: anh là Trù công, em là Thuận nương. Anh trai thì mặt vuông tai lớn, răng trắng môi hồng, tay dài quá gối, cẳng chân có ba chiếc lông màu đỏ mọc ngược dài hơn hai tấc; em gái mày ngài mắt phượng, sắc tựa mai hoa. Anh thì học một biết mười, không gì không tỏ tường. Em gái xinh đẹp đến mức chim sa cá lặn, trắng thẹn hoa hờn.

Lại nói, bấy giờ Thái thú Tô Định nghe tin Thuận nương xinh đẹp khuynh quốc khuynh thành, y sai người tìm tới nhà Trương gia công, rồi triệu ông bà lên kinh để hỏi Thuận nương làm vợ.

Trương công không bằng lòng, Tô Định liền nổi giận, rồi ghép ông bà Trương vào tội phạm pháp mà ám hại. Sau đó ông còn tìm cách bắt cô để giết. Cô cùng anh trai trốn đến chùa làng Tử Tế, giả làm tăng ni đạo sĩ, sớm tối chiêu binh mãi mã, chờ ngày giết Tô Định trả nợ nước thù nhà. Số người đi theo giúp nhị vị đã tới con số hơn ba ngàn người, trong ấy có nữ nghĩa sĩ Đào Ngọc Hoa nương, là một cô gái cũng thạo nghề cung kiếm, giúp đỡ nhị vị nhiều việc trong quân. Bấy giờ nghe tin Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa tại Hát Môn giang, anh em liền mang hết sĩ tốt trong bản bộ nguyện đi theo Bà Trưng cùng tiến quân đi đánh đuổi giặc Tô Định cho đến khi toàn thắng. Bà Trưng lên ngôi vua, Ba năm sau, giặc lại tới để báo thù, thế và lực giặc mạnh đông hơn ta gấp bội. Sau Bà Trưng tự tử nhị vị rút về miền quê biển, cuối cùng không thể bảo toàn được lực lượng, nhị vị cũng tự sát. Nhân dân nhớ ơn nhị vị đã bảo nhau sửa sang từ vũ, viết tên thân hiệu phụng thờ làm thần làng. Kể từ sau khi nhị vị hy sinh, lịch đại đế vương các triều cầu mưa được mưa, cầu nắng được nắng, mới biết các vị rất linh thiêng, bèn phong là Thượng đẳng Phúc thần và ban phong mỹ tự.

Nhất vị là Dương cảnh Thành hoàng Thiên quan Cửa chùa, Phù quốc dục vận, Cương nghị quả đoán, Thánh đức chí nhân Thượng đẳng Tối linh Đại vương.

Nhị vị là Tuyên hòa Trinh thuận, Cẩn tiết Phương Dung nhân lãnh linh nghi, Đoàn trang yếu diệu Na phu nhân công chúa.

25. BÀ TRUNG VỚI QUÊ HƯƠNG LÂM THAO

Tục truyền rằng: Hai Bà đã mang quân tiến theo sông Hồng để đánh dẹp các đồn quân Hán đóng. Quân của Hai Bà chia làm hai đạo thủy bộ cùng tiến về mạn ngược. Khi đến ghềnh Lờ anh Lại gặp nước chảy mạnh, thuyền quân lại chở nặng nên quân không vượt nổi qua ghềnh. Quân sĩ lo bị giặc đánh bất ngờ, và lại thấy rằng thuyền cứ bơi lên lại bị tụt xuống chắc là có điều gì chẳng lành. Bà Trưng Trắc liền ra đứng ở mũi thuyền hướng về núi Hùng mà khấn rằng: "Xin tổ tiên phù hộ cho con cháu hành quân vượt được ghềnh này để quét sạch lũ giặc Hán, để cho con cháu được đền nợ nước trả thù nhà nối nghiệp xưa...!". Bà Trưng khấn xong bỗng có luồng gió kéo đến ào ào như chuyển cả bầu trời, các quân sĩ hướng cả về phía núi Hùng mà lễ vái, cho rằng đã được vua Hùng linh ứng phù hộ. Nước rút dần, ai nấy đều mừng. Bà Trưng liền truyền lệnh đốc thúc quân sĩ vượt ghềnh kẻ chèo người lái, kẻ kéo người đẩy hò reo vui như ngày hội.

Vượt qua được ghềnh Lờ, quân của Hai Bà kéo đến làng Quê (tức làng Quỳnh Lâm, xã Bản Nguyên) thấy dân cư đông đúc, tre bao bọc quanh làng xanh tốt như bức thành, Bà Trưng hạ lệnh cho quân sĩ đóng lại nghỉ ở Vò Ván để chuẩn bị vượt thác Linh Đài (thuộc thôn Thành Chu, xã Bản Nguyên) và vực Quan âm (cùng xã).

Mấy hôm sau quân của Hai Bà tới kẻ Giỏ (làng Hữu Bồ, xã Kinh Kệ, Phong Châu, Phú Thọ) đóng quân lại. Hai Bà vào bái yết đền thờ Xuân Dung công chúa thuộc dòng nhà Hùng để cầu xin được âm phù cho được thắng trận. Đêm hôm đó Bà Trưng nằm mộng thấy Xuân Dung công chúa hiện ra báo cho biết: sẽ sai con giai là Đinh Công Tuấn (tướng của Thục An Dương

Vương) theo quân Hai Bà để âm phù. Tỉnh giấc dậy, Bà Trưng vui mừng liền báo lời thần mộng cho mọi người cùng biết rồi làm lễ tạ đền Xuân Dung công chúa. Hai Bà đóng quân lại ở kẻ Giở để mộ quân và luyện tập quân sĩ.

Hai Bà chia quân làm ba đội: Một đội bảo vệ nữ chúa, một đội quân con trai, một đội quân con gái. Chia ra các đội quân như vậy cho nghiêm quân ngũ tiện việc luyện tập, việc chỉ huy, và cũng tiện cả cho việc chơi bời ăn ở nữa. Hai Bà cũng mộ thêm quân ở kẻ Giở, nhân dân các làng xung quanh đến ứng nghĩa rất đông. Tập hợp quân ngũ xong. Hai Bà lại cho rèn luyện quân sĩ ngày càng thông thạo.

Sau một thời gian, Hai Bà về núi Hùng làm lễ tế tổ tiên, cầu xin phù hộ cho cuộc khởi nghĩa được thắng lợi. Trên đường về núi Hùng, Hai Bà có qua xã Cao Mại thăm đền Mẫu thờ bà Nguyệt Cư công chúa là con gái vua Hùng thứ sáu. Khi qua nơi đây, Hai Bà cho quân sĩ nghỉ lại và cho đàn voi ăn no tắm mát nghỉ ngơi tại gò Mả Mồ, voi của Hai Bà đầm thành một cái ao ở đỉnh gò, sau này các voi rừng thấy đây có nước cũng cứ kéo nhau đến đây mà đầm, mãi trở thành cái ao lớn, rồi người ta gọi là xứ Voi đầm.

Khi trở về làng Giở, Hai Bà lại cho quân nghỉ ngơi, luyện tập, vui chơi ca hát và đánh vật. Nam thì đánh vật, nữ thì ca hát. Ca hát và đánh vật sau này trở thành tục lệ trong các kỳ cầu tế của làng. Nhân dân địa phương đã có câu:

Mười hai, mười ba vật vờn,

Mười bốn vật ngả thi tài Bắc Nam.

Hát trống quân ở đây chỉ dành riêng cho con gái, địa phương thường gọi là "trống quân ta".

26. NHỮNG CÁNH ĐỒNG MANG TÊN CHIẾN CÔNG

Tương truyền rằng: sau trận đánh lớn xảy ra ở Lăng Bạc.

Trưng Vương cho lui quân về giữ thành Mê Linh và giao cho bà Trưng Nhị đem quân về giữ thành Dền, các đồn ải bảo vệ hai thành đều được củng cố và giao cho các tướng lĩnh trấn giữ như xưa. Mã Viện thấy quân ta rút liền cho quân đuổi theo những đả bị quân của các tướng: Bát Nàn, Thánh Thiên và Hồ Đề nương chận đánh cho tơi bời mà không thể tiến quân được.

Sau này Mã Viện lại tăng thêm quân và củng cố đội ngũ kéo về vây thành Mê Linh. Quân Mã Viện mới đến đã bị quân của ta từ trong thành và các đạo quân xung quanh xông ra đánh rất dữ, làm cho giặc chết nhiều, phải lui quân ra xa. Nhưng ít lâu sau giặc lại kéo vào vây thành, và cứ như vậy, nhiều trận xảy ra liên tiếp xung quanh thành kéo dài hàng mấy tháng dằng co dai dẳng, hai bên đều thiệt hại mà không phân thắng bại. Nơi đó sau này người ta gọi tên là cánh đồng "Dại".

Có một trận đánh, quân ta đào hố sâu ngoài giữa cánh đồng rồi đêm tối, quân ta rút từ trong thành ra nấp kín dưới hố sâu, cho một số quân đến gần nơi đóng quân của giặc để khiêu chiến. Giặc thấy quân ta ít, chúng liền cho số quân đông gấp bội đuổi theo định bắt sống quân ta. Ta giả vờ thua chạy về phía cánh đồng quân ta bố trí sẵn, giặc đuổi theo đến đúng vòng vây của ta. Bốn phía từ dưới hầm kín, quân ta xông lên giết giặc, quân giặc bị đánh bất ngờ nên chúng hoảng hốt chạy đổ xô vào nhau, bị ta chém chết, xác giặc chất cao thành đống, còn những tên sống sót tháo chạy thục mạng. Sau này nơi diễn ra trận đánh đó được đặt tên là cánh đồng "Đống".

Lại một trận nữa, Mã Viện dùng mưu lừa quân ta ra khỏi thành để đánh, chúng cũng cho đào hố và dùng các bụi cây để cho quân nấp kín nguy trang đánh lừa quân ta. Trưng Vương biết trước mưu giặc, liền mật báo cho các đạo quân bên ngoài bố trí đánh giặc theo kế "dùng mưu giặc đánh lại giặc". Đạo quân của Tể tướng Hùng Lự nương cùng em là Hùng Bạch Trạch bí mật đem quân đến sau lưng địch. Mặt trước trận địa, quân ta từ trong thành cũng ra ứng chiến, vờ như không biết gì. Khi quân

hai bên giáp chiến, quân giặc tướng quân ta đã trúng kế của chúng, liền cho quân tỏa ra vây bắt. Nhưng lập tức đạo quân của Tể tướng Hùng Lự nương xuất hiện một cách bất ngờ, đánh rất hăng. Quân giặc bị đánh mạnh cả hai mặt, chúng lúng túng bỏ chạy tán loạn, thừa thế quân ta xông vào giết chết nhiều giặc, hàng ngũ quân Hán bị vỡ tan tành. Nơi xảy ra trận đánh, sau này đặt tên là cánh đồng "Vỡ".

Cũng trong trận đánh này, khi bà Trưng Nhị nhận được tin cấp báo là quân địch đã vây hãm thành Mê Linh, bà liền lệnh cho các ông Hùng Thiên Bảo và Lũ Lũy tướng quân đưa quân về đánh giải vây. Bà Trưng Nhị cũng chia đường tiến quân theo các đạo và hẹn nơi hội quân sau khi chiến thắng. Quân ta từ ba phía thẳng hướng tiến về thành Mê Linh.

- Đạo quân của Lũ Lũy tướng quân từ đồn Văn Lôi tiến về.

- Đạo quân của ông Hùng Thiên Bảo từ Toàn Liệt kéo về.

- Đạo quân của bà Trưng Nhị từ thành Dền kéo về theo đường chính lộ. Cả ba đạo quân dưới quyền chỉ huy của bà Trưng Nhị kéo đến gần thành Mê Linh thì được tin giặc đã bị quân của Trưng Vương từ trong thành đánh ra và quân của Tể tướng Hùng Lự nương đánh từ sau lưng, làm cho giặc thua to, bị chết nhiều, số quân giặc tháo chạy bị quân ta đuổi theo tiêu diệt, còn sống sót tên nào chạy đâm đầu vào các đạo quân của Lũ Lũy tướng quân và đạo quân của ông Hùng Thiên Bảo, đều bị quân ta bắt sống hoặc giết chết. Khi ba đạo quân tiến về đến thành Mê Linh được tin quân ta thắng lớn, quân giặc bị thua to và đã chạy xa. Bà Trưng Nhị liền hội quân ngay giữa cánh đồng để cho quân nghỉ ngơi. Bà Trưng Nhị cùng hai ông Hùng Thiên Bảo và Lũ Lũy cùng một số tướng lĩnh khác trong các đạo quân trên được vào thành bái yết Trưng Vương. Trưng Vương liền cho mở đại tiệc khoản đãi Bình Khôi công chúa và các tướng lĩnh, quân sĩ. Yến tiệc xong, bà Trưng Nhị cùng các tướng lĩnh nhận chiếu lệnh của Trưng Vương cho rút quân trở về trấn giữ đồn trại cũ. Thế là các đạo quân trên phải về không được đánh mà

giặc đã tan. Nơi đóng quân nghỉ lại đó, sau này được đặt tên là cánh đồng "Đổi" (nghĩa là bị đổi không được đánh).

Xung quanh làng Hạ Lôi thuộc xã Mê Linh, huyện Yên Lãng nơi có ngôi đền cổ kính thờ phụng Hai Bà Trưng, có ngôi thành cổ từ đầu công nguyên đang được nghiên cứu, nơi đây đã để lại cho ta nhiều di tích, nhiều truyền thuyết đáng lưu ý. Từ các ngõ xóm, con đường làng, đến các cánh đồng đều được mang tên những chiến công lịch sử từ thời kỳ Hai Bà Trưng oanh liệt và bất khuất. Thật là:

"Danh thơm muôn thuở lưu truyền".

27. SỰ TÍCH THIẾU HOA CÔNG CHÙA

Khi xưa, vào thời nhà Hán đô hộ nước ta, tại động Lăng Xương, huyện Thanh Châu có hai vợ chồng Hoàng Phụ và Đào Thị Côn, nhà nghèo làm nghề kiếm củi độ thân, hai ông bà chỉ sinh được một người con gái đặt tên gọi là Thiếu Hoa. Khi cô 16 tuổi thì đã có nơi hỏi làm vợ mà ý cha mẹ cũng muốn gả chồng cho, nhưng cô nhất định không chịu đi lấy chồng, xin ở lại nhà phụng dưỡng cha mẹ cho trọn đạo hiếu để đền ơn sinh thành, cha mẹ cũng chiều lòng, không ép uống gì nữa. Cách thiếc mấy tháng thì hai ông bà Hoàng Phụ đều tạ thế. Thiếu Hoa làm lễ táng cha mẹ xong, bỏ nhà đi tìm chỗ danh lam mà ở đấy tu hành. Một hôm cô đi tới chùa Phúc Khánh thuộc xã Song Quan thấy phong cảnh đẹp đẽ, dân ở đông vui, lấy làm vừa ý, liền xin các cụ kỳ lão trong làng cho ở chùa ấy. Các cụ kỳ lão vui lòng cho cô ở chùa Phúc Khánh ngay ngày hôm đó. Cô rất siêng năng thành kính về việc thờ cúng, ngày hai buổi sớm tối tụng kinh niệm Phật nhưng ban đêm thì học tập binh thư. Cô lại cần kiệm làm giàu cho nhà chùa và làm phúc cho những người nghèo khó. Vì cô có hăng tâm như thế, nên dân gian ai cũng có lòng kính ái, cô quy tại chùa Phúc Khánh được mấy năm thì được nghe nói bà Trưng Trắc khởi nghĩa ở Hát Môn để đánh Tô Định là Thái thú Giao Chỉ, cô lấy việc anh hùng trung nghĩa ấy làm hăm mộ

vô cùng. Cô đứng ra mộ ngay tại Song Quan được 500 lực sĩ mang về Hát Giang vào hầu bà Trưng Trắc tình nguyện theo bà đi dẹp giặc. Bà Trưng Trắc lấy làm vui lòng lắm liền ban khen và phong cho Thiệu Hoa làm Đông Cung tướng quân, sai cùng chư tướng đi đánh giặc Tô Định. Tô Định bị bại trận, nó liền tẩu thoát đi mất.

Vậy bà Trưng Trắc lấy được kinh đô và lên làm vua. Vua liền thiết yến khải hoàn và khao thưởng quân sĩ chư tướng, khi vua hỏi đến nữ tướng Thiệu Hoa, thì nữ tướng cúi đầu mà rằng: "Thần vốn là người con gái đi tu mà thôi, vậy những sự chức trọng quyền cao này nào có ích gì cho hạ thần đâu! Bệ hạ nghĩ đến công lao mà ân thưởng cho hạ thần, thần xin bệ hạ gia ân cho hạ thần được thực ấp một xã chỗ hạ thần ở là đủ. Vua thuận cho ngay, lại gia ban cho 100 cân vàng bạc và 40 tấm vóc điều thêu. Nữ tướng Thiệu Hoa lạy tạ vua trở về xã Song Quan. Sau bà Thiệu Hoa liền cho di táng phần mộ song thân về ở cạnh chùa Phúc Khánh, làm một tòa từ đường ở đấy và lại để ruộng cho dân phụng sự hương hỏa thiên thu. Bà làm lại ngôi chùa rất đẹp và kính dâng 50 cân vàng để làm của công dân.

Sau khi đã chu toàn các việc ân nghĩa ấy rồi, có một hôm bà đi chơi ra khỏi làng, tự nhiên một cơn dông phát ra rất dữ dội, đến khi tạnh mưa, dân làng đến thăm bà thì thấy bà đã thác. Dân sở tại đem sự tích tâu triều đình, Trưng Vương liền hạ lệnh cho xã Song Quan lập một ngôi đền thờ phụng bà và phong cho bà chức "Phụ vương Công chúa"

Sắc phong:

- Đinh Tiên Hoàng sắc phong: Linh phù Hộ quốc Đại vương.
- Lê Đại Hành sắc phong: Linh thịnh Hiến ứng Trung đẳng Nữ thần.
- Trần Thái Tôn sắc phong: Linh ứng Trợ thuận Đại vương.
- Lê Thái Tổ sắc phong: Anh linh Bảo thắng Đại vương.
- Khải Định nhị niên sắc phong: Chính uyển Dục bảo Trung hưng Tôn thần.

Ngày cầu:

- Ngày 2 tháng Giêng, ngày duyệt binh.
- Ngày 12, 13 tháng Giêng kéo quân ba hàng và đánh phết chia làm hai giáp, tung một quả phết, giáp nào cướp được thì được thưởng.

28. KHÂU NI CÔNG CHÚA

Nước Việt Nam xưa, thời Hán ở đất Phong Châu, có người con gái họ Quách tên là A Nương, dung nhan nghiêm chỉnh mặt mũi phương phi, má phấn môi son, mắt phượng mày ngài thật là một trang mỹ nữ.

Khi nàng 16 tuổi thì cha mẹ đều tịch, sau ba năm đoạn tang, nàng không muốn lấy chồng, dốc một lòng mộ đạo Phật.

Một hôm, nàng qua đến huyện Bách Hạc, phủ Tam Đái, đạo Sơn Tây vừa tới trang Nhật Chiêu thấy một ngôi chùa, bốn bề phong cảnh hữu tình, thật là vừa ý. Nàng bèn trụ trì ở chùa này, hôm sớm đèn hương, đặt tên hiệu là "Khâu Ni", ở đây được 3 năm chót, dân làng đều ái mộ lắm.

Bấy giờ Khâu Ni thấy Tô Định làm nhiều điều tàn nhẫn, mà vẫn chưa có người nào ra tay phò dân cứu nước. Khi đó có người cháu ngoại vua Hùng tên là Trưng Trắc là một bậc hào kiệt trong nữ giới, một bậc thần thánh trên đời, nổi dậy dấy binh đánh giặc. Bà Trưng tới cửa sông Hát lập đàn tế Thánh Tản Viên và cầu bách thần, khẩn rằng: "Trời đất sinh ra con người, làm chủ tể cho muôn loài rồi quan hệ cho núi sông cây cỏ, các bậc thánh chúa các triều đại được yêu nước thương dân, đức lớn thấm nhuần bốn bể, nên chốn triều đình có đạo, nước nhà được vô sự, thiên hạ được thái bình. Ngày nay có kẻ khác nòi là Tô Định ngông cuồng bạo ngược như loài chó lợn sát hại nhân dân vô kể, trời đất quỷ thần đều phẫn nộ. Thiếp tôi nay là người cháu gái Hùng Vương xin vì nghĩa trừ tàn, cầu khẩn các đấng thần linh về chứng giám và phù hộ cho tôi đuổi được giặc, cứu

được nước vớt nhân dân ra khỏi vòng nước lửa, ngô hầu không phụ ý trời mong muốn, thỏa vong hồn tổ tiên nơi chín suối!".

Khẩn xong, bà Trưng Trắc truyền hịch đi khắp các nơi để kêu gọi các nhân tài nghĩa sĩ gái trai về giúp nước.

Ngay hôm đó, nàng Khâu Ni được nghe hịch của bà Trưng Trắc, phấn khởi trong lòng, mộ được hơn nghìn quân đều là người làng, liền cho chỉnh đốn đội ngũ mà đưa thẳng tới dinh trại của Bà Trưng. Thấy Khâu Ni là người có tài, bà Trưng Trắc liền cất lên làm Tả tướng quân lĩnh chức Tiên bộ Tiên phong để phòng quân giặc ở hai ngả phía nam và phía bắc tràn đến. Khâu Ni đường hoàng dẫn quân đi, về đến chùa Nhật Chiêu hạ trại. Người trang Nhật Chiêu từ già đến trẻ đến đón mừng và xin tình nguyện gia nhập nghĩa quân. Khâu Ni vừa lòng lắm, lựa chọn được ba mươi lăm người vừa nam vừa nữ khỏe mạnh để làm chân tay thân tín hộ vệ cho mình.

Khâu Ni thấy địa thế trang Nhật Chiêu sơn thủy kỳ lạ như phượng múa rồng bay, thật là một thắng cảnh lại là đất có địa thế hiểm trở mới tuyển quân sĩ và cùng với dân làng xây dựng đồn trại để chống nhau với giặc. Khâu Ni đóng đồn quân ở đây cùng nhân dân làm ăn, thường lấy đức hạnh để quy phục lòng người.

Khâu Ni theo lệnh hội quân của bà Trưng Trắc cùng đưa quân về tiến đánh Tô Định, đồn giặc tan vỡ, quân giặc chạy tán loạn, quân tướng giặc bị bắt và bị chết rất nhiều. Hai Bà Trưng thu hồi tất cả sáu mươi lăm thành trì, giành lại toàn vẹn lãnh thổ nước Nam. Trưng Trắc được tôn lên ngôi vua, giữa tiết mùa xuân, thượng tuần tháng hai.

Trưng Trắc sau khi lên ngôi vua, mở tiệc khánh hạ, khao thưởng tướng sĩ, luận công phong chức. Khâu Ni được phong "Khâu Ni công chúa": cho thực ấp ở huyện Bạch Hạc.

Hưởng lộc nước được ít lâu, Khâu Ni mất vào ngày mồng Mười tháng Hai năm Nhâm Dần, nhân dân lập đền thờ tưởng nhớ người con gái anh hùng có công với nước.

29. VĨNH HOA CÔNG CHÚA

Dưới thời thuộc Hán, ở đạo Hồng Châu (Hải Dương bây giờ) trang Mao Điền có người con gái họ Phùng tên là Vĩnh Hoa từ nhỏ được học tập võ nghệ lại đọc sách ngâm thơ, người người biết tiếng. Vĩnh Hoa nường tính tình hòa nhã, dung mạo đoan trang, gương mặt như bông phù dung tươi tắn, con mắt long lanh như ánh nước hồ thu. Vĩnh Hoa đẹp như một cây xuân nẩy lộc. Tuy là phận gái, Vĩnh Hoa chỉ ham thích ruổi ngựa bắn cung, tìm hào kiệt trong đời để kết bạn, thường vẫn nói: "Lưỡi kiếm trong tay phải tắm máu giặc, có ngày quét sạch giặc Hán ra khỏi bờ cõi, chí lớn của ta là như thế!".

Năm Vĩnh Hoa 18 tuổi bố mẹ đều theo nhau qua đời. Vĩnh Hoa trao cả gia sản cho ông cậu, một ngựa một kiếm lần bước ra đi.

Ngày đi đêm nghỉ, đến đạo Sơn Tây, phủ Tam Đái, huyện Yên Lạc thấy trang Tiên Nha địa thế rất đẹp, như con rùa lớn nổi lên bên dòng sông Nguyệt Đức, thật là phong cảnh hữu tình, có bến có chợ, làng xóm cũng đông vui. Vĩnh Hoa cho rằng nơi đây có thể lập được chí mình, mới nghỉ lại ở đó, bỏ tiền ra làm nhà mua ruộng, tìm người cày cấy để tìm cách chiêu mộ sĩ tốt. Lại nghĩ nơi đây thuyền buôn các nơi qua lại, chợ búa sầm uất, có thể liên kết được với các hào kiệt bốn phương, mới mở ngôi hàng bán nước tự mình bán hàng để tìm kiếm những người cùng chí hướng.

Phụ lão trang Tiên Nha biết Vĩnh Hoa không phải người tầm thường, rủ các trai đinh đến gặp Vĩnh Hoa, đều xin quy phục làm thần tử, tôn Vĩnh Hoa làm trưởng trang. Vĩnh Hoa vui lòng nhận lời vì nghĩ đó là điều hay, có thể xây dựng nền móng để tụ nghĩa. Từ đó Vĩnh Hoa chiêu dân lưu tán các nơi, đón những kẻ bị ức hiếp phải rời quê hương bản quán, và mở rộng trang ấp, ngầm rèn đúc khí giới, chứa cất lương thực để đợi thời cơ. Các hào kiệt tìm về xin theo, cùng cày ruộng cùng mùa

giáo. Thanh thế Vĩnh Hoa ngày càng hùng vĩ. Vĩnh Hoa chọn mười cô gái giỏi võ nghệ có mưu trí làm thủ túc, ngày đêm gần gũi bên mình. Lúc ấy nam binh nữ tốt đã có tới ngàn người. Vĩnh Hoa mới cắt cử các đầu mục, chia thành đội ngũ, cày ruộng lấy lương ăn, tự rèn lấy gươm sắc giáo dài, tự chế lấy nỏ bên tên cứng. Các phụ lão đều nói: "Chúng ta may còn được thấy cảnh tượng thái bình, trời đất này quang sạch chăng? Chắc cái ngày ấy cũng gần tới rồi, chúng ta phải cố sống?". Phủ quan Hán thấy thanh thế trang Tiên Nha như lửa đã bốc, mới giật mình kinh sợ, phái quân đánh dẹp. Vĩnh Hoa biết lúc này không thể chần chừ được nữa, vả lại các bộ lão, các đầu mục đều xin đánh giặc Hán, khí thế như dầu sôi lửa bốc. Vĩnh Hoa bèn cho giết lợn mổ trâu, cáo tế các thần sông núi, khao thưởng quân sĩ, thổi sáo đánh trống, múa hát làm vui, rồi đào hào đắp lũy cự địch với quân Hán.

P phủ quan đánh không nổi trang Tiên Nha cấp báo tin dữ về cho Tô Định. Tô Định lúc này cũng đang lo lắng hốt hoảng vì tin tức các nơi dồn dập báo về, quận Giao Chỉ đang như nổi nước bắc trên bếp sôi lên sùng sục. Tô Định truyền lệnh cho các châu các huyện phải cố thủ thành trì, phòng giữ cho nghiêm cẩn để phòng nghĩa quân tiến đánh.

Một hôm Vĩnh Hoa đang coi quân tập bắn nỏ chợt có nữ tốt vào báo có người lạ xin đến ra mắt để bàn việc lớn. Vĩnh Hoa truyền lệnh mời vào rồi chỉnh tề y phục thân tiếp khách. Khách là một người đứng tuổi mặt vuông mồm rộng, mắt sáng như chớp, đi đứng khoan thai, có vài người cùng theo, mặc áo vải quần nâu, không mang khí giới gì. Vĩnh Hoa biết khách không phải người thường, cung kính mời trầu nước. Sau một tuần nước. Vĩnh Hoa hỏi khách họ tên gì, từ đâu tới, có điều gì dạy bảo. Khách thông thả nói: "Khoan hỏi họ tên. Tôi nghe nói Vĩnh Hoa nương là anh hùng ở đời này, muốn đến cho được biết người, nay mới biết tiếng đồn quả không sai". Vĩnh Hoa nhún nhường, lại xin khách bảo cho điều hay lẽ phải. Khách nói: "Nàng có thể chống được đại quân của Tô Định chăng? Nàng có thể đóng giữ

một trang này mà làm lay động được ca Giao Châu chăng? Nếu Tô Định đem quân các nơi về cùng đánh, nàng có thể giữ được cái trang Tiên Nha nhỏ bé này chăng?". Vĩnh Hoa ngẫm nghĩ giật mình, xin khách mách bảo cho kế lâu dài. Khách nói: "Giặc Đông Hán tham tàn. Tô Định lại là một tên Thái thú ham của khát máu, cho nên bốn phương anh hùng đều đã nổi dậy. Nàng không nghe nói Lê Chân ở miền biển, Bát Nàn ở Tiên La đã từng đánh quân Tô Định thất điên bát đảo hay sao? Ở biên giới có Bạch nương, Vân nương, vùng núi rừng Thiên Sơn có nàng Hồ Đề tự xưng Đại vương, châu Đại Nam có Xuân Hoa đã tự nghĩa, ở đồng bằng sông Bồ Đề có Triệu Tam Trinh, nơi ba sông lớn giao nhau có Quách A nương, nói ra còn nhiều không xiết. Chính vì thế mà Tô Định mới không động đến cái trang nhỏ này. Vả lại Tô Định tham bạo nhưng lại nhút nhát, nay nó cho lệnh cố thủ thành từ các châu huyện, đó là dịp may cho nghĩa quân các nơi. Nhưng nếu cứ mỗi người một côi thì đuổi sao được giặc? Nếu có người mách Tô Định kế bẻ dũa từng chiếc thì nhân dân nước Nam Việt ta bao giờ mới thoát được cảnh chìm đắm lầm than? Tôi chính là Nguyễn Tiến Cơ, là người thân cận của hai bà họ Trưng ở Mê Linh, được lệnh Hai Bà cho đến để bàn kế cùng nàng, cùng nhau hợp sức đuổi giặc", nói đoạn, hai tay cung kính đưa hịch của Bà Trưng cho Vĩnh Hoa. Vĩnh Hoa đón lấy đọc, đọc xong nét mặt tươi cười, nói rằng: "Hai Bà là con quan Lạc tướng, dòng dõi các vua Hùng, là chúa trong đám anh hùng (vị anh hùng chúa), có trí tuệ sâu xa, chúng tôi không đáng cấp giáo theo hầu!" Lại ngoảnh bảo các người thân tín cùng đứng quanh rằng: "Nay cả nước phải hợp sức lại dưới cờ của Hai Bà cùng đánh rắn đập đầu mới mong lấy lại được giang sơn, giành lại được cơ nghiệp tổ tiên, cứu dân thoát khỏi vòng nước lửa". Bèn giữ Nguyễn Tiến Cơ ở lại vài ngày nhờ giúp đỡ việc chỉnh đốn quân ngũ. Nguyễn Tiến Cơ từ chối, lại nói rằng: Chỉ nội ngày mai, sớm tối thế nào Quách A nương cũng kéo quân qua đây về Mê Linh hợp mặt với hào kiệt các nơi dưới cờ đại nghĩa của Hai Bà. Nàng cũng nên nhanh chóng đem quân đến không nên chậm trễ".

Quả nhiên sáng hôm sau, mặt trời vừa tới ngọn cây sào núa, giữa dòng sông có một đoàn thuyền lừng lững trôi, sau chiếc thuyền lớn dong buồm đi một hàng thẳng tắp, xung quanh có hàng chục chiếc thuyền nhỏ cùng xuôi. Trên thuyền đi đầu có một chiếc trống cực lớn, các lực sĩ đứng quanh đầu chỉ chấm tang trống. Chiếc thuyền đi giữa có dựng một ngọn cờ đại sắc vàng viền đỏ, giáo dựng ở mạn thuyền ánh mặt trời chiếu vào sáng quắc, hàng chục mái chèo cùng khua sóng, bọt nước tung toé như hoa. Vĩnh Hoa cùng các đầu mục ngấm mãi không chán. Vĩnh Hoa than rằng: "Hàng ngũ chỉnh tề, quân uy hùng tráng! Ta thật còn thua kém? Những người như thế mà cùng đứng dậy, giặc Hán tất phải ôm đầu cuốn cờ mà chạy khỏi đất nước Nam ta". Bèn truyền lệnh mổ trâu giã bánh khao quân, giao mọi công việc trong trang lại cho các phụ lão, sáng hôm sau đem hơn một nghìn sĩ tốt về Mê Linh yết kiến Hai Bà.

Hai Bà Trưng thấy Vĩnh Hoa diện mạo khác thường, lại tài kiêm văn võ nên cũng mười phần yêu mến, phong cho làm Nội thị tướng quân, được theo Hai Bà ở đạo trung quân dự bàn mọi công việc, còn quân của Vĩnh Hoa cũng được phiên chế lại.

Hai Bà đem quân về nghỉ ở Bạch Hạc một ngày, cười ngửa ngắm xem địa thế, biết đây là nơi hiểm yếu, là nơi cửa ngõ thành Phong Châu cũ, nhớ tới tổ tiên, lại nghĩ tới vận nước, trong dạ bồi hồi. Bà Trưng chị quay lại bảo Bà Trưng em: "Nay mai em phải về đây xây dựng nơi này thành nơi cứ hiểm phòng giữ lâu dài cùng là gìn giữ lấy phần mộ cha ông". Hôm sau Hai Bà về núi Hùng làm lễ cáo tế tổ tiên xin phù hộ cho dẹp yên giặc Hán, lấy lại được nghiệp cũ, rồi sau đó Hai Bà kéo quân về Hát Môn lập đàn khởi nghĩa.

Từ đó lệnh khởi nghĩa truyền đi cả nước, khắp các châu các huyện, các làng các động gươm giáo dựng lên cờ bay phấp phới. Các thành trì của giặc Hán lần lượt rơi vào tay nghĩa quân. Thủ phủ Luy Lâu của Tô Định tan vỡ trước sức tấn công mãnh liệt của đại quân Hai Bà. Chưa đầy một năm, Hai Bà đã thu hồi

được 65 thành trì cõi Lĩnh Nam, lên ngôi vua, đóng đô ở đất Mê Linh, không chịu thần phục nhà Hán.

Trưng Nữ Vương mở tiệc khánh hạ, khao thưởng ba quân, phong cho các tướng có công. Vĩnh Hoa được phong Công chúa: cho phép lấy trang Tiên Nha làm thực ấp, cho xây dựng đồn trại bên sông.

Ba năm sau, Mã Viện thừa lệnh vua Hán cầm quân sang đánh chiếm lại nước ta. Nhiều trận đánh lớn diễn ra ở các miền sông Đống, sông Mã, sông Hồng. Vĩnh Hoa ngày đêm nghiêm cẩn tuần phòng. Một hôm Vĩnh Hoa tiếp được lệnh vua Bà cho gọi về triều theo trung quân cùng vua đánh giặc. Mã Viện hai lần thua lớn, xin vua Hán cử gấp viện binh sang, rồi mở trận đánh quyết liệt. Hai bên giáp trận, đánh nhau rất lớn ở Lãng Bạc. Hai Bà túng thế rút về Mê Linh. Mã Viện là một tên tướng quỷ quyệt có tài thao lược, mưu kế xảo trá, quân ta cự không lại, tan vỡ dần.

Hai Bà Trưng thế cùng lực tận, tuần tiết ở sông Hát.

Vĩnh Hoa rút về trang Tiên Nha cố sức cầm cự, nhưng biết là không giữ nổi nữa, mới cùng quân thủ túc lên ngựa xông vào trại giặc chém giết một trận rồi tử tiết theo Hai Bà ở sông Nguyệt Đức.

Hôm đó là ngày Mười Bốn tháng Chín¹

1. Vĩnh Hoa nương được Hai Bà phong vào hàng Nội thi công chúa, được kế cận Hai Bà, là một trong những nữ tướng thao lược kiệt xuất của Trưng Vương. Vĩnh Hoa công chúa được thờ ở đình Nghênh Tiên xã Nguyên Đức huyện Yên Lạc. Tiên Nha trang nói trong truyền thuyết trên chính là Nghênh Tiên, có thể gồm thêm một số thôn lân cận.

Vua Lê Đại Hành phong là "Vĩnh Hoa nương Linh hiển Nữ quốc Công chúa", lại phong là "Hằng nga uyển mị Trinh thực phụ nhân Tôn thần". Lê Thái Tổ (Lê Lợi) phong là "Đức hạnh đoàn trang Trinh tiết phụ nhân". Thời Lê Trung hưng. Vĩnh hoa nương được phong "Nhất vị âm thần Linh phù thanh khiết Đức hạnh phụ nhân".

30. XUÂN NƯƠNG CÔNG CHÚA

Vào thời thuộc Hán, ở châu Đại Man có vợ ông chủ trưởng tên là Đinh Thị Hiên Hoa, vợ chồng lấy nhau khoảng hơn 10 năm sinh được 7 người con trai nhưng chưa sinh con gái. Tới năm Giáp Tuất, bà sinh được một người con gái mặt sáng như gương, môi son má phấn, mắt phượng mày ngài, cổ cao ba ngón. Sinh nàng vừa được trăm ngày thì bà mẹ không may qua đời, hôm đó là ngày mồng 5 tháng 5 âm lịch, lúc này người bố phải tìm người vú nuôi, nhưng tính nàng vốn thanh cảnh mà không chịu bú sữa người khác, những người anh cứ phải đi tìm mít ngọt để mớm thay sữa. Nàng chỉ thích ăn củ mài và mít ngọt, đây một tuổi vẫn không chịu ăn cơm. Năm lên 5 tuổi, tính chỉ thích hoa đẹp hương thơm, do đó bố nàng một đặt tên cho nàng là Xuân Nương.

Tuy còn ít tuổi, nhưng nàng có những tính tình khác thường, hay chơi đàn hát, hay đánh cờ và ham đọc thơ ca, khi nàng một 13 tuổi thì người bố lại mất (ngày 12 tháng 10 âm lịch), người anh cả thay bố lên làm chủ trưởng, còn các anh khác thì chia nhau ở các châu động làm chức thổ quan ở đó.

Đến năm nàng 18 tuổi, diện mạo càng khôi ngô, sắc đẹp tuyệt vời, tuy là con gái nhưng võ nghệ lại rất tài, có sức khỏe, bắn cung giỏi, múa kiếm sành, so sánh với các bậc con trai thì khó có người đã kịp, công dung ngôn hạnh là bốn đức tốt của người con gái thì nàng cũng vẹn tròn, mọi người trong châu đều tôn phục mà gọi nàng là con gái họ Hùng, tiếng tăm lừng lẫy. Các tù trưởng, thổ hào ở các nơi châu động cũng đều mến phục tài ba của nàng, lúc đó trong nhà nàng thường thường có tới chục thị nữ cùng ăn ở, cùng học tập và tôi luyện văn chương võ nghệ để trở nên người tài giỏi.

Trong thời kỳ ấy, với ách đô hộ của nhà Hán, tên Tô Định là một bầy tôi đắc lực được sửa sang làm chức Thái thú nước ta, thi hành một chính sách rất bạo ngược, tham tàn, nhiều hại

nhân dân, gây nên rối loạn. Lúc đó, có ông Hùng Thắng là chủ trưởng châu Đại Man và ông Thi Sách chủ trưởng huyện Chu Diên⁽¹⁾ thấy tên Tô Định tàn ác như vậy, hai ông cùng hiệp lực xuất quân trong châu, huyện để trừng trị, nhưng Tô Định lấy thế mạnh đàn áp ngay và bắt giết cả hai ông.

Hùng Thắng công bị Tô Định giết hại, nàng Xuân Nương vô cùng đau thương và rất căm giận, bèn lập mưu kế chiêu dụ các tướng luyện tập binh mã đêm ngày, mong sao đánh được giặc cứu nước và trả được thù cho người anh thì mới yên lòng.

Dưới ách thống trị dã man tàn bạo của tên giặc Tô Định, nàng phải dùng hình thức giả mạo cải trang đi tu, nàng đi khắp đó đây trong các châu, huyện để tìm nhân tài nghĩa sĩ, cùng đi tìm lấy một ngôi chùa có địa thế để dựa làm nơi chiêu binh mãi tốt. Một hôm nàng cùng với bốn, năm cô gái trẻ đi đến trang Hương Nộn (Tam Nông) thấy cảnh chùa là nơi danh lam thủy tạo, thấy tổ đến thẳng vào chùa, liền ở lại để thắp hương lễ Phật và ít ngày sau trở thành một sư ni. Nhân dân thấy có sư đến ở chùa thì rất vui mừng, lại thấy nàng dáng điệu nghiêm trang, thông thạo kinh kệ, đạo pháp, các lão ông, thái bà đều mến phục, cùng lưu nàng ở lại giữ chùa niệm Phật, lúc này nàng cũng đang mong muốn ở lại nơi lam cảnh này để đạt theo ý định của nàng. Nàng bèn làm lễ nhập tự để tu ở chùa này.

Nơi ở đã ổn định, nàng dần dần đi chơi các trang bản trong châu huyện để thăm dò các anh hùng hào kiệt và tìm những người con gái có đức tài về ở cùng với nàng. Nàng vốn có tài lại có đức, có lòng rộng lượng, kính già yêu trẻ lại hay cứu giúp người nghèo. Nàng tu ở chùa này chưa đầy một năm trời, nhân dân trong vùng biết tiếng đều quý mến đạo đức và tài năng của nàng, người ta ví công đức của nàng như bể rộng trời cao, và có nhiều người dân đã gọi nàng là mẹ. Số gia thần nữ tốt của nàng

1. Hùng Thắng công là anh cả nàng Xuân Nương. Thi Sách là chồng bà Trưng Trắc.

lúc này đã có tới hơn 100 người (cả nam nữ) đều là người trong châu huyện.

- Xã Hương Nộn 31 người.
- Xã Hương Nha 33 người.
- Xã Nam Cường 27 người.
- Xã Tự Cường 18 người.

Ngày ngày ăn ở trong chùa giả làm sư tu đạo tràng tụng kinh niệm Phật, kỳ thực là luyện tập binh cơ để chờ thời khởi sự. Được hơn một năm, đang lúc nàng cùng với các gia thần nữ tốt tăng sức rèn luyện binh cơ thì có hịch của Hai Bà Trưng truyền lệnh khởi nghĩa diệt trừ bọn giặc Tô Định để trả nợ nước thù nhà. Trước khi Bà Trưng truyền hịch đi khắp nơi trong nước. Hai Bà Trưng đã nghe có tin đồn về nàng và được biết là một người nữ trung hào kiệt, đã nuôi chí phục thù cho anh bị Tô Định giết hại, nàng đã có công chiêu nạp một số binh sĩ luyện tập để chờ thời cơ. Biết rõ tin này, bà Trưng Trắc liền cho em là bà Trưng Nhị đem chiếu chỉ đến tận nơi đón nàng Xuân Nương về bản doanh hội kiến.

Nhận chiếu chỉ của Bà Trưng, nàng vâng lệnh và liền đó nàng đã công khai đứng ra chiêu mộ binh sĩ, số gia thần sĩ tốt mà nàng đã có sẵn trên một trăm người, cộng với 10 bộ thổ quan mừng, mỗi bộ 36 người cộng cả thấy 370 người, trong đó cứ mỗi bộ có 1 viên quản bộ. Nàng chỉnh đốn đội ngũ hợp quân cử tướng như sau:

Lập thành 10 bộ, mỗi bộ có chuyên trách từng việc:

- Bộ Mô trai thân quan chuyên việc cung cấp đồ chạy.
- Bộ Xích út thân quan chuyên coi việc bán.
- Bộ Bài chúc thân quan chuyên coi việc tiếp rượu.
- Bộ Đãi quan sát thân quan chuyên coi việc mổ trâu bò.
- Bộ Nhân tế thân quan chuyên coi việc chia cơm nước.
- Bộ Đông cung thân quan chuyên coi việc cầm tá quân.

- Bộ Tây quân thần quan chuyên coi việc cầm hữu quân.
- Bộ Nam quân thần quan chuyên coi việc cầm tiền quân.
- Bộ Bắc quân thần quan chuyên coi việc cầm hậu quân.
- Bộ Trung quân thần quan chuyên coi việc cầm trung quân, và kiêm tri các bộ.

Nàng chọn lọc tôn cử các tướng lĩnh thần quan trong binh ngũ xong, liền cho mổ trâu bò mở tiệc khao thưởng quân sĩ, rồi cất quân về xã Hương Nha, hôm đó là ngày 9 tháng 2 âm lịch. Đến Hương Nha, nàng cho đóng quân ngay trên bãi Giã bên Đông. Nơi đây địa hình rất đẹp, lại có nguồn nước chảy quanh, lại thuận tiện cho việc luyện quân, nàng liền nghĩ ra cách tổ chức các cuộc thi bách nghệ nhằm mục đích luyện quân. Nhân dân đến làm lễ bái hạ, rồi đón nàng về trong làng. Nàng truyền cho nhân dân thiết lập hai ngôi cung sở, nơi thượng cung thì nàng cùng nữ tốt ở, hạ cung thì thập bộ và nam binh đóng, nàng lại cho lập thêm 4 đồn nhỏ, chính cung của nàng ở giữa, địa hình giống như con rùa, trước cửa cung có hồ bán nguyệt, đằng sau có gò cao, có mạch nước dẫn tới, nàng để nàng cùng nữ tốt tắm gội (sau này dân gọi giếng đó là giếng Ngự).

Nàng đóng quân ở đây độ một tháng để họp mặt những nhân tài nghĩa sĩ trong vùng và các nơi xa gần, kết quả quân số đã có tới trên một ngàn người. Nàng liền cho sắp xếp quân ngũ chỉnh tề rồi kéo quân về đại bản doanh yết kiến bà Trưng Trắc.

Nàng kéo quân về đến bản doanh của Trưng nữ chủ, được đón tiếp nồng hậu, liền được Bà Trưng phong cho giữ chức "Tả quân thị nội" chuyên về thống lĩnh đạo quân phương đông, cho được giúp việc tham mưu trong quân ngũ.

Bà Trưng lại truyền hịch tiếp cho khắp các nơi trong các châu, huyện để tập hợp các anh hùng hào kiệt, phụ đạo, quan lang trong nước, khoảng 15 ngày đã thu thập được trên 6 vạn người trong đó có hơn hai ngàn quân và tướng là nữ, cùng kéo về hội đồng tụ nghĩa tại cửa sông Hát Môn.

Tại cửa sông Hát Môn, Bà Trưng lập đàn làm lễ cáo yết trời

đất và sơn thánh, bách thần. Bà khẩn rằng: "Thiếp tôi là người trong nữ giới, sót thay người dân lầm than cực khổ, dưới ách thống trị của kẻ nước ngoài tên là Tô Định, mang thói khuyến dương hà khắc hại dân, độc ác không khác gì thú dữ, không những người mà trời cũng căm giận, thiếp vốn dòng dõi nhà Hùng, nữ nào mà ngồi yên được, vậy xin trời đất, thánh thần phù hộ cho thiếp tôi để dấy quân giết giặc giữ nước cứu dân, kính dâng lòng thành, mong được âm phù của trời đất và các đấng thần linh!"... Khẩn xong, Hai Bà Trưng liền phân chia các đạo quân các mũi tiến công. Quân ta tiến như vũ bão thẳng hướng tới thành Luy Lâu đại phá một trận đại thắng, quân Tô Định thua to, bỏ cả thành mà chạy tán loạn, một trận cờ hồng rực trời trống chiêng dậy đất, diệt trùng quân ngũ, lỏng lẻo tướng trai, rầm rập lính gái, chém giết hàng ngàn quân giặc của Tô Định. Bà Trưng thu lại 65 thành, hết thấy bờ cõi đất nước Nam ta đều quay về một mối. Bà Trưng lên ngôi vua, phong cho bà Trưng Nhị chức "Bình Khôi công chúa". Các tướng nam nữ đều được thưởng công phong chức.

Xuân Nương lại được phong là Công chúa, Trưởng nội các Đông phương, Tả cung thị nội, được thưởng 100 nén vàng bạc và 100 sải lụa, gấm. Trưng Vương lại xuống chiếu chỉ cho làng Hương Nộn. Hương Nha, Nam Cường, Tự Cường¹ là nơi hộ nhĩ, còn sống thì cùng hưởng với dân và khi chết đi thì hương khói phụng thờ.

Giặc già đã yên, đất nước trở lại thanh bình, nàng xin vua Trưng cho về thăm những nơi châu ấp cũ, là những nơi căn cứ đóng quân và các nơi có gia đình binh sĩ của nàng. Bà Trưng chấp nhận. Nàng liền bái yết từ biệt Trưng Vương và triều đình, đưa quân trở về thăm quê (ngày đó là mồng 5 tháng Giêng âm lịch). Về đến làng Nam Cường, nhân dân ra đón rất long trọng và đông đảo, làm tiệc ăn mừng. Nàng ở lại đây một ngày,

1. Nam Cường nay chia thêm ra thôn Phú Cường, Tự Cường chia thêm ra thành Phú Cường. Cho nên có câu: "Nhị Hương, tứ Cường".

đến hôm sau (6-1 âm lịch) nàng về thăm làng Tự Cường rồi Tiến áo¹, đến ngày mồng 9 tháng 1 âm lịch thì về đến làng Hương Nha, về đến làng nào cũng được nhân dân đón tiếp long trọng và làm lễ bái hạ.

Về đến Hương Nha là nơi ấp cũ đã thành lập cung sở từ trước và đã có giếng Ngự, nàng nghỉ ngơi tắm rửa rồi bày tiệc khao thưởng binh sĩ và nhân dân, lại đem ra nơi bãi Già bên Đông để vui chơi giữa quân và dân trong tiệc.

Trong buổi tiệc cùng dự với nhân dân, nàng có nói chuyện với các cụ phụ lão rằng: "Dân ta đã đoàn kết tốt và phong tục rất tốt". Nàng thưởng cho 50 nén vàng bạc để sửa sang lại cung sở đồng thời truyền cho quân sĩ và nhân dân mổ trâu bò để khao thưởng ba quân.

Công việc ở Hương Nha xong, nàng lại trở về Hương Nộn là nơi tu hành khi trước. Nhân dân ra đón rước rất trọng thể và đông đúc làm lễ bái hạ. Nàng truyền cho quân sĩ sắm sửa lễ chay để nàng cáo yết lễ Phật. Làm lễ xong, nàng cho đóng quân lại đây để nghỉ ngơi và thăm xem phong cảnh. Nàng đến thăm cảnh chùa và dân trang Hương Nộn, công việc đã xong, nàng đưa quân về đất Man Châu nơi quê hương của nàng để bái yết tổ đường. Nàng cũng đã cho sửa chữa lại nhà từ đường để thờ phụng tổ tiên.

Những ngày nàng về thăm quê hương, nhân dân biết tin đều đến thăm hỏi và làm lễ bái hạ. Công việc xong, nàng đưa quân trở về triều đình nhận trọng trách của vua Trưng giao phó.

Lúc này trong triều đình có vị quan Phụ quốc đốc lĩnh thủy đạo tướng quân là ông Đặng Thi Bằng là em trai ông Thi Sách. Ông Bằng góa vợ sớm thấy nàng là bậc hùng tài trí dũng, trung thành nghĩa khí, nhan sắc tuyệt vời, ông có ý định hỏi nàng làm vợ và trình xin vua Trưng chấp thuận. Bà Trưng Trắc chấp nhận lời trình của em và cùng đem ý đó nói với Xuân Nương.

1. Tiến áo nay là Gia Áo.

Nghe lời vua Trưng nói, nàng vâng lệnh và ưng thuận. Từ đó nàng cùng ông Thi Bằng kết duyên chồng vợ, thật là loan phượng sánh đôi, sắt cầm hòa hợp trai tài gái sắc, phu phụ duyên hải, vua tôi đức hợp.

Bà Trưng Trắc lên ngôi vua, đất nước mới thanh bình được hơn hai năm thì nhà Đông Hán lại sai Phục Ba Mã Viện cùng phó tướng là Lưu Long đem đại binh sang xâm chiếm nước ta lần nữa. Bà Trưng sai quan Đốc lĩnh cùng nàng Xuân Nương đem quân ra đón đánh quân Hán, cả hai vợ chồng vâng lệnh dẫn quân xuất chiến. Mở đầu chiến trận sát lá cà, quân Hán bỏ vây bốn mặt, thế trận diễn ra ác liệt, ông Đốc lĩnh đánh 10 hợp mà không phá được vòng vây. Quân Hán vẫn tiếp viện thêm, thế trận trở nên gay gắt. Trong trận đánh dữ dội, không may ông bị một vết thương vào bụng và hy sinh trước trận tiền. Nàng Xuân Nương được tin dữ báo tới, lòng thương chồng vô hạn lại sục sôi chí căm thù giặc, nàng liền nhảy lên lưng ngựa, hai tay cầm hai kiếm cùng với thập bộ thần quan xông thẳng vào giữa trung quân của giặc, tiến đánh ra vào chém được hàng trăm đầu giặc và hàng chục tên tướng giặc trận đánh kéo dài đến nửa ngày. Nàng phi ngựa múa gươm như vũ bão, không may dải yếm bay mất bị hở vú ra, giặc trông thấy biết là nữ tướng, chúng bàn mưu cho quân sĩ cởi quần áo tiến sát vào quân ta, thét nhau: "ôm lấy? ôm lấy!" - "bắn mau! bắn mau!". Quân giặc áp đến gần, nàng then quá, hai má ửng đỏ mà rơi mất kiếm, nhưng thoát chốc nàng đã nhặt lấy kiếm mà xả vào lũ giặc. Nàng vùng kiếm chém hàng loạt đầu giặc rơi xuống đất rồi nàng đánh mở vòng vây, quân Hán phóng kích, nàng bị một vết thương vào sườn bên trái, lúc đó nàng đã có thai bốn năm tháng, nàng bèn lui quân và đi ngựa thẳng về làng Nam Cường, quân giặc vẫn đuổi theo. Nàng chạy về đến Nam Cường thì vết thương đau nặng, nàng phải nằm trên lưng ngựa, được nhân dân và gia thần đưa đi đường tắt đến nơi nghỉ. Được một lúc thì thấy quân Hán đến bao vây, quân sĩ của nàng đánh rất hăng để phá vòng vây và cho các gia thần vực nàng đi sang làng bên, nơi

hẻo lánh và thanh vắng, để nàng nằm trên một tảng đá lớn, máu chảy đầm đìa, thai trong mình bị đoạn⁽¹⁾. Đêm khuya gần sáng, đã ngớt máu giảm đau, nàng lại cưỡi ngựa đi qua Tiền Áo và Hương Nha. Về đến làng tương Nha trời đã gần sáng, nàng ra giếng Ngự tắm gội. Tắm xong, nàng để thập quan và tì tướng, nữ tốt ở lại, nàng một mình cưỡi ngựa thẳng về Hương Nộn, về đến nơi đây nàng hóa trên lưng ngựa, hôm đó là ngày 15 tháng 2 âm lịch. Nhân dân các nơi thương nhớ liền tạc tượng và lập bài vị để thờ phụng, khói hương sùng kính. Đến ngày 20 tháng 4 âm lịch các thập bộ thần quan ở lại Hương Nha, được tin nàng đã hóa, mọi người cũng cùng nhau tự vẫn ngay cả trong hạ cung, nhân dân làm lễ mai táng ngay tại đó và sau lập đền thờ (ngày nay đền thờ đó vẫn còn di tích). Sau ngày nàng hóa, việc mai táng xong, nhân dân liền làm sớ tâu về triều đình vua Trưng. Bà Trưng Trắc thấy hai vợ chồng nàng vì nước mà hy sinh, Bà liền than rằng: "Lòng trời nữ quên ta, nay các tướng giỏi đã chết trước thì vận nước cũng nguy nan!". Vua bèn truy phong cho mỹ tự và sắc chỉ sai sứ thần rước về các làng hộ nhĩ và các nơi có lăng miếu được phụng thờ để di truyền đời sau ghi tiếng thơm mãi và để nhớ công ơn người vì nước quên mình. Sắc vua Trưng truy phong cho nàng: "Đông cung Đế bát Vị Ả Xuân Nương công chúa".

Cùng phong cho 10 vị thần quan, mỗi vị đều là "Đại vương" và chiếu chỉ cho các xã: Hương Nộn, Hương Nha. Trên áo, Nam Cường. Tự Cường đều được phụng thờ.

31. DOÃN CÔNG - ĐÀO NƯƠNG

Xưa kia, ở miền Tam Đới, đạo Sơn Tây có một cặp vợ chồng,

-
1. Hiện nay làng Nam Cường, xã Thanh Uyên huyện Tam Nông Phú Thọ, miếu thờ nàng Xuân Nương vẫn còn một di tích, là một tảng đá bằng nửa chiếc chiếu, tục truyền là đá cấm, và để thờ trong miếu. Trước cửa miếu có hai mộ am, có sách ghi chép: một am gọi là "hà sa hào tích" (hà sa là rau dền bà để).

ông là Nguyễn công, bà là Đào Thị Đức. Cả hai ông bà tuổi đều đã cao, nhưng họ vẫn chưa sinh được một mụn con nào. Một hôm, sau khi làm lễ tổ tiên, ông bảo bà rằng:

Người ta ngoài ba mươi tuổi mà chưa có con trai đã là bất hiếu, nay vợ chồng ta ngót năm chục tuổi tròn, vẫn chẳng có người nối dõi, thật là đại bất hiếu với tổ tiên.

Từ đó, ông bà chẳng còn thiết gì của cải trong nhà, chỉ chuyên ra tay làm phúc cho mọi người. Ba bốn năm sau, vào lúc gia tài gần đến ngày khánh kiệt, bỗng một đêm bà nằm mơ thấy một ngôi sao lớn từ trên trời rơi thẳng vào miệng mình. Bà nuốt ngôi sao vào bụng, chợt thấy lòng vui sướng khác thường. Thêm là đã có thai. Đủ ngày đủ tháng, bà sinh được một người con trai. Cả mừng, ông bà bèn đặt tên cho cậu bé là Doãn công.

Thời gian thấm thoát thoi đưa, chẳng mấy chốc Doãn công đã tròn năm tuổi. Khi ấy, giặc Hán sang cướp nước ta. Quan Thái thú của giặc là Tô Định nghe tin Nguyễn công nổi tiếng tài giỏi, liền cho gọi ông ra làm quan. Nguyễn công lấy cổ tuổi cao, con nhỏ, kiên quyết từ chối. Thế là, ông bị Tô Định bắt giam; cho đến khi chết, ông vẫn ở trong ngục tối.

Mẹ con Doãn công lâm cảnh khốn cùng, đành dắt nhau đi khắp mọi vùng kiếm kế sinh nhai. Một ngày kia, nghe tin ở khu Bảo Tháp, huyện Gia Bình, có tiên sinh Tín công là người chuyên dạy học và luôn giúp đỡ kẻ khốn khó, mẹ con Doãn công liền đưa nhau đến xin được nương nhờ.

Vừa trông thấy Doãn công, Tín công đã bàng hoàng cả người: "Chàng trai trẻ này hẳn là trời đã đưa đến cho ta. Mắt chàng sáng như sao, tay chàng dài quá gối, khí phách chàng thật hiên ngang như các bậc anh hùng mà ta hằng gặp trong mơ". Nghĩ vậy Tín công vội mở lòng đón mẹ con Doãn công và hết lòng chăm sóc. Nhưng từ ngày Nguyễn công bị bắt giam rồi qua đời Đào Thị thương nhớ chồng chẳng lúc nào nguôi. Ở nhà Tín công được một dạo, bà bỗng lâm bệnh rồi chết. Càng yêu quý Doãn

công, Tín công càng ra sức chăm chút, dạy dỗ chàng, cố không để chàng cảm thấy mình phải sống bơ vơ...

Đến tuổi trưởng thành, tướng mạo Doãn công càng khôi kỳ, tài văn võ của chàng càng rực rỡ. Tín công bên gả con gái mình là Đào nương cho chàng.

Ai cũng xúc động nghĩ rằng Doãn công cô gái út nay đã được đền bù.

Ai cũng mừng vui trước hạnh phúc tràn đầy của đôi trẻ trai tài gái sắc.

Cả khu Bảo Tháp giết trâu, mổ lợn, làm cỗ hàng trăm mâm, rượu mang đến hàng trăm vò. Họ ăn uống suốt mấy ngày liền. Họ tìm những lời đẹp nhất để ca ngợi Tín công và chúc mừng đôi trẻ.

Ai có biết rằng, cũng thời gian ấy tiếng đồn Đào nương không chỉ nổi tiếng tài giỏi, mà sắc đẹp của nàng ví không như tiên nữ ở chốn bồng lai, cung chẳng khác nào hoa thơm trong vườn vua chúa... đã lọt tai Thái thú Tô Định. Hắn liền sai tay chân đến nhà Tín công để đưa Đào nương về làm vợ. Tín công một mực chối từ. Thế là, Tô Định lập mưu mời bằng được Tín công về dinh Thái thú rồi giết chết ông.

Căm thù bốc cao như núi, vợ chồng Doãn công liền kêu gọi nhân dân trong vùng đứng lên trừ giặc. Chưa đầy một tuần trăng, hơn hai vạn trai tráng xa gần đã về tụ nghĩa. Doãn công - Đào nương bèn tổ chức xây dựng một doanh trại lớn ở đầu làng Bảo Tháp, ngày đêm ra sức luyện rèn quân sĩ. Thanh thế của nghĩa quân ngày càng mạnh. Trương Quán công từ Đông Cứu cũng mang hơn hai nghìn quân sang theo. Dòng nước đã cường nay lại thêm một con suối lớn nhập vào sức mạnh nghĩa quân thực là bội phần được nhân lên.

Doãn công - Đào nương đang chờ dịp dấy binh bỗng một sớm kia, khi trời vừa rạng, chợt có tin cấp báo: "Quân giặc đã tiến gần tới đất Bảo Tháp". Nhanh như cắt, Doãn công gươm chắc trong tay nhảy lên ngựa chiến chỉ huy quân dân trận. Lạ thay,

giặc chẳng thấy đâu, trước mặt Doãn công chỉ xuất hiện một cô gái nét mặt như chị Hằng nơi cung trăng, mình cưỡi ngựa đen, tay cầm kiếm vàng. Theo sau nàng là một đội hùng binh, khí giới tinh nhuệ. Doãn công bèn lên tiếng hỏi:

- Từ đâu tới đây, hỡi người nữ tướng kia; nhà ngươi muốn cướp đất ta chăng?

Nữ tướng đáp lại:

- Tôi họ Trưng tên Nhị, vốn người đất cũ Mê Linh, thuộc về đảng ngoại nhà Hùng. Chị tôi cũng họ Trưng tên Trắc, hiện đang đốc quân ở cửa Hát Giang Gần đây, vì nghe dân truyền tụng tướng công đang tụ quân khởi nghĩa. Trưng Trắc đã sai tôi mang tin thư này đến đây ngõ ý mời tướng công cùng về Hát Giang hội quân giết giặc.

Vừa nói Trưng Nhị vừa tiến lại trao tin thư, Doãn công liền mở ra xem, rồi chuyển tay cho Đào nương cùng đọc. Lời lẽ Trưng Trắc viết trong thư thật khiêm tốn nhưng thống thiết, lời cuốn lạ kỳ, ý nguyện của Trưng Trắc thật hợp với mong ước của Doãn công - Đào nương. Mừng vui khôn tả, ông bà tìm mọi cách mời Trưng Nhị cùng quân sĩ lưu lại doanh trại một đêm. Sớm hôm sau, tiệc khao quân đã được mở ra trước khi tất cả nghĩa quân Bảo Tháp cùng Trưng Nhị lên đường kéo về cửa sông Hát.

Trưng Trắc được tiếp kiến Doãn công - Đào nương lấy làm mừng lắm, Bà liền cho lập đàn cầu đảo trời đất, xin được phù trợ nghĩa quân ra trận. Hôm ấy dưới bến Hát Giang, thuyền chiến san sát, trống chiêng đánh vang ngàn dặm; trên trời Mê Linh, cờ xí rợp tay... Thật là một ngày hội ra quân hiếm thấy ở nước Nam ta. Xong việc, Trưng Trắc, Trưng Nhị cùng lên voi chiến chỉ huy đại quân nhằm thẳng hướng Luy Lâu - nơi Tô Định cùng lũ giặc Hán đang đóng - mà tiến.

Trong tiếng trống trận rền vang, Doãn công - Đào nương tả xung hữu đột giữa ngàn địch, lập nhiều công lớn. Giặc Hán tan tác như ong vỡ tổ. Tại dinh Thái thú, một trận đánh lớn đã xảy ra. Doãn công sát cánh bên hai chị em Trưng Trắc - Trưng Nhị

giáp chiến với quân Hán. Đầu giặc rụng như sung chín gặp bão lớn, Thái thú Tô Định vội bỏ cả quân ngũ, chuồn thẳng về phương Bắc.

Đất nước trở lại thanh bình, Trưng Trắc được nhân dân cả nước tôn lên ngôi vua, lập ra triều Trưng Vương. Do lập được nhiều chiến công lớn. Doãn công được Trưng Vương phong làm Đốc bộ Hải Dương. Đào nương phu nhân cũng được nhận sắc chỉ ngợi khen công giúp, ông bà cùng bái tạ Trưng Vương rồi dẫn quân về Bảo Tháp, mở tiệc thiết đãi dân làng.

Sau này, tuy đã đi nhận chức ở Hải Dương, Doãn công - Đào nương vẫn thường qua lại khu Bảo Tháp dạy dân làm ruộng, trồng dâu; khuyên dân lấy nhân nghĩa làm nếp sống, lấy hòa thuận làm phong tục xóm làng... Vì thế, cho mãi đến tận bây giờ, dân làng Bảo Tháp vẫn còn truyền tụng về công đức của cả hai ông bà.

32. NỮ TƯỚNG CÔN NƯƠNG

Ngày ấy, giặc Hán xâm chiếm nước ta. Đứng đầu bọn giặc là Thái thú Tô Định, một kẻ mặt người dạ thú. Hắn cho quân mặc sức cướp bóc vàng bạc, ức hiếp dân lành, chỉ cốt sao lòng dạ như chó dê của chúng được thoả. Dân ta ngày càng lâm vào cảnh khốn cùng. Cơ nghiệp các vua Hùng gây dựng bao năm tưởng như sắp đến ngày chẳng còn mảy may dấu vết.

Rồi một ngày kia, tại miền Phong Châu, chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị - con gái Lạc tướng huyện Chu Diên, thuộc về dòng dõi nhà Hùng - đã phát cờ khởi nghĩa. Trong buổi làm lễ cầu đảo bách thần. Trưng Trắc đã đồng dục tuyên bố cùng trời đất:

- Tôi là một người con gái cháu ngoại họ Hùng. Vì giặc Hán ngược chính tàn dân, chó dê quen thói, khiến tôi dù phận nữ nhi cũng không thể cam tâm ngồi nhìn muôn dân cùng khổ. Nay xin các vị thần linh giúp tôi lấy nghĩa trừ tà, mong dựng lại nghiệp cũ của ông cha, cho chúng dân thoát khỏi màn u tối.

Ngày hôm đó, Trưng Trắc, Trưng Nhị liền phát hịch đi các nơi kêu gọi anh tài bốn phương hợp sức chống giặc.

Trước đó, ở miền Thái Nguyên, vợ chồng Ngô Hoàng - Cao nương sau đêm gặp mặt bắt được chim loan trên đỉnh Kỳ Sơn, đã thụ thai rồi sinh được Côn nương xinh đẹp, thông minh khác hẳn người thường. Năm mười hai tuổi, Côn nương đã thông suốt văn chương; chỉ cần đi bảy bước, nàng có thể làm xong một áng thơ tuyệt tác Đến tuổi mười lăm trí thông minh và vẻ anh hùng của Côn nương thật chẳng mấy đáng nam nhi so kịp. Ai cũng cho rằng nàng hẳn không phải người thường. Cũng năm ấy, mẹ nàng bỗng không bệnh mà tạ thế. Qua ba năm chịu tang mẹ, Côn nương vừa tròn mười tám. Lúc này, như lan mùa xuân, như cúc mùa thu, Côn nương dậy sắc nghiêng thành. Bao nơi tìm đến manh mối nhưng Côn nương chẳng bằng lòng nhận lấy ai làm chồng.

Tiếng đồn Côn nương tài sắc bay tới tai Tô Định. Hắn liền giả bộ đóng làm thợ săn, mò đến tận nơi để được xem hư thực ra sao. Vừa gặp Côn nương, chưa hết ngỡ ngàng vì ngỡ như được gặp một nàng tiên nơi trần thế, máu lang sói của hắn đã bốc ngùn ngụt. Chẳng úp mở gì, Tô Định một mực ép cha nàng phải cho Côn nương về làm vợ hắn. Ông Ngô Hoàng (cha Côn nương) kiên quyết chối từ. Tô Định đành ngậm uất hận trở về nhà, sau đó sai quân lính tức tốc đi bắt Côn nương về cho hắn thỏa chí. May thay, ông Ngô Hoàng đã kịp nhờ người em rể của mình là Phan tiên sinh mang Côn nương về quê Phan ở làng Phùng Xá, huyện Gia Định ẩn náu. Khi quân Tô Định đến, Ngô Hoàng liền tập hợp người nhà được vài chục người, đánh cho đám lính kia tan tác, Tô Định càng nổi cơn phẫn nộ. Hắn dẫn ngay một nghìn quân xông thẳng đến nhà Ngô Hoàng, bắt trời ông cùng thân thuộc, tất cả đến vài chục người, rồi mang chém hết.

Nghe tin Tô Định đã giết cha, lòng uất hận của Côn nương bốc cao rực rục như lửa cháy ngàn khô. Nàng bèn mang bán tất cả năm, sáu lạng vàng trước đây cha mẹ cho để hộ thân, lấy tiền khao thưởng dân làng Phùng Xá rồi kêu gọi mọi người

hợp lại đánh giặc Hán. Trước toàn thể dân làng. Côn nương tuyên bố:

- Thù giặc Hán lúc nào cũng treo trước mặt tôi. Thế cùng trời đất, nếu không rửa được thù thì một mai tôi chết, xin không được nhắm mắt

Trẻ già làng Phùng Xá nghe nói, ai cũng xúc động và cảm phục. Mọi người nhất tề xin theo Côn nương liền cắt tóc, giả làm sư trông coi chùa làng để có chỗ yên ổn mà chiêu mộ anh tài, nghiền ngẫm binh thư, rèn luyện võ nghệ. Đội quân của Côn nương chẳng mấy chốc đã lên tới hàng vạn người.

Lại nói, khi hịch kêu gọi bốn phương hợp sức đánh giặc Hán của chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị về tới Phùng Xá, cũng là khi Côn nương và các nghĩa sĩ đang chuẩn bị chọn ngày dấy binh. Người mang hịch đến Phùng Xá không phải ai khác, mà chính là Trưng Nhị, Mừng vui khôn xiết, Côn nương mở tiệc thết đãi Trưng Nhị khao thưởng quân sĩ, rồi nhanh chóng dẫn quân đến Phong Châu ra mắt Trưng Trắc. Chỉ hỏi qua tài văn võ của Côn nương, Trưng Trắc đã mang lòng yêu mến. Bà liền phong Côn nương làm Trương lĩnh nội thị nữ tốt. Chỉ trong một vài ngày, Trưng Trắc cũng đã chiêu tập được hàng trăm anh tài và binh sĩ của họ từ các ngã kéo về.

Thế rồi, ngày ra quân đã được chọn. Trong buổi lễ xuất quân, Trưng Trắc đã cất vang lời thề:

Một xin rửa sạch thù nhà

Hai xin nối lại nghiệp xưa họ Hùng

Ba kéo oan ức lòng chồng

Bốn xin vẹn vẹn sở công lênh này.

Xong đâu đấy, toàn bộ quân khởi nghĩa cứ nhằm thẳng hướng dinh Thái thú mà tiến. Nghĩa quân đi đến đâu, đất nước được giải phóng đến đó. Cuối cùng, một trận đánh lớn đã diễn ra tại Luy Lâu thủ phủ của giặc Hán. Quân Tô Định thua chạy tán loạn. Nước sông Dâu ùn tắc vì xác giặc chồng chất đầy lòng. Tô Định vì khiếp đảm, phải bỏ cả quân sĩ mà lê về Bắc quốc.

Việc nước tạm yên. Trưng Trắc lên ngôi vua và tiến hành khen thưởng những người có công giúp nước. Vì mến tài sắc Côn nương, Trưng Vương ngỏ ý xe duyên nàng với em chồng mình là Tuyên công Thái bảo quốc chính. Hai người cùng ưng thuận. Cả triều đình lại được một dịp vui, chúc mừng cặp trai anh hùng, gái thuyền duyên đã thành duyên ương một tổ.

Chưa đầy ba năm sau, khi ấy Côn nương đang có mang, nhà Hán lại sai Phục Ba tướng quân Mã Viện chỉ huy quân sang chiếm lại nước ta. Lần này, quân giặc đông gấp bội lần. Chúng đi đến đâu, đất trời chấn động đến đó, ngay hồ báo ở nơi núi rừng cũng phải khiếp sợ. Trưng Vương bèn cử Thái bảo Tuyên công, chỉ huy một mũi quân chính đi chặn giặc. Côn nương tuy sắp đến kỳ sinh nở, vẫn xin được cầm quân chiến đấu. Trận này, vì thất cơ nên Tuyên công đã bị quân Hán bắt được. Chúng chém đầu Tuyên công tại trận rồi đem bêu dưới cờ. Côn nương thấy vậy, chẳng còn kịp nghĩ rằng mình đang bụng mang dạ chửa, một mình nàng dũng mãnh tả xung hữu đột giữa trận tiền. Quân Hán bị chém tới hơn một ngàn đầu, nhưng cây thế đông, chúng cứ liều chết xông vào. Giữa lúc ấy, Côn nương bỗng thấy quặn đau trong bụng. Nàng trở dạ rồi sinh liền hai con gái. Quân Hán thấy thế liền vây chặt nàng rồi hò nhau bắt sống. Côn nương cúi nhìn hai con rồi lại ngẩng lên nhìn lũ giặc, nét mặt nàng chẳng có gì tỏ ra là khiếp đảm. Vòng vây giặc vẫn ngày càng khép kín. Côn nương bèn ghì chặt hai con vào lòng rồi vùng kiếm, thúc ngựa phi thẳng vào đám giặc trước mặt. Một loạt đầu giặc lại rụng, nhưng chúng vẫn còn đông như kiến cỏ. Nữ tướng biết mình đã lâm vào cảnh thế cùng lực kiệt, nàng quyết định mở một đường máu để chạy ra bến sông Vị rồi ôm gọn hai con vào lòng mà nhảy xuống sông, quyết không chịu rơi vào tay quân thù.

Sau này, nhân dân ở bến sông nơi Côn nương hi sinh và ở làng Phùng Xá quê nàng đã lập đền thờ để mãi mãi khói hương tưởng nhớ người nữ tướng anh hùng ấy.

33. BA ANH EM HỌ NGUYỄN VÀ THỤC NƯƠNG

Vùng Tuy Sơn núi cao rừng thẳm chập trùng biển lá xanh rờn, lim rón tây ôm, những cây trám đen cao vút, những cây lao cao thẳng tắp, cây chen cây vượn mình nổi với những đồi cỏ gianh sắc như núa vót. Dân động Tuy Sơn lấy cỏ lợp nhà. Ở thành từng chòm rải rác trong thung lũng, phong tục chất phác, đời sống giản dị. Trai gái mùa xuân mùa thu ca hát với nhau, ưng ý thì lấy nhau, đem trầu cau, muối và bánh dày làm lễ cưới. Săn được con thú rừng đánh trống làm lễ tế sơn thần rồi xẻo thịt chia cả cho người già và phụ nữ có mang. Nhà nào cũng có lưới săn, có mác và nỏ, trên vách treo sừng hươu, da chồn và nanh lợn rừng.

Dân động đều săn thú, đốt rừng làm lúa nương.

Trong động ấy có ba anh em họ Nguyễn đều là tay săn giỏi.

Người anh cả là Nguyễn Tuấn khỏe mạnh hùng dũng nhất trong ba anh em, ném lao trăm phát trăm trúng, đuổi kịp con hươu con nai, vật được hổ dữ. Hai em của Tuấn là Trĩ và Lĩnh cũng đều tay vượn lưng gấu, khỏe như hổ báo. Ba anh em trẻ tuổi chưa vợ, bố mất sớm, ở với mẹ, thương yêu đùm bọc nhau rất mực. Cả động đều yêu mến ba anh em họ Nguyễn.

Từ khi Tô Định nhận chức Thái thú quận Giao Chỉ, nhân dân ngày càng khổ cực. Quan quân của tên Tô Định tìm đến động Tuy Sơn nạt nộ dân động, hạch sách lễ cống. Chúng lừa dân động đi săn voi lấy ngà, săn tê giác lấy sừng, săn cọp lấy xương và da. Người già cũng phải vào rừng sâu tìm hương liệu. Nước mắt và máu thấm vào đất Tuy Sơn.

Người già người trẻ đều căm thù giặc, chỉ những muốn uống máu ăn gan chúng mới hả được giận. Ba anh em tráng sĩ họ Nguyễn sức có thể giết chết hết bọn quan quân đến động, nhưng sợ thế giặc mạnh, chúng sẽ tàn sát dân động đành phải cắn răng nín nhịn lo nộp đủ cống lễ và nuôi mẹ già. Ba anh em ngày đêm nung nấu căm hờn mà không biết làm cách nào đuổi cho

hết giặc đô hộ khỏi nước. Giặc thì đông, đóng chiếm khắp nơi, giết vài tên quan, đánh vài bọn lính không làm được cho dân hết cực mà lại bị khổ thêm...

Mùa xuân năm ấy, có một con hổ trán trắng tìm về Tuy Sơn. Hổ rất dữ rất khôn, dân động mấy lần vây lưới đều không bắt được. Hổ đã giết hại nhiều người, bắt lợn vò trâu của động. Bọn giặc Hán bắt dân động phải giết hổ dâng quan Thái thú. Ba anh em họ Nguyễn vây đánh hổ, dân làng hò reo trợ chiến, tiếng hổ gầm vang động rừng núi, chồn cáo hươu nai và bọn quan lính đô hộ đều nhón nhác run sợ tìm chỗ ẩn náu. Đánh từ sáng tới trưa, ba anh em hạ được con hổ trán trắng. Bọn giặc lúc đó mới dám lộ mặt ra, thấy con hổ lớn quá, chúng mừng rỡ múa may hò hét bắt nhân dân mau lột da hổ lột thịt lấy xương. Xương và da để dâng Tô Định, thịt thì chúng chia nhau, chúng không nói gì tới dân động cả. Nguyễn Tuấn bưng bưng nổi giận sẵn ngọn giáo cầm trong tay bèn lao mạnh một nhát vào bụng tên quan cầm đầu bọn lính. Ngọn giáo xuyên từ bụng qua lưng tên tướng cướp, ngập tới chỗ tay cầm. Bọn lính Hán hốt hoảng cuống cuống chạy hết. Ba anh em dìu mẹ cùng với dân động tìm vào núi ở.

Khắp mọi nơi trong nước đầu rơi máu chảy, nhân dân sôi sục căm thù, các hào kiệt đứng lên tụ nghĩa, không chịu khoanh tay cúi đầu mãi. Nguyễn Tuấn bảo với dân động: "Từ nay ta không chịu nộp cống, không chịu đi sâu, không chịu cho giặc đánh đập. Núi rừng bao la là nơi anh hùng ẩn náu chờ thời! Ta quyết không công lưng làm tôi tớ cho Hán". Con trai con gái động đều nói: "Chúng tôi đi theo các anh. Chúng ta sẽ như con hổ con báo nơi rừng xanh núi thẳm, giặc Hán không làm gì nổi chúng ta?". Và họ như con hổ con báo luồn rừng vượt núi tìm dịp để giết kẻ thù là giặc Hán.

Hoa đào núi bay đầy suối, hoa ban rừng nở trắng khe, mùa xuân đã đến. Con trai con gái hôn hờ đón xuân. Con trai mang khèn mang sáo tìm con gái để hát đôi. Dân các động đâm trống đồng, giã gạo nếp, nấu rượu mừng. Suốt tháng Giêng, không ai cầm đến nỏ, nhắc đến giáo.

Một hôm, Tuấn và hai em mang khèn đi tìm người hát, chợt gặp mười hai người con gái lần bước bên khe. Họ thông thả bước, vai mang gạo, sườn đeo dao, tay cầm giáo. Ba anh em lấy lạ, Nguyễn Tuấn cất tiếng hỏi: "Các nàng từ đâu đến?". Một người con gái thon nhỏ, tóc vàng như mật ong buông trên gáy, mắt như mắt nai, chỉ tay về dãy núi xa xa như để trả lời Tuấn. Tuấn lại hỏi: "Các nàng đi đâu? Mùa xuân chưa qua sao các nàng lại mang dao nắm giáo? Hãy để tho con nai rừng gặm búp non trong mùa này. Các nàng có đi tìm tiếng khèn tiếng hát của chúng tôi không?" Người con gái tóc như mật chảy nói: "Các anh có phải là những tráng sĩ đã giết cọp trăn trắng và bọn quan Hán ở Tuy Sơn đấy không? Hãy treo khèn lên vách, cầm lấy giáo đi theo chúng tôi, ở Mê Linh có vua bà truyền lệnh khắp nước cho dân ta đuổi giặc Hán. Chúng ta hãy đến Mê Linh tìm vua bà".

Ba anh em mừng rỡ, Nguyễn Tuấn rủ các nàng về động, liền nổi trống họp dân lại, nói cho mọi người biết ở Mê Linh có vua bà họ Trưng kêu gọi mọi người đứng lên cùng đuổi giặc Hán. Bấy giờ làm lễ tế Thần Tản Viên, lợn mổ, không cạo lông, để cả con, lấy tiết dâng tế. Tế xong, ba anh em cùng một số trai động đi theo nàng Thục tìm về Mê Linh.

Nguyễn Tuấn và nàng Thục nương được Hai Bà Trưng giao cầm quân đuổi giặc ở vùng núi rừng bên sông Lô, Nguyễn Tuấn, Thục nương đều là Đô tướng, Nguyễn Linh, Nguyễn Trĩ làm Phó tướng. Bốn người thân mật gắn bó rong ruổi ở vùng núi hiểm rừng sâu quét sạch các đồn trại giặc Hán.

Bình xong Tô Định, Nguyễn Tuấn và Thục nương được Hai Bà cho kết hôn với nhau, cả bốn anh chị em đều được phong chức Đốc quân, cho về xây dựng làng bản, dạy dân làm ăn, lại dựng lại trại đắp lũy phòng giặc.

Được ba năm, Hán Vũ Đế cử Mã Viện sang đánh phá nước ta, mưu đặt lại ách nô lệ lên đầu lên cổ nhân dân ta.

Ba anh em họ Nguyễn cùng Thục nương cầm quân chống

giặc nhiều trận. Nguyễn Linh, Nguyễn Trĩ đều bị hy sinh. Nguyễn Tuấn và Thục nương bàn nhau rút quân về vùng núi Tuyên Quang tìm cách chống giặc lâu dài. Giặc đuổi theo gấp, Hai người nghỉ lại Sen Hồ, giặc vây kín bốn mặt. Nửa đêm, Nguyễn Tuấn cùng vợ cưỡi chung một ngựa đánh mở đường máu phá vòng vây. Sĩ tốt tan lạc cả, Thục nương bị thương nặng ngang sườn, không cầm nổi kiếm nữa. Nguyễn Tuấn phóng ngựa tới chân núi Yên Thiết, bỏ ngựa ôm vợ leo lên ngọn núi, đặt vợ nằm nghỉ. Thục nương nắm chặt tay Nguyễn Tuấn, nước mắt ướt đầm mà không nói được lời nào, một chốc thì tắt thở. Nguyễn Tuấn lấy kiếm đào đất chôn vợ rồi quay lưỡi kiếm tự đâm cổ mà chết.

34. ĐÌNH THỊ PHẬT NGUYỆT

Ngày xưa ở Xuân Hoa quận có ông Đình Văn Bôn vợ là bà Phí Thị Vang, ông Bôn làm thuốc cứu người, xuất tài cấp phát rất hào phóng nên nhân dân trong vùng đem lòng quý mến. Tuổi ông bà cũng đã gần năm mươi cả nhưng ông bà vẫn không vui tuy nhà có của vì nổi hiếm con.

Một đêm, bà nằm mê thấy một vị thần hiện đến tự xưng là Triệu Đô Đài ban cho bà một chiếc kim thoa. Từ đó bà có thai, đến ngày mồng Ba tháng Giêng năm Quý Sửu bà sinh được một người con gái. Hai ông bà rất đổi vui mừng, đặt tên cho con là Phật Nguyệt. Năm lên 7 tuổi, Phật Nguyệt được bố mẹ cho đi học. Phật Nguyệt học rất thông minh. Năm 13 tuổi, không may cha mẹ mất cả, Phật Nguyệt phải về chịu tang mà không theo học nữa.

Thời đó nhà Hán cai trị nước ta, chính sách đã hà khắc lại thêm tên Thái thú Tô Định tham tàn bạo ngược nên nhân dân ta vô cùng cực khổ. Huyện Mê Linh có hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị đã chiêu tập nhân tài nghĩa sĩ, kêu gọi nhân dân đứng lên khởi nghĩa. Phật Nguyệt năm đó 17 tuổi là người dũng

cầm khí phách. Nàng cũng chiêu tập được hai ngàn người lập thành một đội nghĩa quân mang về đất Mê Linh để yết kiến Hai Bà Trưng, được Bà Trưng tiếp nhận và phong Phất Nguyệt chức Thao giang thượng Tả đạo tướng quân, lĩnh một đạo thủy quân đánh giặc Hán ở vùng thượng sông Thao.

Đẹp xong Tô Định, đuổi hết giặc Hán. Bà Trưng lên ngôi vua, đóng đô ở Mê Linh. Tới ngày luận công khen thưởng, vua phong Phất Nguyệt tước công chúa. Phất Nguyệt lại đi kinh lý sông Thao để chọn nơi lập đồn trại, luyện tập thủy quân phòng giặc Hán sau này. Nàng đi lần theo dọc sông Thao đến đất Thanh Ba, thấy nơi này có thể đóng quân lập đồn hạ trại được, ở đây có núi đồi chạy dài nối liền, lại có con ngòi Cái chạy từ sông Thao sâu vào trong vùng đồi, rất thuận lợi cho việc luyện tập thủy binh. Ngày 15 tháng Ba, nàng cùng một số tùy tướng đi theo con ngòi Cái tìm đất luyện quân, thấy phong cảnh đẹp ngấm mãi không chán. Tối đó Phất Nguyệt ngủ lại ở một tòa miếu cổ trong vùng. Hôm sau, dân xã Thanh Cù tuyển chọn được mười lăm người trai tráng khỏe mạnh xin làm gia thân cho nàng. Nàng ban cho năm hốt vàng bạc để tu sửa miếu cổ và sau đó đặt bản doanh tại xã, lấy gò Voi làm tiền đồn. Hàng ngày Phất Nguyệt cho luyện tập thủy binh từ ngòi Cái ra tới sông Hồng.

Được vài năm sau, nhà Đông Hán sai Mã Viện mang quân sang đánh nước ta. Phất Nguyệt được triệu về kinh cùng Trưng Vương bàn cách chống giặc. Nàng lại được giao cho về nơi sở cũ, cầm thủy binh chống với giặc Hán. Sau nhiều lần giao tranh, quân ta ít, thế giặc mạnh, nàng chống đỡ không nổi, trong lúc cấp bách một mình một ngựa chạy ra đến bờ sông, bỗng dưng có phù kiều nổi lên đón nàng biến mất. Ngày ấy là ngày mồng Mười tháng Mười Hai âm lịch.

Để tưởng nhớ người nữ anh hùng có công cứu nước, nhân dân các xã Phương Linh và Thanh Vân (huyện Thanh Ba) đều lập đền thờ bà Phất Nguyệt. Hằng năm cứ đến mồng Ba tháng

Giêng ta, nhân dân cầu cúng trang nghiêm. Ngày mồng Mười tháng Mười Hai là ngày bà Phật Nguyệt hóa nên nhân dân cầu thăm lạng, không hát xướng. Ngày mồng Ba tháng Ba là ngày cầu hội nên nhân dân lại hát xướng rất vui.

35. SỰ TÍCH CÁC ÔNG CẢ LỢI, HAI LỢI

Ngang thời Đông Hán ở đạo Sơn Tây phủ Đoàn Hùng, huyện Tam Dương trang Bảo Sơn có một người con gái họ Tạ tên gọi Ả nương, năm 18 tuổi phong tư dịu dàng, nhan sắc tuyệt đẹp có một không hai, đạo đức hiền hậu nhưng giai kỳ chưa định. Nàng làm nghề hái củi sinh nhai. Có một ngày đi vào núi Xà Đinh hái củi giẫm chân mình vào dấu chân hổ. Khi trở ra về đến sườn núi, trông hình thế núi bán nguyệt rất đẹp, lúc đó đã non trưa, nàng liền nghỉ lại ở sườn núi, trông lên phía trên núi thấy có ngôi đền thánh mẫu. Nàng thiêm thiếp chợp ngủ, trong giấc ngủ mơ màng như thấy có Sơn quân thân hổ ứng mộng đến trêu ghẹo. Chốc lát nàng giật mình tỉnh dậy, trời đã sâm sẩm tối. Từ đấy trên đường về nhà thấy trong người khoan khoái có cảm xúc lạ thường. Sau những ngày đó, nàng quả nhiên mang thai dân làng biết tin này ai nấy chê cười. Nàng thẹn thùng quá mà phải rời bỏ quê nhà ra đi đến phủ Tam Đài huyện Yên Lạc, trang Hướng Lại cùng quận. Đến trang Hướng Lại được ít tháng, tới kỳ sinh nở, nàng đẻ ra một bọc có hai người con trai vào ngày Mười tháng Tư năm Giáp Dần. Hai người con trai mới sinh, hình dáng mạnh khỏe, thiên tư đỉnh ngộ, diện mạo khác thường. Nàng biết là Sơn thần ra đời, rất vui mừng và quý mến yêu thương hai con mới ảnh của nàng.

Cũng đêm hôm đó vào khoảng trống canh tư, tất cả các bà lão trong trang đều mộng thấy có thần linh ứng báo rằng: "Trang nhà các người có Sơn quân ra đời, mà hiện nay còn nằm ở phía đầu làng kia". Linh thần cũng truyền bảo rằng: "Đến sáng mai phải đón mẹ con người ấy về nuôi dưỡng". Truyền nói xong, linh thần biến mất. Sáng hôm sau tất cả các bà lão trong

trang gặp nhau đều kể chuyện tối qua thần linh báo mộng, mọi người đều nói một giấc mộng chung như thế và rủ nhau ra đầu làng xem sự việc câu chuyện mà thần linh báo. Quả nhiên thấy mẹ con người đàn bà nằm đấy. Mọi người bảo nhau đấy không phải là chuyện thường, đây là thần linh hiển ứng đối với trang ta, cùng nhau đón mẹ con nàng về nhà nuôi dưỡng.

Ngày tháng trôi đi, hai người con trai cũng lớn lên như thổi, rất khỏe mạnh và khôi ngô tuấn tú. Mỗi ngày lớn lên hai anh em lại giống nhau như đúc, khó phân biệt được ai là anh ai là em, nàng đặt tên cho anh là Cả Lợi và em là Hai Lợi. Năm 15 tuổi, hai anh em tỏ ra thông minh, thiên tư cao mào, sức học tinh thông, đọc thông binh thư, sở trường vũ lược. Đến năm 18 tuổi hai ông phải tang người mẹ, ngày đó là ngày 12 tháng 9. Hai anh em thương tiếc vô cùng, kêu khóc thảm thiết nhưng không làm sao cho hết nỗi đau thương. Hai anh em bèn chọn nơi đất tốt an táng người mẹ và để tang ba năm trọn vẹn. Lúc này tên giặc Tô Định đang ra sức vơ vét của cải tàn sát lương dân, lòng dân căm thù bốc lên như lửa đốt. ở Phong Châu có người cháu gái ngoại vua Hùng tên là Trưng Trắc là một bậc hào kiệt trong giới nữ lưu, là một bậc thánh thần trên đời, đã cả đem hùng binh dấy nghĩa đánh giặc cứu nước. Đương thời nam nhi thao lược chưa có ai, nữ tướng phải đem sức tài cùng quân thần dựng cờ nghĩa. Trưng Trắc làm lễ mật tâu lên Tản Viên Sơn Thánh và hội đồng bách thần ở cửa sông Hát, xứ Sơn Tây, lập đàn cáo tế linh thần... Xong, Bà truyền hịch cho các nơi, các châu huyện trong nước, ai là người có tài văn vũ, có đức độ hơn người thì ra chiến đấu giết giặc cứu nước. Hai ông nghe lệnh rất vui mừng lập tức đi chiêu mộ hương binh được hơn hai nghìn người, liền chỉnh tề đội ngũ đem quân đến yết kiến Bà Trưng. Bà Trưng thấy hai ông ứng tuyển, xem tài thì thấy mỗi người có một tài thao luyện tuyệt kỳ. Bà Trưng liền phong cho anh làm "Đô thống Tả tướng quân" và ông em làm "Đương lang Hữu tướng quân". Xong đâu đấy Bà Trưng chia các đạo quân tiến theo hướng đã định. Hai ông được cử đi trước tuần thám đề

phòng hai mặt quân giặc ở hướng tây và hướng bắc. Túc khắc ngày ấy hai ông lĩnh mệnh cất quân tiến lên trước, cờ quạt tung ra muôn dặm, chuông trống vang như sấm động nghìn non. Một ngày tiến quân, hai ông đã đưa quân sĩ đến địa đầu trang Hướng Lại, huyện Yên Lạc phủ Tam Đái thì đóng quân lại ở đây, thấy ở trang Hướng Lại địa thế một dải, sông núi vòng quanh; long châu hổ phục, núi không cao mà đất bằng phẳng, sông không sâu mà bến nước tiện đường, thật là thắng cảnh phong quang vậy. Hai ông liền cho lập đồn binh để ứng phó với quân Hán. Các phụ lão nhân dân trong trang đều kính sợ, đồng bản khu làm lễ xin cho con họ làm chân tay. Hai ông chuẩn hứa và cho tuyển trong trang khu được 30 người khỏe mạnh trung thành làm chân tay tin cậy. Các bộ lão nhân dân Hướng Lại và gia thân tâu rằng: "Lấy ân mà làm cho người phục tât là yên nghiệp, đây thì nay là đồn sở ngày sau là nơi thờ phụng". Hai ông đều ưng chuẩn. Sáng hôm sau có sứ giả phụng chiếu thư đến mời hai ông về đồn Trưng Vương để mưu việc đi đánh thành Tô Định. Người trí sảo thì hiến mưu kế, người khỏe mạnh thì sung tiền quân. Ngày hôm ấy hai ông cùng Trưng Vương cử nghĩa binh kéo thẳng đến thành Tô Định giao chiến một trận quyết liệt. Trận đánh chưa phân thắng bại, hai ông khát nước quá muốn tìm nơi có nước uống. Hai ông ngửa mặt lên trời mà mật chúc rằng: "Lòng trời giúp ta ở lúc này". Lát sau có một đàn trâu cái đi qua, hai ông liều bú sữa trâu được đỡ khát. Hai ông bảo nhau: "Nhờ lòng trời giúp, anh em ta tât thắng!". Rồi hai ông lại hô binh sĩ ra trận chiến đấu với quân giặc một trận quyết liệt, trong chốc lát phá tan quân Tô Định, chúng chạy tán loạn, bắt sống tướng Hán. Tât cả mọi nơi đều đánh tan giặc Hán thu phục lại sáu mươi nhăm thành trong cõi nước Nam. Bà Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị cùng các tướng lĩnh lập đàn cáo tế trời đất và bách thần rồi bà Trưng Trắc lên ngôi vua.

Thời ấy vào tuần tháng Giêng mùa xuân, sau khi thu phục lại giang sơn, Bà Trưng cho sứ giả phụng chiếu thư đến hai ông nói rằng: "Nay đã bình xong giặc Tô Định, thiên hạ đều an

ninh, Trưng Vương ban chiếu hồi quân". Hai ông nhận được chiếu vâng lệnh hồi thành. Trưng Vương mở tiệc khánh hạ khao thưởng tướng sĩ gia phong các tướng sĩ có phẩm tước và phong cho hai ông hưởng ấp lộc ở huyện Yên Lạc thuộc trang Hướng Lại. Hai ông bái tạ Trưng Vương, trở về nơi ấp phong ăn lộc.

Trưng Nữ Vương làm vua được ba năm, nhân dân đang sống trong cảnh thanh bình nô nức xây đắp thành trì, dựng lại trang động, đời sống được yên vui thay đổi lạ thường, bỗng nhà Hán lại cho Mã Viện đem quân sang xâm lược nước Nam. Quân Hán kéo sang rất đông. Bà Trưng đã đem quân tiên phong ra trước trận tiền chiến đấu. Thư ngoài mặt trận cáo cấp về mỗi ngày đến năm lần. Hai ông chia đường tiến quân giao chiến một trận quyết chiến chưa phân thắng phụ thì có tin Bà Trưng đã thất cơ thua trận mà cưỡi ngựa lên núi về châu kim nguyệt, thế là Bà Trưng đã đi vào "trường xuân mộng" vậy!

Trước sự tình như vậy, hai ông bèn đem quân về đồn sở trang Hướng Lại. Được ít lâu thì quân Mã Viện kéo đến bao vây. Quân Hán đông lắm đã vây chặt đồn quân của hai ông. Trước tình thế ấy hai ông bèn tụ tập các phụ lão nhân dân trong trang và gia thần sĩ tốt trong đồn trại mà nói rằng: "Anh em ta vì nghĩa mà sống mái với quân thù. Nếu mệnh trời vận nước không cho anh em ta được lập công thì các người vì lòng nghĩa với ta mà thờ phụng sau này. Vả lại có mẹ già ta thì mới có anh em ta. Phàm lệ xuân thu kính tế. xin để mẹ ta lên chính vị giáng hưởng". Nói xong hai ông liền sai đóng chặt cửa đồn lại và tiếp chiến. Quân Hán đánh mãi không thắng nổi tức giận kéo đại quân đến vây chặt đồn. Lúc này hai ông hô hào các bộ lão nhân dân trong trang và binh sĩ trong đồn đem hết lòng trung nghĩa và dồn hết sức vào chiến đấu với quân Hán một trận kịch liệt. Thế là quân hai ông đã thắng và phá được vòng vây hãm của quân giặc. Hai ông cưỡi ngựa đi thẳng vào núi mà hóa, hôm đó là ngày mồng 8 tháng 11.

36. BA CHỊ EM BÀ DƯỠNG

Ngày xưa có hai vợ chồng nhà nọ ở Đường Lâm không sống nổi với sự bóc lột tàn tệ của bọn quan cai trị nhà Đông Hán phải bỏ làng ra đi, mang theo con gái tên là Dương, tìm đến thôn Nội Phất (nay là xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên) để trú ngụ. Vùng này xưa kia là nơi rừng rậm, dân cư thưa thớt, giặc ít lai vãng tới.

Được ít lâu, người chồng mất, vợ cùng con gái ngày ngày lên rừng hái củi đem bán làm kế độ thân. Leo đồi, trèo cây, vác củi nhiều cô Dương càng thêm khỏe mạnh, nhất là tay cầm dao chặt vừa nhanh vừa chắc, bên trái cũng như bên phải. Mỗi lần dao phạt xuống, cây đổ nghiêng ngả. Một hôm người mẹ vào rừng, thấy vết chân hổ rất lớn, bèn ướm thử chân mình vào, tự nhiên thấy trong người chuyển động. Về nhà bà thụ thai, đến ngày 12 tháng 8 thì sinh ra hai người con trai khỏe mạnh tuấn tú. Bà đặt tên cho hai anh em sinh đôi là Bạc và Bình.

Lớn lên, ba chị em cô Dương ngày ngày lên rừng kiếm củi và cùng nhau tập tành võ nghệ, lúc nhảy lúc chạy. Khi nghe tin Hai Bà Trưng khởi nghĩa, ba chị em vượt suối băng rừng tìm đến Mê Linh tòng quân giết giặc.

Bà Dương được cử vào thành của tướng Hán giả làm nô tì và nhờ vào nhan sắc xinh đẹp lại thông minh nhanh nhẹn nên được bọn giặc tin dùng. Một đêm nhân lúc quân giặc sơ hở và y theo mật kế của Bà Trưng, bà Dương mở cổng thành cho quân ta vào thành. Hai em bà là ông Bạc và ông Bình dẫn đầu hai toán nghĩa quân xông thẳng vào dinh lũy kẻ thù, tiêu diệt chúng không còn một mống.

Trận ấy quân ta đại thắng. Bà Trưng vui mừng khen thưởng cho cả ba chị em, phong cho làm tướng theo Hai Bà đánh đuổi bọn thống trị nhà Đông Hán giành lại non sông về tay người Việt. Vài năm sau, triều đình Đông Hán cử Mã Viện là tướng

giỏi sang đánh chiếm lại Giao Châu. Ba chị em bà Dương lại được lệnh cầm quân đuổi giặc. Ba chị em bà Dương đã từng làm cho quân Mã Viện phải nguy khốn nhiều phen. Trong một trận chiến đấu ác liệt, ông Bạc bị thương nặng đã tử tiết tại trận tiền, quân ta yếu thế phải rút chạy, đến làng Phụng (nay thuộc xã Hương Canh), quân ta quay lại quyết chiến với giặc. Bà Dương bị thương nặng. Ông Bình thở đường máu đưa chị về tới Xuôi Ngành thì cả hai đều hóa.

Ngày nay chúng ta đi qua thăm xã Tam Hợp huyện Bình Xuyên, còn thấy một tòa cổ miếu, đó chính là miếu thờ ba chị em bà Dương, những vị anh hùng của địa phương đã theo Hai Bà Trưng đánh đuổi quân xâm lược hồi đầu Công nguyên. Miếu này có tên là miếu Ba vị là một công trình kiến trúc khá đẹp, quay mặt xuống đầm Xuôi Ngành và bên kia đầm là nơi chiến địa, nơi đã diễn ra cuộc đọ sức của ba vị anh hùng với kẻ thù cho tới giọt máu cuối cùng. Cửa miếu sơn son, trong miếu có ba pho tượng: bà Dương ngồi ngai giữa, hai em là ông Bình và ông Bạc đứng hai bên, một ông cầm kiếm và một ông cầm giáo dài. Trong miếu thấy còn hai đôi câu đối, đôi thứ nhất như sau:

"Uy gia khử bạo, Bắc Bình Tô,
Công hiển phù Trưng, Nam định quốc".

Nghĩa là:

*Một nhà uy phong trừ giặc Tô triều đình phương Bắc,
Công lao hiển hách phù Trưng chúa định nước cõi Nam.*

Câu đối thứ hai:

"Trăm thoa trực cộng đồng bào bình Tô tặc, phù Trưng Vương.
nhất môn tiết liệt.

Sơn nhạc tràng tiêu chính khí thừa hoàng ân, hiển vương
hiệu, vạn cổ thanh linh".

Nghĩa là:

*Nàng con gái cùng đồng bào đánh dẹp giặc Tô, phò vua Trưng
Trưng, một nhà tiết liệt,*

*Non sông chính khí dài lâu thừa hưởng ơn vua, tôn vương hiệu,
muôn đời linh thiêng.*

Để ghi nhớ sự tích ba chị em bà Dưỡng, nhân dân xã Tam Hợp vào ngày kỷ niệm mồng Ba tháng Giêng âm lịch đã giã xôi nếp vắt thành bánh giầy dùng làm vật phẩm chính dâng tế, sau đó các tráng đinh chia làm hai phe xông vào cướp bánh. Theo truyền thuyết thì ba chị em đã nắm cơm ăn khi tìm Hai Bà Trưng xin tòng quân giết giặc, vì thế mới có tục lệ này.

Ông Bạc còn một ngôi miếu thờ ở xã Thổ Tang, nay thuộc huyện Vĩnh Tường.

37. SỰ TÍCH ANH HÙNG CỦA HAI CHỊ EM LÊ Ỏ LAN VÀ LÊ ANH TUẤN

Tại xóm Đông xã Văn Lang, huyện Hạ Hòa có một ngôi đền thờ cổ kính, hiện nay vẫn còn được nhân dân địa phương bảo vệ chu đáo và hương khói thường tuần. Ngôi đền đó thờ hai vị thần gọi là hai vị anh hùng lịch sử.

Tương truyền rằng: thời đầu Công nguyên ở xứ Đường Lâm thuộc trấn Sơn Tây, có hai vợ chồng ông Lê Tuấn và bà Đng Thị Sách là gia đình dòng dõi trăm anh, hào hoa thi lễ. Ông làm nghề dạy học, lại biết làm thuốc, bà thì lao động cần cù, đức hạnh thuần hòa, gia đình phong túc.

Người ở xa gần biết tiếng ông bà đều tôn trọng và kính phục. Trong đám môn sinh của ông, nhiều người có đức có tài, làm điều nhân nghĩa. Trong vùng, xa gần những người có bệnh tật mà đến ông, đều được ông cứu chữa rất tận tình và đều được khỏi bệnh, người có thì trả tiền thuốc, người nghèo khó thì được ông chữa cho không, bất cứ ai có bệnh hễ đến nhờ ông, đều được coi quý như nhau, không phân biệt giàu nghèo. Bà vốn hiền lành phúc hậu, hay làm điều nhân đức giúp đỡ người nghèo khó.

Có lần, hai ông bà qua chơi trang Văn Lang bên sông Thao,

vào nghỉ ở một tòa miếu cổ, từ đó bà có thai, đến ngày tháng sinh ra một trai và một gái, gái ra trước trai ra sau. Ông bà vui mừng khôn xiết, trong bản làng kéo đến thăm hỏi và mừng cho ông bà. Hai con đều khỏe mạnh, hình dáng khác thường, diện mạo khôi ngô tuấn tú, người con trai thì tiếng khóc vang như tiếng chuông kêu, người con gái thì xinh tươi như hoa mới nở. Năm hai chị em lên ba tuổi thì ông bà mới đặt tên: con gái đặt tên là Lê Á Lan, con trai đặt tên là Lê Anh Tuấn. Lê Á Lan càng lớn càng xinh đẹp vô cùng "mặt hoa da phấn, mày ngài mắt phượng". Lê Anh Tuấn thì khỏe mạnh, cao lớn trượng phu, thông minh đỉnh ngộ. Cả hai chị em đều học tập thông hiểu thiên văn địa lý, tinh tường võ nghệ. Những bạn học, những người cùng lứa tuổi đều mến phục hai chị em Lê Á Lan và Lê Anh Tuấn và cùng kết bạn thân thiết. Tiếng tăm của hai người con ông bà Lê Tuấn về đức hạnh và tài năng văn võ được truyền đi mọi nơi, nhiều người cho là "nhân tài xuất chúng". Năm hai chị em mười tám tuổi thì bố mẹ đều qua đời. Lúc này tình hình bên nước Hán đang có sự rối ren, nhà Tây Hán bị Vương Mãng lật đổ, lại có loạn nổi lên khắp nơi, bọn quan lại địa chủ Hán chạy sang nước ta để lánh nạn. Sang đây, chúng dựa vào bọn Thứ sử, Thái thú để xây dựng cơ nghiệp riêng. Bọn này ra sức cướp đoạt ruộng đất của nhân dân ta, bắt người ở các trang bản thuộc quyền cai quản của các Lạc tướng về để làm nô lệ mà lập các trại ấp. Chúng dùng mọi thủ đoạn bóc lột và lừa phỉnh mê hoặc dân ta để chúng dễ làm giàu và giữ vững ngôi thống trị của chúng, lại bắt dân ta phải tuân theo các tục lệ lễ nghi của nhà Hán, hồng đồng hóa dân ta về mặt tinh thần, dần dần biến nước ta thành một quận huyện của Trung Quốc dưới quyền cai trị của nhà Hán. Chính sách hà khắc đó làm cho nhân dân ta phải sống trong một cuộc đời vô cùng cực khổ điêu đứng. Hằng năm, ngoài thuế má, lễ vật cống nạp theo luật lệ đã định, bọn quan lại địa chủ nhà Hán nhất là tên Thái thú Tô Định, còn vơ vét nhiều của cải, quý vật của dân ta, ai không có nạp thì nó đánh đập giam cầm, ai chống lại thì bị nó chém giết tàn nhẫn.

Các quan Lạc tướng cũng bị bọn quan lại nhà Hán khinh rẻ, chèn ép và lấn áp quyền hạn. Hành động đó đã gây nên tình trạng bất mãn cao độ của các tầng lớp nhân dân ta đối với chế độ nhà Hán.

Thuở ấy, ở đất Mê Linh có hai chị em người con gái là con quan Lạc tướng và dòng dõi họ Hùng. Hai chị em đều là người anh tài kiệt xuất, trí dũng song toàn khắp nơi đều biết tiếng và ca ngợi đức tài. Chị tên là Trưng Trắc, em là Trưng Nhị. Người chị kết duyên cùng Thi Sách là con quan Lạc tướng Chu Diên.

Trước cảnh tình đất nước ngả nghiêng, nhân dân sống trong cực khổ điêu linh, Thi Sách cùng hai người con gái họ Trưng đã đem lòng yêu thương dân nước mà không đành bỏ tay chịu được. Ba người bàn mưu định kế chia nhau đi các nơi để chiêu nạp nhân tài nghĩa sĩ, đi đến đâu cũng được nhiều người theo phục. Công việc được lo toan gấp gáp, thì bỗng xảy ra việc Thi Sách bị tên Thái thú Tô Định giết hại. Tin ông Thi Sách bị giết làm cho nhân dân khắp nơi thương tiếc và căm thù bọn giặc gian ác. Riêng hai chị em Bà Trưng khi nhận được tin dữ này, vô cùng xúc động đau thương, lòng căm thù càng bùng nóng như lửa cháy trong tim. Trước tình thế khẩn cấp đó, bà Trưng Trắc bàn với em gái là bà Trưng Nhị và những người thân tín để chuẩn bị việc khởi sự, được mọi người ủng hộ, bà Trưng Trắc liền ban lệnh hội quân và truyền hịch đi khắp nơi trong đất nước. Lời hịch nêu lên những tội ác man rợ của bọn quan lại nhà Hán với chế độ hà khắc đã làm cho dân ta vô cùng cực khổ, lời hịch kêu gọi lòng yêu thương nòi giống mà đứng lên cùng nhau hợp sức hợp tài đánh giặc giữ nước. Lời hịch truyền đi đến đâu đều được nhân dân hưởng ứng rất đông, đến xin nhập vào đoàn nghĩa quân của Hai Bà, chỉ trong ít ngày mà số nghĩa quân có tới hàng mấy vạn.

Lúc đó ở Đường Lâm xứ có hai chị em Lê Ả Lan và Lê Anh Tuấn cũng đã kết nghĩa bạn bè được nhiều người. Khi được biết hịch của Bà Trưng, hai chị em đã gấp rút thu nạp mọi người lập

thành quân ngũ và đưa đạo quân đó về yết kiến Hai Bà Trưng xin hợp quân đánh giặc cứu nước.

Gặp mặt hai chị em Lê Ả Lan và Lê Anh Tuấn, Hai Bà Trưng cả mừng, vì cùng đã biết tiếng về đức tài của hai chị em họ Lê. Bà Trưng liền cử hai chị em Lê Ả Lan và Lê Anh Tuấn thống lĩnh binh sĩ đề phòng mặt sông Thao. Hai chị em Lê Ả Lan bái tạ chủ tướng rồi đem hai ngàn quân thủy bộ lên đường, cõng xí rơm trời, trống chiêng dậy đất, hàng quân lẫm hết oai phong hùng dũng. Qua mấy ngày đêm, hai người đã kéo quân đến trang Văn Lang là địa đầu của đất Thao Giang ngay trên bờ sông Hồng, hai ngài liền cho quân sĩ nghỉ chân lại nơi đây, hôm ấy là ngày 13 tháng Giêng năm Canh Tý (năm 40 đầu Công nguyên).

Sau khi quân sĩ nghỉ ngơi xong, hai người liền đi thăm hỏi nhân dân và ngắm phong cảnh. Nơi đây có một ngôi đền cổ làm bằng đá dựng ngay trên bờ sông Hồng trông rất uy nghiêm và cổ kính, trước cửa đền có một mô đất đẹp kỳ lạ, ví như long châu hổ phục xung quanh, phía sau là dòng nước sông Hồng uốn khúc bao vây lấy khu đền. Nơi đây thật là phong cảnh hữu tình, không những chỉ đẹp về cảnh thiên nhiên mà về địa thế quân sự cũng đáng lưu ý. Hai chị em liền cho binh sĩ dựng nhà trại, lập đồn binh ngay nơi này để trấn giữ mặt đường sông. Lúc đầu nhân dân địa phương chưa hiểu về đạo quân của hai ngài, có phần lo ngại nhưng qua việc đi thăm hỏi và nói chuyện với nhân dân về đạo nghĩa binh cứu nước của hai chị em dưới quyền lệnh của Hai Bà Trưng, ai cũng đều kính phục và ủng hộ hết lòng, hô hào con cháu gia nhập nghĩa quân của hai ngài. Trai tráng trong trang bản đến xin nhập nghĩa binh ngày càng đông, hai ngài đều vui lòng thu nhận. Hai chị em liền mổ trâu bò để tế thiên địa bách thần và cũng để khao binh sĩ và dân làng (sau này nơi đây còn có hèm cầu mổ trâu đen lấy da căng làm nổi nấu thịt).

Từ đại bản doanh, Bà Trưng có lệnh mời hai chị em họ Lê về

hội quân. Tướng lĩnh binh cơ từ bốn miền kéo về cửa sông Hát rầm rộ, ào ạt như thác đổ. Hai Bà Trưng lập đàn tế trời đất và bách thần, ban lệnh khởi nghĩa: "Tiêu diệt giặc Hán bạo tàn, đứng đầu là tên Thái thú Tô Định, giành lại đất nước, non sông của Tổ tiên, đem lại hạnh phúc cho nhân dân!".

Lệnh khởi nghĩa của Bà Trưng ban ra, được tất cả quân sĩ và nhân dân hưởng ứng. Bà Trưng chia ra làm năm đạo quân tiến theo năm ngã đường thẳng hướng đến thành Luy Lâu, tòa thành của Thái thú Tô Định.

Sau khi tiêu diệt hết các đồn chốt của giặc Hán đóng ở các ngã đường tiến quân của ta và quanh thành Luy Lâu, quân ta ầm ầm như bão tố, ào ạt như nước vỡ bờ công phá tòa thành Thái thú. Quân giặc đối phó không kịp, mấy vạn tên đã bỏ mạng, xác chết như rạ, máu chảy đỏ ngập cả hào thành, tên nào còn sống sót thì bỏ thành chạy thục mạng. Tên Thái thú Tô Định cũng cạo râu cắt tóc để trá hình mà chạy thoát thân.

Thành Luy Lâu đã hết bóng giặc, Hai Bà cho quân sĩ đuổi theo tiêu diệt nốt những tên giặc còn sống sót, cùng cử binh đi đánh khắp các nơi còn có đồn giặc Hán. Chỉ trong một thời gian ngắn, tất cả các đồn ải, thành quách của giặc Hán đã bị đánh tan tành. Cả đất nước giang sơn đã được thu phục về ta.

Trong trận tiến quân đánh thành Luy Lâu, Đô chỉ huy Đại tướng quân Lê Anh Tuấn cùng Lê ả Lan được Hai Bà Trưng ủy giao cho lãnh đạo binh thủy bộ, đánh tập hậu vào thành. Quân sĩ của hai người đã nhanh chóng bất ngờ mà đột nhập thành chiếm lợi thế, đánh rất hăng chém được nhiều quân giặc, làm cho địch hoang mang hoảng sợ, tạo điều kiện thuận lợi cho quân ta tiến vào tiền thành một cách dễ dàng tiêu diệt địch nhanh chóng.

Đất nước trở lại thanh bình, Bà Trưng Trắc được suy tôn làm vua, hiệu là "Trưng Nữ Vương". Bà cho mở đại tiệc khao quân và luận thưởng công trạng cho các tướng lĩnh. Lê ả Lan và Lê Anh Tuấn đã có nhiều công lao thành tích, được giao phong

chức sắc và thưởng vàng bạc, cấp cho ruộng đất để lập ấp ở đạo Sơn Tây. Hai chị em bái tạ Trưng Nữ Vương trở lại quê hương, ngày thường vẫn ôn văn luyện võ và phụng mạng Trưng Vương, lập doanh trại dân binh ngay tại trang ấp.

Nhân dân trang Văn Lang lập đền thờ sau khi hai chị em Lê Á Lan và Lê Anh Tuấn mất đi. Ngày nay ở xã Văn Lang, huyện Hạ Hòa còn một ngôi đền nhỏ kỷ niệm hai chị em Lê Á Lan, Lê Anh Tuấn. Vào mùa xuân, nhân dân thường thăm viếng ngôi đền cổ và kể cho nhau nghe sự tích anh hùng của hai chị em họ Lê đã tham gia khởi nghĩa, chống đô hộ ngoại bang dưới cờ của Hai Bà Trưng ngay từ hồi đầu Công nguyên.

38. BÀ CHÚA BẦU

Tương truyền, xưa kia tại xã Bầu Lý (Lập Thạch, Phú Thọ) có một bà cụ già không có con, chuyên sống bằng nghề nường rẫy, bà trồng được một dây bầu rất tốt mà mấy năm chỉ ăn lá, không hề có một quả. Dây bầu bò qua sông Phó Đáy lên tận đỉnh núi Bầu (nay thuộc xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang), mới trổ một bông hoa và kết thành một quả. Sau đó từ trong quả bầu này nở ra một cô con gái. Cô gái lớn lên rất mau, chỉ vài ngày sau, cô đã biết đủ mọi điều, cô lần theo dây bầu xuống núi tìm đến nhà bà cụ, cô xin nhận bà cụ làm mẹ nuôi và bà cụ đặt tên cho cô là nàng Bầu. Từ đó hai mẹ con sống những ngày rất êm ấm, bà cụ ở nhà chăn nuôi gà lợn, nấu cơm, còn nàng Bầu thì đi nường đi rẫy tía lúa trồng khoai. Những đêm trăng tỏ, tiếng sáo của bọn trai làng rộn rã quanh nhà. Anh nào cũng muốn chiếm được cô gái xinh đẹp khỏe mạnh nhất vùng. Nhưng hình như không bao giờ nàng để ý tới tiếng sáo của bất cứ ai gọi đi chơi, đi hát. Được mấy năm thì bà cụ mất, nàng Bầu đem mẹ nuôi chôn trên sườn núi. Trong khi mai táng mẹ thì bỗng nàng bắt được cái chuông. Nàng đem chuông về mỗi lần gõ thử thì thấy nhân dân các nơi quanh vùng tìm đến rất đông và mọi người xin sẵn sàng làm giúp

nàng mọi việc. Một thời gian sau thì có người của Bà Trưng sai đến gặp nàng để bàn việc khởi nghĩa cứu nước. Nàng nhận lời rồi đem chuông ra gõ, cũng như mọi lần trước, nhân dân kéo đến rất đông lại hỏi nàng muốn làm gì? Nàng nói rõ sự tình rằng: "Phải theo Bà Trưng đánh đuổi tên Thái thú Tô Định và lũ giặc Hán đang tàn sát hãm hại nhân dân ta". Nghe xong, tất cả mọi người đều xin ở lại làm quân của nàng để đánh giặc cứu nước. Nàng bèn dẫn quân về theo Bà Trưng đánh đuổi Tô Định giải phóng đất nước. Bà Trưng lên làm vua phong nàng Bào làm công chúa, nên người ta thường gọi nàng là "Chúa Bào". Bà Trưng sai Chúa Bào dẫn quân về quê lập đồn trại ở Bào Lý để canh phòng mạn Bắc. Lập xong đồn trại, Chúa Bào chỉ giữ lại số ít người gia thân để canh giữ đồn trại, còn lại thì cho họ về nhà làm ăn như cũ.

Được vài năm sau, Mã Viện lại đem quân sang xâm lược nước ta, Chúa Bào lại rung chuông gọi quân về tập hợp. Bỗng quân giặc từ trên đầu núi Tam Đảo kéo xuống. Bất ngờ, gặp quân Hán, Chúa Bào liền cho quân xông vào chém giết quân giặc, quân giặc đông, quân ta ít nên bị thua phải lui về đất Đạo Trù (Lập Thạch), Chúa Bào vớt chuông xuống vực sâu rồi nhảy xuống vực tự tử. Vì vậy sau này người ta gọi vực đó là Vực Chuông.

Để ghi nhớ công ơn của Chúa Bào, nhân dân các vùng ven chân núi Bào đều lập miếu thờ và các triều đình phong kiến đều có sắc phong mỹ hiệu, liệt vào hàng thần linh hộ quốc.

39. HÀ TƠ, HÀ LIÊU

Hà Tơ và Hà Liễu là hai anh em sinh đôi con ông Hà Đại Hiến quê ở miền xuôi lên làm trại ở nơi nay là xã Phú Mỹ huyện Phù Ninh (Vĩnh Phú). Hai anh em lớn lên cùng khỏe mạnh, đặc biệt là có tài săn bắn. Hôm nào hai anh em không đi cuộc ruộng thì lại vác nỏ vào rừng và nhất định hôm đó phải bắn được con hươu, con nai hoặc con cầy con cáo chứ không chịu về không.

Thuở ấy Bà Trưng truyền hịch kêu gọi khởi nghĩa, hai anh

em bèn vác giáo đi theo, được Bà Trưng thu nhận và giao cho nhiệm vụ trở về quê tuyển mộ thêm binh sĩ. Vâng mệnh Bà Trưng, hai anh em họ Hà trở về chiêu nạp được khá đông trai tráng nhập vào đội ngũ nghĩa binh. Hằng ngày họ đưa nhau vào rừng để săn bắn nhưng kỳ thực là để luyện tập võ nghệ cho tinh thông, ít lâu sau. Bà Trưng có lệnh hai anh em về hội quân, hai ông liền đem quân về theo Bà Trưng đi đánh giặc. Quân hai ông đến đâu cũng được nhân dân vui mừng đón tiếp. Hôm mồng 6 tháng Giêng âm lịch khoảng trưa thì quân của hai ông kéo đến làng Thái Tổ. Tết đã qua rồi, lợn thì thả rông, dân làng không biết lấy gì để úy lạo quân sĩ. Sau khi bàn tính, các bô lão bèn đem bánh nằng ra mời nghĩa quân ăn tạm rồi liền nổi tù và hiệu lệnh cho dân làng đuổi bắt lợn. Bắt được 5 con lợn, dân làng bèn đem mổ lấy lòng và một ít thịt cho nghĩa quân ăn, còn bao nhiêu thịt đều gói lại cho nghĩa quân mang theo.

Đánh đuổi xong Tô Định. Bà Trưng lên làm vua, phong chức tước cho hai ông rồi lại sai đưa quân trở về quê lập đồn trại. Vài năm sau Mã Viện lại sang xâm lược nước ta. Quân Bà Trưng thua trận ở Lãng Bạc rồi bị vây ở Mê Linh, quân liên lạc lên gọi hai ông Hà Tở, Hà Liễu về trợ chiến. Kinh thành bị vỡ, Hai Bà Trưng chạy về Cẩm Khê, hai ông họ Hà vẫn theo hộ vệ Hai Bà.

Tại Cẩm Khê, quân ta và quân địch xung sát vô cùng ác liệt Hai Bà Trưng bị thương nặng, hai voi chiến bị giặc đâm chết. Hai Bà cùng bị tử trận. Các tướng sĩ cướp được xác Hai Bà chạy về núi Hi Sơn. ông Liễu bị giặc chém một nhát vào bả vai, hai anh em dẫn nhau chạy từ Cẩm Khê qua Việt Trì, Lâm Thao, Thanh Ba rồi qua Năng Yên, Kim Lăng, Chân Chu, Xuân ái tìm đường trở về quê cũ Nhưng, mới chạy đến Dương Mông thì hai ông cùng hóa ở nơi nay là cánh đồng Miếu, đôi ngựa cũng nhảy xuống sông Lô chết theo. Sau này, nhân dân các làng xã nói trên tìm theo đường có vết máu của hai ông mà lập đền thờ, riêng làng Giấu thì được thờ thêm đôi ngựa.

Trước kia, trong ngày cầu cúng hai ông, nhân dân có những tục hèm như:

Miếu Giầu Cầm là nơi cha mẹ hai ông phá hoang trồng chè.

Hai ông bà được thờ ở gian bên cạnh miếu, phẩm vật cúng phải có bát nước chè xanh.

Miếu Tiêu Châu là nơi hai ông cùng các bạn bè thường trải lá cọ ăn cơm nắm sau khi luyện tập võ nghệ, nên cứ đến ngày cầu thì ông chú tể phải chặt lá cọ trải chung quanh miếu.

Ở Thái Tổ cứ đến ngày 6 tháng Giêng âm lịch, nhân dân thả 5 con lợn ra rồi đuổi, đến trưa thì dồn về đình rồi bắt mổ để tế lễ bằng thịt sống, chỉ có lòng và ít thịt luộc...

40. SỰ TÍCH TƯỚNG QUÂN LŨ LŨY

Thuở xưa, ở huyện Mê Linh trại Văn Lôi có nàng Tú con nhà Lạc tướng nhan sắc thẩm tươi, hình dung yểu điệu, mặt tròn như vành nguyệt, miệng cười như hoa nở, má phấn môi son. Năm nàng 16 tuổi, lương duyên chưa định, chợt một đêm mơ thấy có đám mây vàng chói lọi ánh mặt trời tự nhiên chui vào bụng. Nàng sợ hãi đem chuyện lạ thưa lại với cha. Ông bèn an ủi khuyên con chớ sợ hãi, chắc đó cũng là một điềm lành. Từ đó nàng Tú có thai, tới năm Quý Mão mồng 7 tháng Giêng thì sinh được một con trai diện mạo phương phi thân hình to lớn. Nàng Tú đặt tên con là Lũ Lũy. Năm Lũ Lũy lên 13 tuổi thì mẹ không bệnh mà mất.

Tô Định cai trị nước ta hà hiếp lương dân, giết người đoạt của. Lúc đó có bà Trưng Trắc con quan Lạc tướng huyện Mê Linh có chồng là Thi Sách bị Tô Định giết. Bà phẫn chí vì thù chồng lại thương dân trong cảnh lầm than mới dấy binh khởi nghĩa. ông Lũ Lũy đến đầu quân ở trại Bà Trưng tỏ tài vũ dũng, được Bà Trưng phong làm tướng, theo Bà Trưng đề binh xuất trận đuổi giặc tham tàn. Sau một thời gian đánh dẹp, quân Hai Bà hoàn toàn chiến thắng, quân dân ca khúc khải hoàn, xây dựng đất nước, nhân dân ta được an cư lạc nghiệp.

Trưng Vương xét công phong tước, Lũ Lũy được phong Đại

tướng quân chỉ huy ba ngàn quân phòng thủ mặt Đông Nam thành Mê Linh. Lũy công lập doanh trại, đóng quân ở Cổ Lôi trang (tức trại Văn Lôi) để coi giữ thành trì. Lũy công lập xong doanh trại, cho mời các bô lão tới dự hội mừng công, lại cho nhân dân mổ trâu giết lợn làm các trò vui.

Vua Trưng trị vì được ba năm thì bọn phong kiến nhà Hán sai Mã Viện đem đại binh sang xâm lược nước ta lần nữa. Lũy công chia quân hai đạo tiến đánh Mã Viện. Quân Bà Trưng chống với quân xâm lược một thời gian yếu sức phải lui. Lũy công cũng rút quân về tới trại Cổ Lôi thì bị giặc vây. Sau một trận kịch chiến, Lũy công đã phá được vòng vây nhưng chỉ tới đầu làng lại bị giặc đuổi theo vây chặt. Lũy công vùng kiếm chém được mấy đầu tướng giặc sau đó tự chém ngựa mình rồi dùng kiếm đâm cổ mà hóa.

Sau này, nhân dân lập miếu thờ ông Lũ Lũy ở làng Cổ Lôi, còn nơi Lũ Lũy tuần tiết nhân dân gọi là nơi cấm địa, không ai được chặt phá cây cối. Làng Cổ Lôi nay là thôn Văn Lôi xã Tam Đồng huyện Yên Lãng.

Ở địa phương còn có các địa danh ghi nhớ sự tích người anh hùng Lũ Lũy lại như sau: cánh đồng Dinh là nơi tương truyền xưa Lũ Lũy đóng quân ở gần rừng, nay là xóm Trại xã Văn Lôi, cánh đồng Xạ là một cánh đồng trũng, tương truyền là nơi Lũ Lũy luyện quân bắn cung nỏ. Bãi cấm địa còn có mộ xây của Lũ Lũy, không rõ được xây dựng vào thời nào.

41. THẦN MIẾU ĐỘ MI

Hồi dân tộc ta còn bị nô lệ, Thái thú đất Giao Châu là Tô Định vô cùng tàn ác, giết Thi Sách là chồng Bà Trưng. Phần vì thù nhà, phần vì nợ nước, Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị đứng lên dựng cờ khởi nghĩa đánh đuổi quân xâm lược.

Tương truyền rằng: khi xuất quân, Hai Bà Trưng lập đền

cầu khẩn trời đất ở chân núi Tản Viên, bên bờ sông Hát Giang và khẩn rằng:

"Đất nước ta từ cổ cây, muông thú đều mang dòng máu cả tổ tiên anh hùng. Nay giặc Hán đến què hương giày xéo gây nên bao đau thương tang tóc, trăm họ lâm than, đất trời không thể dung tha tội ác thúng. Chúng tôi là phận gái nghì đến muôn dân không thể ngồi yên được, quyết đứng lên làm điều nghĩa, đền ơn nước trả thù nhà, thần thánh hãy chứng giám cho Trưng nữ này đánh tan giặc kéo trăm họ ra khỏi vòng nước lửa".

Khẩn xong, Hai Bà truyền hịch khắp nơi. Người nước Nam nghe tin khí thế bừng bừng, hào khí dân tộc trỗi dậy. Tinh thần ấy động đến cả trời đất. Những người tài giỏi cùng các quan Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố... đều hướng về hưởng ứng việc làm cứu nước của Hai Bà Trưng. Quân đi đến đâu cũng thấy trên trời có tiếng trống rung ngựa hí dền dấy. Quân Hai Bà không đuổi mà giặc cứ bỏ chạy. Sáu mươi lăm thành trì lần lượt bị đánh tan tành. Một lần, Hai Bà Trưng dẫn hai ngàn quân đi theo đường Thụy Động đến miền Tứ Kỳ thuộc phủ Hạ Hồng đạo Hồng Châu (nay là Hưng Yên) cho quân nghỉ tại gò Độ Mi, trên đó có một miếu nhỏ.

Đến đêm, Hai Bà vào miếu cầu mộng và hứa với thần miếu Độ Mi rằng "Khi nào dẹp tan quân Tô Định sẽ phong là Phúc thần". Nói xong Hai Bà giăng màn ngủ tại miếu. Vào khoảng canh ba, Hai Bà Trưng thấy một người đàn bà trạc năm mươi tuổi và một người con trai theo sau. Hai mẹ con quỳ xuống và xưng là Chiêu Khanh. Người con xưng là Đông Long. Mẹ con là dòng giống con cháu vua Hùng Vương, người mẹ nói với Hai Bà Trưng rằng: Trưng nữ lập đền tế trời đất ở chân núi Tản Viên đã làm động đến khí thiêng sông núi. Giặc nước ngoài đến chẳng những làm người trần thế đau đớn mà cả những linh hồn đã khuất cũng tủi hờn. Tất cả đều muốn theo Trưng nữ dẹp giặc cứu nước.

Bừng tỉnh dậy, Hai Bà kể lại cho nhau nghe giấc mộng lạ

lùng. Cả Hai Bà đều mơ thấy cùng giấc mộng ấy. Trưng Trắc báo em rằng: Đó là điềm lành, em hãy giao cho các cố lão trong làng hai nén vàng để tu sửa đền miếu.

Trung tuần tháng Chạp, đại quân của Hai Bà kéo đi đánh giặc ở sông Hồng được âm binh của thần miếu Độ Mi ngầm giúp sức thắng giặc như chẻ tre. Đồn rằng quân Tô Định chạy đến gò Độ Mi tự nhiên mây đen kéo đến, trời tối sầm nổi cơn mưa to gió lớn sấm chớp âm ầm, quân giặc chạy xéo vào nhau mà chết. Đội hình giặc rối loạn, quân Hai Bà tiến tới, gươm giáo sáng loáng, vô ngựa giẫm, chém đám quân giặc chết không sao kể xiết. Lúc giặc tan thì mưa gió yên, trời quang đăng. Hai con ngựa đá ở cửa miếu Độ Mi bùn đất khắp mình và bèo tấm vẫn còn dính ở ngang bụng. Dân chúng cho rằng hai mẹ con thần miếu Độ Mi đã đem quân đánh giặc trở về, xin Trưng Nữ Vương phong cho làm Thượng đẳng thần.

Làng An Tư ngày nay vẫn còn giữ miếu thờ hai vị Phúc thần và có tục kiêng nói đến tên húy "Chiêu Khanh - Đông Long".

42. ÔNG TỔ LÀNG LẠC ĐẠO

Vào thời Bắc thuộc hoặc trước nữa, ở làng Lạc Đạo (dưới chân Đền Cao) xảy ra một chuyện đau lòng mà tiếng thơm còn mãi...

Ngày ấy, người dân Lạc Đạo phải sống trong cảnh tàn sát dã man của quân giặc, nhà nhà bị đốt sạch, người người cũng bị giết sạch. Sau vụ thảm sát điêu tàn ấy, cả làng chỉ còn sống sót một chàng thanh niên khỏe mạnh ẩn nấp được trong dây dưa đại mộc um tùm trên bờ giếng chùa Tháp. Cũng may còn 12 cô gái đẹp nhất làng bị giặc bắt giữ để phục dịch và làm lao công cho chúng. Chúng bắt 12 cô san đồi, cuốc đất trồng một vườn hoa lớn và giao hẹn rằng: "Vườn hoa sống và tươi tốt thì chỗ này là đất của nước các quan. Các quan sẽ đóng và ở hẳn đất này". Từ đó 12 cô gái ngày ngày xuống giếng chùa Tháp gánh nước tưới hoa, và cũng từ đó anh chàng thanh niên sống sót kia được

12 cô gái thay phiên nhau vung trộm bột phần cơm của mình nuôi sống. Chàng trai ngày đêm náu mình dưới hàng dừa um tùm quanh bờ giếng. Một hôm, thấy hơi người chó mách sữa ầm ĩ vào bụi dừa. Thấy chó sữa lính giặc vung gương phật quanh bụi, phật đứt một cánh tay của chàng thanh niên nọ. Giữa lúc ấy từ trong bụi dừa một con cáo nhảy vọt ra chạy biến đi. Thế là chó đuổi theo cáo. Anh thanh niên thoát chết.

Ngày tháng qua đi mối quan hệ giữa 12 cô gái với chàng thanh niên nọ càng trở thành mật thiết. Các cô vẫn tưới hoa, chàng thanh niên vẫn nép mình dưới bụi dừa. Được các cô cung cấp rõ tình hình và âm mưu của giặc về vườn hoa, cùng với ý đồ chiếm đất của chúng, chàng thanh niên nghĩ ra một kế nói với các cô: "Giặc muốn chiếm đất bằng có vườn hoa sống xanh tốt, chỉ bằng các cô kín đáo đem nước sôi tưới nhẹ từ xa vào gốc làm cho cây chết dần đi".

Mười hai cô gái bí mật làm theo. Dần dần vườn hoa không bị khô gốc, mà tự nhiên chết hết. Thấy vậy tướng giặc nhìn sao chiếu mệnh trên trời và ngẫm nghĩ kỹ về vườn hoa không còn sống sót một cây, bèn truyền đi tin "không ở đất này được". Rồi một ngày chúng lẳng lặng rút quân về nước.

Cuộc sống thanh bình trở lại với làng Lạc Đạo, nhưng chỉ còn 12 cô gái và chàng thanh niên đã mất một tay. 12 cô gái thuận tình kết hôn với chàng thanh niên ấy. Chẳng bao lâu, họ sinh con đẻ cái đầy nhà. Người chồng của 12 bà vợ lần lượt đặt tên đặt họ cho từng con. Đàn con theo từng người mẹ, mỗi mẹ mang một họ như họ Dương, họ Trần, họ Nguyễn, họ Mạc, họ Hoàng,... (là những họ lớn ở An Lạc hiện nay) ra khai hoang lập ấp và cùng con cái ở thành mười hai chòm, xóm quanh vùng. Ông chồng già yếu rồi mất. Cả làng có ngày giỗ chung, 15 tháng 10 là giỗ tổ làng Lạc Đạo - nhiều người gọi đó là ngày giỗ cụ Tổ Cụt.

43. NÀNG HÁT HAY LÀM QUAY MUÔN GIÁO

Thuở giặc Tần. Hán gọi ta là "mọi rợ", "man di" thì ở lộ ta đã

có người con gái đẹp lắm và ca hát hay lắm. Nàng hát ở Hội vật võ làm say mê muôn người. Truyền rằng, khi nàng cất tiếng hát thì chim khắp nơi về đậu quanh hội vật, nàng hát làm tắt nắng, làm trắng chao đảo, làm sao vật võ, làm người sắp chết sống lại, làm trai gái mê mệt nắm cổ tay nhau... Nàng có thể hát đêm này qua đêm khác, ngày này qua ngày khác. Các đạo, các lộ đều nghe thấy, vì rằng không riêng miệng nàng hát mà cả mái tóc dài mượt như nhung sức nức mùi thơm của nàng, mỗi sợi đều cất lên những âm thanh tuyệt vời hòa theo.

Nàng theo quân tướng ra trận đánh giặc. Nàng hát làm giặc ngẩn ngơ, bàng hoàng, buông gươm hàng phục hoặc quay giáo chạy dài. Nhưng cứ mỗi lần như thế, chúng rút về đến bên kia biên giới, hết cơn mê mệt, chúng lại hung hăng ào sang. Tiếng hát và sắc đẹp của nàng lại làm chúng mê mệt bàng hoàng, thua chạy. Cứ thế, chúng thua chạy, rồi chúng lại sang, sang rồi lại tới tả thua chạy về... Mãi không làm gì được ta, chúng phải xin hòa hiếu và đòi ta phải cho chúng mái tóc kỳ diệu của nàng. Để tránh nạn can qua cho hai nước, nàng bèn cắt một nửa mái tóc sai sứ đem sang cho chúng.

Hám sắc, hám tài, ngây ngất về mùi thơm, chúng tranh nhau nắm tóc, ngoạm lấy nắm tóc mà giữ phần. Thằng bị tóc vướng vào răng thì răng thành răng nanh mọc thò ra khỏi miệng. Thằng tóc mắc vào họng thì nói ồm ồm như chó cắn ma. Thằng tóc vướng vào lưỡi thì lưỡi nói ra toàn những lời hiểm độc. Thấy không đẹp lên, không tài hơn, mà chỉ xấu đi, ngu độn đi, chúng tức sùi bọt mép, nhưng cũng chẳng làm gì được ta, nên chúng chỉ ngấp nghé từ bên nước chúng nhìn sang, hình ảnh người thiếu nữ xinh đẹp tuyệt vời, cười ngựa trắng, mái tóc đen dài bay ngang trời với trăm ngàn giọng hát... làm chúng rã rời ý chí.

44. SỰ TÍCH THẦN ĐÌNH TÀO

Vào thời Đông Hán, trong nước ta ở huyện Long Biên có ông

Đặng hủ là Vạn, nhờ phúc ả tổ tiên mà đời đời được no đủ. ông lấy bà Tạ hủ là Cẩn, người cùng huyện. nhờ phúc ả tổ tiên họ Tạ đời nào cũng khá giả, họ Đặng xe tơ với họ Tạ, thật là môn đăng hộ đối.

Đặng công là người có học lại biết làm thuốc. Ông lấy điều thiện làm vui, giúp đỡ người khốn khó làm thích.

Năm ông gần sáu mươi tuổi, bà trên bốn mươi tuổi mới có hai người con gái chưa có con trai. Một đêm. Tạ thị nằm mơ thấy một ông già mặt mũi hồng hào, râu tóc bạc phơ đến đưa cho bà một viên ngọc đỏ và nói rằng "Nuốt vào sẽ sinh quý tử" Rồi lại nói thêm "Đường con cái của từng người do trời định, đừng lo lắng gì". Nói xong ông già biến mất. Tạ thị tỉnh dậy tự nhiên thấy trong người chuyển đổi, rồi có thai.

Ông bà đều mong mỏi chờ đợi. Tới ngày mồng Mười tháng Hai năm Giáp Ngọ, bà Tạ sinh con trai. Cậu bé thiên tư và tướng mạo đều khác người. Ông bà yêu quý lắm. Trong lòng như có tiếng chuông mừng vui, liền đặt tên cho con là Hưng Phước.

Hưng Phước khỏe mạnh, lớn nhanh. Ba tuổi đã biết lễ nghĩa, biết kính nhường, biết văn học và đã phân biệt được phải trái. Năm tuổi đã học thông sử và biết võ nghệ. Đương thời học trò đều ca ngợi coi như thần đồng. Năm mười sáu tuổi, bố mẹ chết, Hưng Phước chịu tang xong thì mười chín tuổi. Vừa lúc Tô Định nhà Đông Hán mang quân sang xâm lược nước ta. Chúng vô cùng tàn ác. Muôn dân rên rĩ tiếng oán. Lúc bấy giờ, cháu vua Hùng là Trưng Trắc chí khí hùng uy - một trang nữ nhi hào kiệt trên đời cầm binh cự giặc.

(Trong nước những nam nhi thao lược chưa có ai đứng ra giúp nước).

Nữ tướng xuất binh. Bà mặt cáo ở núi Tản Viên với trời đất, rồi hội đồng ở cửa khẩu Hát Giang, lập đàn cáo tế các thần, bà tế rằng: "Người ta sinh ra làm chủ muôn loài. Mọi sự là do người. Cây gỗ cây cỏ cũng được người bảo vệ. Qua đời này đến đời khác, nhà vua có một đạo *lo nước yên dân*. Có đức ấy thì đất

nước thanh bình. Ngày nay có một kẻ khác là Tô Định mang thói dè dỏ lộng hành cuồng điên, ngược chính, sát hại muôn dân. Trời đất và mọi người đều oán giận. Thiếp một mình là nữ nói lên việc này, trời cũng chảy nước mắt. Trong lòng thiếp đau đớn ngày đêm. Xin bách vị chư binh giúp đỡ để thiếp cất quân đánh giặc, bảo vệ đất nước, cứu muôn dân, cho thỏa lòng tổ tiên thiếp nơi chín suối. Theo ý trời. Mãn ý tổ tiên thì dù trong nước lửa thiếp cũng không ngần ngại".

Rồi truyền hịch đi khắp các quận, các châu, các đạo trong nước chiêu tập những người văn võ toàn tài ra cứu nước chống giặc.

Hưng Phước nhận được tờ chiếu, bèn chiêu mộ hơn một ngàn quân, cử binh đến đại doanh của Bà Trưng xin ứng tuyển. Bà Trưng thấy ông văn võ toàn tài, giao cho chức Chỉ huy sứ Thượng tướng quân, phòng ngự hai đường Đông Bắc.

Ngày ngày đó ông nhận lệnh đi. Cờ mở gió thổi, vạn dặm trống reo. Đến Hồng Châu phủ Thượng Hồng huyện Đường Yên thì dừng lại ở giáp Tào làng Ngọc Cục đóng quân.

Đây là vùng đất hẹp (sơn thủy nhất cục) có hồ rộng vây quanh, rừng không to, núi không cao, sông ao liên kết phía trước mặt phong quang, phía sau lưng kín đáo. Ông truyền cho quân sĩ và nhân dân xây dựng đồn trại để chống giặc.

Một hôm Bà Trưng triệu ông mang quân về đại doanh hợp quân đánh quân Hán. Chỉ một trận bắt được Tô Định. Quân giặc tháo chạy tán loạn. Sáu mươi năm thành Nam bang được lấy lại.

Bà Trưng lên ngôi vua, ông phụng mệnh về kinh mở yến tiệc rồi mở lại đồn ấp của mình ở giáp Tào, Ngọc Cục và lập doanh cư ở đây.

Một ngày ông làm yến, mời các các cụ già trong làng đều ăn. Các cụ sắp lễ mừng. Trong lúc vui tiệc, các cụ xin với ông "Chấn dất dân chúng". Ông nhận lời. Các cụ lại xin "Phần đất của ông nay là doanh cư, sau là đền thờ". Ông nhận lời và cho mười lăm quan tiền để mua ruộng tế tự.

Bà Trưng làm vua được ba năm thì Mã Viện nhà Hán sang xâm chiếm.

Trưng nữ hội các tướng hợp đồng đánh Mã Viện một trận. Trận ấy, Bà Trưng thất cơ rồi chết.

Ông mang quân về doanh cư của mình. Vừa về đến nơi thì quân Hán đã kéo đến vây bọc trùng trùng, ông cảm cống không tiếp quân Hán. Quân Hán tức như điên hùng hổ đánh vào, ông lên ngựa hô quân phá giặc, phá được vòng vây ông rẽ vào con đường hẻm ở trong khu rừng nhỏ, ngựa mất lên trời mà than rằng "Trung thần không thờ hai vua, không có hai mặt trời" rồi xuống ngựa và tự tử. Ông chết vào giờ Thìn ngày 15 tháng 3 năm 43. Sau đó mới đắp thành mộ lớn. Nhân dân truyền là vùng đất cấm rồi sau lập miếu

Đến đời Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn mười hai sứ quân, đến đây bị vây. Ông hiện ứng giúp Đinh Tiên Hoàng phá tan quân giặc. Đinh Tiên Hoàng phong ông là "Hưng Phước Thắng chiêu cảm linh thần Hộ quốc hiển ứng Đại vương".

Lê Đại Hành, Trần Thái Tông, Lê Thái Tổ đều sắc phong, gia phong cho ông.

Ở đình Tào còn lại những câu đối ghi chiến tích và công ơn của ông. Trong đó có những câu như:

- Ngọc Cục sơn thủy hồi doanh, am cố sở chí kim lưu miếu vũ.
- Hát Giang ba tầng lẫm dũng, chinh trường tuy cố lẫm thần uy.

(Ngọc Cục sơn thủy liên hoàn, xưa doanh trại nay còn đến miếu.

Hát Giang sóng lừng dũng tướng, chiến trường đây dựng đứng uy phong).

- Lịch Việt sử nhị thiên niên, sinh vi tướng hóa vi thần, uy phong hàn địa Bắc.

- Phục châu thành lục thập ngũ, tích chí doanh kim chi miếu, phù trung vĩ liệt diệu thần Nam.

(Trải sử Việt hai ngàn năm, có người sinh là tướng, chết là thần, uy phong còn làm lạnh đất Bắc.

Thu hồi sáu năm thành trì, xưa là doanh trại nay là miếu, trung thần tiết liệt diệu trời Nam).

- Khởi kinh giá tích nhi đồn kim nhi miếu trung anh tận nhập họa đồ quan.

Phi hữu lai sinh vi tướng hóa vi thần, chính khí bất tùy phong hội biến.

(Chính ở nơi đây trước là đồn nay là miếu, khí thiêng chung lại cảnh vật đẹp như vẽ.

Chẳng phải thế mà sinh là tướng chết là thần, chính khí tỏa ra muôn đời không thay đổi).

45. TRUYỆN MAN NƯƠNG

Thời Hiến Đế nhà Hán, quan Thái thú là Sĩ Nhiếp đóng đô thành ở bờ phía nam sông Bình Giang (nay là Thiên Đức Giang). Phía nam thành đó có chùa thờ Phật, có vị sư từ phương Tây tới, hiệu là Già-la đồ lê trụ trì ở đấy, có phép đứng một chân, mọi người đều kính phục gọi là tôn sư, kéo nhau tới học đạo.

Hồi ấy có người con gái tên là Man Nương, cha mẹ đều đã mất, nghèo khổ vô cùng, cũng tới đó dốc lòng theo học đạo Phật, nhưng vì ả có tật nói lắp, không thể cùng chúng tụng kinh, thường ở dưới bếp, vo gạo, nhặt rau, nấu nướng cho các vị tăng trong chùa và khách tứ phương tới học. Một đêm vào tháng năm, đêm ngắn, tăng đồ tụng kinh đến lúc gà gáy. Man Nương nấu cháo đã chín mà tăng đồ tụng kinh chưa xong, chưa tới ăn cháo. Man Nương bèn nằm tựa ở trong cửa bếp, không ngờ ngủ quên đi mất. Tăng đồ tụng kinh xong đều về phòng riêng. Man Nương ngủ ở giữa cửa, sư Già-la bước qua mình Man Nương. Man Nương tự nhiên động thai. Có thai được ba bốn tháng. Man Nương xấu hổ bỏ về. Sư Già-la cũng thẹn mà bỏ đi. Man Nương

về tới một ngôi chùa ở ngã ba sông thì ở lại đó. Đầy tháng sinh ra một đứa con gái, tìm sư Già-la mà trả. Đêm đến, sư Già-la bế đứa con gái tới ngã ba đường thấy một cây đa cành lá xum xuê, có một cái hốc sâu mà sạch sẽ, sư đặt đứa trẻ vào mà nói: "Ta gửi con Phật, mi giữ lấy sẽ thành Phật đạo". Già-la, Man Nương từ già ra về, Già-la cho Man Nương một cây trượng mà bảo: "Ta cho nàng vật này, nàng về nhà nếu gặp năm đại hạn thì lấy trượng cắm xuống đất, lấy nước cứu sinh dân". Man Nương cung kính bái lĩnh mà về ở trong chùa. Gặp năm đại hạn, nàng lấy trượng cắm xuống đất, tự nhiên nước cuộn cuộn chảy ra, dân được nhờ ơn. Khi Man Nương ngoài chín mươi tuổi là lúc cây đa bị đổ, trôi ra ở bến sông trước cửa chùa, quanh quẩn ở đấy mà không trôi đi. Dân thấy thế, định bỏ làm củi nhưng rìu nào cũng đều bị gãy, bèn đưa hơn ba trăm người trong làng ra kéo cây gỗ lên mà không chuyển. Gặp lúc Man Nương xuống bến rửa tay, thử kéo chơi thì cây chuyển động. Chúng đều ngạc nhiên, bảo Man Nương kéo lên bờ sai thợ tạc bốn pho tượng Phật. Khi xẻ cây gỗ đến chỗ đặt đứa con gái thì thấy đã hóa thành một tảng đá rất rắn. Tốp thợ lấy rìu đập tảng đá, rìu đều bị mẻ. Họ liền vút đá xuống vực sông, một tia sáng chói lên, hồi lâu đá mới chìm xuống nước. Bọn thợ đều chết cả. Dân mời Man Nương bái lễ, thuê dân chài lặn xuống nước vớt lên, rước vào tự điện, đặt vào bên trong tượng Phật, tượng Phật tự nhiên trông như mạ vàng. Sư Già-la đặt Phật hiệu là: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện, tứ phương cầu đảo không điều gì không ứng. Dân làng đều gọi Man Nương là Phật Mẫu. Ngày 4 tháng 4, Man Nương không bệnh mà chết, táng ở trong chùa. Người đời lấy ngày này làm ngày sinh của Phật. Hằng năm, tới ngày ấy, nam nữ bốn phương thường tụ hội ở chùa này vui chơi ca múa, người đời gọi là hội Tắm Phật.

46. NÓI VỀ SỰ TÍCH ÔNG SĨ VƯƠNG TIÊN

Đời vua Hiến Đế nhà Hán, có một người ở đất Quảng Tín, tên

là Sĩ Nhiếp Từ thuở bé học Kinh Xuân Thu, đỗ khoa Mậu tài, vua bổ làm quan Thái thú ở đất Giao Chỉ, tức là nước Nam ta.

Ông ấy sang đáp thành Luy Lâu, sau này chỗ ấy thuộc về làng Tam Á, tỉnh Bắc Ninh, lấy chữ nghĩa dạy dân, nước Nam mới được gọi là nước văn hiến là từ đấy.

Ông ấy làm quan được bốn mươi năm, đến chín mươi tuổi, thời mất, đem chôn ở phương Đông Nam thành ấy. Những học trò với dân đời bấy giờ, nhớ công đức ông ấy, mới lập đền lên thờ ở đấy.

Đến đời nhà Tấn vua Hiếu Đế, sai quan Đô đốc là Đào Cấn sang trị nước Giao Chỉ. Ông ấy đi qua chỗ đền ông Sĩ Vương, trông bia, tính ra ông ấy chết đã hơn một trăm sáu mươi năm, muốn xem mặt, mới sai quân đào mả lên. Người Đào Cấn thấy ông ấy vẫn như người sống, sợ hãi, vội vàng lấp lại như cũ. Ai ai cũng nói rằng: ông ấy được phép tiên.

Đến đời nhà Đường, người Cao Biền sang đánh nước Nam Chiếu, cũng đi qua đền ấy, gặp một người hình dung đẹp đẽ. mũ áo tử tể, đón đường tiếp chào. Người Biền mới đón vào đồn chơi, nói chuyện Tam quốc. Phút thấy biến mất. Người Biền ấy lấy làm lạ liền dòm dân ấy mà hỏi. Dân đấy thưa rằng:

- Chỗ ấy là mả ông Sĩ Vương.

Người Biền than thở, mới ngâm câu thơ rằng:

"Tự Ngụy hoàng sơ hậu,
Toán lai ngũ bách niên.
Đường Hàm Thông bát tải,
Hạnh ngộ Sĩ Vương tiên".

Dịch thơ Nôm là:

*Thần kể từ sau Ngụy hoàng sơ,
Năm trăm năm trăm lại có thừa.
Đường kỷ Hàm Thông năm thứ tám,
May sao lại gặp Sĩ Vương xưa.*

Từ đây ai đến đền ông ấy, cầu việc gì thời được việc ấy.

Đời nhà Trần, truy phong ông ấy là "Thiện huệ Linh ứng Đại vương", nghĩa là "Vua có ân lành, ứng thiêng".

Trải nhiều đời ở huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh, có hai đền thờ: một đền ở làng Thanh Lương, một đền ở làng Tam Á. Năm nào cũng có quốc tế long trọng.

47. NĂM ĐẤT HƠN MƯỜI CỐT VÀNG

Thuở ấy giặc Hán kéo sang xâm chiếm nước ta, bòn vét của dân ta đủ thứ. Nào là ngà voi, sừng tê, đồi mồi... và chúng hám nhất con gái đẹp. Lòng tham của chúng quả là không đáy. Thuở ấy ở làng Chảy (nay thuộc xã Liêm Thuận) có một cô gái đẹp nức tiếng cả một vùng. Tên quan Hán cai trị say cô mê mết. Đồ dành không xong, nó đem quân đến cưỡng bức, bắt cô về dinh của nó. Lúc cô bị bắt mang đi, dân làng và mẹ cha cô đau xót không nói được nên lời, làng xóm nghèo xơ xác chẳng có gì, mọi người đành chỉ ngã khăn, gói cho cô một nắm đất quê nhà để đưa tiễn cô. Vào dinh quân Hán bốn bề cửa cấm, một mình cô một nắm đất trên tay. Dầu cảm tên giặc Hán tàn bạo, dầu thương cha, nhớ mẹ, nhớ xóm, nhớ làng, cô cũng chẳng biết làm sao được. Cô đành khóc lóc thổ thán cùng nắm đất.

Tên Hán quan thấy suốt ngày người đẹp chỉ khư khư nắm đất trên tay mà không để ý gì đến hắn thì sốt ruột lắm. Hắn sai người mang đến chất đầy quanh phòng cô những mười cốt vàng nén vàng thoi để gạ cô bỏ nắm đất đi... Cô vẫn không thèm đáp lời. Cô vẫn khóc ròng.

Đã chín mươi ngày đêm cô than khóc và không đêm nào cửa nhà trời không rung lên vì tiếng khóc náo nùng, ai oán của cô. Ông Thiện nghe tiếng khóc của cô, hé cửa trời nhìn xuống. Đến đêm thứ một trăm thì ông không thể ngồi yên được nữa. Ông giáng trần, đến trước mặt cô gái mà hỏi:

- Sao con khóc đến náo lòng trời đất thế con?

Cô gái quý xuống dâng nắm đất trước mặt ông Thiện và thưa:

- Đây là nắm đất làng xóm, cha mẹ con cho ngày con bị bắt, không hiểu sao, lúc cầm nắm đất trong tay, con luôn nghe rõ tiếng mẹ, tiếng cha, tiếng làng xóm con gọi? Thương làng, thương xóm, thương mẹ, thương cha nên con khóc.

Ông Thiện nghe rõ nguồn cơn, nhưng chỉ gạt đầu và bảo:

- Được, được, giữ nắm đất con sẽ có mọi phép màu?

Tên quan Hán đã tốn công đồ dành, mua chuộc mãi mà cô vẫn khóc, nó tức lắm. Một hôm, cô đang khóc, nó diên tiết chồm lại, giật phăng nắm đất trên tay cô, ném mạnh xuống nền nhà. Hòn đất vỡ làm trăm mảnh. Trăm mảnh hóa thành trăm thanh gươm sáng rực. Cô gái nhận ra ngay phép nhiệm màu của nắm đất, cô vội lấy gươm, lao vào tên quan Hán mà đâm, mà chém. Tên quan Hán cũng rút gươm ra chống đỡ. Hai bên đánh nhau dữ dội. Gãy gươm này, cô gái nhặt ngay gươm khác lên mà giao đấu. Đến thanh gươm thứ một trăm thì cô gái mới chém được đầu tên quan Hán. Thừa thắng, cô gái xách gươm xông ra phá tất cả ngục tù, mở cửa cho tất cả những ai bị giam cầm, oan khiên, cùng cô ủa ra đốt trụ đồn giặc.

48. TRUYỆN CÁI KHIÊN

Xưa ở làng Cầu có một người con trai tên là Cả Lạn. Chỉ biết rằng: chàng là một người giỏi võ nghệ và nhân hậu vô cùng. Một hôm, chàng gặp một người đang giã gạo dưới đầm sâu. Chàng lao xuống cứu. Nhưng thật lạ người ấy lại cứ đẩy chàng ra, ngụp sâu xuống. Chàng cố sức lặn ngụp một ngày ròng rã mới ôm được người đó và kéo vào bờ. Chàng vừa đặt lên bờ, người ấy đã hóa thành một tiên ông áo dài sừng sỉnh, râu tóc trắng như cước, mặt đỏ ửng vuông, trông nhân từ lắm. Người ấy đưa cho chàng một cái khiên và nói rằng:

- Ta là Thần Hành thiện chuyên đi cứu nhân độ thế. Nghe

con tài trí đức độ, ta thử con đó thôi. Bây giờ sự đã rõ mười. Ta thưởng con cái khiên này để độ thế.

Cả Lạn ngỡ ngác vì thấy cái khiên bé như cái quạt, toan trả lại thì thần đã biến mất. Chàng ấm ức đưa lên ngực thử, cái khiên đã to bằng cái nia, to thế mà nhẹ như bông, chàng mừng rỡ vô cùng. Rồi một ngày kia chàng ra chợ chơi. Mới đến cổng chợ, chàng gặp ngay một người ăn mày đang nằm ngáp. Chàng liền cõng lên, đem vào chợ mua quà cho ăn. Ăn xong, người này lại biến thành một người đẹp để hiển hòa. Người ấy nói:

- Ta là đức Phật đây, con quả có lòng nhân hơn người. Nay há miệng ra ta thưởng cho con quả táo.

Cả Lạn vâng lời, rồi đức Phật cũng biến mất ngay. Cả Lạn ăn xong quả táo, thấy người bưng bưng, tìm đập hứng hực, bụng đói cồn cào. Chàng ăn hết hàng trăm thùng quả ở chợ mà chưa no. Ra cổng chợ, gặp một quả núi lớn, chàng đưa đầu húc thử một cái quả núi đổ kênh ra mặt đất. Chàng biết mình đã có sức khỏe vô địch.

Lại một hôm chàng vào rừng chơi. Chàng gặp một đàn mười con hổ đi lại, chàng bèn lùi lại sau rồi leo lên một quả núi lớn, chờ đàn hổ qua, chàng giáng một tảng đá to vào giữa đàn hổ. Đàn hổ chạy tan tác, nhân đó chàng diệt từng con một cách dễ dàng. Diệt xong mười con hổ, chàng nghe rõ từ một hang núi có tiếng nói vọng ra:

- Ta khá khen cho mưu trí của con. Ta là Thần Núi đây, con hãy nằm xuống tảng đá này, ta thưởng cho con thêm nhiều mưu tài trí giỏi.

Cả Lạn nghe lời vội nằm xuống tảng đá. Khi ngồi dậy chàng thấy đầu óc nhẹ nhõm, sáng suốt lạ lùng.

Cả Lạn về làng được vài ngày thì gặp một trận bão lớn. Gió vận cây đổ ầm ầm. Nhà to, vững nhất làng cũng bị gió lay như dừa vông. Cả Lạn nhìn hướng gió, rồi chạy phóng về phương bắc. Chàng chạy nhanh hơn gió. Tới một cửa ải, chàng đứng trên đỉnh cao nhất, gơ cái khiên lên che gió. Cái khiên hóa to

như một tấm màn trời. Trời lặng gió êm. Nhưng sức chàng có hạn, cầm mãi mỏi tay. Thần Gió nhân cơ hội thổi mạnh, cái khiên đổ xuống. Gió bão lại hoành hành. Thần Gió đắc chí cười sằng sặc. Chàng rút gươm lao vút lên mây, giúi cổ Thần Gió xuống toan chém, Thần Gió vội vái lạy lia lịa, rồi vội tắt gió để được thoát thân.

Được một năm sau thì thế gian lại chịu một nạn khủng khiếp vô cùng. Mưa ông ọc từ trời cao dội xuống. Làng mạc nước ngập lênh láng mà mưa cứ thế kéo dài không ngớt. Cả Lạn lên cây đa cao nhất lấy khiên che cho cả thế gian. Chàng để nghiêng cái khiên để nước chảy ào ra biển. Nhưng Thần Mưa nào có chịu, nước cứ ào ào tuôn xuống. Biển gập gào, nước dâng lên ngập cả đất liền.

Cả Lạn vội chạy ra bờ biển cào dề ngăn nước. Nhưng dề cào được bao nhiêu nước cuốn đi bấy nhiêu. Chàng bèn nhổ từng quả núi ném lên trời đánh Thần Mưa. Thần Mưa ra sức chống đỡ, mãi sau Thần Mưa mới yếu dần và tạnh hẳn.

Đất nước bình yên được mấy năm thì tự dưng bờ cõi dưng dưng lửa cháy. Giặc Hán đến đốt nhà, cướp của, chém chết dân lành. Cả Lạn lại cùng ba quân ra trận. Lúc giao chiến, chàng dùng khiên che cho quân sĩ tiến đánh. Chàng đánh hàng trăm trận như thế. Giặc thua tới bờ khắp nơi. Nhưng rồi quân sĩ hết cả lương ăn, đói khát làm họ kiệt sức. Tình thế đang lúc vô cùng nguy khốn thì bỗng một người dân hốt hải gánh một gánh bánh dày chạy qua. Nghĩ là dân chạy loạn, chàng cho quân ngăn lại và cung kính nói với người ấy:

- Ba quân đang đói, ta cần gánh bánh này. Ông hãy giúp ta.

Người hàng bánh vui vẻ bằng lòng và còn về gánh thêm bánh để chia đủ cho quân sĩ. Cả Lạn vái trời, cảm tạ trời đã xui nên điều lành. Chàng giữ người nọ lại, kết làm anh em, đặt tên là Lân Tương, cùng nhau tính kế đánh giặc.

Từ đó trở đi, đêm nào Cả Lạn cũng mơ thấy điều dữ. Chàng thấy quỷ dữ bẻ hết răng mình, máu chảy ròng ròng... Sáng ra

vào trận. chàng và quân sĩ ngã ngược ngã xuôi, thất bại kế tiếp. Rồi cuối cùng trong một trận thua rất lớn, chàng phải chạy dài. Chạy đến một cánh đồng nọ, ngoảnh lại, thì quân lính đều tan tác cả, chỉ còn mình chàng và Lân Tương, người em kết nghĩa năm nào. Tên giặc bắn tới như mưa. Cả Lân vội đưa khiên ra che đỡ cho cả hai người.

Không ngờ Lân Tương cười đắc chí mà rằng:

- Hùm dẫu thiêng thì cũng đã vào tay ta.

Hắn giương cung phóng mỗi lứa vào khiên cho cháy. Cả Lân lúc đó mới nhận ra ke thù, hiểu hết nguồn cơn thì đã muộn rồi. Chàng rút kiếm, nghiêng rằng chém đứt đôi thằng phản tặc, rồi cố gượng tấm khiên lên đập giụi vào đất. Hại thay, ngọn lửa càng cháy to thêm. Chàng tức tối gầm rung cả trời đất, nâng tấm khiên đang cháy rần rật trên tay, chạy ra phía một con sông lớn. Nhưng chưa tới nơi khiên đã cháy gần hết.

Chàng quảng khiên đi, chấp tay vái trời mà rằng:

- Nếu trời bắt ta chết, hãy để cho ta chết đứng thế này.

Chàng dứt lời thì giông tố nổi lên âm âm, trời chuyển đất rung, thế gian tối sầm lại trong mấy khắc. Đến khi trời quang mây tạnh, người ta thấy chàng đã hóa thành một hòn núi lớn sừng sững giữa trời. Hòn núi có dáng hình người, nên người ta đặt tên là núi Nhân. Núi Nhân nay ở Tây Nam làng Bồng Lạng.

49. MÁI TÓC BIẾT KHÓC BIẾT CƯỜI

Từ xa xưa lắm, tổ tiên ta đã có tục vật võ. Ngày xuân, trai tài gái đẹp dồn về dự Hội như ong. Lại truyền rằng: khi giặc Hán cai trị nước ta thì Hội tàn dần vì trai tài đô giỏi bị giặc truy bắt giết, nên phải lẩn trốn hết. Về sau, chúng càng tàn bạo, hễ gặp đàn ông là chúng giết, hễ gặp đàn bà là chúng hiếp, hoặc bắt làm tì thiếp.

Vùng Liễu Đôi thuở ấy chỉ còn một vài người đàn ông sống sót. Trong đó có một chàng trai là đô vật giỏi. Chàng tìm đến

một hang núi, sống âm thầm ở đó. Thù lớn khiến chàng đêm đêm tỉnh dậy mài gươm, rồi lại ngồi thở dài não nuột. Có mình chàng thì chống sao nổi bấy lang sói đang hoành hành? Một đêm, chàng ra ngoài hang lấy nước. Dưới ánh trăng chàng nhìn thấy một cô gái có mái tóc dài thướt tha và khuôn mặt tròn đầy như mặt trăng. Hỏi ra mới biết cô gái cũng là một người chạy nạn, cha mẹ anh em đều bị giặc giết cả. Họ nhận nhau làm vợ chồng, và về ở chung trong hang núi. Từ đấy hai người sống rất yêu thương nhau. Người con trai rất quý mái tóc của vợ, thường gỡ chải và ngắm nhìn âu yếm. Tuy họ rất mực yêu thương nhau, nhưng họ chưa bao giờ nghĩ đến chuyện thành thân, vì họ nghĩ rằng bốn mặt giang san đang dầu sôi lửa bỏng máu chảy đầu rơi... thì còn vui sướng chi mà ân ái? Đêm đêm họ trở dậy mài gươm và thể với nhau quyết trả thù nhà, rửa nhục nước.

Thế rồi một hôm, nàng lên lên núi kiếm củi, chẳng may bị một thằng giặc Hán bắt hiếp. Trở về hang, nàng không dám nói sự thật với chồng. Cho tới khi cái thai đã được năm sáu tháng, không thể giấu được nữa, nàng nói rõ sự thật. Người chồng vô cùng giận dữ, cắt lấy mái tóc và đuổi nàng đi.

Nàng đau xót nhảy xuống suối mà chết. Vì oan ức quá, hồn nàng không tan được, lại trở về nhập vào mái tóc.

Người chồng đuổi vợ đi rồi, vẫn cho việc làm của mình là đúng, ngày đêm thù hận. Duy có mái tóc, chàng vẫn quý yêu như xưa, vì đó là tóc của người Việt đẹp, trăm sợi đều dài óng, đen mượt như nhung. Đêm đêm, chàng ra khỏi hang đi khắp thiên hạ tìm người chí khí để bàn mưu giúp nước. Sau chàng tìm được hai chàng trai nữa. Rồi một hôm, ba chàng xông ra chém một toán giặc đi qua. Hai người bạn bị giặc giết chết. Chàng dơ vật nọ cũng bị thương ở vai. Đêm ấy về nằm bên mái tóc, vai đau nhức nhối, chàng uất ức kêu trời. Bỗng chàng nghe đâu như có tiếng khóc thút thít. Định thân lại thì chàng nghe rõ tiếng ấy vọng ra từ mái tóc vợ cũ để bên mình.

Ít lâu sau, chàng lại tìm được năm người cùng chí hướng.

Lần này thì họ giết được nhiều giặc. Đêm về chàng lại nghe mái tóc cất tiếng cười. Quân của chàng ngày càng đông, càng thắng to, thì tiếng cười dội ra từ mái tóc càng giòn giã, trong trẻo. Về sau chàng nghiệm thấy rằng mỗi khi vạch kẻ binh xong, mà có tiếng cười từ mái tóc cất lên, thì y như trận ấy thắng lớn. Còn khi nào có tiếng khóc thì quân chàng thua to. Bởi vậy, chỉ khi nào nghe tiếng cười của mái tóc, chàng mới cất quân đi đánh. Bây giờ thì chàng đã hiểu vợ mình và nỗi oan ức của nàng, chàng vô cùng hối hận về sự phũ phàng, nóng vội của mình. Nhờ nàng, nhờ mái tóc mà chàng đánh nhiều trận thắng to.

Giặc tan, chàng được nhà vua cử trấn thủ ở một nơi xa. Một hôm trên đường đi, chàng nghỉ lại ở một quán hàng. Bà chủ quán cho một cô gái đẹp ra múc nước cho ngựa chàng uống. Thấy cô gái đẹp và đoan trang, đôn hậu, chàng đem lòng yêu thương. Ít lâu sau, chàng cưới cô gái nọ làm vợ.

Hôm cưới, chàng vẫn gối lên mái tóc của người vợ xưa mà ngủ. Để khỏi mùi lòng người bạc mệnh, chàng cất tiếng hỏi mái tóc:

- Nay đất nước thái bình, nàng có cho phép người này làm vợ ta không?

Chàng hỏi đi hỏi lại mãi cũng chẳng thấy mái tóc khóc hoặc cười. Lại thay, chàng nâng mái tóc lên thì lại càng ngạc nhiên vì mái tóc kia đã dính chặt lấy đầu người vợ mới cưới. Chàng kêu lên dựng vợ dậy, bật đèn đóm nhìn rõ thì đây chính là người vợ trong thuở hàn vi. Hai vợ chồng ôm lấy nhau mừng mừng tủi tủi. Thì ra vì nàng có công, lại vì oan ức quá đỗi, nên trời thương tình cho nàng sống lại sum họp với chồng.

50. VỊ TỔ NGHỀ GIẤY

Vị tổ nghề giấy, có một số người cho là Thái Luân, người Trung Quốc sống dưới thời Hậu Hán mất năm 121. Trước kia chữ được viết trên thẻ tre hay vải lụa. Thái Luân mới dùng vỏ cây cùng những mảnh vải vụn để chế tạo giấy nên ông được suy

tôn làm tổ nghề chế tạo giấy ở phương Bắc. Nhưng thực ra kỹ thuật làm giấy của ta có phần độc đáo của nó: không dùng vôi dẽ (các cụ cho như vậy là giấy không "tinh khiết") mà dùng rất nhiều nguyên liệu địa phương như vỏ dó, vỏ dương, vỏ cạnh và theo sách *Nam phương thảo mộc trạng* viết đầu thế kỷ thứ 4 thì người Giao Chỉ có loại giấy trầm hương hay mật hương màu trắng có vân như vẩy cá rất thơm, bỏ xuống nước không nát. Năm 284, con buôn nước "đại Tần" (Đông La Mã) từng mua ba vạn giấy mật hương của Giao Chỉ dâng cho Tấn Vũ Đế (tức Tư Mã Viêm) ở Trung Quốc.

Theo truyền thuyết địa phương thì vị tổ nghề giấy đã có một cuộc du hành qua các làng, tại khu vực ven Hồ Tây để dạy nghề giấy, vị này không rõ họ tên quê quán, chỉ nhớ là giỗ vào ngày 16 tháng 3 âm lịch. Ông dạy nghề làm giấy đầu tiên cho làng Yên Hòa. Làng này từ đó có tên là làng Giấy. Sau đó ông tới làng Hồ Khẩu rồi chuyển sang làng Đông, làng Thọ (tức Đông Xã và Yên Thái). Cuối cùng ông sang Nghĩa Đô. Ban đầu ở Yên Hòa, vì thấy dân làng này có người đối đãi không vừa lòng ông nên ông đã bỏ đi lên phía bắc và chỉ dạy dân làng này sử dụng những thứ nguyên liệu "đầu thừa đuôi thẹo" tức là những chỗ vỏ dó xấu nhất ở đầu mấu để làm giấy thô phát quạt. Lên đến Hồ Khẩu, ông đã dạy cách làm giấy moi hạng tốt. Sang Đông Xã, ông dạy làm loại giấy "quý" tức giấy đặc biệt vừa mỏng vừa dai sợi để dân làng Kiêu Kỵ lót dát vàng quý. Còn Yên Thái được dạy cách làm giấy lệnh tức là loại giấy bản tốt khổ tương đối lớn để viết lệnh chỉ của triều đình. Sau đó ông sang Nghĩa Đô gặp người họ Lại, truyền cho nghề làm giấy sắc, loại giấy dày sử dụng nguyên liệu tốt khổ lớn gấp bội giấy loại thường kẻ cả giấy lệnh. Khi làm xong lại phải "nghê" tức là dùng vồ đập vào giấy đặt trên đá cho giấy được thật mịn mặt và bền chắc. Do đó làng này có tên nôm là làng Nghê. Truyền thuyết trên phản ánh kỹ thuật khác nhau giữa các làng nằm trên bờ sông Tô Lịch từ góc tây nam Hồ Tây đến vùng ô Cầu Giấy hiện nay. Nói chung thì càng về sau kỹ thuật giấy càng cao nên có thể cho

rằng truyền thuyết cũng phản ánh một phần nào những chặng đường cải tiến không ngừng của kỹ thuật này. Truyền thuyết còn ghi lại sự phân công khá rành rọt giữa các thôn xã cùng học một tổ sư nghề, cho đến thời gian rất gần đây vẫn còn đúng sự thực, nhất là đối với làng Giấy, làng Hồ, làng Đông, làng Nghè. Tại những làng trên, hàng năm cứ đến ngày 16 tháng 3 âm lịch các người làm giấy đều tổ chức cúng vị tổ sư chung. Ngày này không phải là ngày kỵ mà chỉ là ngày vị này đã rời khỏi làng Nghè ra đi, không rõ tung tích sau này ra sao, đúng như "con rồng" chỉ thấy đầu và khúc giữa mà không thấy đuôi như lời nhiều cố lão vùng Bưởi thường nói.

51. SỰ TÍCH LŨ GIA

Lữ Gia là Tể tướng thời Ai Vương và Thuật Dương Vương nhà Triệu ở xã Đăng Côi, huyện Thiên Bản (sau là xã Tam Thanh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định). Đời Triệu Ai Vương (112 TCN) Cù thái hậu vốn là người Hán, nhiều lần khuyên vua xin đem nước Việt nội phụ vào nhà Hán, triệt bỏ các cửa quan ở biên giới. Tể tướng Lữ Gia can ngăn, bị thái hậu và vua mưu tính giết hại. Ông bèn đem quân đánh giết Ai Vương và Cù thái hậu, cùng bọn sứ giả nhà Hán, rồi lập con trưởng của Minh Vương là Thuật Dương hầu Kiến Đức làm vua (tức Thuật Dương Vương). Năm sau, nhà Hán sai Đại tướng Dương Bộc đem quân sang đánh, Lữ Gia sai quân chắt đá giữa sông làm Thạch Môn để chống giữ. Sau quân Lữ Gia thua trận, bị Đô Kê bắt sống nộp cho quân Hán. Nhưng tương truyền, khi Lữ Gia đánh nhau với quân nhà Hán không được, thua chạy, bị chém vẫn ôm đầu cuội ngựa chạy. Đến núi Đăng Côi gặp người đàn bà trong thôn, Lữ Gia hỏi: "Xưa nay có ai mất đầu mà sống được không?". Người đàn bà đáp: "Không". Bấy giờ Lữ Gia mới ngã xuống ngựa mà chết. Về sau, dân làng dựng đền thờ ở nơi ấy. Ngạn ngữ có câu: "Làng Gôi thờ đầu, làng Hầu thờ cổ, làng Hồ thờ chân" là nói về sự tích đền thờ Lữ Gia. Làng là tên nôm của

xã Vân Côi (sau đổi là Đăng Côi). Hàng năm đầu mùa xuân mở hội thi đấu võ, gọi là hội Đại Thắng. Bình luận về Lữ Gia, sử thần Lê Văn Hưu nói: "Lữ Gia can ngăn Ai Vương và Cù thái hậu không nên xin làm chư hầu nhà Hán, đừng triệt bỏ cửa quan ở biên giới, có thể gọi là biết trọng Việt vậy".

52. BÀI KÝ VỀ LỆ HẢI BÀ VƯƠNG

Bà họ Triệu, tên húy là Trinh, lúc nhỏ có tên hiệu là nàng Âu, em gái Triệu Quốc Đạt, người đất Trung Sơn, huyện Cửu Chân.

Bà mặt hoa, tóc mây, mắt châu, môi đào, mũi hỏ, trán rộng, đầu báo, hàm én, tay dài quá đầu gối, tiếng như chuông lớn, mình cao chín thước, vú dài ba thước, vòng lưng rộng mười ôm, chân đi một ngày năm trăm dặm, sức có thể khua gió bạt cây, tay đánh chân đá như thần, lại có sắc đẹp, làm động lòng người.

Cha mẹ chết sớm, Bà ở với anh. Gặp phải chị dâu là người rất không tốt, Bà tức giận giết chết. Người anh lúc đầu giận lắm. Bà bèn chia bếp, vào rừng mà ở, tự làm kiếm sống. Tính rất ngang tàng thẳng thắn, mỗi khi Bà phật ý thì chẳng có ai cưỡng lại nổi.

Đến năm hai mươi tuổi. Bà vẫn chưa lấy chồng, có chí mưu việc lớn, bỏ tiền của ra cấp cho tân khách, chiêu kết hội đảng. Tân khách trong nhà bà thường có hàng nghìn người, đều là những kẻ sĩ tráng kiện nhất một thời.

Người anh lúc đầu ghét bà nóng nảy, táo tợn, nhưng nghĩ đến tình cốt nhục, không thể bỏ nhau được, thường khuyên nhủ rằng đàn bà con gái không nên hào phóng như vậy. Bà Âu ngang tàng không chịu nghe theo, đáp lại rằng: "Người ta sống trong cõi bụi hồng, như mầm cây, như nhánh cỏ vậy, từ tươi đến héo chỉ trong nháy mắt, từ lúc thanh xuân đến khi già cõi nhanh chóng như bay, hà tất phải bận tâm". Người anh nói: "Vậy thì làm thế nào?" Bà Âu nói: "Em chỉ muốn cưỡi gió đạp sóng, chém cá kình ở biển Đông, quét sạch giặc khỏi bờ cõi, cứu

dân ra khỏi cảnh chìm đắm. Há lại bắt chước người đời, cúi đầu khom lưng làm tỳ thiếp kẻ khác, cam tâm phục dịch ở trong nhà hay sao?". Người anh lấy làm lạ.

Khoảng năm Mậu Thìn, niên hiệu Vĩnh An, đời Ngô, nước ta bị khổ sở vì các quan thú mục từ phương Bắc sang. Phần nhiều bọn chúng tước đoạt, quấy nhiễu, dân không biết trông vào đâu để mà sống, phải trốn tránh đi ăn cướp, thường dựa vào trang trại của Bà Ấu để ẩn náu. Bà Ấu thực lòng đối đãi, bọn họ đều khâm phục, tập hợp hội đảng mấy nghìn người. Người anh là Quốc Đạt biết chuyện, mừng mà nói rằng: "Em gái ta có chí khí ấy thì có thể nói rằng sau Hai Bà Trưng lại thấy có một Bà Trưng nữa vậy. Em gái đã như thế thì ta còn lo gì nữa".

Vốn Triệu Quốc Đạt, nhờ nếp nhà xưa, gia tư hào phú, là người trung hậu, thích điều thiện, ham bố thí, giao du rộng, được lòng người, rất có chí mưu toan giúp đời. Thủ hạ của ông có bốn người tâm phúc là Vương Thiện, Lân Long, Bao Thúc, Tồn Thân, đều là tay giỏi cung tên, lại trí dũng mưu lược, có sức khỏe vạn người không địch nổi.

Năm ấy, trong nước rối loạn, mọi người đều xin Triệu Quốc Đạt cử sự. Quốc Đạt còn do dự, chưa quyết tâm. Đạt nói: "Quân Ngô thường luôn luôn thao diễn, nhuệ khí tăng nhiều, quân ta là đám người vừa mới tập hợp lại, sao lại có thể đánh giặc được ngay, vạn nhất bị thất bại thì hối làm sao kịp. Chi bằng chờ đợi thời cơ mà hành động, một đánh là toàn thắng, như vậy mới hay!". Mọi người phân vân, bàn tán lẽ thắng lẽ bại.

Thốt nhiên, nghe thấy ở trước nhà, một người lớn tiếng nói rằng: "Cơ hội có thể dựa vào chính là ở ngày hôm nay. Việc làm hợp lẽ, còn đợi đến bao giờ. Em tuy bất tài, xin lĩnh một đội binh mã đi trước". Quốc Đạt quay lại thì hóa ra là Bà Ấu. Quốc Đạt nói: "Ta cũng hiểu lẽ ấy, nhưng bốn phương còn yên tĩnh, đánh nhau có can hệ đến đại sự, há lại có thể khinh động hay sao?". Nàng Ấu phân chấn mà nói: "Người cầm quân giỏi ngày xưa biết tùy cơ ứng biến để quyết định sự thua được trong khoảnh khắc. Nay quân

Ngô hoành hành trong đất nước ta, dưới mắt không coi ai ra gì, xem người nước ta như cỏ rác. Binh pháp rằng: Xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị. Anh há lại không biết hay sao?".

Quốc Đạt bèn dựng cờ nghĩa. Chỉ trong một tuần, đã có quân theo mấy vạn. Do đó, xa gần đều hưởng ứng. Quân Ngô sợ hãi không dám đánh lại, chỉ giữ chặt cửa ải ở các nơi để cầm cự mà thôi.

Không ngờ việc dời ngang trái, lòng vờ không lường. Quốc Đạt bỗng nhiên mắc bạo bệnh mà chết. Mọi người thấy Bà Ấu có tài tướng suý, bèn tôn làm chúa để chống quân Ngô. Từ đó, Bà ấu bên trong càng thêm nghiêm chỉnh, bên ngoài vỗ về lòng dân, to nhỏ đều có quy củ, mọi việc đều tòng quyền mà làm, không có gì là không đầy đủ.

Một hôm, họp đại hội, Bà Ấu ngồi trước nhà nói với các tướng rằng: "Các ông thấy anh ta mất, không hiềm ta là phận gái mà lập ta là chúa, ấy là vì thấy ta có đôi chút khả thủ. Nay ta ra mệnh lệnh trọng yếu trong quân ngũ. Ai nghe theo mệnh lệnh thì có trọng thưởng, ai trái lại mệnh lệnh thì có nghiêm hình. Làm việc gì đã có quân pháp, nên biết giữ gìn".

Từ đó, mỗi khi đánh nhau với quân Ngô, Bà Ấu thường vắt vú ra sau vai, dùng lụa quấn chặt vào lưng, mặc váy vàng, đi guốc ngà, đứng trên đầu voi, thanh thế dũng hệt, chẳng có kẻ nào dám chống lại. Trong quân đặt tên hiệu cho Bà là Nhụy Kiều tướng quân.

Người lúc bấy giờ có bài hát rằng:

Kiều Kiều nữ tướng quân

Tiếng tăm động phong trần

Làm tướng Ngô mất vía

Sắc đẹp động nhân tâm.

Ấy là cũng có ý nói rằng Bà tuy ít tuổi chưa có chồng mà một mình cầm quyền lớn, cũng như là cưới đầu hùm, vuốt râu hùm, e rằng không tránh khỏi miệng hùm vạ.

Giặc Ngô tuy biết oai thần vũ của Bà, nhưng khinh là đàn bà, cho nên vẫn chưa sợ.

Đến khi hai bên gặp nhau đối trận, Bà đi trước quân lính, Bà hướng vào đâu thì như đi vào chỗ không người. Giặc Ngô bấy giờ mới sợ, bèn không dám húng lấy mũi tiến công nhọn sắc ấy nữa. Cứ như thế trong sáu, bảy tháng. Khi chợt gặp quân của Bà thì chúng kêu lên: "Lệ Hải Bà Vương", rồi bỏ chạy mà không dám nhìn. Chúng truyền cho nhau câu nói rằng: "Ngang con mắt nhìn cọp thì dễ, e rằng hướng nhìn lên Bà Vương thì khó".

Từ đó thanh thế của Bà lớn hẳn lên. Các quan thú mục từ phương Bắc đến, đều đóng chặt cổng thành mà giữ thế thủ. Vua Ngô nghe tin ấy thì tức giận, bèn sai quan đốc quân ở Bành Dương là Lục Dận làm Giao Châu thứ sử, kiêm lĩnh chức Hiệu úy, đem quân đánh phương Nam.

Lục Dận là người mềm mỏng, có tiết độ, cùng với quân lính đồng cam cộng khổ, lại có trí dũng.

Dận nghe nói Bà Ấu cương thịnh thì cho rằng các tướng không gắng sức, một người đàn bà thì có nghĩa lý gì, mà cứ để kéo dài ngày tháng như vậy. Dận bèn phước truất các quan thú mục cũ rồi chỉnh tề đội ngũ, định ngày cất đại quân đi đánh. Bà Ấu đem quân đến đón đánh Lục Dận. Một ngày đánh ba trận thì quân Ngô lui ba lần. Cầm cự trong năm sáu tháng, giáp trận đánh nhau hơn bảy mươi phen, quân Ngô đều không thể chống nổi, thua chạy mà về. Ngày tháng trôi qua, quân Ngô chết và bị thương quá nửa. Lục Dận lo bị vua Ngô bắt tội, sợ hãi vô cùng bèn thu quân vào thành, đóng chặt cổng thành mà giữ.

Bà Ấu thừa thế tung quân bao vây. Sau mấy tháng không phá được thành. Bà ấu muốn được đánh nhau với giặc Ngô mà không được đánh. Tướng tá thì ngày đêm hơi có vẻ chùng lỏng vì cho rằng quân Ngô đã cùng quẫn, nhút nhát như thỏ, giữ một tòa thành cô lập, không đáng ngại gì nữa.

Lục Dận ngầm sai quân do thám lẻn vượt ra ngoài thành, thăm dò thực hư, mới biết rằng tuy Bà Ấu trí dũng kiêm toàn,

tay có thể giương cây cung nặng trăm thạch, thân có thể cưỡi con ngựa thiên lý, ngày ăn gạo mấy đấu, thịt mười cân, khỏe mạnh như thế, rất là đáng sợ. Nhưng vốn từ trước đến nay Bà chuộng sự tinh khiết, rất sợ những vật dơ thối, không trong sạch. Một khi Bà trông thấy những cái ấy thì mặt mày e thẹn, tất là dừng chân, rồi sau đó bỏ chạy, không dám đứng lại mà nhìn. Lục Dận nghe biết tin ấy, nở mày nở mặt, vui mừng khôn xiết. Các tướng Ngô hỏi tại sao. Dận nói: "Kẻ địch này mạnh, quân ta là đám cô quân vô viện, không thể lấy sức mà địch nổi, phải dùng mưu".

Thế là Dận hạ lệnh tề chỉnh quân ngũ, sai người đi hạ chiếu thư. Quân hai bên cùng hò hét xông ra, bày thành trận thế. Bà Triệu Ẩu ngồi trên ngựa, cầm ngay cây đao, dõng ở trước trận. Chưa kịp giao phong, thì thấy quân Ngô ùn ùn kéo ra, như vờn như rờn, tướng tá quân sĩ đều trần truồng, thốn thẹn, to nhỏ thành một bầy, tay cầm giáo mác, như gió lướt tới. Bà Triệu Ẩu bình sinh vốn e thẹn, nay thấy hình dáng như vậy, không khỏi xấu hổ, bèn quăng đao, quất ngựa, bưng mặt mà chạy. Dận thừa thế đuổi theo sau mà đánh giết. Quân bà Triệu Ẩu thua to, chết không biết bao nhiêu mà kể. Dận lại tung quân ra bao vây. Bà Triệu ầu thấy bốn mặt đều tắc lối, bèn cắt cổ mà tự tử, năm ấy vừa hai mươi ba tuổi.

Thế là tướng tá của Bà đều phải ra hàng. Hơn ba vạn con voi và châu quận lại thuộc về nước Ngô.⁽¹⁾

Vào thời Lý Nam Đế, quân Lâm Ấp cướp phá đất Nhật Nam. Ban đêm, nhà vua nằm mộng thấy một người đàn bà đội mũ trận, mặc áo giáp, tự xưng họ tên, xin theo quân đi đánh giặc. Vua hỏi lại lý do. Người ấy nói: "Vào thời Vĩnh An, nhà Ngô, tôi đã nhiều lần trải qua chiến trận, chưa từng bị thua, không may

1. Ở chỗ này, bỏ đi một đoạn ngắn, có tính chất mê tín nhảm nhí (giặc Ngô bị bệnh dịch do vong hồn Bà Triệu gây ra, sau dùng dương vật đeo bằng gỗ treo quanh đền Bà Triệu thì thoát khỏi nạn dịch).

bị kẻ địch đánh lừa. Sau khi chết, Thượng đế khen vì dũng cảm, có quyết tâm, bền sức phong làm thần, sai chủ trì ôn dịch, trừ ma quỷ và tất cả mọi việc đuổi tà giúp chính. Nay nghe biết đại quân ra đi, xin giúp một chút công lao bé nhỏ". Nhà vua y lời. Đến khi giặc đã dẹp xong, nhà vua sai lập miếu thờ, phong Bà làm Giản chính phu nhân.

53. SỰ TÍCH LÝ BÍ

Vào thời thuộc Lương, ở miệt Thái Bình, đất Long Biên, có ông lão làm nghề chèo thuyền, thường gọi là ông Ất Lý. Ất Lý sinh Lý Đạt ông Đạt lấy vợ họ Lã tên Hương, vợ chồng có tiếng là người phúc đức hiền hậu. Một đêm Lã thị chiêm bao thấy mình bay lên núi, muốn hạ xuống mà không xuống được. Chợt thấy con rồng vàng, Lã thị cười lên. Rồng bèn đưa Lã thị hạ xuống. Lã thị bèn nhổ lấy một chiếc râu rồng đem về nhà, từ đó có mang. Ngày 7 tháng Giêng, bà sinh một người con trai, hương thơm sức nức khắp nhà, ánh sáng lành tỏa rạng. Lý Đạt bèn đặt tên cho con là Lý Bí. Lý Bí lớn lên khôi ngô tuấn tú, có chí khí muốn giúp đời. Bấy giờ Thứ sử Giao Châu là Vũ Lâm hầu Tiêu Tư, là kẻ tham lam tàn bạo, nghe tên lại thuộc là Chu Năng tiên tri rằng nước Nam đã sinh bậc đế nhân bèn đưa quân đi tìm giết. Mẹ con Lý Bí cùng gia thuộc gần 20 người phải lánh trốn, gặp một người tự xưng là thiên sứ, chỉ đường cho mẹ con Lý Bí chạy về làng Táo Tuyền, huyện Chu Diên. Bấy giờ mẹ con Lý Bí được sư trụ trì ngôi chùa ở bản trang là Triệu Quang Hành giúp nơi ăn chốn ở, lại cho cháu gọi bằng chú là Triệu Quang Phục hầu hạ. Lúc đó Lý Bí 13 tuổi, Triệu Quang Phục 11 tuổi, hai người tâm đầu ý hợp, ngày đêm cùng đọc binh thư, bàn mưu kế đuổi giặc cứu nước. Từ đó Lý Bí đổi gọi theo tên ông nội là Ất Lý, cùng Triệu Quang Phục đi chiêu dụ hào kiệt các nơi, dân chúng theo về rất đông. Thấy trang Táo Tuyền không thuận tiện cho việc dùng binh, hai ông bèn đem quân xuống miền Long Biên hội với nghĩa quân của người anh em họ là Lý

Phật Tử, rồi chia quân đi chiếm giữ các phủ huyện, binh mã đông đến vài ba vạn người. Trong khoảng năm sáu năm, đuổi được quân đô hộ của Tiêu Tư, khôi phục non sông nước Việt, đóng đô ở Long Biên, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân. (Trang Táo Tuyền sau được đổi là trang Kim Tuyền; niên hiệu Thiệu Trị thứ 1 lại đổi là xã Kim Thanh; niên hiệu Đồng Khánh thứ 3 lại đổi là Kim Giao). Sau vua nhà Lương sai Trần Bá Tiên, Dương Sàn đem quân sang đánh. Vua thế cô, giao chiến bất lợi, phải lui vào ở động Khuất Liêu, nhằm lam chướng thành bệnh rồi mất (đó là ngày 8 tháng Mười). Triệu Quang Phục đóng quân ở đầm Dạ Trạch, nhờ được thần nhân cho chiếc móng rồng cắm lên mũ đầu mâu, đánh đâu thắng đó. Lý Phật Tử đóng quân ở động Dã Năng, tự xưng là Đào Lang Vương, gọi nước là Dã Năng. Rồi Lý Phật Tử tiến quân xuống miền đông tranh giành thế lực với Triệu Quang Phục. Sau đó hai bên giải hòa, Lý Phật Tử sai con là Nhã lang cầu hôn con gái của Triệu Quang Phục là Cảo nương. Sau đó Nhã lang dụ vợ lấy mũ đầu mâu cho xem rồi đánh tráo chiếc móng rồng. Khi Lý Phật Tử đem quân đến đánh, vì mất móng rồng thật nên Triệu Quang Phục thua trận, chạy đến cửa Đại Nha, rồi cùng nhảy xuống biển tự tử. Lý Phật Tử lên ngôi lấy hiệu là Hậu Lý Nam Đế. Truy tôn Tiên Lý Nam Đế là Quốc vương thiên tử Ất Lý Lã Nam Đế, truyền cho dân trang Kim Tuyền lập đền phụng thờ. Ở xã Kim Giao, huyện Yên Lãng (sau là Mê Linh) vẫn theo lệ kiêng húy, gọi Bí là Bầu.

54. HOÀNG HẬU NƯỚC VẠN XUÂN

Từ xưa lắm rồi, làng Đông Mai⁽¹⁾ vốn đã là nơi đất bằng nước tụ ông bà Hứa Minh - Bùi Thị Quyên sinh sống ở đó. Cả hai vợ chồng đều gắng làm điều thiện, giữ gìn tục tốt, một lòng trung hiếu thờ phụng tổ tiên, thần phật...

1. Nay thuộc xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong.

Cho đến một đêm, Bùi Thị nằm mơ thấy ánh hào quang rực chiếu khắp nhà. Từ trong ánh hào quang chói lòa, một con rắn to, trắng xuất hiện rồi bò lại phía bà, quấn làm ba vòng quanh người. Bùi Thị hốt hoảng tỉnh dậy, ngó trước ngó sau, nhưng chẳng có động tĩnh gì. Bà bèn kể lại giấc mộng cho chồng nghe, Hứa Minh cho đó là điềm lành. Vì thế, cả hai vợ chồng cùng rất lấy làm cảm kích. Cũng từ đó, Bùi Thị có mang suốt mười tháng liền. Mãi đến đầu năm Quý Hợi, tháng Giêng, thai thần mới chuyển vận. Thế rồi, đến ngày mười bốn, Bùi Thị sinh con gái. Khi đó, khắp trong màn chướng mùi hương tỏa ra thơm ngát. từ trên trời cao, sao Đẩu hạ xuống, ở dưới mặt đất, chim thú đến châu. Nhân đó, hai vợ chồng đặt tên cho con gái là Trinh Hòa.

Ngay từ tấm bé, Trinh Hòa đã có diện mạo khác thường: Mắt nàng trong như nước mùa thu, hàng mi nàng cong đẹp như vầng trăng mới mọc, tóc nàng dài mượt, óng ả như dòng suối mùa xuân... Càng lớn lên, Trinh Hòa càng nổi tiếng bởi phẩm hạnh dịu dàng; binh thư, cung kiếm, môn nào nàng cũng thông thạo. Nàng thực là trang má đào diễm sắc, khiến cho cá lặn, chim sa, hoa nhường vẻ đẹp.

Lại nói, lúc bấy giờ sau khi tiêu trừ quân Lương xâm lược, Lý Bôn đã lên ngôi Hoàng đế, đóng đô tại thành Long Biên ngay cạnh quê nàng. Một buổi sớm mai, Hoàng đế nước Vạn Xuân (Lý Nam Đế) du ngoạn ra ngoài thành. Vừa gặp Trinh Hòa Lý Nam Đế đã gây lòng mến cảm. Nhà vua liền cho kiệu rước nàng về cung dự bàn việc nước.

Giọng nói của nàng trong như tiếng hát.

Lời nàng bàn thật trúng ý của quân vương.

Lý Nam Đế quá đỗi sung sướng, lập tức phong nàng làm Chính cung Hoàng hậu.

Đất nước đang thanh bình bỗng lại nổi cơn gió bụi. Quan Tư mã nhà Lương (Trung Quốc) là Trần Bá Tiên ồ ạt kéo quân sang xâm lấn nước ta. Nhà vua phải thân chinh xuất binh

chống giặc. Trong một trận kịch chiến ở sông Tô Lịch, quân nhà vua chẳng may thất trận, phải lui về đóng ở thành Gia Ninh trên triền Vĩnh Phú. Giặc hùng hổ đuổi theo, lại một trận quyết chiến nữa xảy ra. Sau trận này, Lý Nam Đế lui quân về đóng giữ động Khuất Liêu để tìm kế cự nhau với giặc.

Hoàng hậu Hứa Trinh Hòa cũng được giao binh quyền tham gia trận mạc. Mỗi lần giáp trận, người ta đều thấy vị nữ tướng đi tiên phong. Kẻ thù trông thấy bóng quân hồng nhiều phen đã phải hồn xiêu phách lạc.

Tháng tám năm ấy, Lý Nam Đế dàn quân đóng ở hồ Điển Triệt và cho chế tạo rất nhiều thuyền chiến. Các tướng tài đều được nhà vua cử đi chặn giữ những nơi hiểm yếu khiến quân Lương vô cùng lo sợ. Nào ngờ, một đêm trời bỗng nổi mưa to gió lớn, nước các nơi cuộn cuộn đổ về hồ Điển Triệt. Quân Lương thừa dịp thuận nước xuôi dòng, ào ạt tấn công quân Lý. Hai bên đánh nhau dữ dội suốt mấy ngày đêm liền. Trận này, hoàng hậu Hứa Trinh Hòa chỉ huy đội quân thiết đột trấn giữ cửa Lưu Trung. Chiến thuyền của bà không may bị đắm, nhưng toàn thể tướng sĩ vẫn cùng bà vùng gươm chém giặc đến hơi thở cuối cùng. Vua nghe tin, trong lòng đau buồn khôn xiết. Ông liền uỷ thác cho Tả tướng Triệu Quang Phục cầm quân chống lại Trần Bá Tiên, rồi lui sâu vào vùng rừng núi và mất tại động Khuất Lão.

Sau này, khi đã đánh tan giặc Lương, Triệu Quang Phục lại đem quân về đóng ở thành Long Biên và lên ngôi Hoàng đế. Đất nước sang buổi thịnh trị, trăm họ no đủ, mọi nhà yên vui. Để báo đáp công đức của những người đã khuất, nhà vua bèn xuống chiếu cho toàn dân làng Đông Mai lập đền thờ hoàng hậu Hứa Trinh Hòa - một vị tướng tài ba, dũng cảm của Lý Nam Đế trước kia. Nhân dịp ấy, ông lại truy phong bà là Trinh Hòa Giang Mai Công chúa Đại vương.

55. BA ANH EM TRUNG - THÀNH - TRINH

Vào thế kỷ thứ VI, giặc Lương kéo vào vùng Nam Sách, cướp

của, giết người vô cùng tàn bạo. Nhân dân sống trong lầm than cực khổ.

Ở làng Mạn Nhuế có ba anh em ruột, tên là Trung, Thành, Trinh đã tỏ rõ là những chàng trai tuổi nhỏ trí cao. Các anh bàn với dân làng: Quân lính còn đang đối phó với địch ở nhiều nơi, bà con ta phải tự tổ chức nhau mà đánh giặc. Họ bí mật lén vào các trại giặc để lấy trộm vũ khí, dạy nhau luyện võ nghệ, học cách sử dụng côn, quyền, phóng lao bắn tên... là những người sinh sống ngay ở quê nhà, họ thuộc mọi đường ngang, ngõ tắt, nên chủ yếu họ tập đánh phục kích, bất ngờ, đánh nhanh, rút nhanh. Vũ khí họ giấu trong một cái đồng lớn, ngày nay còn lưu tên là đồng Kẽ Trộm. Còn ngày ngày họ vẫn đi làm ăn, quân giặc không hề hay biết. Trai tráng trong làng coi ba anh em Trung, Thành, Trinh là người chỉ huy, nhất nhất nghe theo.

Trận đầu tiên, Trung, Thành, Trinh tổ chức cho nghĩa quân đang đêm tập kích ngay vào trong doanh trại quân Lương. Viên tướng giặc sai quân mở kho vũ khí đem ra chiến đấu thì mới biết đã bị lấy sạch không còn gì cả. Chúng vô cùng hoảng hốt và bất ngờ. Với vũ khí địch đánh địch, nghĩa quân Mạn Nhuế đã tiêu diệt một số tên, rồi rút an toàn. Hôm sau, giặc Lương thúc quân đến bao vây làng. Biết mưu giặc, ba anh em đã cho nghĩa quân rút vào rừng rậm để bảo toàn lực lượng. Đêm tối, nghĩa quân lại về quấy rối đồn địch, làm chúng ăn không ngon, ngủ không yên. Ban ngày, các toán giặc đi lẻ tẻ vào làng thường bị những mũi tên bắn lén. Có tên bị chém bất ngờ, cũng không biết ai chém mà chết. Cách đánh của nghĩa quân Mạn Nhuế làm quân Lương sợ khiếp vía.

Tin tức nghĩa quân Mạn Nhuế dưới sự chỉ huy của ba anh em Trung, Thành, Trinh được cấp báo về triều đình. Nhà vua cử quân lính về cùng phối hợp chiến đấu ở vùng Nam Sách. Thế là mặt trận được dàn ra, có cả lính triều đình và quân dân Mạn Nhuế. Dân làng ai không có điều kiện dùng vũ khí thì dùng chiêng, trống để thị uy, hoặc giữ ngựa chiến cho quân nhà vua. Đến giờ khai hỏa, quân ta đồng loạt đánh vào trại giặc. Khắp

nơi chiêm, trống nổi lên, tiếng hò reo bốn phía rung trời chuyển đất. Quân giặc tìm đường thoát thân. Nhân dân đóng bè cho quân ta vượt sông đuổi giặc. Số lính giặc còn cố thủ thì bị dân mang rơm rạ chất thành đồng ở cửa đồn trại, đốt lên uy hiếp, khói bụi làm chúng sặc sụa, không dám ra ngoài.

Trong một trận đánh, chẳng may cả ba anh em đều hy sinh. Nơi ba chàng trai dũng cảm nằm xuống, nay là đồng Thân, đồng Trúc, đồng Cây Đẻ. Không xa nơi này các đồng Chiêng, đồng Trống, đồng Cật Ngựa, đồng Mộc, đồng Dàn Mái.... đều mang sự tích quân dân Mạn Nhuế đánh giặc-Lương. Nhà vua sai lập miếu thờ Trung, Thành, Trinh và ra sắc phong: "*Linh phù linh điện Đại vương linh chủ*". Ngoài miếu thờ, cả ba vị còn được thờ ở đình Nội, nay thuộc thị trấn Nam Sách.

56. BÀ CHÉN

Dưới thời Tiền Lý (thế kỷ thứ IV) ở vùng Đồng Lục, phủ Khoái Châu - nay thuộc tỉnh Hưng Yên. có một gia đình sinh ba: Hai người con trai tên là Bảo Trung và Minh Khiết. Người con gái tên là Ý Hạnh. Gia đình đã nghèo, lại sinh ba như vậy, nên tình cảnh càng túng quẫn. Mấy anh em phải sống nhờ một bà mẹ nuôi cho bú (nhũ mẫu). Bà này vốn quê ở Thăng Long, nên khi cha mẹ đẻ của ba em bé mất, thì bà đưa cả mấy người con nuôi này về quê mình ở tại Xuyên Bảo Trang, tức là xã Tứ Liên thuộc thủ đô Hà Nội bây giờ.

Được nhũ mẫu chăm sóc, mấy anh em lớn lên, đều có học hành, chí khí. Hai người anh mở trường dạy học ở Bảo Châu và Nghi Tâm, còn người em gái thì chăm chỉ trồng dâu nuôi tằm. Làm việc để sinh sống như thế, cả mấy anh em đều chăm chỉ dùi mài thêm. không những học nghề văn mà trau dồi cả nghề võ. Một hôm, nàng Ý Hạnh đang làm cỏ ở ngoài ruộng dâu bãi sông, bỗng nhiên nước sông dâng lên rất nhanh, tràn vào ruộng và cuốn Ý Hạnh đi mất. Làng xóm đổ ra đi tìm, hai anh ở hai làng cũng vội vàng về cứu em, nhưng nước sông mênh mông

hung dữ như vậy thì cứu làm sao kịp. Mỗi khi nước rút, mới thấy xác của Ý Hạnh dạt vào, hình dung vẫn tươi tắn như khi còn sống, đặc biệt là bỗng dựng trên trán nàng có in hình một chiếc chén ngọc. Trước hiện tượng kỳ lạ ấy, dân làng và hai anh em không hiểu thế nào, đành lo tang ma, đắp điểm cho nàng. Mộ nàng ở ngay bên bờ sông, dần dần không ai nhắc đến tên, cũng không gọi là cô hay là chị mà gọi quen là: mả bà Chén.

Nước ta lúc đó đặt tên là nước Vạn Xuân, dưới quyền của anh hùng Lý Bôn, làm vua hiệu là Lý Nam Đế. Giặc phương Bắc tạm yên, giặc phương Nam lại gây hấn. Hai anh em Bảo Trung và Minh Khiết xin đi tòng chinh, chỉ một trận là đuổi sạch được giặc. Hai ông ca khúc khải hoàn trở về. Trên đường hành quân, một hôm qua đến huyện Bạch Hạc (Vĩnh Yên) thì trời bỗng nổi cơn giông tố. Một đám mây vàng trên không hạ xuống đón cả hai người hóa mất.

Năm trăm năm sau khi giặc Tống xâm lược nước ta, vua Lê Đại Hành đem quân từ Hoa Lư ra chống giặc. Quân đi đến Xuyên Bảo trang nghỉ lại. Đêm ấy nhà vua mộng thấy một người con gái đến xin với nhà vua được cùng đi giết giặc. Nàng hiến dâng một kế sách và hẹn khi vua ra trận, nàng sẽ hiển linh phù trợ. Vua hỏi họ tên, nàng chỉ nhận là bà Chén ở Xuyên Bảo trang.

Quả nhiên trong trận đánh Tống lần này, Lê Đại Hành theo đúng kế sách được dặn dò trong mộng, nên đã thắng lợi rất vang dội. Quân khải hoàn trở về, nhà vua sai quan đến Xuyên Bảo trang hỏi rõ ngọn ngành và phong cho nàng là Ý Hạnh phu nhân. Dân làng cũng tâu trình về việc làm, công tích của hai người anh. Vua cho lập đền thờ ba anh em.

57. BA ANH EM HỌ NGUYỄN

Bấy giờ là thời nhà Lương (Trung Quốc) cai trị nước ta. Nguyễn Công Bình, người đứng đầu một bộ ở miền Bắc Chính,

đã kết duyên cùng bà Đinh Thị Châu là người Đông Ngàn, xứ Kinh Bắc ta. Vợ chồng ông tuy cùng vốn là nhà dòng dõi, nhưng bản tính rất thuần phác trung hiếu, lại chuyên làm thuốc cứu người nên nhân dân khắp vùng ai cũng mến phục. Tuy thế, tuổi đã gần năm mươi, bà vẫn chưa một lần sinh nở. Một hôm, ông bàn với vợ:

- Nhà ta chuyên làm việc thiện, cứu người đã lắm tất trời chẳng phụ. Song lẽ, lòng trời thì xa mà việc đời ta chưa làm trọn... Chi bằng vợ chồng ta lập bàn thờ để cúng tế, may ra sớm động lòng trời.

Bà thuận theo. Suốt ngày hôm đó, ông bà lập bàn thờ rồi cúng tế trời đất ngay trước sân nhà. Đêm ấy, vào quãng quá nửa đêm, bà mơ thấy một cụ già râu tóc đều trắng như cước. mình mặc áo xanh, tay cầm ba quả trứng, bay thẳng từ trên trời xuống. Cụ già bảo bà rằng:

- Vợ chồng nhà ngươi rất trung hậu, khiến Ngọc Hoàng động lòng thương cảm. Nay vâng lệnh ngài ta ban cho người ba quả trứng lân, rồng...

Bà liền đưa tay đón lấy rồi cất vào trong áo. Cùng lúc ấy, cụ già từ từ bay lên trời. Lúc ấy bà mới biết mình vừa qua cơn chiêm bao, vội kể lại đầu đuôi câu chuyện cho chồng nghe. Ông đoán ngay ra có sự nên sung sướng nói:

- Trời đã giáng phúc vì thương đến vợ chồng ta, mộng ấy tất sinh con trai.

Quả nhiên, qua một trăm ngày, bà có mang. Đủ ngày đủ tháng, bà sinh được một bọc, sau nở thành hai người con trai mặt rồng mũi hổ, hình tướng lạ kỳ. Hai năm sau, vào dịp đầu xuân, bà lại sinh tiếp người con thứ ba, tướng mạo như Quan Vân Trường tiếng nói như Trương Phi, tay dài quá gối, lòng bàn tay điểm một chấm đỏ. Ông bà liền đặt tên người con cả là Thi, người thứ hai là Quang, người thứ ba là Vân.

Khi mới mười tuổi, cả ba anh em họ Nguyễn đều đã lộ rõ trí tuệ thông minh, dũng khí hơn người. Khắp thiên hạ đều truyền

nhau, "các con ông Nguyễn công sau này hẳn sẽ xứng bậc anh hùng, đều là trụ cột của nước nhà".

Lúc đó, Nguyễn công đã ngoài sáu mươi tuổi, một hôm bỗng tự nhiên sinh đau bụng rồi mất. Ba anh em họ Nguyễn cùng mẹ chôn cất cha ngay trong khu nhà ở. Cũng thời gian này, viên thứ sử cùng quan quân nhà Lương ngày càng ngược đãi, tàn bạo đối với dân ta. Tên quan cai trị châu Bố Chính đã cho quân đến cướp sạch của cải nhà họ Nguyễn, lại định bắt cả ba anh em về làm gia thần. Thái bà Đinh Thí Châu (mẹ của ba ông) liền mang các con về ở nhờ gia đình họ Trương tại xã Bình Ngô, tổng Bình Ngô, huyện Gia Định. Thái bà mở quán hàng bán nước để kiếm tiền nuôi con cho qua ngày.

Ở xã Đông Côi, liền kề với Bình Ngô, có một bà họ Đặng, cũng là gái góa chồng, thường hay qua lại chỗ Bình Ngô. Thấy Thái bà hiền lành, phúc hậu, bà họ Đặng đã tìm đến để kết thành bạn bè rồi ngỏ lời mời mẹ con Thái bà về Đông Côi chung sống. Thấy chị em cùng cảnh góa bụa rộng lòng giúp đỡ. Thái bà đã xin phép gia đình họ Trương để mang ba con sang Đông Côi sinh sống. Chẳng bao lâu sau, cảnh cơ hàn đã qua, Thái bà bèn cho các con theo học Dương tiên sinh. Chưa đầy một năm, cả ba anh em họ Nguyễn đều đã thông hiểu bách gia kinh sử, lại thuộc lầu binh pháp cổ kim, võ nghệ cao cường, muôn người khó địch.

Bà họ Đặng có một người con gái là Thái Nang vô cùng xinh đẹp: mặt như ngọc sáng, đức hạnh hiền hòa, liền gả cho con cả Thái bà, tức ông Nguyễn Thi. Từ đó hai gia đình càng gần gũi, chung xây tổ ấm. Uy danh của ba anh em họ Nguyễn ngày càng lừng lẫy. Bọn trộm cướp trước đây hoành hành khắp vùng, khiến trăm nhà ăn không ngon, ngủ không yên, nay phải bạt vía. Vì thế, hàng ngàn trai tráng gần xa đua nhau kéo đến xin được làm gia thần họ Nguyễn.

Lại nói, thanh thế của ba anh em họ Nguyễn nổi lên như cồn, cũng là lúc Lý Nam Đế sau khi tổ chức chống quân Lương

trở lại xâm lược nước ta, nhưng không thành, phải rút về hồ Điển Triệt rồi giao binh quyền cho Triệu Quang Phục. Quang Phục cầm quân đánh Lương suốt mấy năm liền, vẫn không phân thắng bại. Đang lúc nguy nan, Quang Phục được nghe đồn về các anh tài Đông Côi, lập tức phái người đi xem hư thực ra sao. Quân trình thám về cho hay tiếng đồn quả chẳng có sai, ông liền cấp tốc lên xe ngựa, dong thẳng về Đông Côi để mời ba ông họ Nguyễn hợp quân giúp nước. Ba ông cùng đồng ý. Quang Phục phấn khởi lắm, ông ngửa mặt lên trời mà rằng:

- Được ba ông ra giúp, đó là lòng trời xui khiến, việc lớn tất thành. Ba ông liền đồng thanh tiếp lời Quang Phục bằng một bài thơ:

*Minh quân lại có hiền thần
Đào viên hội ngộ muôn phần hiểm hoi
Gió mây, cá nước gặp nay
Quân Lương sẽ vỡ như mây, tan tành.*

Nhân dân Đông Côi chưa bao giờ được thấy một cuộc gặp gỡ tuyệt vời giữa các anh hùng như hôm đó. Họ đua nhau mang lợn, gà thóc, gạo ra làm cỗ khao thưởng tướng sĩ của Triệu Quang Phục và ba ông họ Nguyễn, sau đó cờ dong trống mở đưa tiễn đoàn quân lên đường giết giặc.

Từ khi được ba anh em họ Nguyễn, nghĩa quân Quang Phục như dòng sông được tiếp thêm một nguồn nước lớn. Quang Phục liền đưa đại quân về vùng đầm Dạ Trạch tổ chức kháng chiến. Dựa vào địa thế hiểm trở của vùng đầm lầy, nghĩa quân thường tổ chức đánh úp quân Lương, nhiều trận thắng to.

Một hôm, nhân chuẩn bị đánh lớn. Quang Phục cho lập đàn cầu đảo trời đất, bách thần xin phù giúp. Đang làm lễ, ông bỗng thấy Chủ Đồng Tử cười rống bay xuống đàn lễ rồi trao cho ông một chiếc móng của thần Kim Quy (rùa vàng), lại dặn cách sử dụng rất cặn kẽ.

Triệu Quang Phục vô cùng phấn chấn, liền tự xưng là Triệu

Việt Vương, rồi phong cấp cho các tướng lĩnh để sắp xếp quân ngũ cho tề chỉnh. Trong dịp này, ông Cả - Nguyễn Thi - được phong làm Trưởng lĩnh tiền binh; ông Hai - Nguyễn Quang - được phong chức Thái bảo; ông Ba - Nguyễn Văn - được phong làm Trưởng lĩnh hậu quân.

Ngay sau khi nhận chức, ba ông họ Nguyễn hăng hái cầm quân tiên phong đại chiến với quân Lương. Giặc đại bại, nhưng chúng cạy quân còn đông, lại tổ chức ngay một trận đánh lớn vào thẳng căn cứ Dạ Trạch. Trận này, ông Cả và ông Hai được giao chỉ huy hai cánh quân tả - hữu mai phục, còn ông Ba thì dẫn ba trăm quân xông thẳng vào đội hình giặc. Khiêu chiến vài hợp, ông Ba liền giả thua chạy, quân Lương reo hò đuổi theo, chẳng ngờ rơi ngay vào trận địa mai phục của ông Cả, ông Hai. Thế là, khắp vùng đầm lầy tiếng reo hò giết giặc nổi lên vang dậy; từ bốn phía, hàng ngàn mũi tên tầm thuốc độc nhằm thẳng hướng bọn giặc bay tới. Bị đánh bất ngờ, quân Lương phải bỏ mạng la liệt trên mặt bùn lầy, lũ sống sót vì hoảng loạn, cứ giẫm đạp lên nhau mong chạy thoát thân.

Thừa thắng, Triệu Việt Vương cùng ba ông họ Nguyễn chỉ huy đại quân rời Dạ Trạch, tiếp tục truy đuổi bọn giặc cho đến khi chúng phải bạt hết về nước.

Đất nước được giải phóng. Triệu Việt Vương tiến thẳng về thành Long Biên khao thưởng quân sĩ và định đô ở đó.

Việc xong, ba anh em họ Nguyễn liền xin về Đông Côi thăm hai mẹ già và dân làng. Than ôi! Vừa dịp ấy, hai bà mẹ cùng tạ thế một ngày. Ba ông làm lễ an táng cho hai bà rất chu đáo. Lại nhớ thuở mẹ con hàn vi được muôn người cứu giúp, ba ông mang hết số vàng bạc, vải vóc mà Triệu Việt Vương thưởng công ra tặng các bô lão, chu cấp người nghèo khó. Nhân dân Đông Côi còn nhớ mãi công ơn, nhân đức của ba anh em họ Nguyễn. Ngay sau khi các ông mất (tại quê), bà con đã cho lập đền để ngàn năm sau con cháu vẫn tiếp tục phụng thờ các ông.

58. BA VỊ THẦN Ở TAM BẢO CHÂU

Tại Tam Bảo Châu cũng gọi là Bảo Châu và Vạn Bảo (nay là xã Tứ Liên gồm các thôn Ngọc Xuyên, Vạn Ngọc, Nội Châu, Tam Lạc) có sự tích 3 anh em sinh ba (2 trai 1 gái) là Bảo Trung, Minh Khiết và ý Hạnh, vốn quê ở Đồng Lục, phủ Khoái Châu (nay thuộc tỉnh Hưng Yên) nhưng đã theo về chỗ bà mẹ nhũ mẫu (mẹ nuôi cho bú từ nhỏ) ở Xuyên Bảo trang (tên cổ của Tam Bảo Châu). Hai anh em trai theo học cả văn lẫn võ và sau mở trường dạy học, người anh ở Bảo Châu, người em ở Nghi Tàm, còn em gái thì trồng dâu chăn tằm. Mấy năm sau, ý Hạnh đang làm cỏ ở ngoài ruộng dâu bãi sông vào buổi trưa, bỗng nước sông lên rất nhanh, nàng bị cuốn đi. Hai anh cùng dân làng tìm cách cứu nhưng không kịp, chỉ vớt được xác, và thấy trên trán nàng có hình chiếc chén ngọc. Mộ được đắp ngay bờ sông, gọi là "Mả Bà Chén".

Thời kỳ này, Lý Bí mới nổi dậy chống nhà Lương, đã lấy lại quyền tự chủ đặt tên nước là Vạn Xuân. Có quân Chiêm Thành xâm lấn bờ cõi ở phương Nam. Hai ông xin đi đánh và mộ quân ở trang Xuyên Bảo và trang Nghi Tàm. Đánh giặc thành công, hai người về, hành quân qua trang Bình Lãng huyện Bạch Hạc thì trời nổi phong ba, một đám mây vàng xà xuống và 2 người đều hóa". Vua được tin rất thương tiếc và cấp tiền và ruộng cho dân làng để lập đền thờ.

Đến thời Lê Hoàn (tức Lê Đại Hành), trước khi tiến quân đánh quân Tống xâm phạm bờ cõi, có đi thuyền đi qua Xuyên Bảo trang và qua Mộ Bà Chén, bỗng nằm mộng thấy một người con gái đến xin âm phù để cứu nước. Đánh thắng quân Tống rồi, vua bèn phong cho là *Ý Hạnh phu nhân*, và ra lệnh cho dân làng thờ phụng.

Một Câu đối ở đình còn nhắc tới sự tích và sự nghiệp các vị thần:

Phạt Chiêm lôi điện cử hoàng vân, Bình Lãng linh

thanh truyền Cự Lý

Phá Tống ba đào phù ngọc trần, Nhị Hà hiển tích trứ Tiên Lê.

(Bình Chiêm sấm chớp lượn mây vàng, Bình Lãng tiếng anh linh,
lưu truyền nhà Cự Lý;
Phá Tống sóng cồn trôi chén ngọc, Nhị Hà dấu hiển hách,
ngời sáng triều Tiên Lê).

Về trên nói về hai anh đã hóa ở Bình Lãng sau cơn sấm chớp. Có mây vàng lượn xuống dưới triều Cự Lý - tức Lý Nam Đế - để phân biệt với nhà Lý của Lý Công Uẩn, 5 thế kỷ sau. Câu dưới nói về em gái, chết đuối ở sông, trên trán có hình chén ngọc và đã hiển linh phù giúp nhà Tiên Lê, tức Lê Đại Hành đánh bại quân Tống xâm lăng.

59. VÕ TƯỚNG LÀNG VÌ

Ngày xưa đã lâu lắm, ở làng Vì có một võ sĩ họ Lê nghèo khó. Chàng mồ côi cha mẹ từ rất sớm. Ngày chàng thường đi đấu võ. Tối lại ra những cánh đồng mênh mông để ngủ. Một đêm kia theo thường lệ, chàng ra dọc để ngủ. Trời sáng trắng suông, về khuya, trời càng vắng vẻ. Khi ra đến cánh Dọc ốc thì chàng rất ngạc nhiên vì đầy đồng nổi lên những con ốc vàng to bằng nắm tay, chói lọi cả cánh đồng. Chàng ngủ được vài bước thì ngủ đã đây. Chàng lại mang về đổ ở chiếc ao ở đầu làng. Cứ thế chàng ngủ cho đến gần sáng thì chiếc ao ở đầu làng rộng đến năm sáu sào đầy ngút những ốc vàng. Lạ thay, những con ốc nhỏ thế mà nó nặng vô cùng, không ai nhấc nổi mang đi đâu được. Tối tối miệng ốc bật nắp và hàng ngàn hàng vạn võ sĩ vung kiếm nhảy ra. Mỗi võ sĩ dạy cho chàng một bài võ. Lâu ngày chàng trở thành một võ sĩ tài ba có sức khỏe lạ kỳ. Người chàng rắn như đá. Chỉ còn lại chỗ mũi để thở thì to và là huyết hiểm, là chỗ duy nhất trên người chàng có thể bị gươm giáo đâm thủng.

Giặc nhà Lương đến. Chàng chiêu tập binh sĩ trăm vùng cùng đi giết giặc. Ra trận, chàng xông lên trước, lăn rầm rầm như một phiến đá lớn vào giặc. Dao chém, giáo đâm, tên bắn

đều không làm gì được da thịt chàng. Giặc nhà Lương thua lớn. Chúng bèn cử một tướng quý quái có nhiều phép thuật sang đối địch. Tướng đó là Thiên Xà. Truyền rằng khi lâm trận, Thiên Xà thường hóa thành một con rắn hai đầu, tung hoành ngang dọc, phun chết chóc đau đớn vào quân ta. Thiên Xà đã mấy lần đấu sức với võ tướng họ Lê kịch liệt, nhưng mấy lần nó đều bị thua, đều phải tàng hình chạy trốn. Nhưng Thiên Xà là tướng tinh quái nên chỉ sau mấy trận giao đấu, nó đã biết được chỗ hiểm trên người võ tướng họ Lê. Nó chỉ đợi cơ hội. Võ tướng họ Lê cũng biết vậy, nhưng phải tiêu diệt nó để cứu quân sĩ, dân lành, vì nó ngày càng hung hiểm, biến hóa muôn hình, nghìn trạng tàn hại dân lành và binh sĩ rất ghê gớm. Chàng quyết lấy đó mà tương kế, tựu kế.

Trong một trận giáp chiến kịch liệt, võ tướng họ Lê cố ý để sơ hở chỗ hiểm là hai lỗ mũi để con Thiên Xà lao vào. Quả nhiên, Thiên Xà sa kế ấy! Nó lao vọt vào lỗ mũi võ tướng họ Lê để cắn và phun nọc cho chết. Khi con Thiên Xà đã vào trong mũi, võ tướng họ Lê không ngần ngại dùng kiếm xia mạnh lên mũi của mình. Máu chàng và máu Thiên Xà từ mũi chàng tuôn trào lai láng. Chàng gục xuống hy sinh. Con Thiên Xà cũng chết ngay. Nghĩa quân ào ào tiến lên đánh đuổi quân Lương và trận này ta thắng lớn. Lãng mộ của võ tướng họ Lê nghe đâu vẫn còn ở phía tây đồng Độc ốc thôn Vĩ Cầu ngày nay. Vì vậy có câu ca:

Đồng Vĩ ốc nổi lênh bênh

Ai đi xúc ốc mà thành võ công.

60. THÀNH HOÀNG LÀNG THẠCH LỖI

Thời vua Lý Nam Đế có quan thượng tướng Lý Thiên Bảo nổi tiếng là người tài cao đức rộng. Vợ ông là bà Lê Thị Thúy, xinh đẹp đoan trang. Tương truyền rằng, ngày bà có mang, một hôm thấy khí trời ấm áp dễ chịu, hoa đào mím miệng cười, liễu uốn mày ngài nhớn như trong đám cây xanh, oanh vàng nhận

tía đến đầu đầu cành ríu ra ríu rít, bà thấy vui vui trong bụng bèn tắm gội sạch sẽ ra vườn ngắm cảnh. Không ngờ bà chuyển dạ và sinh ra một cậu con trai, đặt tên là Lý Bảo Quốc. Hôm đó là ngày mồng 2 tháng 10 năm Giáp Thân. Ngày xuân đầm ấm, vẻ xuân dịu dàng, hương thơm ngào ngạt khắp nơi, ai ai cũng mừng rỡ vui tươi, ca hát liên trong mười lăm ngày đón chào cậu Lý Bảo Quốc đẹp tựa tranh vẽ. Càng lớn, Lý Bảo Quốc càng khôi ngô tuấn tú, học một biết mười, gắng sức dùi mài kinh sử, luyện tập cung kiếm và có sức khỏe hơn người.

Lúc bấy giờ nhà Lương lại đem quân sang xâm lược nước ta. Thế giặc rất mạnh, đứng đầu là Trần Bá Tiên. Vua Lý hợp văn võ bá quan, chọn người tài đứng ra đánh giặc. Thấy Lý Bảo Quốc có tài thao lược, võ nghệ cao cường, văn hùng vượt bậc, vua phong tước tổng binh cho thống lĩnh đội quân hùng mạnh, xung sang phương Đông, tạt về phương Tây dẹp tan quân giặc.

Năm Canh Thìn ngày 10 tháng 3, khi kéo quân qua chùa Hương Tích, thấy cảnh đẹp tựa thần tiên, Lý Bảo Quốc cho quân hạ trại. Chọn ngày lành, lòng thành chay sạch, ông đặt lễ cúng trời đất cúng các động trong chùa. Đêm ấy, bỗng nhiên ông thấy có làn hương thơm thoảng nhẹ và một cụ già mày râu trắng xóa từ trên trời hạ xuống, báo cho ông biết việc ra quân nên chậm lại ít lâu.

Khoảng 20 ngày sau, ông ngầm chia quân làm hai đường, tiến đánh quân giặc ở quận Từ Liêm. Ba ngày liền giao chiến với quân Lương, chưa phân thua được. Nhớ lời cụ già, ông dâng sớ tâu vua, đem quân về đất Hồng đóng đồn, luyện tập quân sĩ.

Trang A Lỗ gần đó, đất ngồi bằng phẳng, nước chảy trong veo, cây cối um tùm, xanh tốt có ông Vũ Văn Nhã, hay làm điều lành. Ngày 15 tháng 4 ông nằm chiêm bao, thấy cây đào nở hoa. Vợ ông là bà Nguyễn Thị Kim bỗng thấy động trong lòng rồi thụ thai. Ngày 10 tháng 2 năm sau, bà tắm rửa sạch sẽ và sang ngày 11 đẻ ra Vũ Thị Hương. Dáng người chải chuốt, da dẻ mịn màng, mày liễu uốn cong như hình trăng

mới, hai bên mái tóc sáng tựa gương soi, vì thế người ta thường ví Vũ Thị Hương rằng:

Ví hoa, hoa biết nói

Ví ngọc, ngọc thêm hương.

Lại thêm tư chất thông minh khác người, thường hay chọn nơi tĩnh mịch xem thư đọc sách. Lại đàn sáo tinh thông. Có người làng đem chuyện ấy nói với Lý Bảo Quốc. ông bèn đến nhà ông Nhã, xóm Đại Độ (trang A Lỗ) ngỏ lời đính ước cầu hôn. Chọn ngày lành tháng tốt 15 tháng 9, ông Lý Bảo Quốc và bà Vũ Thị Hương kết ngài châu trần. Trai anh hùng sánh gái thuyền duyên - ai cũng cho là việc thần tiên.

Bà Vũ Thị Hương về ở với chồng tại thôn Thứ Hồng (phủ Thượng Hồng). Đến ngày 7 tháng 12, số vua triệu ông đem quân dẹp giặc. Ông chiến đấu với quân Lương được thua không biết bao phen. Ông đưa vợ sang trang A Lỗ và thu quân sĩ lập tức đến Thái Bình bày mưu đánh giặc.

Ông bị thương được đưa về kinh phục thuốc. Năm Bính Thìn tháng 12 ngày 10 ông thác. Tin về trang A Lỗ, bà Hương nhảy xuống ao tiết nghĩa với chồng. Vua Lý viết sắc phong thần cho hai ông bà, lại truyền cho quan quốc sư chọn đất dựng miếu thờ. Ngày nay vẫn còn bệ đá cạnh ao bà Hương nhảy xuống trầm mình, người ta gọi là "bệ thánh hóa".

61. NÓI VỀ SỰ TÍCH NGHỀ THỢ BẠC Ở NƯỚC NAM

Đời vua Nam Đế nhà Lý ở làng Trịnh Công (nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội) có 3 anh em tên là Trần Hoà, Trần Điện, Trần Diên, nhà thời giàu mà cũng mạnh bạo, đều có chí cả.

Bấy giờ nước Nam đang loạn, anh em mới rủ nhau sang nước Ngô để tìm mưu kế lập công danh. Đi qua huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh gặp phải giặc đánh, bỏ chạy mỗi người

mỗi ngã, mất cả cửa. Người Điện, người Diên sang nước Tàu ở nhà thợ bạc học nghề. Còn người Hoà chạy sang nước Tuy ở với nhà thợ chạm đồ bạc. Ba năm sau, người Hoà học được nghề ấy mới về. Vẫn nghĩ rằng hai em mắc nạn buồn bã không muốn làm gì. Cách hai năm nữa, mới thấy hai em ở nước Tàu về. Ba anh em mừng lắm, nói chuyện tình đầu với nhau, thấy cùng học được một nghề, mới mở cửa hàng, gọi là thợ kim hoàn thường gọi là thợ bạc. Rồi sau chỉ dạy người làng học nghề ấy.

Đến khi ba anh em ông ấy mất, thời nghề thợ bạc thờ làm tổ sư Nghề thợ bạc có từ đây.

62. SỰ TÍCH TRIỆU VIỆT VƯƠNG VÀ CẢO NUƠNG

Sự tích ngài là người làng Chu Diên, trang Thái Bình, quận Giao Chỉ, thuộc về năm thứ ba niên hiệu Nguyên Hy nhà Tấn. Ngài tên là Triệu Quang Phục, là con ông Triệu Quang Thành, là cháu ông Triệu Vũ Đế, mẹ là bà Châu Thị Hoa, đêm hôm Hai Mươi tháng Giêng nằm mơ thấy cái điểm bụng sinh ra hoa sen, đến ngày mồng Bảy tháng Hai đẻ ra một người con trai.

Đêm ấy thấy sáng đỏ đầy nhà, sau nhân điểm ấy cho nên gọi là Quang Phục. Ngài thiên tư lạ hơn người. Thời nhà Tấn, nhà Tống, nhà Tề, quan Thứ sử cai trị tham tàn bạo ngược. Ông Lý Bôn làm quan nhà Lương phải điều ước về dấy quân. Ngài cũng khởi nghĩa binh theo ông Lý Bôn để lập công, đuổi bỏ quan Thứ sử. Quan Phủ quan Lệnh đất Lâm ấp phải lui quân. Ông Lý Bôn lên ngôi vua tự xưng là Việt Vương, đổi tên hiệu nước là Vạn Xuân. tiên hiệu là Thiên Đức, đóng đô thành Long Biên, rồi phong cho ngài làm Tả tướng quân. Quan Tư mã nhà Lương là Trần Bá Tiên sang lấn nước Nam. Vua Việt Vương (tức là Lý Bôn) bị thua ở sông Tô Lịch, lại bị thua ở đất Gia Ninh, phải vào đất Tân Xương, lại lui về giữ động Khuất Liêu. Lúc bấy giờ có con trâu đen đẻ ra con trâu trắng con, trên lưng có vết văn chữ

nói rằng: "Nhật phụ mộc". Sau đoán là chữ Trần. Bấy giờ, Việt Vương Lý Bôn đã mất. Ngài đem quân chống với quân tướng bọn nhà Lương. Ngài đóng đồn ở Dạ Trạch, làm lễ giới đất. Một hôm đức Chủ Tiên cho cái vuốt rồng, từ bấy giờ trở đi thời tiếng tăm lừng lẫy. Khi ấy nhà Lương bị loạn Hầu Cảnh, phải đòi ông Bá Tiên về. Ngài đánh đuổi và giết chết ông Dương Sằn. Ngài vẫn có chí đuổi nhà Lương để giúp nhà Lý. Không ngờ lòng giới không theo nhà Lý mà theo cả ngài. Ngài giữ địa phương ở thành Long Biên, rồi lên làm vua, tức Dạ Trạch Vương. Ông Lý Phật Tử ở đất Ai Lao đem quân lại đánh. Vương chống nhau với Phật Tử ở Thái Bình. Ông Phật Tử bị thua xin giảng hòa. Vương không rõ cự tuyệt họ vua trước (Lý Phật Tử là em họ Lý Bôn), phải để cho ông Phật Tử ở Châu Quân Thân. Ông Phật Tử vì con là Nhã lang (chàng Nhã) đến cầu hôn con gái ngài là Cảo nương. Nhã lang lừa Cảo nương để lấy trộm vuốt rồng, rồi giả là về thăm bố mẹ, rồi cùng nhau mưu đánh ngài. Ngài không biết vẫn lột bỏ mũ để đợi quân ông Phật Tử kéo đến. Ngài sau đó mới biết là mất mũ đâu mâu rồi đem con gái chạy về phía Nam, đến cửa bể Đại Nha rồi nhảy xuống cửa bể Đại Nha mà hóa. Các đời vua về sau cho là thiêng lạ, bắt các làng lập đền thờ. Đến đời vua Thái Tổ nhà Lý đi đánh giặc ở Minh Châu khi đi qua bể Đại Nha đến sông Biện Loan gặp giới đất mù mịt, vua Thái Tổ đốt hương khấn giới tự trách, phút chốc có một đám mây trắng nổi lên mặt bể, có tiếng quát to lên rằng: "Ta là Long Vương Thủy Tinh là anh em với vua Hùng Vương, ngày trước thác sinh vào nhà họ Triệu, tên hiệu là Việt Vương, ta vì thương con gái và con rể, cho nên vạ sinh ở trong nhà, đến nỗi phải thua chạy. Thương để cho ta trấn trị ở bể này. Nay vua đã qua ở chốn này, thì ta cũng thuận giúp." Nói xong gió sóng im lặng, sắc giới quang sáng. Rồi vua Thái Tổ gác xe về gọi bể Đại ác là bể Đại An¹, tặng cho ngài là tước Việt Vương. Quang Phục gọi là

1. Đại ác: cũng như Đại Nha đều có nghĩa con quạ lớn, cũng chơi chữ hiểu là Cửa bể ác lớn, dữ dội.- Còn Đại An: bình yên lớn.

Quốc vương Thiên tử Đại vương để thờ mãi, về sau lại chép rằng: Ngài là Thần Phi Hải Long Vương, là thần Thủy tộc, rồi vua lại hạ sắc chiếu cho các làng và làng nhà ngài có sự tích gì và những điều gì tốt về đời đế vương đời trước tự phải làm biểu tấu cho vua biết. Rồi các phụ lão ở trang Hương Phấn (tức là Hương Tảo) làm biểu tấu rằng: Đức Triệu Vương cùng Nga nữ Tiên nàng¹ trước gặp Phật Tử trên đường chốn chạy ra có để lại một cái ấn vàng, rồi thành một cái gò, nay trong làng chúng tôi lập miếu cúng thờ cho là thiêng lạ. Bấy giờ, trong triều đình nhân cơ ấy, tâu cho vua nghe. Đức Hoàng đế lại nhân điềm ứng ở sông Biện Loan phê tặng cho ngài là Quốc vương Thiên tử bốn chữ và Nga nữ Tiên nàng bốn chữ, rồi uỷ cho triều đình viết sắc thần, ban tiền lập miếu. Đằng trước miếu có hai ngọn nước giao lại, mọi sao làm án, tức là quý cục ở hướng cần tồn. lại có một miếu ở bên hướng khôn坎, thuộc về bộ hạ tức là long mạch đất nhà, đằng sau có sông quanh quẩn, chốn ấy phát đa đình, giàu có, tốt đẹp ức vạn năm, nhang khói muôn đời càng ngửa mà càng cao, càng truyền mà càng kính, tốt vậy du, tốt vậy thay, dằng dặc không cùng....

Lại nói về nàng Nga là con gái yêu của Triệu Việt Vương, mẹ nàng là bà Phạm Thị Bình, ngày mồng Bảy tháng Hai sinh ra nàng. Nàng sinh ra hình dáng đẹp đẽ, dịu dàng tốt đẹp, mặt tươi như hoa đào, miệng nói như ngọc sinh hương, nói chung hình dung ngài rất là đẹp. Nhân gọi tên húy ngài là chữ Nga, sau đổi là Cảo nương, tục gọi nàng Cảo. Khi mười chín tuổi ông Phật Tử sai con là Nhã lang cầu hôn. Trong triều đình họp bàn, ông Trương Hồng, Trương Hát can ngăn, ngài chưa hiểu cơ sự nên tâu xin với vua cha cho ở đất Ngao, để khỏi trái mệnh cha. Vua cho vào ở đất Ngao. Không ngờ Nhã lang lấy trộm mũ đầu mâu mà về nhà Lý. Ngài (Cảo nương) không biết là lừa dối, khi theo cha đến cửa bể trước khấn giới ăn thề, sau nhảy xuống

1. Nga nữ: chỉ Cảo nương, con gái Triệu Việt Vương lúc chạy theo cha đã mặc áo lông ngỗng để rắc lông cho Nhã lang đuổi theo.

bể. Về sau dâng Thượng đế thương là oan, phong cho là bà Công chúa Thủy Tinh thứ ba. Rồi đó rất là linh thiêng, phàm như cầu mưa và cầu tự đều có linh nghiệm. Vua Thái Tổ nhà Lý phong cho là Nga nữ Tiên nàng. Đến năm thứ năm niên hiệu Thuận Bình, vua Trung Tông nhà Lê, ông Trịnh Kiểm, cùng với Phúc Nguyên nhà Mạc đánh nhau ở Bún Hạ, quân nhà Mạc thua. Ông Thánh Tổ nhà Trịnh thấy nói thế, làm lễ cầu thần ở miếu Hương Phấn giúp công cho, nên ông Thánh Tổ phong là Nghê Ngọc mà về sau lập miếu ở Bún Hạ, năm thường đến tế và cấp cho làng Bún Hạ và làng Hương Phấn, hai trang cùng được miễn tạp dịch sưu thuế để làm ruộng lộc.

Cả hai vị Quốc vương Thiên tử và Nga nữ Tiên nàng đều xếp vào Thủy thần.

63. SỰ TÍCH NGUYÊN CÔNG BẢO GIÚP TRIỆU VIỆT VƯƠNG ĐÁNH GIẶC LƯƠNG

Theo sự tích ngài, thì nguyên quán đức thân phụ là người tỉnh Thanh Hóa ra lấy con gái một phú ông người làng Trinh Tiết làm vợ. Được 5,6 năm không thấy báo thai, rồi đức thân phụ, thân mẫu ngài đến chùa Hương Tích sơn cầu tự. Sau khi cầu tự liền có Thần nhân báo mộng đến ngày mồng 8 tháng 6 sinh ngài ở hạt Thanh Hóa. Khi ngài lên 6 tuổi, thì đức thân phụ tạ thế. Sau đức thân mẫu đem ngài ra ở với ông ngoại là phú gia ông làng Trinh Tiết. Đến khi ngài 15 tuổi, dân hạt Trinh Tiết vốn thuộc miền sơn cước bị nhiều hổ làm hại. Ngài diệt trừ được nạn hổ dữ làm hại nhân dân, trong hạt đều được yên ổn. Đến đời vua Triệu Việt Vương có giặc nhà Lương, vua nghe tiếng ngài có mưu trí hùng tài cái thế, vua thân đến làng Trinh Tiết triệu ngài ra phù quốc, phong ngài làm chức Đốc lĩnh Bình nội vệ. Sau khi ngài dẹp được giặc Lương, lại phong thưởng ngài làm chức Cư sĩ Tả vệ tướng quân kiêm tri Thủy bộ chư quân sự. Sau vì việc con vua Lý Nam Đế là Nhã lang xin

cầu hôn con gái vua Việt Vương là Niết công chúa, ngài biết cơ nguy biến, can vua, nhưng vua không nghe. Ngài xin từ chức, lại về ở làng Trinh Tiết. Được vài năm, đến ngày 24 tháng 10, ngài ra chơi nơi sinh phần mà ngài định khi trước. Ngài bỗng thấy tự nhiên chuyển động, mây u ám mù mịt một khắc, rồi ngài hóa ngay tại nơi ấy. Nhân dân đến nơi thì đã thấy mối đùn thành mộ, lại có con rắn lớn ấp mộ. Dân lấy làm kinh dị, lập tức làm đền thờ ở ngay trên phần mộ, hiện nay còn di tích.

64. SỰ TÍCH ĐẠI LANG, NHỊ LANG THỜI TRIỆU VIỆT VƯƠNG

Huyền tích kể rằng: Cha thần họ Hoàng lấy tên húy là Chí, người làng Phùng Xá, huyện Đan Phượng, lấy bà Trần Thị Hòa người bản huyện, khi tuổi đã cao cha mẹ đến cầu tự tại chùa Thầy. Đêm ngủ lại chùa, mẹ thần chiêm bao thấy hào quang rực rỡ đầy nhà, một lát sau lại hóa thành hai con rồng vàng, rồi rồng lại biến thành hai con khổng tước, tiện tay bà tóm được đầu hai con khổng tước rồi mang thai. Sau bà song sinh ra nhị ví: người anh tên là Đại lang, em tên gọi là Nhị lang, năm lên 13 tuổi mới tầm sư học đạo. Khi nghe nói thầy giáo họ Vũ là một người nổi tiếng văn võ toàn tài, mở trường rèn tập học trò ở hương Cổ Trảm (tên gọi cổ xưa của Hữu Tiệm), nơi hội tụ của sĩ tử bốn phương, anh em Đại lang, Nhị lang cùng về theo học dưới cửa thầy Vũ tiên sinh. Ngày đầu, Đại lang, Nhị lang gặp hai nhân vật nổi tiếng nhất trong đám môn đệ của tiên sinh ở địa phương là Nguyễn Trật và Đinh Sùng. Lại nói, đêm trước hai môn đệ Nguyễn, Đinh này đã chứng kiến tiên sinh gặp thần nhân báo mộng rằng, hôm sau ông sẽ có hai người học trò tới nhập môn và mai ngày tất làm quan to của nước Nam, là Phúc thần của Cổ Trảm. Đến khi tiên sinh và Nguyễn Trật, Đinh Sùng gặp mặt hai anh em Đại lang, Nhị lang, thì quả đúng như lời thần báo mộng, anh em họ đúng là những con người phi

thường. Bấy giờ Đại lang tới ở nhà Nguyễn Trật, Nhị lang thì ở nhà Đinh Sùng. Đại lang, Nhị lang thường hỏi Nguyễn Trật và Đinh Sùng vì sao tên làng của nhị huynh lại gọi là Cổ Trảm. Trật và Sùng đều đáp: Vì đất làng của ta có dáng hình một người cụt đầu, có thể vì lẽ ấy mà tiền nhân đã đặt tên cho làng mình như vậy. Đại lang liền chê là cái tên hủ lậu. Nghe rồi, hai anh em nhà lang ra sức học hành, nấu sủ xôi kinh, luyện rèn võ nghệ, chẳng bao lâu anh em Đại lang, Nhị lang đều trở thành những người văn tài võ lược. Đến khi Lương Vũ Đế sai Trần Bá Tiên tới xâm lược nước Nam. Vũ tiên sinh mang nghĩa binh ra đánh giặc. Tiên sinh bị giặc Lương giết chết. Nhị lang nhớ ơn tiên sinh, quyết chí trả thù cho thầy, mới từ già Cổ Trảm quay về quê quán ở Phùng Xá (Đan Phượng) thì vừa gặp khi cha mẹ kế nhau qua đời. Sau khi làm tròn nghĩa chữ hiếu với song thân, cũng vừa lúc Triệu Việt Vương một mặt xuống chiếu cầu hiền đánh giặc cứu nước, một mặt lập đàn cầu đảo Bách thần sông núi, được gặp dị nhân cưỡi rồng từ trên trời giáng xuống, ban cho móng rồng làm lấy nỏ thần, khích lệ Lý Phật Tử lên ngôi vua, xưng hiệu là Triệu Việt Vương. Triệu Việt Vương liền vời anh em Đại lang, Nhị lang, phong cho Đại lang làm Khai sơn Hành khiển, em là Quản lộ Tướng quân, chia quân làm hai ngả tiến đánh quân Lương. Quân ta đại thắng, chém chết tướng giặc Dương Sằn ngay tại trận; còn Trần Bá Tiên tháo chạy về Bắc quốc. Bình công đánh giặc Lương, hai anh em nhà thần đứng vào hạng nhất, được ban phong thực ấp Quản lộ Sơn Nam. Nhị vị bên bái biệt Triệu Việt Vương, trở về xã Mỹ Lạc, huyện Chân Lợi. (Vì kỵ húy Lê Thái Tổ nên đổi là Chân Định, về sau này lại đổi thành Trục Định). Lại nói, thời ấy nhiều người ở xã Mỹ Lạc bị giặc thúc ép đi theo chúng, đến khi chúng bị Việt Vương đánh dẹp, khôi phục giang sơn, thì họ sợ hãi bỏ trốn quê quán làng xóm. May nhờ ân đức của nhị vị, họ được hồi hương an cư lạc nghiệp. Nhân dân Mỹ Lạc nhớ ơn nhị vị, họ xin nguyện đặt mười khoảnh ruộng, một mẫu ao hương hỏa phụng sự nhị vị làm Thành hoàng. Nhị lang cố từ rằng: "Anh em ta đã

có Cổ Trảm là đủ, vả trời đã định, tham sao được". Nhân dân Mỹ Lạc năn nỉ mãi Nhị lang mới nhận ruộng 3 mẫu, 2 cái ao chùng hơn hai sào, giao cho nhân dân Cổ Trảm canh tác gìn giữ làm hương hỏa vĩnh viễn không thay đổi về sau này. Việc xong, Nhị lang lại quay về Cổ Trảm, xây dựng cung sở để ở, hướng dẫn dạy bảo nhân dân tăng gia cây cấy, phát triển nuôi trồng thủy sản.

Công lao của Nhị lang to lớn lắm. Tính của Đại lang thích đánh cờ làm vui. Nhị lang thì chuộng du ngoạn và đánh vật. Ở Cổ Trảm, hằng năm hai vị lại chọn ngày đẹp, mở yến tiệc uống rượu bình thơ. Các tiết ngày rằm mừng một thưởng về triều bái yết vua, chưa từng thiếu vắng bao giờ. Bấy giờ Triệu Việt Vương đã ở ngôi được hai chục năm, Lý Phật Tử là anh họ của Lý Nam Đế cho con trai là Nhã lang đem quân tới đánh Việt Vương. Vương sai Nhị lang đem nỗ thần ra cự chiến, thời gian kéo dài nhiều năm mà Lý Phật Tử đều bị thất bại. Phật Tử liền bày kế giả hàng và giảng hòa, lại sai sứ đến xin thần phục, lại soạn thư và đem hậu lễ xin cầu hôn Cảo nương cho Nhã lang. Việt Vương nghĩ tình Phật Tử là anh họ với Nam Đế mà không nỗ cự tuyệt, mới đồng ý gả Cảo nương cho Nhã lang. Nhị lang nhiều lần can gián, nhưng Triệu Việt Vương không nghe. Hai anh em Nhị lang đành treo ấn từ quan, bỏ về chính quán Phùng Xá. Đại lang đổi tên tự hiệu là Hoàng Giang Đại lang, Nhị lang đổi là Hoàng Giang Nhị lang. Tháng đôi lần đi về nghỉ ở dinh Cổ Trảm, một đêm ngủ mơ màng nghe tiếng thần nhân ngâm nga, ý nói hai mươi ba năm ở ngôi, vận số Việt Vương đã hết, đất nước phải thống nhất.

Quả nhiên đến khi Việt Vương ở ngôi vào năm thứ 23, thì Nhã lang dụ dỗ Cảo nương rằng: "Hai cha chúng ta xưa hận thù nay thành thông gia, từ nay chúng ta hết nỗi khổ can qua. Nhưng không biết thần phụ của nàng có phép thuật thần thông gì mà chế ngự được cha ta?". Cảo nương nhẹ dạ liền đem móng rồng thần nỗ cho Nhã lang xem. Xem xong, Nhã lang tìm cách ăn cắp ngay thần nỗ móng rồng về báo cho cha. Phật Tử liền

mang quân tới đánh gấp Việt Vương. Việt Vương tự tin cười nhạo Phật Tử rằng: "Phật nhà ngươi không sợ thần nỏ móng rồng của ta chăng". Phật Tử tiến binh áp sát chân thành, Việt Vương sai đem nỏ thần ra bắn. Thấy không hiệu nghiệm, chợt biết nỏ thần đã bị đánh tráo, mới đem quân chạy về tới cửa Đại

Nha tự vẫn mà hóa. Phật Tử lên ngôi vua, lập ra triều Hậu Lý Nam Đế. Bấy giờ, anh em Hoàng Giang Đại lang cùng Hoàng Giang Nhị lang mới trở lại Cổ Trảm, chiêu binh mãi mã, muốn trả thù cho Triệu Việt Vương. Có một ngày Phật Tử sai sứ giả đem chiếu thư của Phật Tử tới chiêu dụ; Nhị, Đại lang liền xé thư mà chửi Phật Tử rằng: "Ta hận chưa được ăn thịt người còn làm tội thần cho người được sao. Bọn bay mau về nói với Phật Tử chủ nhà các người mau tới đây mà chịu chết". Sứ giả tức tốc về bẩm báo cho Phật Tử biết. Phật Tử cả giận mới tuyển tướng cử binh đem quân tới Cổ Trảm đánh dẹp.

Nhị lang đem quân bản bộ và nhân dân hai xã Cổ Trảm, Mỹ Lạc đánh nhau với Phật Tử hơn một năm. Anh em Nhị lang đưa quân tới xã Mỹ Lạc để nghỉ chân. Phật Tử bèn mang trên một vạn quân tới bao vây xã Mỹ Lạc bốn vây xã này. Nhân dân xã Mỹ Lạc bị bao vây mấy tầng vòng. Anh em Nhị lang nghĩ rằng: trước mắt là không có quân cứu viện, không có lương thực để sĩ tốt ăn, nên anh em đánh tự vẫn mà chết (Đó là ngày 18 tháng 2). Nhân dân Mỹ Lạc đã ngầm đem thi thể của Nhị lang chôn cất tại đất của dân làng. Sau hai ba ngày, Phật Tử mới rút binh giải vây. Bấy giờ nhân dân Cổ Trảm mới lập chính từ ngay trên cung doanh của Nhị lang ngày trước, và viết tên hiệu của Nhị lang để tứ thời bát tiết thờ cúng theo nghi lễ. Mãi tới khi Đinh Tiên Hoàng dẹp yên 12 sứ quân, nhà vua thương xót mới phong cho Đại lang làm Hoàng Giang Đại lang Quan san Hành khiển Hiến ứng Uy linh Đại vương, lại phong cho Hoàng Giang Nhị lang làm Quản lộ Đại tướng Anh linh Hộ quốc Đại vương. Vua còn cho nhân dân xã Cổ Trảm (sau đổi là Hữu Tiệm), huyện Vũ Tiên, phủ Kiến Xương phụng sự hương khói mãi mãi.

65. SỰ TÍCH THÂN SÔNG NHƯ NGUYỆT

Nguyên ngải là hai anh em, họ là Trương anh tên là Hồng, em tên là Hát, bản quán là người đất Phù Lan làm danh tướng nhà Việt Vương. Kể từ đời nhà Ngô Nam Tấn Vương đánh giặc Lý Hồn, đóng quân ở cửa đất Phù Lan, đêm nằm chiêm bao thấy hai người đi tới tâu với vua rằng: "Giặc ấy xương cuồng đã lâu, xin theo giúp nhà vua đánh giặc".

Vua thấy thế hỏi: "Người là ai, tên họ là gì? Ta không tường biết".

Hai người sụp lạy tâu rằng: "Anh em tôi vốn quê quán là người đất Phù Lan, họ Trương anh tên là Hồng, em tên là Hát, trước đã làm danh tướng Việt Vương. Vì Việt Vương phải Lý Nam Đế mưu hại mà đến mất nước. Sau đó vua Nam Đế lại triệu chúng tôi ra làm quan giúp nước, chúng tôi nghĩ rằng: "Tôi trung không thờ hai vua, bèn trốn ra núi Phù Lan ở". Vua Nam Đế thấy vờ không được tức giận, sai quân đuổi theo. Không bắt được, vua bèn rao trong thiên hạ ai là người lấy được đầu anh em tôi thì thưởng nghìn vàng. Anh em tôi tiến thoái lưỡng nan, phải uống thuốc độc chết. Đức Thượng đế thấy người trung nghĩa như thế, sắc bổ cho làm Nam Hà Long quân phó sứ, tuần hành Vũ Lạng hai sông, gọi là Tuấn giang đô phó sứ. Ngày trước đức Tiên chúa đánh trận Bạch Đằng giang, chúng tôi có giúp vua. Trận này ví dù được giặc, xin lập miếu phân phong hương hỏa".

Vua bèn đem quân vây núi Côn Lôn, giặc ẩn chốn thiên hiểm không sao đem quân lên được. Đêm hôm ấy vua lại mộng thấy hai ông Đốc binh dẫn trâu mặt quỷ nhiều vô số, hội tại cửa núi Phù Lan. Người anh từ sông Vũ Bình, sông Như Nguyệt, sông Phú Lương đi nẻo thượng nguồn lại, người em từ cửa sông Nam Bình từ thượng nguồn lên. Vua tỉnh giấc, ra nói với các quan đầu đuôi như thế. Đánh trận ấy quả nhiên thắng lớn. Vua cho lập đền thờ phụng gọi là Nhất phương Phúc thần, chiếu

phong cho người anh làm Đại Đường Giang hộ quốc Phúc thần, lập đền thờ ở cửa sông Như Nguyệt; phong cho người em làm Tiểu Đường Giang hộ quốc Phúc thần, đền thờ ở cửa sông Nam Bình, hương hỏa bất tuyệt. Về sau đến đời nhà Lý Nhân Tông, có giặc Tống vào cướp nước, vua sai quan Thái úy là Lý Thường Kiệt đến những chốn ven sông đắp làm cừ sách (chiến lũy) để giữ. Có một đêm quân sĩ ở trong đền vắng vắng nghe tiếng ngâm rằng:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Hoàng thiên đã định tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai công phạt
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Nghĩa là:

Sông núi nước Nam Nam đế ở
Ngọc hoàng đã định ở sách trời
Làm sao giặc dữ sang tàn phá
Bay hãy chờ xem bại tả tơi.

Quả nhiên đánh thắng nhà Tống.

Đến năm Trung Hưng thứ nhất, vua sắc phong cho hai ông là Như Nguyệt giang Khước địch Đại vương, Nam Bình giang Uy địch Đại vương. Đến năm Trung Hưng thứ tư lại gia phong "Thiên Hữu" hai chữ, "Dũng Cầm" hai chữ. Đến năm Hưng Long thứ 21 lại gia phong "Trợ Thuận" hai chữ, "Hiển Thắng" hai chữ, vì hai ông có công âm phù giúp nước.

67. SỰ TÍCH LUY ÔNG

Theo sự tích, vào đời vua Tiên Lý Nam Đế, đức Tuyên vương có đến chỗ miếu trang Lập Ái ở, đêm mộng thấy một ngôi sao từ trên không sa xuống. Đức Tuyên vương biết là điềm mộng lạ. Sau bà lại vào chùa Lập Ái ở, tự dấy thụ thai,

đến ngày 17 tháng Giêng năm Nhâm Thìn, sinh ra được một người con trai đặt tên là Luy Ông. Năm lên 7 tuổi, ông đi học, đến năm 13 tuổi đã thông cả các kinh sử và biết tài võ nghệ. Đến năm 18 tuổi, đức mẫu là Tuyên nương mất. Dân trang Lập ái thấy ngài thông kinh sử, đón ngài làm hương sư, dạy trẻ con trong làng. Sau có giặc Trần Bá Tiên nhà Lương mang quân đến chiếm bờ cõi nhà Lý. Vua Lý Nam Đế có hạ chiếu tìm kiếm người thông minh tài giỏi, Luy Ông liền đến giúp vua. Vua Nam Đế phong ngài làm Quốc công để bình giặc Trần Bá Tiên. Ngài chiêu mộ quân dân được hơn ba nghìn người, ngài đến yết kiến vua. Vua phong ngài làm Thượng tướng quân Đô úy. Ngài phụng mệnh đem quân đi đánh giặc Trần Bá Tiên. Trần Bá Tiên thua trận, ngài về triều tâu vua. Vua ban cho thực ấp ở huyện Gia Định, phong làm Thượng đẳng thần. Ngài bái tạ vua rồi lại về chỗ trú sở ở trang Lập ái, tu sửa lại chỗ dinh đồn và cấp cho dân trang Lập Ái 15 nén vàng để mua ruộng và di chúc cho dân chỗ thờ cúng sau này. Ngài lại truyền bảo dân phải để cả đức mẫu là đức Tuyên bà cùng phối hưởng. Sau đó lại có chiếu triệu ngài đi đánh giặc Bá Tiên; ngài phụng mệnh cùng vua đem quân đi đánh giặc. Trận ấy, đức vua cùng ngài bị thua, bèn lui quân về ở động Khuất Liêu. Sau đó vua băng hà ở động Khuất Liêu, ngài cũng hóa ở động ấy, đó là ngày 15 tháng 8. Nhân dân lập đền thờ, ngài được phong là Thượng quốc Luy Ông Uy địch Đại vương, phong đức mẫu là Tuyên từ Thái hậu Cẩn tiết phu nhân. Dân trang thần tử đều tạc tượng thờ.

Đến đời vua Lê Đại Hành, thấy ngài linh hiển, lại gia phong Phụ ký uy dũng Phụ hiển chiêu cảm trật ưu Thượng đẳng thần. Đến đời vua Trần Thái Tông có giặc giã, được ngài linh ứng âm phù, nên lại bao phong là Linh ứng Cảm triết Hiển hựu. Đến đời vua Lê Thái Tổ bình giặc Liễu Thăng, ngài có công âm phù lại bao phong là Phổ tế Cương nghị Cảm linh Đại vương.

68. SỰ TÍCH NAM HẢI ĐẠI VƯƠNG VÀ ĐÔNG HẢI ĐẠI VƯƠNG NGUYỄN PHỤC

Theo thần tích, Nam Hải Tào Lực đại vương tên là Hùng Tuệ, làm quan lang đạo Ái châu (Thanh Hóa ngày này), là dòng dõi vua Hùng, là một trong 50 người con của Lạc Long Quân theo cha về biển làm Thủy thần. chia nhau coi giữ các eo biển ngọn sông của tổ quốc Vào thời Tiên Lý Nam Đế có giặc Lương ở phương Bắc tới xâm lăng nước ta, nhà vua xuống chiếu tuyển người hiền tài ra giúp nước đánh giặc. Vốn là người sẵn có chí tang bồng, khi nghe chiếu chỉ nhà vua. Hùng Tuệ liền nhập triều ứng thí. Vua hỏi bất cứ điều gì ông đều tỏ rõ là người có học vấn và tài năng, đều trả lời lưu loát mọi điều, trên từ thiên văn, dưới đến địa lý, việc nhân sinh trị quốc không có việc gì không am tường. Vua bèn phong cho ông làm Đốc lĩnh đạo Sơn Tây Tào Lực tướng quân. Ngay hôm đó, ông lên đường về nhiệm sở nhậm chức. Sau năm sáu năm, bấy giờ có giặc Lương từ Bắc quốc sai bọn Dương Tường làm Chánh tướng, và Hùng Phong làm Phó tướng, đem 10 vạn tinh binh sang xâm lược nước Nam Việt. Bấy giờ còn bao gồm Quảng Đông, Quảng Tây, Quảng Yên, Hải Dương, Kinh Bắc (tức Bắc Giang, Bắc Ninh) và các địa phương thuộc đạo Sơn Nam (tức các tỉnh Hà Đông, Hà Nam, Nam Định, Hưng Yên, Thái Bình, Ninh Bình). Khi ấy đâu đâu cũng thấy cờ giặc, tiếng trống chiêng ầm ầm dậy đất long trời. Quan quân ở các địa phương kháng cự không nổi, tình thế bức bách và kéo dài hai ba năm mà không kết thúc. Khi ấy ông bèn dâng sớ tâu vua kể đánh giặc. Vua cả mừng, giao cho Hùng Tuệ chức Thống chế Tào Lực tướng quân đi đánh giặc. Quan Thống chế bèn chiêu tập được nghĩa binh 115 người gồm họ Trần 30 người, họ Phạm 35 người, họ Đào 30 người, họ Đặng 20 người đều tập hợp tại huyện Sơn Vi, phủ Lâm Thao làm gia thần thủ túc. Khi ông cho tiến quân tới ấp Mỹ Lạc, huyện Chân Định, phủ Kiến Xương, Đạo Sơn Nam thì mặt trời vừa khuất núi, ông liền cho quân trú lại một đêm tới sáng. Sáng hôm sau, ông đi

dạo bên dòng Tiểu giang, thấy địa thế núi sông bao bọc, gò Sao dẫn mạch, kiếm, cò đối xứng, ông bèn ngắm nhìn mãi rồi lệnh cho gia thần rằng: "Tuy là nơi đất sa bồi mới lập, nhưng cũng có thể lập đồn pháo ở đây là rất có lợi cho việc binh phòng". Nói rồi ông ngâm nga bài thơ:

*Thành thị lâu đài đều ngọc báu,
Núi sông hoa cỏ thấy màu tranh
Khí tốt đúc thành long mạch
Đất lành cần dựng chốn cung thành.*

Ngâm xong, ông ra lệnh cho sĩ tốt thiết lập một đồn pháo ở ngay bên để chống giặc biển. Sau ba năm quả giặc tan. Ông làm sổ tâu vua xin cho lập một đồn làng tại đó, gọi là làng Cao Mại. Lúc sống ông hưởng lộc tại đó, ngày sau xin làm nơi thờ chính cho mình. Vua ngự bút phê chuẩn. Còn về binh lương tạp dịch ngài đều xin cho dân được miễn trừ. Từ đó ông giao phó cho các họ Trần, Phạm, Đào, Hoàng ở lại lấy nông tang trông tĩa làm nghề chính. Ông lại lên đường hồi triều sớm tối phù giúp bên vua, trải hơn ba chục năm. Bấy giờ có giặc bể Nam quấy nhiễu, cùng đạo tặc ở các địa phương động, sách, trang, châu đều khởi loạn cát cứ, giành lấy quá nửa đất đai trong nước. Vua bèn ban cho ông ấn kiếm, áo cẩm bào, ngựa trắng, lại lĩnh hùng binh sáu vạn, thuyền rồng ba ngàn chiếc đi dẹp loạn. Tiền Lý Nam Đế còn phong cho ông làm Nam Hải Tào Lực thống lĩnh ba quân, Tiết chế thủy bộ chư dinh sự vụ Đại tướng quân. Bấy giờ ông bái tạ nhà vua, lĩnh quân cưỡi ngựa trắng, cho quân tiến thẳng đến Hoan châu (tức Nghệ An), trong một năm đánh hơn ba mươi trận, lấy được thủ cấp tướng giặc Nam Hải Vĩnh Trinh bêu trên ngọn giáo. Lý Nam Đế nghe tin cả mừng, ngài xuống chiếu triệu ba quân trở về.

Lại nói, khi đó ông cưỡi thuyền rồng khải hoàn tới làng Cao Mại, tổng Mỹ Lạc, huyện Chân Định, bỗng thấy trời đất tối đen mịt mù, giữa ban ngày mà chẳng khác đêm, gió gào mưa trút, ông biến thành con rắn xanh dài hơn thước, rẽ nước mở đường

mà tự hóa. Ông sinh ngày 10 tháng Giêng năm Giáp Tý, mất (hóa) ngày 10 tháng 3 năm Ất Sửu. Ngày ấy, quan quân và nhân dân Cao Mạt thấy cảnh ấy đều kinh hãi, cho là chuyện kỳ dị họ mới làm sớ tâu vua. Vua Lý Nam Đế rất thương tiếc cho một vị trung thần nghĩa sĩ. mới sắc phong cho làm Thượng đẳng Tồi linh Nam Hải Tạo Lục Tế thế An dân Đại vương. Lại sai quan là Lê Đình Chấn mang sắc chỉ về tận nơi ông hóa, tu sửa ngôi miếu làng bên bờ sông, theo hướng Tây bắc - Đông nam. Lại phong cho xã Cao Mại là nơi chính đền và các nơi ở bên các triền sông mà ông đã chiến đấu lập mười địa phương nữa cùng thờ phụng ông.

Cũng theo thần tích Đông Hải đại vương họ Nguyễn, tên là Phục, tên hiệu là Tùng Giang tiên sinh. Vương sinh ngày 10 tháng 2 năm Quý Sửu (1453) đời Lê Nhân Tông, làm quan Hàn lâm viện, Thượng thư, Vương phó. Đi sứ Bắc ba lần, học được nghề ươm trứng tằm về nước dạy cho nhân dân. Về sau nghề này phát đạt, dân các phường tằm tơ đều suy tôn ông là Tổ sư. Lại có thuyết nói, nhân trong một chuyến đi sứ Bắc, ông đã xin được hạt giống kê vàng đem về phân phát cho nhân dân trồng cấy, về sau cây kê phát triển khắp mọi vùng trong nước. Tới khi Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, sai Nguyễn Phục chuyển vận quân lương. Lúc ra biển gặp phong ba, ông ra lệnh quay mũi thuyền vào cảng, các tùy tùng đều can ngăn ông: "Quân pháp nghiêm lắm". Ông đáp: "Thà một thân ta chịu tội, chứ không cam chịu để quân lương và sĩ tốt vô tội làm mồi cho cá bẻ". Hôm sau, trời yên sóng lặng, ông đi thuyền tới bên dinh Hoàng đế xin chịu tội chết. Nhưng sau khi xử tội, Hoàng đế cảm kích lòng trung nghĩa của ông, đã nói: "Cần có người làm tướng mà quyền biến và có tấm lòng thương xót sĩ tốt như Nguyễn Phục. Nhà vua cho truy tặng Nguyễn Phục làm "Đông Hải đại vương", sắc cho dân cảng Đà Nẵng lập đền thờ gọi là Chiêu Trưng Tồi linh từ. Từ Tùng giang ra Bắc 12 cửa bể, nhân dân đều dựng miếu thờ. Đến thời Lê Trung hưng niên hiệu Gia Thái (1573 - 1577) đời vua Lê Thế Tông, thấy ông có công âm phù,

vua lại ban sắc chỉ cho dân các ấp ven biển, bên các dòng sông Hát, sông Hồng, sông Tô cùng xã Đoàn Lâm đều lập miếu thờ. Sang thời Nguyễn lại sắc cho các phường tầm tang dệt lụa trong các địa phương đều lập miếu thờ Nguyễn Phục làm Tổ nghề, làm Thành hoàng. Khắp cả nước đã có trên 300 làng thờ phụng Đông Hải đại vương Nguyễn Phục.

69. TRUYỆN HAI ANH EM THỦY THẦN SINH ĐÔI ĐÁNH GIẶC LƯƠNG

Theo thần tích, cha của nhị vị họ Hoàng tên là Hoa Liên, người xã Sùng Thập, huyện Đông Ngàn (Từ Sơn ngày nay) làm quan lang, lấy vợ người xã Phú Cốc, tổng Đồng Thủy, huyện Nam Xang (Lý Nhân, Hà Nam ngày nay). Bà vợ đã ngoài 30 tuổi mà chưa từng sinh đẻ, thì buồn lắm. Một hôm bà ra sông Hồng tắm thì bị giao long quấn, rồi sinh ra nhị vị. Có đêm bà vừa chợp mắt liền mơ màng như có người đứng ở đầu giường ngâm bài thơ rằng:

Nước chảy thênh thênh nước chảy xanh

Trời Nam hiện xuất bậc tài danh

Thủy thần xuất thế Hùng gia thị

Xuất hiện thần minh sự nghiệp thành.

Tương truyền trước lúc sinh nhị vị, mọi người đều bỗng thấy có khí thơm gió mát đầy nhà, tới giờ Ngọ ngày 4 tháng 3 năm Bính Ngọ thì sinh một bọc hai người con trai. Trai lớn tay trái có ba cái lông xanh, trên lưng có hai hàng vảy hoa văn, ở bụng có hàng chữ Tây Hải Á hâu Đại tướng. Người em thì có hàng chữ Tây Hải Cao Sơn Đại tướng giao cho trấn giữ ở miền Sơn Nam. Đến khi trưởng thành, cả hai đều rất tính tướng văn võ. Triệu Việt Vương nghe tin mến tài, bèn cho vời vào triều giúp nước, ban thiếu phong cho người anh làm Tây Hải Á hâu Quân nội các quan, người em làm Tây Hải Cao Sơn Phụ quốc Đại tướng quân. Vua cho lưu ở bên người để giúp rập nhà vua.

Khi có giặc nhà Lương phương Bắc tới quấy nhiễu xâm lược nước ta, vua ban cho ấn kiếm làm tướng, sai đem mười vạn tinh binh, hai ngàn chiến thuyền đi diệt giặc. Giặc thua, quân ta thắng lớn, vua cho triệu nhị vị cho quân khải hoàn. Vua lại ban thưởng trọng hậu. Sau khi giặc tan, quốc gia vô sự, nhị vị xin vua về thăm dinh thự tại các địa phương, giúp dân khuyến khích nông tang. Sau khi nhị lang mất, vua sức cho dân lập đền thờ và gia phong người anh làm Tây Hải Á hầu Phụ quốc Quảng Trạch Đại vương Thượng đẳng thần, người em làm Tây Hải Trùng uyên Tế thế Uy hiển Cao Sơn Đại vương Thượng đẳng thần.

Các làng xã vùng duyên hải Sơn Nam đều lập đền thờ nhị lang.

70. SỰ TÍCH HAI MẸ CON ĐÁNH GIẶC LƯƠNG

Tục truyền, thánh mẫu tên là A Dung nương, ngài là con gái quan Tri châu. A Dung nương là một phụ nữ tài hoa đức hạnh, văn chương quán triệt, võ nghệ tinh thông. Bà kết duyên với viên quan lang tên Hùng Tuệ. Hùng Tuệ thuộc dòng dõi vua Hùng, là người văn võ song toàn, nhưng sở trường về võ thuật và sức khỏe phi thường, tay không bắt hổ, sức nặng trăm cân, thân trường 9 thước, thế khả bạt núi... dân địa phương đều gọi là Thiên tướng giáng trần. Triệu Việt Vương giao cho Hùng Tuệ làm Lệnh doãn huyện Trục Định. Trong thời gian làm quan, ông thường đi thăm thú dân tình phong cảnh trong huyện. Có một lần ông tới xã Luật Nội, thấy phong thủy ở đây rất đẹp, dân tục thuần phong, ông bèn quyết định xây một dinh sở cho phu nhân để dưỡng nhàn. Bấy giờ ông đã 50 tuổi, phu nhân tuổi cũng ngoài 40, ông bà rủ nhau tới đền Phù Đổng ở Tiên Du cầu tự. Đêm ấy ông bà mộng gặp thần nhân cho biết là Ngọc Hoàng thượng đế hiểu rõ vợ chồng ông làm quan thanh liêm, ăn ở nhân đức, nay Thượng đế ban cho một người con trai, hiệu là Thạch Thần Đại tướng quân, thần nhân còn dặn, về nhà ông bà đúc một tượng đá, ngày đêm hương khói. Sau phu nhân có thai, đến

giờ Dần ngày 15 tháng Giêng năm sau tức năm Giáp Tý thì sinh ra một cậu con trai, khôi ngô tuấn tú. Tướng mạo cậu ta đường đường, uy nghiêm lắm liệt, mặt đỏ hồng hồng như mặt trời mới mọc; sau lưng có dòng chữ lớn đề Thạch thần Đại tướng quân, rón rất sâu, lông chân màu đỏ. Quả đúng là một trang hảo hán, kỳ hình dị tướng. Cha mẹ yêu mến, lại nhớ chuyện chiêm bao mà mệnh danh cho cậu ta là Thạch công. Năm lên 16 tuổi thân cao sáu thước, có sức khỏe trăm người không địch nổi. Bấy giờ thân phụ huyện quan Tuệ công làm số tâu lên Triệu Việt Vương. Vương cho vời vào thử tài thì quả đúng như số tấu của thân phụ. Vua cả mừng, ngài cầm tay của Thạch công mà bảo: "Trời cho ta làm vua, trời lại sinh ra người làm hiền thần giúp ta, trăm gặp khanh quả cũng hơi muộn". Thế rồi vua tắm tấu mãi câu: "Hổ phụ sinh hổ tử, hiền mẫu sinh hiền tử". Ngay ngày hôm sau, Triệu Việt Vương phong cho thân mẫu là bà A Phương Dung Trinh thực Phu nhân, tặng 10 hốt vàng, sắc chỉ cho về ở quê Luật Ngoại (về sau thuộc Kiến Xương, Thái Bình), lại giao cho dân xã phụng viết tên tự hiệu, hưởng lộc trăm năm tuân theo sắc chỉ không được đổi thay.

Lại nói, bấy giờ nước ta bị giặc Lương đến xâm nhiễu ở nhiều địa phương các quan trấn thủ ở những nơi ấy không chống cự nổi. khiến cho nhân dân cực khổ trăm chiều. Vua liền trao cho Thạch công chức Tổng đốc kinh lược đốc lĩnh thủy bộ chư quân vụ, kiêm tri Tiết chế bình Lương tặc Đại thân quan Thạch thần Đại tướng quân. Thạch công tức thì bái tạ Triệu Vương, đem 12 vạn tướng binh lên đường diệt giặc. Trên đường ra trận, tướng quân ghé về thăm mẹ vừa lúc thân mẫu đã chiêu tập được gần sáu trăm tráng đinh trong hạt, cùng tham gia nghĩa quân đánh giặc. Thế là cả hai mẹ con ra trận đánh cho quân Lương tới tả tan tác. Sau trận thắng ấy, mẫu tử còn đánh nhau với quân Lương 35 trận nữa. Thế rồi chẳng may, trong một trận lực lượng giặc đông, chúng bỏ vây nhiều vòng, bị lâm vào thế cùng không lối thoát, hai mẹ con đành nhảy xuống sông tự trầm để bảo tồn danh tiết (Hôm đó là ngày 15 tháng 8).

Nghe tin, Triệu Việt Vương vô cùng xót xa thương tiếc, phong cho bà mẹ làm Thánh mẫu Bà A Phương Dung Quận phu nhân, phong cho người con làm Thánh tử Thạch thần Hộ quốc Đại vương.

Lại nói, sau khi nhị vị qua đời, luôn luôn hiển hách linh thiêng, quốc đảo dân cầu thấy đều ứng nghiệm, nên các triều đại đều được phong sắc.

71. TRUYỆN THẦN CHÍNH KHÍ LONG ĐỒ

Đời Đường, Cao Biền sang đóng ở nước ta, chiếm phủ, xưng vua, đắp thêm La thành. Vừa đắp xong, một buổi sáng sớm, Biền dạo xem phía ngoài cửa đông thành, bỗng nhiên trời nổi mưa to gió lớn, thấy mây ngũ sắc từ dưới đất dâng lên, ánh sáng lóe mắt. Một dị nhân mặc áo màu sắc sỡ, trang sức trông kỳ vĩ, cưỡi con rồng đỏ, tay cầm giản vàng, lơ lửng trong mây khói, khí thế ngùn ngụt, bay lên lượn xuống hồi lâu mới tan. Biền kinh ngạc, cho là ma quỷ, muốn thiết đàn để cúng. Đêm ấy, mộng thấy có thần nhân đến nói rằng: "Xin ông đừng có bụng nghi ngờ, ta không phải là yêu khí đâu. Ta chính là Long Đỗ vương Chính Khí thần đó (có chỗ viết là Long Đỗ) vì muốn xem kỷ thành mới hiện ra đó thôi!" Biền tỉnh dậy. Sáng hôm sau họp quần thần, than rằng: "Ta không khuất phục được người phương xa chẳng mà đến nổi để cho loài ngoại quỷ dòm ngó điều không hay của mình ru!". Có người khuyên lập đàn, và dùng nghìn cân sắt đúc tượng theo hình dạng thần nhân để làm bùa yểm. Biền y theo kế đó. Vừa đọc thần chú bỗng trời đất mù mịt ngày đêm, mưa gió giạt dưng dưng, tượng sắt nát vụn ra mà bay lên không. Biền sợ hãi, có ý muốn về phương Bắc. Người đời lấy làm lạ, bèn lập chùa ở mạn phía đông kinh thành, lại mộng thấy thần nhân tới chúc mừng. Vua nói: "Người có thể chắc sẽ được hương lửa trăm năm chăng?" Đáp: "Mong Thánh thượng được trường thọ ức vạn năm, thần đâu há chỉ được hưởng trăm

năm hương lửa!". Vừa tỉnh dậy, sai giết súc vật để tế lại phong làm Thăng Long Thành hoàng Đại vương. Thời ấy, ở cửa đông có mở chợ buôn bán, đến thân kéo liền một dãy phố dài. Phố thường bị hỏa hoạn, gió dữ thổi cháy rất nhiều, duy có đền là vẫn y nguyên không bị lửa bén tới. Vua lại gia phong cho hưởng lộc, các buổi lễ nghênh xuân đều cử hành tại đây. Đời Trần, ba lần hỏa tai mà vẫn không bị cháy, Thái sư Trần Quang Khải có đề bài thơ rằng:

*Tích văn hách trạc đại vương linh,
Kim nhật kim tri quỷ đảm kinh.
Hỏa tức tam diên thiêu bất cập,
Phong lôi nhất trận triển nam khuynh.
Chỉ huy đàn áp chư tà chúng⁽¹⁾,
Hô háp tiêu trừ bách vạn binh.
Nguyện trượng thần uy thôi bắc lỗ
Đốn linh hoàn vũ yên nhiên thanh.*

Tạm dịch thơ:

Văn nghe người nói Đại vương thiêng
Nay mới hay rằng quỷ khiếp kinh
Lửa cháy ba phen đâu bén tới
Cuồng phong một trận chằng hề nghiêng
Chỉ huy yêu quái ba ngàn đứa
Đàn áp tà ma trăm vạn tên
Xin được mượn uy trừ giặc Bắc
Để cho thiên hạ mãi thanh bình.

Đời Trần phong làm Thuận du Phu ứng Đại vương. Chùa ở phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương nay gọi là đền Bạch Mã.

1. Có bản chép : *Chỉ huy vãng lược tam thiên chúng*

72. TRUYỆN SÔNG TÔ LỊCH

Năm Hàm Thông thứ 6, vua Đường ý Tông sai Cao Biền làm đô hộ tướng quân, đem binh đánh giặc Nam Chiếu. Lúc Biền trở về, nhà vua đặt Tĩnh Hải quân ở thành Lĩnh Nam, cho Biền làm Tiết độ sứ. Biền thông hiểu thiên văn địa lý, xem hình thế đất mà xây thành Đại La ở phía tây Lô Giang, chu vi 30 dặm để ở. Có dòng sông con từ Lô Giang chảy vào phía tây bắc, cuốn quanh phía nam, ôm lấy thành Đại La rồi lại nhập vào sông Cái. Hồi đó đang giữa tháng sáu nước mưa lên cao: Biền cưỡi thuyền nhẹ thuận dòng vào tiểu giang đi khoảng một dặm, bỗng thấy một cụ già râu tóc bạc phơ, dung mạo dị kỳ, tắm ở giữa dòng sông, cười nói tự nhiên. Biền hỏi họ tên. Đáp: Ta họ Tô tên Lịch. Biền lại hỏi: Nhà ở đâu? Đáp: Nhà ở sông này. Dứt lời lấy tay đập nước bắn tung mù mịt, bỗng nhiên không thấy đâu nữa. Biền biết là thần, bèn đặt tên sông là Tô Lịch. Một buổi sớm khác, Biền ra đứng ở bờ sông Tô Giang, phía đông thành Đại La, thấy trận gió lớn nổi lên, sóng nước cuộn cuộn, mây trời mù mịt, có một dị nhân đứng trên mặt nước, cao hơn hai trượng, mình mặc áo vàng, đầu đội mũ tím, tay cầm hốt vàng rực rỡ một quãng trời, chập chờn lên xuống trên khoảng không. Mặt trời cao ba con sào, khi mây hãy còn mù mịt, Biền rất kinh dị, muốn yểm thần. Đêm nằm mộng thấy thần nhân tới nói rằng: "Chỗ yểm ta, ta là tinh ở Long Đỗ, đứng đầu các địa linh, ông xây thành ở đây, ta chưa được gặp, cho nên tới xem đó thôi, ta có sợ gì bùa phép?". Biền kinh hãi. Sáng hôm sau, Biền lập đàn niệm chú, lấy kim đồng thiết phù để yểm. Đến hôm ấy, sấm động âm âm, gió mưa dầm dật, đất trời u ám, thần tướng hò reo, kinh thiên động địa. Trong khoảnh khắc, kim đồng thiết phù bật ra khỏi đất, biến thành tro, bay tan trên không. Biền càng kinh hãi, than rằng: "Xứ này có thần linh dị, ở lâu tất chuốc lấy tai vạ". Sau Ý Tông triệu Biền về, quả nhiên Biền bị giết và Cao Tàm được cử sang thay.

73. BÀI KÝ VỀ HUỠNG LÂM MAI HẮC ĐẾ

Nhà vua họ Mai, tên là Thúc Loan, người đất Hoan châu, Nhật Nam¹. Cha là Mai Sinh, mẹ là Vương Thị, đều là người hiền đức. Khi sinh ra nhà vua, bà mẹ nằm mộng thấy một người thiếu phụ, mình mặc áo đỏ, tự xưng là Xích y sứ giả, tay cầm một viên ngọc kê sơn bích, nói rằng: "Cho bà cái này, nên dùng làm vật báu". Bà Vương Thị xem viên ngọc ấy thì thấy giống quả trứng gà, nhưng to hơn, năm sắc óng ánh, lóe cả mắt, bèn giơ tay đón lấy, bỗng nhiên cầm hụt, ngọc rơi xuống đất vỡ tan, nhân đó giạt mình tỉnh dậy.

Khi sinh ra thì ở đùi bên trái Thúc Loan có vết xanh đen, giống như một đồng tiền. Mẹ Thúc Loan đem chuyện trong mộng nói với cha. Cha lấy làm lạ, bèn giải thích rằng ngọc nhận ở tay bỗng nhiên rơi xuống đất vỡ tan bắn tung toé, có tiếng kêu vang vang, đó là cái ý tiếng tâm vang dậy, chấn động người đời, còn con gà thì đứng đầu loài có cánh, lại thêm màu sắc lóe mắt, dùng để làm vật báu, có cái điềm lành của con linh diệu mang năm đức tốt. Ông bèn đặt tên cho chú bé mới sinh là Phượng, tên tự là Thúc Loan. Đó là để ghi lại cái điềm được thấy ở trong giấc mộng vậy.

Năm Thúc Loan lên mười, mẹ đi hái củi bị hổ giết hại, chẳng bao lâu cha cũng mất.

Bạn của cha Thúc Loan là Đinh Thế thấy vậy thương tình, đem về nhà nuôi, coi như con đẻ. Đến khi Thúc Loan lớn lên, tự nhiên có chí lớn, đầu hổ, mắt rồng, tay vượn, dũng cảm, đa tài, vượt ra ngoài sự tưởng tượng của người ta. Đinh Thế yêu mến, quý trọng, đem con gái là Ngọc Tô gả cho.

1. Hoan châu là vùng Nghệ Tĩnh ngày nay. Nhật Nam là vùng Bình Trị Thiên trở vào ở đây hình như muốn coi Hoan châu là thuộc về vùng Nhật Nam, tức là vùng Bình Trị Thiên. Như thế là không chính xác.

Ngọc Tô hiền mà đa trí, giỏi việc của nhà, lại càng giỏi việc nông tang, cho nên gia sản ngày một nhiều, môn hạ ngày một đông, trước sinh hai trai, sau sinh hai gái. Con trưởng là Bác Sơn, con thứ là Kỳ Sơn, đều có trang mạo kỳ vĩ, khi lớn lên văn mô vũ toán, không gì là không đầy đủ.

Mai Thúc Loan mừng vì trong nhà có điểm vui, việc trong việc ngoài không có gì là không quan tâm. Một hôm ông bảo vợ rằng: "Kẻ nam nhi sinh không hợp thời, gặp nhiều vận bĩ, ngày tháng trôi qua, nhanh chóng như bánh xe, thật là đáng tiếc vậy. Nay ta vốn có chí bình sinh thiên hạ, đi khắp hải nội để giao kết với hào kiệt bốn phương, cùng lập sự nghiệp. Nàng ở nhà nuôi giữ con ta, lại chăm việc nông tang, tích trữ lương thảo, để chờ lúc lâm thời dùng đến, mọi việc đều ổn thỏa, đừng phụ lòng ta, thực là may mắn. Người xưa nói: Nhà nghèo trông vào vợ hiền, nước loạn trông vào tướng giỏi. Nàng dầu chưa bằng người xưa, nhưng chăm sóc việc nhà thì hình như trong nghìn vạn người mới có chục người, trăm người như vậy. Cho nên ta mới trịnh trọng gửi gắm, nàng nên suy nghĩ đi". Bà vợ nói: "Chàng đã căn dặn, thiếp xin vâng lời dạy bảo. Nhưng chàng nên có chí cung tên, có hùng khí kinh doanh bốn cõi, khiến cho trăm họ được sống những ngày tháng Nghiêu Thuấn¹, đất nước Nam được gặp cái cảnh tượng hải yến hà thanh². Đó thực là điều mà thiếp mong mỏi vậy". Mai Thúc Loan mừng lắm, tạ mà nói: "Nếu được nàng gắng sức, ta còn lo chi nữa".

Thế là phóng tâm giang hồ đi tìm những kẻ dật sĩ. Gặp được Phong Hậu, Thôi Thăng ở đất Hoa Dương, nói chuyện với nhau suốt ngày, hình như có duyên cá nước. Về sau, có một người họ Phục, tên là Trường Phủ, không hẹn mà đến gặp. Lại có người họ Đàm tên là Du Văn và bạn là Mao Hoàn, Tùng Phụ, Tiết

1. Nghiêu Thuấn: các vua thần thoại thời cổ sơ ở Trung Quốc. Tục truyền thời các vua ấy là thời thái bình.

2. Hải yến hà thanh: biển lặng sông trong, ý nói thái bình thịnh trị.

Anh, Hoắc Đan, Khổng Qua, Cam Hề, Sĩ Lâm, Độ Tân đều là những khách đeo kiếm nghe tiếng tằm Mai Thúc Loan, hăm mộ sự tín nghĩa mà đến. Thục khách trong nhà thường có đến mấy nghìn người.

Một hôm Phong Hậu và Thôi Thăng bàn riêng với nhau rằng: "Nước Việt ta từ khi Bắc thuộc đến nay, bọn quan thú mục phương Bắc không ai mời mà cứ sang. Hai chúng cứ ẩn nấu lâu ngày ở chốn khe động, như giao long ở trong ao, gặp được hội phong vân thì nên giang cánh xòe vuốt. Nay xét Mai quan đi như rồng, bước như hổ, có tài dẹp loạn giúp dân. Nếu không nhân lúc này mở cánh dương vây, thì còn đợi lúc nào nữa". Thế bèn gặp Mai Thúc Loan xin dấy binh. Mai Thúc Loan giả vờ làm như có vẻ khó khăn.

Phục Trường Phủ nói: "Người nhà Đường nghênh ngang tung hoành, ngày càng quá lắm. Thuế má nhiều, hình phạt nặng, dân không sống nổi. Ngày xưa, vua Thang, vua Vũ¹ nhân gặp thời mà hành động, đời sau gọi là thánh, là hiền, xin nghĩ kỹ xem, không nên ngăn ngại. Thúc Loan nói: "Ta vốn cũng muốn như thế, nhưng chỉ lo rằng binh lương không đủ, tả hữu ít người giúp đỡ". Đàm Du Văn nói: "Nhà Đường có nội loạn, đàn bà trong cung tung hoành, Lý Công Cơ tự tiện nắm quyền, dựa vào mẹ vợ bé của vua Đường mà định cái kế ác tầy đình. Bè đảng của Vũ Tam Tư chưa quét sạch thì sự hung bạo của Hà Tuấn lại càng quá tệ. Thời ấy, thế ấy, thì sao bọn chúng lại có thể giữ mãi tình trạng như hiện nay được. Nếu biến động sóng kinh thì bọn chúng sẽ như ngôi tan".

Thế mà Mao Hoành, Tùng Phụ phẫn chấn nói rằng: "Về việc này, nếu chúa thượng còn hồ nghi, chưa quyết đoán, nếu muốn kết liên ngoại viện thì hai nước phiên bang Lâm Ấp, Chân Lạp

1. Thang tức Thành Thang nhà Thương, Vũ tức Vũ Vương nhà Chu. Đó là hai vua khai nghiệp cho triều đại Thương và triều đại Chu ở Trung Quốc. Thường dùng để nói về sự sáng nghiệp.

có thể trưng binh được". Tiết Anh, Hoắc Đan đồng thanh nói: "Tôi xin đi sứ, khiến cho hai nước ấy đem quân ứng viện, vạn vô nhất nhất". Khổng Qua, Cam Hề, Sĩ Lâm, Độ Tân đều kể tiếp nhau bước lên mà nói: "Tôi xin sớm dựng cờ nghĩa, chiêu binh ứng mộ. Việc cần làm ngay, không nên chậm trễ".

Mai Thúc Loan thấy mọi người hoàn toàn hợp ý nhau, bèn mở tiệc lớn, đem gia tài cung phụng tân khách. Thế là chiêu binh mãi mã, đắp lũy xây thành. Trong một tuần xa gần hưởng ứng, có quân số hơn mười vạn.

Mai Thúc Loan dùng Phong Hậu làm quân sư. Thôi Thăng làm Thái úy, Phục Trường Phủ làm Tham mưu, Đàm Du Văn làm Tán nghị, Mao Hoàn làm Thái trung đại phu, Tùng Phụ làm Trị trung nội sứ. Khổng Qua làm Thảo lỗ tướng quân, Cam Hề làm Đinh biện hiệu úy, Sĩ Lâm làm Hộ quân, Độ Tân làm Lang tướng. Lại chia binh làm bốn đạo, mỗi đạo lại chia làm ba quân, mỗi quân gồm một nghìn người do một trung úy suất lĩnh để nghe hiệu lệnh. Lại sai Tiết Anh làm Lâm ấp thông vận sứ. Hoắc Đan làm Chân Lạp cáo dụ sứ. Mọi việc trong ngoài đều vào đây cả, thanh thế quân đội đại chấn. Bọn quan thú mục nhà Đường, trông ngọn gió mà chạy tán loạn.

Mai Thúc Loan bèn đem quân chiếm Châu thành, chia quân đóng giữ. Quân thần đến mừng đều xin Mai Thúc Loan lên ngôi báu. Mai Thúc Loan bèn lên ngôi Hoàng đế ở phía nam Hương Lâm, tự cho mình là đức "thủy", xưng là Hắc Đế¹. Đó là năm Quý Sửu, mùa hạ tháng Tư, vào đời Đường Huyền Tông, niên hiệu Khai Nguyên thứ nhất vậy. Do đó chốn hải nội được đại định.

Viên Thứ sử Trung Quốc là Tào Chân Tình lui về giữ Quế

-
1. Theo dịch lý thì màu đen tượng trưng cho nước. Mai Thúc Loan được coi là mang tính chất của nước. Vì vậy, người ta tôn ông là Mai Hắc Đế. Truyền thuyết dân gian cho rằng ông thuộc gia đình nấu muối biển. Hoặc giả vì sống bằng nghề biển mà ông tự cho là mang tính chất của nước chăng?

Sơn. Năm sau, năm Giáp Dần, bọn Tiết Anh, Hoắc Đan phụng chỉ của Mai Thúc Loan đi tuyên dụ hai nước Phiên. Hai nước Phiên này lâu nay bị khổ nhục vì nhà Đường, đến nay thấy nhà vua cáo dụ, đều nghe theo mệnh lệnh. Vua Lâm ấp Phạm Hồ Đinh sai tướng là Chư Hương An đem quân mười vạn. Vua Chân Lạp là Hê A Khiêm sai tướng là Tham Ninh Na đem quân mười vạn đến hội hợp với quân ta.

Nhà vua vì có người từ phương xa đến châu ở triều đình, cho nên uy danh càng sáng tỏ. Người nhà Đường kẻ nào kẻ nấy dần dần bỏ trốn về Trung Quốc. Nhà vua bèn định kinh đô, lập phủ đệ. nay là địa đầu đất Hương Lâm, mở rộng cung điện để ở. Có hùng binh hơn ba chục vạn.

Từ đó trở đi, nước giàu dân mạnh, các dân man di ở xa gần đều đến triều cống.

Đến năm Nhâm Thìn, việc nổi loạn trong nội bộ nhà Đường (của Trung Quốc) đã bị dẹp xong. Vua nhà Đường nghe tin Mai Hắc Đế chống lại mệnh lệnh của mình, bèn sai quan Thị nội Dương Tử Húc làm chức Tả giám môn vệ tướng quân, Quan Sở Khách làm Đô hộ phủ, đốc suất bảy mươi nhăm doanh thủy bộ, người ngựa hơn ba chục vạn, hai đường thủy lục cùng tiến, xâm phạm vào thành Long Biên. Quan và tướng của Mai Hắc Đế bị thua trận, quân sĩ chết không kể xiết.

Người nhà Đường thừa thắng đến vây bức phủ thành của nhà vua. Nhà vua bị hãm trận mà chết. Quốc thống nước ta lại dứt. Bể tôi văn võ của nhà vua phần lớn bị giết hại.

Người Lâm Ấp, người Chân Lạp cũng bị người nhà Đường đánh giết và bị thua. Họ thu binh chạy về phương Nam.

Nhà vua dấy binh năm Quý Sửu, chết năm Nhâm Dần, ở ngôi sáu mươi năm rồi chết.

Người đời sau nhớ công đức, bèn xây miếu thờ nhà vua ở chỗ cung điện cũ của nhà vua. Đến nay còn làm Phúc thần cho địa phương.

74. BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG¹

Xét sách *Triệu Vương Giao Châu ký*: Vương họ Phùng tên là Hưng, ông cha đời đời làm tù trưởng châu Đường Lâm gọi là Quan lang (tục ấy nay trên mạn ngược vẫn còn), nhà giàu hay giúp đỡ kẻ khó. Vương có sức khỏe đánh được hổ vật được trâu, em tên là Hải cũng có sức mang đá nặng nghìn cân hoặc công thuyền nặng nghìn斛 mà đi tới mười dặm. Các miền gần xa nghe tiếng đều sợ. Trong thời Đại Lịch (766-779) nhà Đường, bên ta rối loạn, Vương cùng em đem binh đi chinh phục được khắp các vùng lân ấp. Vương đổi tên là Cự Lão, em đổi tên là Cự Lực, rồi Vương xưng là Đô Quân, em xưng là Đô Bảo, theo kế của Đỗ Anh Luân (người làng Đường Lâm) đem đại binh đi tuần các châu Đường Lâm và Trường Phong. Nhân dân phục theo uy danh lừng lẫy. Vương cho phao tin rằng sẽ tiến đánh phủ Đô hộ. Quan Đô hộ tên là Cao Chính Bình (người Đường) đem quân đón đánh bị thua, lo quá phát bệnh chết. Vương vào phủ Đô hộ giữ quyền trị dân được bảy năm(?) thì mất. Nhiều người muốn lập Phùng Hải lên thay, nhưng có quan Đầu mục tên là Bồ Phá Cẩn vốn có sức khỏe lạ thường quyết ý không theo, mới lập con Vương là Phùng An lên nối ngôi rồi mang quân chống Hải. Hải sợ Bồ Phá Cẩn, dời vào ở động Chu Nham (?) rồi không biết đi đâu.

An lên nối ngôi, tôn cha làm Bố Cái đại vương, vì theo tục nước ta khi ấy gọi cha là "bố", gọi mẹ là "cái" nên mới gọi tôn tên ấy. Được hai năm vua Đức Tông nhà Đường cử Triệu Xương sang làm Đô hộ An Nam. Xương tới nơi, trước hết sai sứ mang lễ vật đến dụ An ra hàng. An liền xin hàng phục (791), từ đó họ Phùng mỗi người tản mát đi một ngả.

Bố Cái đại vương, sau khi mất rất hiển linh. Dân các làng

1. Đến thờ ở làng Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, Hà Tây. Cam Lâm xưa là Đường Lâm.

thường nghe có tiếng xe, ngựa đi âm âm trên các nóc nhà hoặc trên các cây cổ thụ, trông lên thường thấy trong đám mây năm sắc có cờ kiệu rực rỡ, lại có tiếng đàn sáo vắng vắng trên không. Trong làng hễ có việc gì sắp xảy ra thì về đêm thấy có một dị nhân báo cho người hào trưởng ở làng biết trước, ai cũng phải lấy làm lạ, mới cùng lập đền thờ Vương ở phía tây Đô Phủ. Đền rất thiêng, lễ cầu mưa, tạnh đều được linh ứng. Ai có việc gì khó khăn hoặc bị trộm cướp hoặc muốn cầu tài đến đền kêu cầu tất được hài lòng. Bởi vậy người đến lễ đền rất đông, hương khói không lúc nào dứt.

Khi Ngô Tiên Chủ (tức vua Ngô Quyền) dựng nước, có giặc Nam Hán sang ta, Tiên Chủ đang lo nghĩ cách chống đánh. Ban đêm Tiên Chủ mộng thấy một cụ già mũ áo chỉnh tề đến nói rõ họ tên và bảo rằng: "Tôi đã dự bị mấy đội thân binh để giúp sức nhà vua, xin nhà vua tiến binh ngay đi không nên lo nghĩ.". Đến khi Tiên Chủ ra đánh giặc ở sông Bạch Đằng, nghe thấy trên không có tiếng xe ngựa âm âm, quả nhiên trận ấy đại thắng. Tiên Chủ lấy làm lạ, liền sai sửa soạn đồ lễ và các thứ tàn quạt, chuông trống đem đến đền để tế. Các triều vua sau dần dần thành lệ. Đến đời Trần, năm Trùng Hưng thứ 1 (1285), sắc phong Phùng Vương là Phụ hựu Đại vương. Năm thứ 4 (1288) gia phong hai chữ Chương tín. Năm Hưng Long 20 (1312) lại gia phong hai chữ Sùng nghĩa. Đến nay vẫn còn dấu thiêng dân vẫn sùng phụng.

75. Á ĐẠİ NƯỞNG

Vào cuối thế kỷ thứ VIII, nước ta bị giặc nhà Đường bên Trung Quốc xâm lược. Nhân dân trong nước căm giận. Nhiều hào kiệt nổi lên hợp sức nhau để mong đánh đuổi quân thù. Phong trào mạnh mẽ nhất do một người anh hùng tên là Phùng Hưng lãnh đạo. Phùng Hưng nổi lên ở ấp Đường Lâm, đánh cho bọn quan lại lính tráng nhà Đường nhiều trận liểng xiểng, giải phóng được đất nước và được dân chúng tôn là Bố Cái đại vương.

Tham gia vào đội quân nghĩa của Bố Cái đại vương, có cả những người là họ hàng, con cháu của vị thủ lĩnh. Phùng Hưng có một chị gái là Phùng Thị Thảo, lấy chồng tên là Phạm Huyền. Hai ông bà ăn ở hòa hợp, được trời đất phù hộ cho sinh ra một cái bọc nở ra ba người con. Người ra trước là gái, đặt tên là Phạm Thị Uyển. Hai người em trai ra sau, là Phạm Miện và Phạm Huy. Cả ba chị em lớn rất nhanh và cũng nhanh chóng luyện tập, tài kiêm văn võ, sức khỏe hơn người. Được tin cậu ruột Phùng Hưng dựng cờ xưng nghĩa, ba chị em đều xin tòng quân và được cử làm tướng. Phạm Thị Uyển giỏi đường thủy nên coi sóc thủy quân, còn hai em là bộ tướng. Trong trận đánh thành Đại La (Thăng Long) ba người đều lập chiến công. Tên tướng giặc là Cao Chính Bình lo sợ mà chết.

Cầm quyền trị nước được ít lâu, Bố Cái đại vương Phùng Hưng bị bệnh mất. Hai ông Phạm Miện, Phạm Huy buồn rầu rồi cũng mất theo. Chỉ còn một mình Phạm Thị Uyển cùng với tướng tá giữ kinh thành. Năm Tân Mùi (791), bọn giặc nhà Đường lại sai tên tướng Triệu Xương sang đàn áp trả thù. Quân ta yếu thế chống cự không nổi. Phạm Thị Uyển đón đánh giặc từ cửa sông Tô Lịch cũng bị tổn thất nặng. Nàng đành nhảy xuống sông tự vẫn. Xác trôi về đến làng Kẻ Dáy. Nhân dân vớt lên chôn cất và lập đền thờ chung cả ba anh em. Phạm Thị Uyển được tôn làm Đại nương. Nhân dân vẫn gọi một cách vừa thân mật vừa thành kính là ả Đại nương.

76. NÚI PHƯỢNG HOÀNG

Về phía đông của quảng trường Đồng Định, ngay sau kỳ đài, có một quả núi đá độc lập, vươn cao. Quả núi giống hệt một con phượng hoàng khổng lồ, đầu vươn cao kiêu hãnh, ngực căng tràn sức trẻ, hai cánh tay xòe ra ôm lấy cả quảng trường. Phượng hoàng đang ở thế sắp vỗ cánh bay vút lên trời cao.

Tương truyền rằng: Ngày xưa, núi Phượng Hoàng về hình dạng, cỏ cây, hoa lá cũng bình thường như trăm nghìn ngọn núi

khác của Chi Lăng mà thôi. Chỉ có một điểm riêng là trên đỉnh núi này có tổ của loài chim quý phượng hoàng.

Thời nước ta bị nhà Đường thống trị, năm 686, tên quan Đô hộ khét tiếng tàn ác Lưu Diên Hựu, trên đường đi kinh lý qua đây, thấy một đàn chim phượng hoàng đang dang cánh lượn tròn trên đỉnh núi rồi hạ cánh xuống đỉnh núi cao. Rất lạ là, sau thất bại của cuộc khởi nghĩa oanh liệt của Hai Bà Trưng, chim phượng hoàng đã biến mất, tự nhiên hôm ấy lại bay về như chóc tức viên Đô hộ đi qua. Lưu Diên Hựu thấy cảnh đó, uất tím mặt, nói với các tì tướng đi theo:

- Không thể để chim phượng hoàng xây tổ trên núi này được vì đó là mối họa đối với thiên triều, đối với mệnh ta đang ngồi cai trị đất này. Và hần đã giương cung giạn dũ quét lớn:

- "Các người muốn sống, hãy giết hết bầy phượng hoàng quý quái kia đi để trừ hiểm họa sau này". Chúng buông cung, hàng loạt mũi tên độc ác lao vào đàn chim phượng đang đậu trên đỉnh núi. Nhưng kìa, chim quý của ta đã tung cánh bay mất rồi. Bọn chúng ức tím ruột bỏ đi.

Đêm ấy, núi rừng xao động hẳn lên bởi tiếng chim phượng hoàng kêu xé lòng xé ruột trên đỉnh núi. Già bản đã cử hai chàng trai khỏe nhất, leo núi lên xem. Thì ra, con chim phượng hoàng đầu đàn đã bị một mũi tên độc cắm vào cánh phải. Hai chàng trai soi đèn rút mũi tên, lấy lá thuốc dịt vết thương cho chim. Chim quý nghiêng đầu nhỏ hai giọt nước mắt lấp lánh như kim cương trong ánh đèn sẵn mờ ảo. Chim nén đau, không kêu xé lòng nữa. Chim thêm thiếp ngủ. Hai chàng trai yên tâm xuống núi thưa lại với già làng. Già làng lại cử họ mang thức ăn lên nuôi chim bị thương. Lần này trèo lên đến nơi, họ kinh ngạc đã thấy chim hóa đá trên đỉnh núi cao. Và thế là phượng hoàng yêu quý sẽ mãi mãi ở lại trên đất này với người dân xứ này.

Một năm sau, năm 687, những nghĩa binh Tây - Nùng từ núi Phượng Hoàng vùng giáo đứng lên sát cánh cùng Lý Tự Tiên - Định Kiến, tiến quân về phá tan thành Tống Bình (Hà Nội ngày

nay) giết chết tên Đô hộ Lưu Diên Hựu, mở ra một thời kỳ lịch sử mới, thời kỳ lịch sử liên tục đấu tranh anh dũng giải phóng đất nước.

Phượng Hoàng hóa đá mãi mãi đứng đó chứng kiến những sự tích anh hùng của nhân dân đất này.

77. MÃ YÊN SƠN

Chếch về phía đông nam, cách núi Kỳ Lân phục chừng già nửa cây số là một quả núi giống hình yên ngựa. Con ngựa đứng chầu về phía nam trên lưng có nguyên cả một cổ yên, đó là Mã Yên Sơn. Thời thuộc Đường, nhân dân miền xuôi cũng như miền núi bị bọn thống trị bóc lột và đàn áp nặng nề. Bao nhiêu của quý nước ta đều đội nón ra đi vì cống nạp. Vì vậy, những cuộc khởi nghĩa chống bọn đô hộ giành quyền độc lập dân tộc bùng nổ khắp nơi. Hồi ấy, đồng bào Tày - Nùng ở đây đã nổi dậy khởi nghĩa với đội kỵ binh nổi tiếng của mình. Các nghĩa sĩ kỵ binh cưỡi những con tuấn mã được huấn luyện hết sức công phu, được trang bị những bộ yên cương bằng da thú rừng quý giá. Họ đã nhiều lần làm cho bọn đô hộ khiếp đảm trước tài phi ngựa và bắn cung. Đoàn kỵ binh ào đến đánh tan bọn thống trị, rồi lại biến mất. Không để lại một dấu vết gì.

Bọn đô hộ uất lắm. Chúng đã nhiều lần mai phục định bắt sống cho được một nghĩa binh nhưng không sao làm được. Đã có lần chúng bắn trúng tìm một kỵ sĩ, tưởng nghĩa sĩ ngã vật xuống... nhưng không, người nghĩa sĩ đã nằm phủ phục trên yên như dính liền thân ngựa. Và trong nháy mắt, con tuấn mã đã khôn ngoan lao vút vào màn đêm mang theo người tử sĩ vẫn dính chặt trên yên.

Bọn thống trị hoảng sợ, đã lập miếu tế thần, cầu mong phù hộ cho chúng và làm hại ta, bởi chúng cho rằng những kỵ sĩ tài giỏi kia sở dĩ chết không bao giờ ngã ngựa là nhờ có cổ yên cương linh thiêng ấy.

Cho đến một hôm, một đoàn người ngựa đi kín đường dài hàng chục dặm, hò hét om sòm. Đó là đoàn quân đô hộ đi áp tải đoàn dân phu của ta gánh vàng, bạc châu báu sang cống nạp "Thiên triều".

Đến đất này, chúng có ý kiểm soát gắt gao hơn, nhưng bất chấp quân địch đông và mạnh gấp bội: đoàn kỵ sĩ của ta dũng mãnh xông ra đánh địch, cứu được tất cả của cải, dân phu đất nước. Trong trận này bên ta có một nghĩa sĩ bị tử thương, con tuấn mã quy cả bốn vó. Bầy giặc xô đến lôi chàng kỵ sĩ xuống nhưng đã bị tuấn mã lồng lên cắn vào cổ. Chúng điên cuồng chém cụt đầu con tuấn mã, rồi hè nhau lột bằng được bộ yên cương quý giá linh thiêng kia. Tuy vậy chúng không tài nào nhấc nổi bộ yên cương kỳ lạ đó. Bộ yên cương đã dính liền vào lưng ngựa. Chúng thất vọng bỏ đi. Đêm ấy, con tuấn mã trung thành và bộ yên cương quý giá đã hóa đá. Đầu con tuấn mã bị lìa khỏi cổ nhưng từ trong hố mắt trào ra hai giọt nước mắt long lanh, giọt nước mắt trung thành đầy thương cảm đối với người chủ đã tử thương và biến thành giếng Mã Yên Sơn trong mắt quanh năm, không bao giờ cạn.

78. SỰ TÍCH HUYỀN THIÊN ĐẾ QUÂN

Tương truyền thời Đường (Chân Vũ quán lục nói đời Tùy) Huyền Thiên Đế quân, cũng gọi Huyền Thiên Chân vũ Nguyên quân giáng sinh làm con vua. Khi lớn lên Đế quân chỗi từ ngôi báu để tu hành cho đắc đạo. Đế quân thường hóa phép bay đi ngoạn thưởng phong cảnh các nơi sơn xuyên danh thắng. Nghe nói La Thành ở nước Nam là nơi cảnh đẹp, Đế quân bèn Nam du, dừng chân bên hồ ở làng Long Đỗ (sau là đất Hà Nội), dựng túp nhà cỏ làm nơi tu hành. Người bản địa thường biết đó là dị nhân, tỏ ý kính trọng coi như người thần. Đế quân thường giúp dân chữa bệnh trừ rắn rết, khấn ruộng lập ấp,... Sau khi tu hành đắc đạo Đế quân cưỡi hạc bay về trời. Dân địa phương tưởng nhớ ơn đức, bèn sửa sang nơi ở cũ của Đế quân làm đền

thờ. Đó chính là ngôi quán lớn ở kinh đô Thăng Long, tọa lạc tại phường Đồng Xuân, huyện Thọ Xương (di tích còn ở mé phải chợ Đồng Xuân, Hà Nội). Năm Thiệu Bình (1434 - 1439) đời vua Lê Thái Tông, dân địa phương xây thành Đạo quán để làm nơi thờ cúng, tục gọi quán Huyền Thiên. Khoảng niên hiệu Vĩnh Tộ (1619 - 1628) một lần trùng tu. Năm Tự Đức Bính Dần (1866) Bố chánh sứ Hà Nội là Lê Khắc Cẩn đứng ra quyên góp tu sửa, quy mô gồm 13 gian trong ngoài và 1 gác chuông. Nay ở gác chuông ấy còn có quả chuông lớn đúc năm Cảnh Thịnh (1793 - 1801) triều Tây Sơn. Khách thập phương đến kinh đô thường đến quán Huyền Thiên vãng cảnh, nhiều người có thơ đề vịnh.

79. BẠCH XÀ NUƠNG

Thời quân Nam Hán vào quấy nhiễu nước ta (đầu thế kỷ X) vị chủ tướng đang coi sóc đất nước để bảo vệ cơ nghiệp họ Khúc mới xây dựng lên, là Dương Diên Nghệ (có sách gọi là Dương Đình Nghệ). Ông Dương đang lo củng cố cơ đồ thì bị tên phản bội Kiều Công Tiễn, làm tay sai cho nước ngoài, đánh thuốc độc chết. Đất nước đang có nguy cơ bị diệt vong. Nhân dân khắp nơi vô cùng lo lắng.

Dương Đình Nghệ vốn là người Ái châu, quê làng Giàng (xã Dương Xá, xã Thiệu Dương ngày nay). Lúc cầm quân, coi sóc việc nước thì ông ở ngoài Bắc tại thành Cổ Loa. Miền đất Ái châu được giao cho người con rể của ông quản lĩnh. Người con rể ấy tên là Ngô Quyền, kết duyên với Dương Thị Như Ngọc.

Khi ông Dương bị giết hại, bà Như Ngọc, con gái của ông cũng ở Cổ Loa. Bọn tay sai đã giết ông Dương, cũng giết luôn cả gia đình thân thuộc của ông nữa. Dương Thị Như Ngọc, vợ Ngô Quyền ở trong số nạn nhân ấy. Chỉ một người hầu gái của bà tên là Tiết Thị Huệ, là chạy thoát được. Tiết Thị Huệ liến liến kết với một vài thủ hạ khác của ông Dương, mưu ám sát Kiều Công Tiễn để trả thù cho chủ. Nhưng sức nường có hạn, việc trả

thù chưa thực hiện được thì mưu kế đã bị tiết lộ. Nàng và mấy người nữa đều bị hại.

Cô gái mất rồi, hồn cô hiện thành một con rắn trắng hiển linh. Một ngày, Ngô Quyền đang làm việc tại quán doanh của mình ở Ái châu thì bỗng thấy nóng lòng sốt ruột. Ông nằm thiếp đi một lát, thấy một con rắn trắng bò quanh người quán chặt lấy tay ông, đầu gục lên ngực ông. Ngô Quyền bàng hoàng tỉnh dậy thì vừa đúng lúc, người đưa tin từ Cổ Loa vào đến nơi, tường trình rõ tình hình nguy cấp. Không những ông Dương đã mất cùng với gia đình, mà giặc Nam Hán đã tiến sâu vào nước ta theo bọn tay sai rước voi giày mả tổ.

Ngô Quyền lập tức đem quân ra đánh giặc. Ông tới Cổ Loa, giết ngay bọn Kiều Công Tiễn, bẻ lũ gian tặc, và kéo binh ra giao chiến với quân Nam Hán. Ông lập mẹo nghi binh, lừa cho giặc kéo vào sông đã đóng sẵn cọc ngầm, rồi đánh quật lại. Thuyền giặc rút lui, vấp phải cọc vỡ tan, chúng bị thua liểng xiểng. Tên thái tử Nam Hán cầm đầu quân giặc bị bắt sống. Trong trận đánh này, giữa lúc trời quang, người ta thấy một con rắn trắng hiện ra phun một luồng khói mịt mù làm cho giặc thêm bối rối.

Giặc tan, hòa bình trở lại, Ngô Quyền xưng vương dựng nền độc lập đầu tiên của nước ta. Nhân dân biết chuyện con "rắn" liền lập đền thờ, tôn nữ thần là Bạch Xà nương. Đền chính được dựng ở làng Đằng Trung (Thanh Hóa).

80. CHUYỆN VŨ HỒN

Cách đây lâu lắm, khoảng trên một nghìn năm, có một thầy địa lý Trung Hoa, nhìn về phương Nam, nơi nước Việt ta, thấy trên trời xuất hiện những vùng sáng rực rỡ khác thường. Ông thấy chín mươi tám ngôi sao châu về mặt trời. Đối chiếu xuống mặt đất thì nơi ấy gọi là đồng Dờm thuộc làng Mạn Nhuế huyện Thanh Lâm tỉnh Đông. Đây là mạch đất tuyệt đẹp.

Ông đã sang tận nơi xem, có ý muốn đem mộ bố táng ở đấy. Nhưng đêm nằm mơ thấy Thợ thần hiện lên bảo:

- Mạch đất đã dành cho một người tên là Vũ Hồn, nhà người làm trái mệnh trời tất sẽ mang vạ đấy!

Lại nói về làng Mạn Nhuế, thời ấy có một chàng trai nghèo khổ, họ Vũ tên Hồn. Anh chịu khó, chăm chỉ giúp việc một bà mở quán bên đường. Hành khách qua lại, thấy Hồn hay lam hay lăm, ai cũng khen ngợi. Bà chủ quán phúc hậu, coi anh như con đẻ.

Sau đêm được thần báo mộng, ông thầy địa lý đi dạo quanh làng. Ông bước vào quán. Bà chủ mời khách rồi quay ra gọi:

- Hồn ơi, cháu vào đây giúp bà một tay...

- Vâng ạ, Vũ Hồn lễ phép đáp.

Nghe đến tên "*Hồn*", ông chợt nghĩ ngay đến giấc mơ đã được giải. Ông hỏi họ, thì lòng lại càng mừng, vì anh thanh niên họ Vũ.

Qua buổi gặp gỡ ấy, thầy nghĩ muốn xin bà lão cho Vũ Hồn đi theo. Thầy sẽ dạy học, dạy làm thuốc, chữa bệnh cứu người, cũng là phương kế để hai bà con sau này đỡ vất vả. Bà lão bằng lòng. Thầy Tầu và Vũ Hồn ra thắp hương tạ mộ cha mẹ anh. Rồi thầy đưa Vũ Hồn ra đóng Dờm và bảo:

- Mộ cha bị động. Nên bốc ra đóng này là gò đất phát.

Vũ Hồn nghe phải. Hai thầy trò làm lễ và chuyển đến táng vào đúng mạch đất đã định. Mộ để kiểu táng treo, ngầm dưới đất. Trong hầm, trồng bốn cột đá, có xích sắt đỡ chiếc tiểu đựng hài cốt người cha lưng lơ ở giữa.

Hai thầy trò đi hành nghề ở nhiều nơi, rồi quay về Mạn Nhuế. Vũ Hồn vừa tròn 16 tuổi. Cũng là lúc thầy nghĩ muốn lấy vợ. Nhân dân trong làng làm mối cho thầy một chị nhan sắc hơn người, lại cũng con một cụ lang bốc thuốc. Hai bên cũng đã biết nhau. Cụ lang đồng ý gả, cô con gái cũng thuận tình. Chọn ngày lành tháng tốt, đám cưới được tổ chức chu tất. Buổi chiều vừa xong lễ cưới, thầy lại thác có việc cần kíp đi ngay, dặn Vũ

Hồn ở lại, phụ giúp chị và bố vợ. Rồi thầy địa lý đi mãi, không thấy về.

Nhớ lời thầy, Vũ Hồn chịu khó, mang sự hiểu biết của mình ra cùng cụ lang chữa bệnh cho nhân dân trong vùng. Chị con gái cụ lang nhìn Vũ Hồn làm ăn chu đáo, trong lòng cũng đỡ phần trống trải khi chồng đi biên biệt. Nhưng đôi trai gái đương xuân, lại sống gần nhau, nên dần dần có tình ý yêu thương nhau và chị đã có thai với chàng trai họ Vũ.

Thầy Tầu bấy giờ ở Trung Quốc. Hằng đêm, thầy vẫn nhìn lên trời Nam. Đêm ấy, trên bầu trời xuất hiện cầu vồng, lại có hai vạch đỏ. Thầy mừng lắm. Cũng chính hôm ấy, ở Mạn Nhuế, chị chuyển dạ sinh hai cậu con trai. Cả hai đều khá khinh, bụ bẫm. Vợ chồng Vũ Hồn vô cùng phấn khởi.

Chẳng ngờ, khi hai cậu bé biết bò thì thầy Tầu trở lại. Vũ Hồn và vợ đang lúng túng chưa biết nên xử trí thế nào, thì thầy nói ngay:

- Lỗi này là lỗi của tôi đã đi quá lâu. Trai có lứa, gái có thì, cô chú ăn ở với nhau như thế là đúng. Nay lại có hai cháu, tôi lại càng mừng, vì họ Vũ nhà ta đang vượng, hợp với lẽ trời....

Vợ chồng Vũ Hồn không hiểu rõ ý đồ của thầy Tầu đã muốn như vậy ngay từ khi xin làm rể cụ lang Mạn Nhuế. Thầy Tầu lại nói:

- Tôi phải về quê hương. Anh em xa nhau, ít có điều kiện gặp lại cô chú, cho tôi xin một đứa cháu về bên đấy để nuôi nấng, để lúc nào tôi cũng thấy gần gũi với bên này, và cũng là để tôi vui lúc tuổi già.

Nghe có lý, nên vợ chồng Vũ Hồn vui lòng. Họ nuôi đứa bé để trước, còn thầy địa lý nhận cậu em. Từ đấy, dân ta gọi những người Tầu sang bốc thuốc là chú khách, có ý là đàn em, còn người Việt mình bao giờ cũng là đàn anh.

Thầy Tầu mang cậu Vũ em về cho ăn học. Cậu rất thông minh, rồi trở thành một người văn võ song toàn, được làm phò mã, lấy

công chúa con vua. Cũng trong những năm đó cậu Vũ anh học hành tấn tới, thi cử đến nơi đến chốn, ứng đối đâu ra đấy.

Đạo ấy nước ta vẫn còn trong thời kỳ Bắc thuộc. Hằng năm, nhà vua vẫn phải mang đồ cống nạp sang Trung Quốc. Mang tới nơi, sứ thần ta còn bị hạch sách, những nhiều đủ điều. Để làm tròn nhiệm vụ này, vua liền cử vị tân quan, con trai trưởng Vũ Hồn đi sứ.

Quan sứ mang đủ số ngà voi, ngọc trai, vàng bạc, châu báu, sơn hào, hải vị. Ở trong nước, cân đồng đều thừa. Thế mà sang tới Trung Quốc cân lại thì thiếu quá lớn. Vua Tàu tỏ ra rất bực mình, quát lớn:

- Sao sứ thần dám bớt xén đồ cống nạp?

Vua bèn hạ lệnh giam phái đoàn sứ bộ.

Không ngờ lúc đó lại có phò mã họ Vũ đứng đó. Người con rể của vua xin cho tịnh lại hai cái cân của viên quan coi việc xuất nhập để mình xét cho rõ. Vua phê chuẩn. Thế là hai cái cân được đem ra đo, thì quả là cái cân chuyên xuất hàng thì nhẹ, mà cân nhập hàng thì nặng. Bấy lâu nay, viên quan coi kho đã bao nhiêu lần ăn bớt ăn xén công quỹ. Vua sai hạ ngục tên quan tham nhũng và ban thưởng cho sứ thần ta trước khi về nước.

Như thế là hai người con của Vũ Hồn đều danh giá ở hai nước. Khi Vũ Hồn qua đời, ông cũng được an táng vào Đống Dờm. Đống Dờm mang tên là Đống Vũ Hồn, hiện nay vẫn còn ở cánh đồng làng Mạn Nhuế tỉnh Hải Dương.

PHẦN II

TRUYỀN THUYẾT VỀ THỜI NGÔ - ĐÌNH - TIỀN LÊ

1. TRUYỆN ĐÌNH TIỀN HOÀNG

Đình Tiên Hoàng người động Hoa Lư. Tương truyền trước kia trong động có một cái đầm. Thân mẫu ông là vợ thiếp của quan Thứ sử Đình Công Trứ, thường ngày hay vào trong đầm để tắm giặt. Một hôm bà bị con rái cá lớn hãm hiếp nên thụ thai, rồi khi đủ tháng, sinh ra một con trai Đình Công rất yêu quý, vì không biết rõ nguyên nhân; chỉ có một mình bà biết đó là con của loài rái cá. Thế rồi cách mấy năm sau Đình Công ra đời, con rái cá cũng bị dân trong động bắt được đem về ăn thịt, còn xương thì quăng vào một xó, bà mẹ được tin, vội vàng chạy đến nơi, đợi khi mọi người đi khỏi nhặt lấy xương đem về gói ghém cẩn thận rồi để trên gác bếp và bảo cho ông biết đây là hài cốt của cha.

Còn về phần ông đến khi khôn lớn, người rất lanh lẹ và có biệt tài bơi lội dưới nước, nên được tặng danh hiệu là Đình Bộ Lĩnh. Trong thời gian ấy, có một thầy địa lí bên Tàu sang nước ta xem đất, dò theo long mạch tới động Hoa Lư. Buổi tối thầy địa lí xem thiên văn, thấy có một tia hồng quang như dải lụa đỏ tự đầm bốc lên bắn thẳng vào sao Thiên mã. Sáng sớm hôm sau thầy địa lí lần vào cho đó xem xét hồi lâu đoán rằng dưới đầm tất có thần vật, nên muốn thuê người bơi lặn giỏi xuống dưới đó xem sao. Nguyên trong cái đầm đó, người ta đồn rằng bên dưới có chỗ rất thiêng, xưa nay chẳng ai dám bén mảng tới. Vì thế thầy địa lí treo giải thưởng rất hậu cho người nào có gan lặn xuống để dò xem. Họ Đình nghe nói bèn nhận lời ngay. Rồi ông lặn xuống chỗ đó, lấy tay sờ quanh thấy có một vật hình như con ngựa đứng dưới đáy đầm. Ông bèn trở lên báo cho thầy địa lí biết, thầy bảo ông lặn xuống chuyển nữa và đem theo một nắm cỏ non, nhử vào mồm ngựa xem nó thế nào. Ông lại cầm nắm cỏ xuống đứng trước đầu ngựa để nhử, thấy nó há miệng ngoạm lấy nắm cỏ. Ông bơi lên báo cho biết, thầy địa lí gật đầu bảo:

- Dưới đầm quả nhiên có ngôi huyệt quý.

Rồi thầy đưa ra một số vàng bạc bảo với ông rằng:

- Nay hãy tạm thù lao một ít, sau này sẽ xin tặng thêm. Tôi cần phải trở về bản quốc mấy tháng rồi lại sang ngay, bây giờ ta sẽ nói chuyện sau.

Lúc ấy tuy còn ít tuổi, nhưng ông rất thông minh. Nghe bọn khách nói chuyện với nhau, ông hiểu ngay là huyết ở mồm ngựa, không còn hồ nghi gì. Đợi cho họ đi rồi, ông đem gói xương ở gác bếp xuống, lấy cỏ bao bọc chung quanh, rồi lặn xuống để vào mồm ngựa, ngựa bèn ăn hết ngay.

Từ đó, nhiều người tòng phục ông và tôn ông làm Trại trưởng. Khi ông ở sách Đào Úc, một hôm đánh nhau với chú, ông chạy qua đầm, cầu gãy, ông ngã xuống đầm. Chú ông chạy tới lấy giáo đâm ông, tự nhiên có hai con rồng vàng bay xuống che chở cho ông. Chú sợ hãi lùi lại. Vì thế nhân dân các nơi quy phục ông ngày càng nhiều.

Cách mấy năm sau, thầy địa lí đem xương bố ở Trung Quốc sang tìm đến chỗ đầm ấy để mai táng. Nghe nói Đinh Bộ Lĩnh đã trở thành bậc anh tài cái thế, hạ thủ có hơn một nghìn người, thầy địa lí biết ngay là họ Đinh đã táng huyết ấy rồi. Thấy uổng phí bao nhiêu công sức, thầy căm tức lắm. Bèn đến bảo ông rằng:

- Nghe nói ông đã được đất. Cái huyết ấy tuy đẹp, nhưng ngựa không có gươm thì không được tốt. Nay tôi tặng cho một thanh gươm, ông đem xuống treo ở cổ ngựa, như vậy thì ông sẽ dọc ngang trời đất, đánh đâu được đấy.

Đinh Bộ Lĩnh tin lời thầy địa lí bèn lặn xuống chỗ ngựa thân, lấy tay sờ cổ ngựa, để gươm vào đấy rồi bơi lên.

Từ đó ông đánh đâu được đấy, gọi là Vạn Thắng Vương. Ông dẹp được mười hai sứ quân, thống nhất dư đồ, lên làm vua, hiệu là Đinh Tiên Hoàng. Ông ở ngôi mười hai năm thì bị tên hầu cận là Đỗ Thích ám sát, con cả là Đinh Liễn cũng bị giết. Vì bị thầy địa lí dùng kế đánh lừa để gươm vào đầu ngựa, nên hai bố con mới như thế.

2. SỰ TÍCH BÀ MẸ ĐINH TIỀN HOÀNG VÀ CÁC CÔNG THẦN

Theo thần tích, từ sau khi Ngô Vương Quyền tạ thế, đất nước không có vua, các hào trưởng nổi lên xưng hùng cát cứ mỗi người một phương, đó chính là thời mà dân gian gọi là loạn 12 sứ quân. Bấy giờ dân tình khốn khổ, ai cũng nơm nớp lo sợ. May có người anh hùng ở động Hoa Lư, châu Ái, họ Đinh tên gọi là Bộ Lĩnh, thông minh thần vũ, có tài dẹp loạn, tích trữ binh lương, mưu đồ đại sự, đêm ngày họp bàn đại sự cùng với Đinh Diên người cùng trong động. Nguyên cha Đinh Diên là Đinh Thạch, mẹ là Đoàn Thị Cao chiêm bao tay nhỏ sừng con rồng mà có thai, tới ngày 4 tháng Giêng năm Nhâm Tý sinh ra Đinh Diên. Diên giỏi binh pháp, có năng khiếu âm nhạc và hay biện luận mọi nhẽ, nên Bộ Lĩnh mới giao cho Đinh Diên bí mật chiêu dụ nhân tài bốn phương. Đầu tiên Diên tới trang Hương Canh, huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai, đạo Sơn Tây, gặp ông bà Phạm Xuân vốn nhà thi lễ. Vợ chồng Phạm Xuân là người được tiếng là nhân đức. Có một đêm, Phạm Xuân nằm mơ gặp thần nhân từ ngoài vào nhà, tự tay nhỏ một cái râu đưa cho ông Phạm, miệng ngâm nga đôi vắn:

Râu ta vừa nhỏ tặng cho anh

Vạn thuở muôn đời chẳng hổ danh

Sinh được con khôn danh tiếng trọng

Phù vua giúp nước mãi xuân xanh.

Vừa dứt lời, thần nhân bay lên không trung mà biến mất. Từ đấy bà Đào Thị vợ ông có thai, rồi sinh ra Phạm Thành. Phạm Thành sau trở thành một người tài giỏi đặc biệt, đọc khắp cả các tác phẩm văn thơ hai thời Đường Tống của các đại gia, như Âu Dương Tu, Tô Thức, Lý Bạch, Đỗ Phủ... cả thiên văn địa lý, võ bị luật hình, môn gì cũng đều tường tận. Đinh Diên biết tiếng Phạm Thành bèn tìm Thành dụ về với Đinh Bộ Lĩnh. Kế đó Đinh Diên lại tìm triệu được Nguyễn Bặc, người ở Gia Miêu

Nội trang, huyện Tống Sơn, và Phạm Trù người xứ Đường Lâm, Sơn Tây mỗi người đều đem trên một ngàn quân bản bộ về với nhà Đinh. Uy thanh nhà Đinh từ đấy ngày một lớn. Đinh Bộ Lĩnh phong báí Đinh Diên làm Tả tướng quân, Phạm Thành là hữu tướng quân. Nguyên Bặc làm Thái úy, Phạm Trù làm chức Tướng quân đem quân đi dẹp loạn. Trong cuộc hành quân đó có cả thân mẫu Đinh Bộ Lĩnh là bà Chiên nương. Các thầy tướng đều cho là sau này bà sẽ là Hoàng thái hậu. Bà vốn là vợ Đinh Công Trứ. Bộ Lĩnh và nương cũng là người có võ thuật. Khi vừa tới địa đầu của huyện Diên Hà thì gặp một cánh sứ quân, chừng mấy vạn người. Bấy giờ Bộ Lĩnh và các tướng sĩ đã mệt mỏi sau những trận đại chiến với Ngô sứ quân. Ông bèn đưa tướng sĩ lui về khu Thụy Thù trang Diên Phúc, cắm đồn lũy giữ thành cho sĩ tốt nghỉ ngơi, lấy lại sức và mở những trận đánh sau đó với Ngô sứ quân.

Lại nói về sau Đinh Diên lại phát hiện và tiến cử cho nhà Đinh hai anh em thiên tướng nhà họ Lưu, anh là Lưu Công, em là Sát Công, người trang Yên Vĩ, động Hương Tích, huyện Hoài An, phủ Ứng Thiên, đạo Sơn Nam (nay thuộc huyện Ứng Hòa, Hà Tây). Tương truyền tổ nội của Lưu Công và Sát Công tên là Lưu Mỹ, 73 tuổi, một hôm ra đồng thăm người cày ruộng, bỗng đứng lẫn ra chết. Cha Lưu Tạo nghe tin vội vàng đi mua quan tài về khâm liệm. Nhưng khi về đến nơi thì cơn trùng đã đùn lên thành đồng. Các thầy tướng đều bảo rằng đó là đất phát kết trời cho, tự trời chôn cất. Một đêm người cha nằm ngủ, thấy ông nội báo mộng rằng: Nhà ta phúc dày, trời cho hai vị tính tú nhập vào làm con. Sau 20 năm nữa hai đứa trẻ ấy sẽ là tướng tài phù giúp triều Đinh. Cha từng nghe câu nói của cổ nhân: "Nhà nước có phúc thì nhìn vào con cháu, đặc địa sinh quý tử, hai người con ấy của con vốn là Lệnh tử của nhà ta. Khi chưa sinh chung cha đã kiến mộng rồi. Các người hãy chọn họ Đinh mà phù giúp hết lòng". Đến khi anh em họ Lưu khôn lớn, lòng canh cánh về tình cảnh đất nước bị cát cứ phân chia, mới chiêu tập binh mã, tích trữ lương thảo, rèn đúc vũ khí, tới khi

gặp hội nhà Đinh dấy nghiệp thì anh em cùng mang quân bản bộ theo về họ Đinh. Đinh Bộ Lĩnh cả mừng, lệnh cho các tướng về khu Thụy Thù mở đại tiệc khao thưởng chư tướng, và phong cho Lưu Công là Trung quân Đô đốc, Lĩnh Sát công làm Hậu quân đốc chiến. Từ đấy uy thanh của quân nhà Đinh lừng lẫy khắp nơi trở nên vô địch. Mỗi lần đi chinh phạt là đều thu được thắng lợi hoàn toàn. Cuối cùng, Bộ Lĩnh cùng các tướng sĩ của mình đi dẹp được các sứ quân khác, thu gom non sông về một mối. Ông lên ngôi, tự xưng là Đinh Tiên Hoàng, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, dựng kinh đô ở Hoa Lư. Khao thưởng công thần không thiếu một ai. Từ đấy quân thần hợp đức, thiên hạ thái bình, dân sinh yên ổn làm ăn. Nhưng cảnh thịnh trị của triều Đinh chưa được mấy năm thì cha con Đinh Tiên Hoàng bị gian thần sai Đỗ Thích giết chết. Các trung thần như Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Phạm Hạp bèn lập con Đinh Tiên Hoàng là Đinh Toàn lên kế vị, được chừng hai ba năm lại bị lộng thần Lê Hoàn ám hại, cướp ngôi. Các cựu thần Đinh Điền, Nguyễn Bặc... đánh cho Lê Hoàn nhiều trận thất điên bát đảo. Nhưng không ngờ đám quan lại văn võ lớn nhỏ đều bị Lê Hoàn khống chế. Do lực lượng của các cựu thần quá mỏng yếu, nên đã bị Lê Hoàn đánh bại, bị bắt và bị giết hầu hết. Nhân dân địa phương nhớ khi trước, các vị ấy đã có một thời đóng đồn dinh tại địa phương, giúp đỡ nhân dân địa phương của cải tiền bạc, hướng dẫn nhân dân tăng gia sản xuất, nên họ lập miếu để thờ làm Thành hoàng gồm các vị:

- Nhân từ Chiên Hoàng thái hậu (thân mẫu của Đinh Tiên Hoàng có lăng mộ ở địa phương);
- Nguyễn Bặc;
- Phạm Thành (Phạm Hạp) - An quốc Linh thông Đại vương. và 2 vị Linh thần:
- Lưu công quan Phán thủ Lưu hầu Trung thành Đại vương;
- Lưu Sát Lĩnh công làm Hữu chủ quân lương Tiết Đại vương.

3. HOÀNG HẬU THỜI ẤU THƠ

Sau khi mới đẻ, Dương Vân Nga cứ khóc ròng rã như xé vải suốt ngày đêm, đã ba tháng liền vẫn chưa lặn. Bố mẹ rất lo buồn, chẳng hiểu vì sao. Đây là điềm lành hay điềm gở. Cô bé Nga đã được uống rất nhiều thuốc mà vẫn chưa khỏi khóc. Bao nhiêu danh y trong vùng đều được mời đến nhưng chẳng có ai chữa được cho Dương Vân Nga khỏi khóc.

Bỗng một hôm có ông lão, râu tóc bạc, diện mạo khác thường tay xách bị, tay chống gậy đứng chân trước cổng nhà cô bé Nga để xin ăn.

Bà mẹ Vân Nga là người hiền lành, tốt bụng hay giúp đỡ kẻ nghèo khó lúc cơ nhỡ. Nên khi thấy người nhà xua đuổi ông lão thì bà ngăn lại và đem gạo ra bố thí cho ông lão. Ông lão đưa bị ra nhận gạo và rất cảm động về lòng tốt của bà chủ nhà. Khi nghe thấy tiếng trẻ khóc ra rá ở nhà trong, ông lão liền hỏi mẹ Vân Nga vì sao cháu khóc quá vậy. Bà mẹ Vân Nga lại được dịp kể lể than vãn về số phận hẩm hiu của con gái mình với ông lão và hỏi ông xem ở đâu có người chữa được?

Nghe xong ông lão liền lấy ở trong bị ra một tờ giấy bản và một chiếc bút lông. Đoạn ông lão viết thoản thoắt lên giấy hai câu:

"Nín nín đi thôi

Một thân gánh vác cả đôi sơn hà".

viết xong ông lão đưa cho mẹ Vân Nga và bảo bà cứ đốt tờ giấy này cho cháu nó uống sẽ khỏi. Nói xong ông lão vội vã bước đi.

Quả nhiên, sau khi uống hết than tờ giấy có hai câu thơ của ông lão, Vân Nga lặn ngay, không khóc một tiếng nào nữa. Từ đấy trở đi Vân Nga ăn ngủ ngoan và lớn rất nhanh.

Thời gian trôi qua, Vân Nga càng lớn càng xinh đẹp. Chẳng bao lâu Dương Vân Nga đã trở thành một thiếu nữ nổi tiếng xinh đẹp nhất vùng. Không những xinh đẹp mà cô còn rất hiền

dịu, nét na, chăm chỉ. Nhiều chàng trai trong vùng nhắm nhe đánh mối nhưng cô chưa nhận trâu của ai.

Lại nói về Đinh Bộ Lĩnh, sau khi cha chết đã đến ở với ông chú và theo học võ. Đinh Bộ Lĩnh có sức khỏe, lại có chí nên chẳng bao lâu đã học hết được các ngón võ của chú truyền cho và được chú tin yêu hết lòng.

Thấy cháu đã lớn, nhiều lần ông chú muốn nói đến chuyện hỏi vợ cho Lĩnh. Nhưng Đinh Bộ Lĩnh chỉ vâng dạ cho qua rồi lấy cớ là còn bận học để thoái thác chuyện vợ con. Nhưng thực ra những cô gái trong làng mà ông chú định dạm hỏi, Đinh Bộ Lĩnh chưa ưng ai cả. Thế rồi một buổi sớm kia ông chú đi thăm một người bạn cũ lâu chưa gặp mặt. Nhân tiện cho cả Đinh Bộ Lĩnh đi cùng.

Đường xa, trời đã về chiều thì hai chú cháu đến một cánh đồng ngô lúa xanh tốt, bên đường gặp một cô gái đang mài mề cắt cỏ. Cô gái có dáng người thon thả, gương mặt xinh đẹp, thông minh, phúc hậu. Cô vừa cắt cỏ vừa hát:

Tay cầm bán nguyệt xênh xang

Muôn nghìn ngọn cỏ lại hàng tay ta.

Hai người thấy vậy liền đến làm quen và hỏi xem hai câu thơ ấy của ai làm vậy. Cô gái bèn ngừng tay cắt cỏ lễ phép thưa rằng, cháu cắt cỏ mệ thì nghĩ ra vậy để hát cho vui.

Hai người thán khen tài làm thơ của cô gái và trong lòng có ý kính nể.

Mãi tối mịt hai chú cháu mới tới nhà người bạn. Lâu ngày mới gặp nhau chủ nhà tay bắt mặt mừng ra đón khách rồi thân chinh xuống bếp cắt đặt người nhà làm cơm thết bạn. Sau mấy tuần trà. Cơm đã làm xong, chủ nhà gọi con gái bưng cơm lên mời khách.

Thật bất ngờ, con gái ông bạn lại chính là cô gái xinh đẹp cắt cỏ lúc chiều.

Ông chú Đinh Bộ Lĩnh không kìm nổi vui mừng bèn thốt lên rằng: Trăm năm duyên phận đây rồi!

Sau đó ông chú Đình Bộ Lĩnh nói rõ với bạn ý định của mình muốn hỏi Dương Vân Nga cho cháu. Ông bố Dương Vân Nga vui vẻ nhận lời và nói: Tưởng ai xa lạ chứ Đình Bộ Lĩnh, tuy nay mới gặp người, nhưng tôi đã nghe tiếng đồn đại từ lâu. Khấp cả vùng ai mà chẳng mến chàng trai giỏi võ này.

4. SỰ TÍCH QUAN ẨM ĐẠI VƯƠNG THỜI ĐÌNH TIỀN HOÀNG

Theo sự tích, ngài ở về đời nhà Ngô, con ông Dương Giác và bà Hà Thị Hải là nhà trâm anh, chuyên nghề dạy học và làm thuốc, giàu lòng bác ái, chần cấp kẻ nghèo. Hai ông bà đã ngoài 50 tuổi mà chưa có con giai, bèn ra ở Hải Vũ. Một đêm, bà nằm mộng thấy tinh rồng từ trên trời giáng xuống, bèn lấy một cái râu rồng mà nuốt, tức thời tinh rồng biến mất. Từ đó bà thụ thai, đến ngày mồng 6 tháng Giêng năm Quý Tỵ thì sinh ra ngài. Thể mạo ngài khôi ngô, thông minh dĩnh dị, lên 3 tuổi đã biết lễ nghĩa, biết kính nhường, học văn hiểu văn, nghe nhạc hiểu nhạc; lên 7 tuổi đi học, đến năm 13 tuổi đã tinh thông, văn võ toàn tài. Người thời bấy giờ đều tôn ngài là Thánh đồng.

Đến năm 18 tuổi thì cha mẹ đều mất, ngài trông coi chu đáo phần mộ, dạy bảo sĩ dân. Sau ngài đi đến xã Trại Lộ Nội Khu thuộc huyện Gia Định, phủ Thuận An. hạt Vũ Ninh (tức là làng Ngọc Nội, tổng Tam Á, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) thấy nhân dân chất phác, học vấn thô lậu, ngài bèn đem chữ nghĩa dạy dân, được hơn một năm ai nấy đều mến phục. Bấy giờ nhà Ngô mới mất, 12 sứ quân nổi lên chiếm giữ cõi đất, đánh lẫn nhau. Ngài thu thập gia nhân được hơn 500 người, theo đức Đinh Tiên Hoàng đi dẹp giặc, lập được nhiều chiến công, được phong làm Chỉ huy sứ tiền đạo Tướng quân. Khi đóng ở Sơn Nam, thuộc phủ ứng Thiên, huyện Thanh Oai, gặp quân nhà Ngô vây đánh dữ dội, ngài đóng cửa thành lại. Sau quân Ngô thế mạnh, tràn vào thành, ngài hộ vệ đức Đinh Tiên Hoàng vừa

đánh vừa lui về đến khu Trạm Lộ, thì quân Ngô theo kịp, vây kín bốn mặt, không sao phá tan được. Đến đêm khi ngài chớp mắt ngủ thì thấy có ba vị mũ áo chỉnh tề tự xưng là Bản cảnh Thành hoàng, đến để giúp ngài phá giặc. Ngài bèn dựng đàn kì đảo, rồi nhảy lên mình ngựa ra sức phá vòng vây, rồi ngài cứu được đức Đinh Tiên Hoàng ra khỏi vòng vây, ngài đem quân đi đoạn hậu. Khi đức Đinh Tiên Hoàng đi đã xa rồi thì quân Ngô lại kéo đến rất đông, ngài biết ít không chống nổi nhiều, bèn ngựa mặt lên gò mà than rằng: "Nhân thần sự quân tất tử vô nhị, tri ngã giả kì thiên hồ" (Kể bấy tôi thờ vua, dầu chết không theo hai vua; Hiểu lòng ta chỉ có trời vậy), rồi tự hóa ở Đồng Âu (Ngọc Nội xã, Nội thôn). Hôm ấy là ngày mồng 9 tháng 2.

Khi đã dẹp yên giặc già rồi, đức Đinh Tiên Hoàng ban cho ngài hiệu là Quan ải đại vương, cho dân lập đền thờ, các triều vua đều có gia phong duệ hiệu.

5. SỰ TÍCH ĐÔ CÔNG, CHẤT CÔNG, ĐÌNH CÔNG THỜI ĐINH TIÊN HOÀNG

Vào đời vua Ngô Tôn Quyền, ở đất Ái châu (Thanh Hoá) có một ông Chuồng bộ họ Nguyễn tên Trang, lấy vợ cùng làng là họ Trần tên Ngoạn. Ông Chuồng bộ vốn dòng hào phú mà rất nhân từ. Năm ấy, ông đã ngoài 50 và bà cũng đã hơn 40 mà chưa có con trai. Ông bà thường bàn với nhau rằng: "Hai ta tuổi đã cao mà con trai chưa có, phải tìm nơi danh lam thắng cảnh mà cầu tự". Một ngày kia, ông bà sắm sửa lễ vật đến chùa Tây Thiên trên núi Tam Đảo làm lễ cầu tự. Hai vợ chồng ở lại chùa 3 ngày đêm mà chẳng thấy ứng điềm mộng gì, mới cáo từ nhà chùa xin về.

Khi ông bà đi đến bến dò trang Tía (thôn Tía, xã Tiêu Xá), sông Thiên Đức, huyện Gia Định (Gia Bình), phủ Thuận An (Thuận Thành) xứ Kinh Bắc thì gò gần tới, bèn vào ngủ ở nhà hàng bến dò ấy. Nửa đêm, ông Chuồng bộ chiêm bao thấy

một người mặc hoàng bào, tay cầm 3 quả trứng đưa cho ông và đọc bốn câu thơ chúc mừng.

Hôm sau ông bà trở về quê nhà ở Ái châu, được một trăm ngày bà Chuồng bộ thụ thai. Đến ngày trong 10 tháng 10 năm Giáp Thìn, bà sinh ra một bọc được ba người con giai, hình dung khác thường, lại có mùi hương thơm ngào ngạt trong buồng cũ mãi một tháng sau mới hết. Ông bà Chuồng bộ đặt tên cho ông anh nhất là Đô công, ông thứ hai là Chất công, ông thứ ba là Đình công. Khi ba ông lên 9 tuổi đều theo học đức Ngô tiên sinh. Mới lên ba mà ba ông đã nổi tiếng thông minh đỉnh ngộ, thiên văn địa lí, chư tử bách gia thảy đều thông tỏ. Người vùng ấy ai cũng kính trọng, gọi ba ông là ba vị thánh giáng trần.

Đến khi 12 tuổi, cha mẹ đều mất, ba ông bèn quyết chí lập thân. Ông anh cả thông minh, khoan hoà; ông thứ hai nhân từ độ lượng; ông thứ ba tài năng cái thế uy dũng khác người. Khi 17 tuổi ba ông đi ngao du các nơi, lại chiêu mộ được hơn nghìn quân, tiếng tăm lừng lẫy khắp vùng. Vua Ngô Tôn Quyền khi ấy khiến sứ thần đến triệu, nhưng ba ngài không chịu làm tôi. Vua Ngô tức giận sai binh tướng đến đánh lại bị ba ngài đánh cho thua chạy. Vua Ngô lại sai quân sĩ đến đánh trận sau; từ sáng đến chiều chưa phân thắng bại. Giời tối, ba ngài thu quân về rồi bàn với nhau rằng: Nhà vua quân sĩ cả trong thiên hạ mà anh em ta binh tướng chỉ có một châu. Nay hãy tạm lui quân giải giáp, chờ khi nào quân nhiều, lương đủ sẽ hay. Lại nhớ khi cha mẹ anh em ta cầu tự ở chùa Tây Thiên về đến bến dò trang Tía (Tiêu Xá) tiên ông báo mộng về mới sinh ra anh em ta, đất ấy ắt là linh địa, anh em ta hãy đến đấy xem thế nào, nếu được, nên lấy đó làm nơi đóng quân. Ba ngài bèn ăn vận giả làm lái buôn đi đến xứ Kinh Bắc, phủ Thuận An, huyện Gia Định, trang Tiêu Xá, thì giời đã gần tối, bỗng ba vị thấy một người trong trang ấy đi ra, bèn hỏi. Nhà ông có gần cho chúng tôi trọ một tối. Người ấy đáp: "Tôi họ Trần, tên Khải, ở bang Tiêu Xá, nhà nghèo, ba ông có lòng yêu xin mời về nhà".

Ba vị theo về nhà ông họ Trần ngủ lại. Đêm hôm ấy trẻ già trong ba trang Tiêu, Chàng, Tía tự nhiên cảm thấy sợ hãi. Còn ông họ Trần tiếp đón ba ngài như ba vị trưởng quan đến nhà. Nửa đêm, già trẻ trong ba trang ai nấy đều vọng nghe thấy tiếng quan quân gọi phải ra quán tiếp đón đại nhân. Nhân dân ra ngoài, thấy quan quân ngồi đầy trong quán, bèn làm lễ thì một ông trong quán bảo rằng: "Có ba vị đại vương về nằm ở nhà họ Trần trang Chàng. Già lão sao không đến đây làm lễ".

Già lão và dân làng bèn theo quan quân đi đến nhà ông họ Trần. Khi tới nơi thì quan quân biến mất chỉ trông rõ ba vị ngồi trong nhà. Già lão dân tình tự nhiên kinh sợ đều vào làm lễ. Ba vị cười nói rằng: "Chúng tôi là người đi buôn có phải bậc trưởng quan gì đâu mà già lão lại làm lễ như thế"

Già lão cũng thưa rằng: "Chúng tôi thấy quan quân trách mắng có ba vị đại vương về nằm trọ ở nhà họ Trần phải đến làm lễ. Chúng tôi đi theo đến đây thì quan quân không thấy đâu nữa, chỉ thấy ba ông, biết ba ông là bậc phi thường, chúng tôi xin làm lễ".

Ba ngài không bảo gì, chỉ đọc mấy câu thơ đại ý nói: Trời đất sinh thành ra ta. Tiêu Xá là nơi tụ khí tinh anh. Chúng ta làm nên sự nghiệp với non sông đất nước, mãi mãi lưu danh tiếng để đời.

Ba vị thấy dân hỏi bèn cười mà nói rằng: "Chúng tôi bởi vì duyên trước cho nên mới đến đây".

Nói rồi kể chuyện cha mẹ đi cầu tự cho dân nghe. Sau lại nói: "Bây giờ chúng tôi về đây xem địa thế nhân tình, muốn lấy làm nơi căn cứ".

Nhân dân nghe nói đều kính phục vui vẻ xin theo. Ba vị mở tiệc chúc mừng cho phụ lão nhân dân ba trang ăn uống. Tiệc xong, ba vị lại mộ nhân đinh hơn sáu trăm người trong trang trại và kén 9 người làm tỳ tướng nội đạo thị vệ (Trần Văn Khải, Nguyễn Hữu Thường, Bá Văn Nguyên, Lương Đình Tú, Lê Văn Phổ, Hoàng Văn ôn, Đinh Văn Túc, Hà Văn Thường và Đặng

Đình Quán) để quản dân đình. Ba vị lại đi xem địa giới ba trang lập thành đồn sở. Vị thứ nhất lập đồn ở trang Tiêu; vị thứ hai lập đồn ở trang Chàng; vị thứ ba lập ở trang Tía, địa thế rất đẹp, sông Như khúc khúc uốn quanh, bao bọc ba trang lại với nhau. Lập đồn sở xong, nhân dân trong ba trang đều xin làm thần tự.

Một hôm ba vị hội ẩm ở trang Chàng, rượu say nằm ngủ, bỗng mộng thấy một tiên ông đầu râu tóc bạc, áo mũ chỉnh tề, bảo ba ông rằng: "Thừa mệnh Ngọc Hoàng phán bảo, ba ngài phải ra phò vua Đinh Bộ Lĩnh, nếu mà cương đạo trời sau này có tội". Ba vị bèn hỏi vua Đinh ở đâu, tiên ông liền đọc bốn câu thơ ý nói vua Đinh là người ở đất Hoa Lư, ba ông cần phải tới giúp.

Ba vị tỉnh mộng, ông anh cả bèn bảo hai em rằng: Hoàng thiên đã ứng mộng, nên phải đi tìm ắt được gặp chân nhân. Ba vị tìm đến động Hoa Lư, trông trong đám mục đồng thấy một người ngồi trên hòn đá, tả hữu trâu bò châu chực, đỉnh đầu lại có đám mây che. Ba vị trông thấy kinh sợ, bèn hỏi nhỏ đám mục đồng rằng: "Ông ấy họ tên là gì?". Chúng bèn nói, người ấy họ Đinh tên Lĩnh. Ba ngài liền sụp xuống lạy, thì người đó bảo: "Ba ông ở đâu mà đến, ta là trẻ chăn trâu có tài đức gì mà làm lễ".

Ba vị kể lại giấc mộng, Đinh Bộ Lĩnh rất mừng, cùng ba vị chuyện trò rất hợp ý. Sau đó cử binh đánh dẹp các sứ quân. Trong khoảng vài năm, vua tôi hiệp lực, thiên hạ thanh bình, càng yêu quý nhau, thân thiết tận trung tận nghĩa.

Một ngày kia, ba vị lại xin trở về sửa sang đồn trại. Ba ngài xuống thuyền rồng đi đường thủy đến sông Thiên Đức, giữa ngày 14 tháng 8, thuyền của các ngài vừa ghé bến đò trang Tía, thì sóng cả gió to, sấm sét vang âm, trời đất mù mịt, thường luồng, giải, rùa nổi lên mặt nước như ý đón chầu. Phút chốc, thuyền vị thứ nhất biến chìm xuống nước hóa trước, kế đến thuyền vị thứ hai và thứ ba cũng chìm hóa nốt. Hồi lâu mưa tạnh gió yên, trời đất lại sáng tỏ như trước. Quân sĩ bấy giờ mới

tới bến không thấy thuyền các ngài đâu, đều lấy làm lạ, bèn dâng biểu sớ tâu vua.

Vua Đinh được tin rất là thương xót, tức thì thân chinh đến tận bến đò, truyền nhân dân ba trang phải sửa sang ba nơi đồn sở làm đền để phụng thờ ba ngài. Lại truyền văn võ bá quan làm lễ một tuần. Đêm hôm ấy, vua ngự ở từ vũ trang Chàng. Nửa đêm, vua mộng thấy ba vị ở dưới sông đi lên làm lễ tâu rằng: "Chúng tôi vốn là thủy tộc; khâm thừa Thượng đế xuống giúp nhà vua dẹp loạn. Bây giờ nước đã yên, xin về thủy giới".

Vị thứ ba lại tâu: "Tôi là con út vua Động Đình, khâm mệnh làm Hắc Đế quan, quản trấn đầu sông, giáng sinh giúp nước. Khi Ba vị tỉnh mộng, ông anh cả bèn bảo hai em rằng: Hoàng thiên đã ứng mộng, nên phải đi tìm ắt được gặp chân nhân. Ba vị tìm đến động Hoa Lư trông trong đám mục đồng thấy một người ngồi trên hòn đá, tả hữu trâu bò chầu chực, đỉnh đầu lại có đám mây che. Ba vị trông thấy kinh sợ, bèn hỏi nhỏ đám mục đồng rằng: "Ông ấy họ tên là gì?". Chúng bèn nói, người ấy họ Đinh tên Lĩnh. Ba ngài liền sụp xuống lạy, thì người đó bảo: "Ba ông ở đâu mà đến, ta là trẻ chăn trâu có tài đức gì mà làm lễ".

Khi vua tỉnh mộng bèn viết lại hiệu bao phong: Ba vị đại vương, vạn Cờ Thượng đẳng Phúc thần, mãi mãi vui vẻ cùng đất nước. Vua lại truy tặng đức Đế Nhất là Thái Bảo đại vương; đức Đế Nhị là Hoàng Bảo đại vương; đức Đế Tam là Hắc Đế đại vương và chuẩn cho Tiêu trang thờ vị thứ Nhất; Chàng trang thờ vị thứ Hai; Tía trang thờ vị thứ Ba.

Khi làm lễ thì các trang phải khấn đồng cả ba vị. Trải qua các triều đều gia phong im tự, đều thờ hương hỏa bất huyệt.

6. SỰ TÍCH TRÌNH AN TẾ THỜI ĐINH

Theo sự tích, bấy giờ vào cuối đời nhà Ngô, ở nước ta (trong khoảng triều nhà Nam Tống bên Tàu), có ông Trình Hiễn người ở làng Hạ Bì, thuộc huyện Gia Lộc, phủ Hạ Hồng, đạo Hải

Dương, vợ là Ngô Thị Quế, là người cùng làng. Trước ông tổ tam đại làm thuốc có tiếng. Đến ông thì ông học rộng ít người sánh kịp. Vợ chồng hằng ngày chỉ chăm làm phúc. Gặp khi ấy là lúc 12 sứ quân cùng nhau chia cắt sơn hà, rồi đem quân đi những nhiều nhân dân, ông thấy thế, liền bàn cùng vợ tìm nơi xa lánh buổi loạn ly cho qua ngày tháng. Rồi ông làm lễ để tạ tiên tổ, đem các gia thuộc đi khắp nơi, tìm chốn tịnh mịch mà an cư. Một hôm, ông cùng gia thuộc đi đến địa phận thôn Bằng Trai, xã Mỹ Thứ, phủ Thượng Hồng, huyện Đường An, thấy cảnh chùa thanh u tịch mịch mà nhân dân đều là người chất phác, mới sửa lễ vào chùa lễ Phật và nói với các ông huynh thứ trong làng để xin ở đấy thiêu hương chấp cảnh giúp dân. Từ đó, ngày đêm ông đèn hương tụng niệm. Cảnh chùa ngày một mở mang thịnh vượng. Người trong làng ai cũng đem lòng kính trọng ông, và từ đấy trở đi, trong làng người và vật đều được ngày một thêm thịnh đạt. Ngày tháng trôi đưa, quang âm thấm thoát. ông ở chùa đã được 4 năm, thấy tuổi đã cao, mà mộng hùng (điềm sinh con trai) vẫn chưa thấy báo. Cùng khi ấy ở trong làng có ông Nguyễn Đức Vãn, nhà phúc hậu xưa nay mà tuổi đã cao, đường tử tức vẫn còn hiếm muộn. Hai ông Trình, Nguyễn mới bàn nhau cùng dâng sớ cầu tự ở chùa. Đêm hôm ấy, Trình công nằm mộng, thấy trong chùa hào quang sáng rực cả, ông liền lên trên chùa, thấy trước tam bảo hiện ra một vị mũ áo cân đai, đầu đội trăm ngôi sao rực rỡ, phán rằng: "Nay Thượng đế sai Long Thần bộ chúa An Tể đại tướng quân giáng trần, đầu thai vào làm con họ Trình, giữ chùa này. Còn vợ thì đầu thai vào nhà họ Nguyễn trong làng." Vị thần vừa phán xong, chợt thấy một người ra quỳ trước án tâu rằng: "Hai họ Trình, Nguyễn có âm chất gì mà được con quý thế." Vị thần ấy lại phán rằng: "Hai họ ấy, tiên tổ vốn sùng bái đạo Phật, lại chuyên việc làm phúc, nên Thượng đế đã xét tới, mới sai người nhà Trời xuống trần, để sau này giúp nước yên dân." Nói xong biến mất. Trình công giật mình tỉnh dậy thì ra một giấc chiêm bao. Hôm sau, ông đem chuyện mộng ấy nói cho Nguyễn công nghe. Ông

Nguyễn Đức Vấn cũng nói là đêm hôm ấy cũng mộng thấy y như thế. Hai ông đều bàn nhau rằng: "Chắc hẳn trời đã cho biết trước ở cửa Phật như thế, thì chắc chắn là thực rồi, không còn là hồ nghi nữa. Liền cùng nhau làm lễ để tạ ơn. Được mấy hôm sau, bỗng một hôm đêm cả hai bà Trình và Nguyễn đều nằm mộng thấy một đám mây xanh bọc một con rồng trắng và một con phượng hoàng bay vào trong màn. Từ đấy hai bà đều có thai. Rồi thấm thoát thời gian qua mau, đầu năm Canh Tý, mồng 2 tháng Giêng, hai bà cùng đều khai hoa. Trình gia thì sinh một người con trai tướng mạo khôi ngô, hình dáng tuấn tú, tay dài quá đầu gối, ở dưới bàn chân lại có 3 cái lông mọc ngược lên. Thực là có cái dị thường. Còn bên Nguyễn gia thì sinh được một người con gái, mặt tròn tựa vành nguyệt, mắt phượng mày ngài trông có vẻ đẹp chim sa cá lặn. Nguyễn công đặt tên con là Hoàn nương. Hai ông theo lời thần mộng, đều ước gả con cho nhau. Xuân lại thu qua, được sáu năm, Trình công đặt tên cho con trai là An Tể. Khi lên tám tuổi An Tể theo học ông thầy họ Lý. Lý tiên sinh thấy người thông minh mới đem hết những món sở học văn võ truyền dạy cho. Học được 3 năm thì An Tể văn võ thấy đều thông hiểu và có biệt tài, ít người sánh kịp.

Đến năm 11 tuổi, cha mẹ An Tể đều quy tiên cả. Khi các ngài còn tại thế, ông ăn ở thực là chí hiếu, lúc các ngài tạ thế ông tìm đất lạnh táng tống, và theo đạo Phật làm đủ thất thất (bốn mươi chín ngày) chay tuần, cầu cho cha mẹ được tịnh độ siêu sinh, gọi là đạo làm con khi cha mẹ mất.

Từ đó ông liền vào ở với nhạc gia để nương thân. Bố mẹ vợ nuôi cho ông ăn học được 7, 8 năm.

Thời ấy, ông Đinh Bộ Lĩnh khởi nghĩa đem quân đi đánh các sứ quân. Một hôm, tướng của ngài là Đinh Điền và Nguyễn Bặc đem quân về huyện Đường An để dò thám binh tình các sứ quân khác nhiều ít thế nào. Ông Trình An Tể nghe tin ấy, liền động chí tang bồng, đi chiêu mộ các người nghĩa khí và những người ở ba thôn Mỹ Thứ được 350 người, kết thành một toán nghĩa binh, do ông chỉ huy, ra yết kiến Đinh tướng quân xin

theo giúp. Đinh tướng quân thấy ông là người thể mao phi thường, bèn hỏi tính danh hương quán. Ông lễ phép thưa rằng: "Tôi tên gọi Trình An Tể, quê ở đất Bằng Trai, vốn sẵn bụng yêu nước thương đời từ lâu. Bấy nay nghe tin thánh chúa khởi nghĩa, tôi hằng mong có ngày được bái yết thiên nhan. Nhưng trộm nghĩ, thân phận bọt bèo, trí mọn tài hèn, không thể nào gặp được thiên nhân. Nền đành phải ẩn nấu ở chốn hẻo lánh mà giận thay cho số phận. Thì may thay, ngày nay lại gặp được các tướng quân phụng chỉ đem quân tới đây, nên tôi không về. Nay đường đột đem các đồng chí tới đây yết kiến, để nguyện tướng quân cho theo đòi dưới trướng, cùng đi chinh phạt, để mong đền nợ nước, dẫu có da ngựa bọc thây tôi cũng cam lòng. Vậy ý kiến của các tướng quân có thể cho chúng tôi đi theo được chăng?".

Đinh tướng nghe nói thì mừng lắm, bảo rằng: "Trời xui ra vậy: vua hiền gặp tôi ngay. Cơ nghiệp nhà Đinh hẳn chóng thành nên trời mới xui anh tài ra giúp nước. Nhưng chúng ta muốn cùng người hết lòng anh em." Nói rồi, Đinh tướng truyền quân đặt tiệc khoản đãi.

Ngày hôm ấy ông về nhà nói chuyện cho vợ biết và dặn vợ phải định tỉnh thần hôn trông nom cha mẹ cho trọn đạo.

Mấy hôm sau Đinh tướng liền đem ông về Hoa Lư để tiến kiến với vua Đinh.

Một hôm, vua Đinh Tiên Hoàng ngự ở Đông Cung, nằm mộng thấy một con rồng trắng ở trên trời sa xuống trước mặt, rồi hóa ra một người mũ áo chỉnh tề, cúi đầu làm lễ triều kiến. Vua phán hỏi: "Khanh là ai, vào đây có việc gì Người ấy tâu: "Tâu bệ hạ, thần thừa mệnh Thượng đế sai xuống phù bệ hạ an dân." Nói xong biến mất. Vua tỉnh dậy, không biết mộng vào ai, bèn cho triệu Nguyễn Bặc vào triều giải mộng. Bấy giờ Nguyễn Bặc liền dẫn cả Trình An Tể vào triều. Hai người làm lễ triều kiến xong, vua cho bình thân. Vua trông thấy tướng mao An Tể như người trong mộng, lấy làm lạ, liền hỏi Nguyễn Bặc. Bặc tâu rằng, thần vâng chỉ đem quân về huyện Đường An, thì có Trình An Tể đây là người ở đất Bằng Trai đem một đoàn nghĩa binh ra

tình nguyện xin với bệ hạ ra sức Thần xét người này là một người văn võ kiêm toàn, tài năng xuất chúng, khí độ hơn người. Vả thần trộm tưởng quốc gia nay đang lúc loạn ly, cần lấy người hiền có tài kinh luân để an dân, cho nên thần đem về đây để tiến kiến bệ hạ. Dám mong bệ hạ chuẩn lời hạ thần mà trọng dụng cho truy tùy dưới bệ vua." Vua liền phán: "Trẫm với khanh vào đây là để giải mộng liên cho trẫm. Đêm qua trẫm mơ thấy một con rồng trắng ở trên trời sa xuống rồi hóa ra một người giống như người khanh tiến cử cho trẫm đây, nói rằng vâng lệnh Thượng đế xuống giúp trẫm. Nay trẫm thấy mộng lại linh nghiệm thế này thì dù khanh dầu không bảo cử trẫm cũng trọng dụng". Nói xong, vua liền hỏi Trình An Tế, binh thư chiến lược, cùng nhờ cách an dân, thì Trình công đều đối đáp lưu loát rất hợp ý vua. Vua bằng lòng lắm, liền phong cho làm Lang Thượng Hồng Trình quý công An Tế đại tướng quân, kiêm cả đạo binh nhưng. Đoạn vua cho theo đi bình định các nơi, đánh đâu được đấy, không bao lâu các sứ quân đều hàng phục. Khi giặc già yên rồi, vua Đinh lên ngôi, đóng đô ở Hoa Lư, lấy hiệu Tiên Hoàng, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, mở tiệc khao quân, thăng thưởng cho quân thần. Phong cho Trình An Tế làm Trưởng hiến kiêm Hoàng phó quyền uy quân tiến trung An Tế đại tướng quân, cho về trọng trị ở phủ Thượng Hồng. Ngài làm quan được 6 năm, nhân dân đều nhờ được công đức ngài mà lạc nghiệp an cư.

Thấy dân đều đã yên nghiệp làm ăn, ngài dâng sớ xin vua cho về hương quán. Vua chuẩn tấu, và ban thưởng cho ngài rất nhiều, và cho ngài lập sinh từ ở đất Bằng Trai. Rồi ngài đem gia tướng về nơi tổ quán ở xã Hạ Bi, giết trâu, bò làm lễ tổ tiên, và đãi dân làng. Sau ngài đến ngoại quán, khiến dân dùng lợn đen mổ làm lễ tế nhạc gia. Xong ngài làm sinh từ ở cạnh làng. Công việc xong được ít lâu, đức phu nhân ngài một hôm đau bụng mà mất, vào ngày 10 tháng 10 năm Bính Ngọ. Ngài làm lễ an táng ở đồng đất hình con cá hóng nước. Rồi vào chầu, vua lại phong

làm Chương hiển nội các, cung chức tại triều được 10 năm. Có một hôm, ngài nằm ở Tây cung thiếp ngủ đi, thấy một vị tiên đứng trước mặt ngài đọc bài thơ, ý nói sắp có chuyện phản loạn, cần biết giữ mình.

Ngâm xong vị tiên biến mất. Ngài giật mình tỉnh dậy, biết là thần nhân hiển báo, liền đem chuyện mộng báo nói với Nguyễn Bặc. Ông Bặc bảo đừng lộ cho ai biết để sau nghiệm xem.

Quả nhiên 3 tháng sau, vua phong cho Đinh Liễn làm Thái tử, mà truất Đinh Lang đi. Đinh Lang đem lòng giận vua, ngầm sai Đỗ Thích giết vua đi. Ông Nguyễn Bặc sai ngài đem quân đi bắt Đỗ Thích, rồi triều đình lập con thứ vua đưa lên ngôi. Ngài thường cùng ông Bặc bàn với nhau rằng: "Cơ nghiệp nhà Đinh suy rồi, cho nên anh em trong nhà sinh ra bất hòa, mà gian thần thì lộng quyền, cho nên thần dân đã bảo ta trước mà giữ mình. Thôi thì ta theo thần bảo mà lánh mình là hơn." Rồi ngài cáo bệnh dâng biểu từ quan, về Bằng Trai, ngày tháng vui chơi cùng sơn thủy và dạy dỗ dân theo đạo thánh hiền.

Được ít lâu một hôm trời đất u ám lại, rồi mưa to gió lớn nổi lên. Ngài thấy tự trong mình hiện ra một con rồng trắng bay thẳng lên trời. Rồi ngài vô bệnh mà hóa vào ngày mùng 2 tháng Chạp, năm Bính Dần. Dân làng thương nhớ ngài đem linh thần ngài an táng ở một cái đồng vuông, tục gọi là con thỏ về phía bắc làng. Chỗ đất ấy, đằng trước mặt có những đồng con gọi là phong tinh đều châu về chính hướng lăng. Từ đấy ngài anh linh lắm, cầu đảo đều như nguyện cả. Cho nên về các đời vua nào cũng đều có sắc phong Phúc thần cả.

7. TRUYỆN PHÚC CÔNG THỜI ĐINH TIÊN HOÀNG

Thần tên húy là Phúc công. Cha thần tên gọi Nguyễn Khoan, mẹ Lê Thị Tuyết, người quê động Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thiệu Thiên, châu Ái (tức Thanh Hóa ngày

nay). Ông bà Nguyễn Khoan nổi tiếng khắp vùng là gia đình sống lương thiện, tích đức. Bấy giờ, trong huyện ngoài phủ bị thiên tai mấy năm, ruộng đồng hoang phí không trồng cấy gì được, nạn đói hoành hành, đạo tặc trộm cướp nổi lên như ong. Ông bà Nguyễn bần nhau từ già quê hương đi tìm đất lạ để sinh sống. Thế rồi có một ngày vợ chồng ông đi tới đất Khả trang Hạ Bang (Hạ Bái sau này), huyện Diễn Hà, phủ Tân Hưng (tên Tân Hưng thời cổ), thuộc đạo Sơn Nam. Thấy đất đai ở đấy màu mỡ, dân phong đôn hậu, lại thấy trong ấp ấy có ngôi chùa cổ kính, ông bà bèn xin nhân dân bản ấp cho lưu cư làm ông tự coi chùa. Nhân dân vui vẻ nhận lời để vợ chồng ông chăm sóc chùa sở. Từ đấy, ông bà Nguyễn thường ngày dâng hương tiến cúng Phật, đêm đêm tụng kinh niệm Phật. Nhân dân phụ lão thôn ấp đều kính mến ông bà. Vào một đêm nọ, bà nằm mơ gặp thần tiên dắt đến cho một thanh đồng tuần tú, rồi sau bà sinh ra thân, đặt tên là Phúc công. Phúc công thiên tư thông minh, khi lên 12 tuổi cha mẹ cho đi học, học được mấy năm văn chương quán triệt, vô bị tinh tường. Chư tử bách gia Phúc công đều thiệp liệp cả, thượng thông thiên văn, hạ tường địa lý, không có sự việc gì là không biết, không có vật gì là không thông hiểu. Nhưng sở trường nhất của Phúc công là đường thương mui kiếm. Bấy giờ nước ta đương lúc vô chủ, mới sinh thời loạn 12 sứ quân cát cứ, dân chúng lầm than cực khổ, thời thế ấy đã khích lệ chí tang bồng, dấy lòng hổ thẹn của Phúc công, khiến ông ngấm ôm chí lạ, chiêu tập lực lượng. Bấy giờ anh hùng hào kiệt trong xã ngoài vùng đều quy tụ về ông. Tiếng tăm Phúc công vang vọng tới Hoa Lư. Đinh Bộ Lĩnh sai cận thần Đinh Điền, Nguyễn Bặc tìm đến nơi chiêu nạp Phúc công. Bộ Lĩnh phong cho Phúc công làm chức Trung quân Thống chế, đi chinh phạt Kiều Công Hãn ở đất Phong Châu. Trận ấy Phúc công đại thắng. Công Hãn bị chết tại trận, sĩ tốt của sứ quân họ Kiều cũng nhân đó mà tan rã. Sau đó Phúc công lại cùng cánh quân Đinh Điền, Nguyễn Bặc đi đánh dẹp các sứ quân khác. Giang sơn thu về một mối, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế,

xưng hiệu Đinh Tiên Hoàng, mở hội khao thưởng tướng sĩ đẳng cấp cao thấp khác nhau. Hoàng đế phong cho Phúc công làm Phúc thần với hàm Đại vương. Phúc công bái tạ nhà vua, nghênh hồi sắc về đất Khả, mở tiệc chiêu đãi nhân dân phụ lão, dựng sinh từ để thờ phụng hưởng thần trăm ngàn năm sau. Không bao lâu, Đinh Tiên Hoàng trọng dụng gian thần Lê Hoàn. Phúc công cùng triều thần can ngăn mãi nhưng không được vua nghe. Phúc công bèn xin cáo quan về quê, trở lại đất Khả, trang Hạ Bái vui với điền viên trong quãng đời còn lại. Hoàng đế thuận cho. Về Hạ Bái được mấy tháng, sau đó Phúc công cùng mấy gia thần trở về thăm họ hàng quê nội ở Lam Sơn. Thế rồi bỗng dưng vô bệnh mà chết. Vua nghe tin thương tiếc, sai quan đem sắc chỉ mỹ tự về cho dân phụng thờ ông muôn thuở vậy.

8. SỰ TÍCH SỨ QUÂN TRẦN LÂM

Từ thuở trời Nam mở vận, các bậc thánh tổ dựng nước trên hai ngàn năm, tên gọi Hùng Vương là bậc thủy tổ của dân Bách Việt ta. Bậc danh nho đời sau là ông Ngô Sĩ Liên có thơ vịnh rằng:

Nước Nam mở nghiệp tự Kinh Dương

Nhất thông sơn hà mười tám vương

Nghĩa Lĩnh non cao tôn sự tích

Đền hương ngàn thuở vĩnh vô cương.

Tục truyền Kinh Dương Vương truyền đến Hùng Duệ Vương đời thứ 18, nhà vua không có con trai nối nghiệp mới truyền ngôi cho Thục An Dương Vương. An Dương Vương ở ngôi mới được 50 năm thì bị nhà Triệu cướp ngôi. Từ đấy nước Việt bị lệ thuộc vào nhà Tây Hán, rồi trải qua các triều Tấn, Tống, Tề, Lương tất cả là 314 năm, sau tới các triều Tiền Lý, Hậu Lý nước Nam ta trỗi dậy, thì lại thuộc vào nhà Tùy, nhà Đường nam bắc phân tranh chẳng ai chịu ai. Đến khi Ngô Vương dựng nước thì

lại gặp nạn 12 sứ quân cát cứ, đất đai phân liệt, tranh giành ngôi thứ chẳng ai chịu ai. Thời ấy sứ quân Trần Lãm chiếm cứ vùng Bố Hải Khẩu xưng là Minh Công là người có thế lực. Bấy giờ, dân Nam Việt lăm than không nơi nương tựa, ở sách Đại Hoàng đất Ái châu cô người họ Đinh tên gọi Bộ Lĩnh là người mưu trí thao lược đến xin Trần Lãm nhận làm con nuôi. Từ đây Đinh công nấu mình nơi rừng sâu núi thẳm, chiêu tập dân lưu tán dấy binh, được đến mấy ngàn nghĩa sĩ, cùng Trần công đồng tâm hiệp lực, tiêu trừ mười một sứ quân kia. Có một lần Đinh công mang quân đi đánh một trận lớn, binh dẹp được các sứ quân Đinh công bèn lên ngôi hoàng đế, tự lập tôn hiệu là Đinh Tiên Hoàng, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô tại Hoa Lư.

Lại nói khi Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua, ông thường công lao cho các bậc công thần, gia phong tướng sĩ theo thứ bậc cao thấp khác nhau. Bấy giờ vua Đinh nhớ ơn cha nuôi, bèn gia phong cho Minh Công chức Phụ dục Quốc chính Thượng tướng công, cấp cho thực ấp là đạo Sơn Nam. Thời ông nhậm sự tại triều, đất nước thanh bình, vạn dân yên ổn, ông dâng biểu xin vua Đinh được đi chu du thiên hạ, tìm đất kiến lập sinh từ để làm nơi hương hỏa về sau. Vua Đinh chuẩn cho ông xa giá cùng nhà vua chu du vãng cảnh núi sông khắp nước. Hai người cùng hưởng thú vui sơn thủy rất là tương đắc.

Một ngày nọ, Trần Lãm Minh Công đi tới trang Lạc Đạo, phủ Thiên Trường, phụ lão nhân dân làm lễ chào mừng ông dừng ngựa án binh. Khi ấy, ông phóng mắt về thôn ấp ngắm cảnh non xanh nước biếc bao quanh cùng thế rồng chầu hổ踞, núi không cao mà đồi gò như bát úp, nước không xanh mà cũng chảy thành kênh. Ông bèn ra lệnh cho binh sĩ cùng dân chúng thiết lập một hành cung ngay giữa thôn làng, hành cung hướng Đinh quay lưng hướng Quý, nhân dân phụng mệnh sửa sang miếu điện. Công việc hoàn tất, ông bèn mở tiệc triệu mời các vị phụ lão nhân dân tới dự, trao cho nhân dân 20 nén vàng để mua ruộng vườn làm ruộng tự thờ phụng ông. Trở về triều,

ông dâng sớ xin vua Đinh ban sắc công nhận trang Lạc Đạo là sinh quán của ông, và xin miễn tất cả phu phen binh dịch cho dân trang này. Vua thuận cho. Từ đấy nơi đây phong tục ngày càng thuần mỹ chính là nhờ ân trạch của ông.

Lại nói, ông đảm nhận việc nước, phàm đông chinh bắc chiến nơi đâu, ông cũng đều lập công hiển hách. Vua Đinh ban thưởng công lớn cho các bậc quân thần thì không có ai sánh kịp ông. Ông làm việc tại triều một vài năm, lúc ngoài 60 tuổi ông dâng sớ xin về trí sĩ tại trang Lạc Đạo để dưỡng lão. Vua cũng vui lòng. Ông bái tạ vua Đinh trở về cung sở (tức Lạc Đạo trang). Trở về đây ông khuyến miễn nông tang, dạy dân cày cấy, hưng lợi trừ hại, trăm sự dân chúng đều nương cậy vào ông. Trong những năm tháng ấy, dân thuần tục mỹ, đáng gọi là một làng văn hiến, mà cũng đều từ ân huệ nơi ông mà ra.

Lại có chuyện kể rằng, khi ông lâm bệnh, thuốc thang chẳng lành, cầu thần vô hiệu, thế rồi không bao lâu ông mất tại chính tẩm (đó là ngày 10 tháng 10). Nhân dân liền hành lễ an táng ông tại xứ Đồng Xâm. Chôn cất xong xuôi, nhân dân dâng sớ tâu vua. Nhà vua nhớ ông có đức cả công to, bèn phong sắc chỉ sai sứ mang sắc về tế lễ vua còn cho dân 300 quan tiền xanh để trùng tu miếu diện phụng thờ. Kể từ khi ấy, ông càng linh thiêng hiển ứng. Cho nên triều nhà Đinh nhiều lần phong mỹ tự: Thượng đẳng Phúc thần, để cho dân hương khói phụng thờ ông đời đời.

Lại nói, các triều Đinh, Lê, Lý, Trần cho tới đời Trần Duệ Tông, có lần quân Chiêm Thành đem binh mã ào ào kéo tới xâm lăng biên cương phía nam tổ quốc. Một ngày ba lần thư cáo cấp từ biên ải gửi về triều. Nhà vua bèn xa giá cử binh ra trận, khi đi qua trang Lạc Đạo, huyện Giao Thủy, phủ Thiên Trường thì trời sắp tối Vua bèn trú quân tại đền. Đêm ấy, nhà vua mộng thấy từ trong ánh hào quang trên điện có một viên quan đầu đội mũ bách tinh (trăm sao) thân khoác áo hồng, tay cầm kim bài, tiến thẳng trước mặt vua mà tâu rằng: "Thần vốn là danh thần

đời nhà Đinh, nay thấy bệ hạ đem quân đi dẹp giặc Chiêm Thành, thần nguyện xin âm phù giúp nước, mong tới khi đất nước thanh bình để tỏ rõ sự anh linh". Nói đoạn thì biến mất. Tỉnh giấc, vua đoán ngay đây là điềm lành. Vua bèn cho chép vào sách vàng để lưu truyền sự linh nghiệm về sau. Sáng mai, vua hành lễ bái tạ, rồi tiến quân thẳng tới biên cương đánh một trận thắng lớn quét sạch quân thù, ca khúc khải hoàn. Trở về triều, vua thưởng công lao cho các tướng sĩ, cùng trăm thần sông núi ngầm giúp cho giang sơn. Khi ấy vua phong sắc cho đến Lạc Đạo, lại sai bề tôi rước sắc tới dân, làm lễ tam sinh, tế lễ một tuần. Vua còn sai dân chúng trùng tu miếu điện để phụng thờ ông. Từ đó về sau dân cầu gió được gió, nguyện mưa thì được mưa. Cho nên đế vương nhiều đời đều ban thưởng sắc phong cho ông là Trần Minh Công; tặng phong là Liệt tổ Linh ứng Thượng đẳng thần; lại ban tặng bốn chữ *Vạn Cổ Phúc thần*, để tỏ ý hương hỏa ngàn vạn năm mãi mãi...

9. TRUYỆN NGUYỄN BỐ, NGUYỄN BẠC

Ở nước Nam bấy giờ đã vào cuối thời Ngô Vương Quyền, chính lệnh bị lu mờ, thiên hạ đại loạn, bọn tướng thần tranh giành chia phương cát cứ thành loạn 12 sứ quân.

- 1- Trần Lãm giữ đất Bố Hải Khẩu tự xưng là Minh Công.
- 2- Ngô Xương Xí chiếm cứ Bình Kiều.
- 3- Kiều Công Hãn chiếm cứ Phong Châu.
- 4- Nguyễn Khoan chiếm cứ Tam Đại.
- 5- Ngô Nhật Khánh chiếm cứ Đường Lâm.
- 6- Đỗ Cảnh Thạc chiếm cứ Động Giang.
- 7- Lý Khuê chiếm cứ Siêu Loại.
- 8- Nguyễn Thủ Tiệp chiếm cứ Tiên Du.
- 9- Lã Đường chiếm cứ Tế Giang.
- 10- Nguyễn Siêu chiếm cứ Tây Phù Liệt.

11- Kiều Thuận chiếm cứ Hồi Hồi

12- Phạm Bạch Hổ chiếm cứ Đằng Châu

Mỗi người nắm giữ một phương, thiết lập doanh phủ đồn lũy thu phục dân binh, xưng hùng xưng bá.

Năm Nhâm Dần, tháng 11, Đinh Bộ Lĩnh khởi binh ở Đọi Sơn, cả bộ lạc dưới Đọi Sơn đều khuất phục, từ kinh đô tới ngoài đồng nội cũng đều quy phục cả, xưa nay không ai địch nổi. Bấy giờ có hai anh em Nguyễn Bô, Nguyễn Bặc mang đệ tử tới để theo Đinh Bộ Lĩnh.

Năm Đinh Mão, Đinh Bộ Lĩnh nghe tiếng uy đức của Trần Minh Công bèn cùng em là Đinh Liễn tìm đến Minh Công để làm chỗ dựa. Trần Minh Công nhìn thấy dung mạo cừ khôi, tàng ẩn kỳ vĩ của Đinh Bộ Lĩnh, nên ông nhận Bộ Lĩnh làm con nuôi. Sự kỳ ngộ đó mỗi ngày càng thêm sâu nặng, nên Minh Công đã giao cho Bộ Lĩnh nắm binh quyền trong bản bộ của ông, sai chuyên đi chinh phạt mà đám anh hùng đều phải khuất phục cả.

Tháng 6 năm Kỷ Ty, Đinh Bộ Lĩnh sai Nguyễn Bô, Nguyễn Bặc, Cao Sơn, Đinh Thiết đem tề tượng binh mã theo đường phía nam kéo tới Phú Xuyên, Thượng Phúc để tấn công Nguyễn Siêu ở Nam Phù Liệt. Nguyễn Siêu nghe tin, liền sai tướng sĩ ngày đêm luyện tập, đắp lũy xây thành, trên thì từ sông cái (Nhĩ Hà) xã Yên Việt, dưới thì ngang qua sông con tới xã Phúc Am, chỉ có một lúc là xong, để ngăn ngừa địch tới.

Ngày mồng 6, Nguyễn Bô, Nguyễn Bặc, Cao Sơn, Đinh Thiết đem quân đến đóng tại địa phận Bình Vọng, Ngọc Hồi, gươm đao lấp lánh, cờ xí rợp trời, quân vây tứ phía điệp trùng, trai gái trong thành lo âu khiếp sợ. Nguyễn Siêu tự thân đốc chiến, sai Nguyễn Trí Khả, Trần Còn, Đỗ Cơ, Phạm Hiến mở 4 cửa thành tung quân phản chiến, đánh nhau hàng chục trận suốt từ giờ Dần đến giờ Thân, bấy giờ bên Đinh đã đưa thủy quân vào khá sâu, thế lực khó chi viện, bởi thế mà tự chuốc lấy thất bại, tứ bề tẩu tán. Nguyễn Bô, Nguyễn Bặc bấy giờ lại lần tới xứ

Điền Kiều, xã Cò Điền thu thập tàn binh, bày trận đánh trở lại, nhưng kéo dài mãi mà thế khó phục hồi, không còn đường nào khác. Nguyễn Bồ, Nguyễn Bặc đành phải tự tử ở xứ Điền Kiều, tức đất dựng đền thờ. Sau khi hai ông mất, Bồ công được phong là *Phù gia hiển huệ Chiêu nghĩa Đại vương*, Bặc công được phong là *Ứng Thiên phong Đại vương*. Tục gọi là Thánh Cả, Thánh Hai. Xã Cò Điền nguyên là bãi chiến trường, cỏ dại gai góc um tùm. Vài năm sau, xã Cò Điền mới dần dần đông đúc, mới có sự tế lễ nghiêm trang, xây miếu dựng vũ để mà thờ tự.

Bĩ cùng thì thái tối, tối cùng tất sáng ra, một loạn một trị đấy là lẽ thường trong số trời đã định. Ở thời 12 sứ quân, nay chinh đất này, mai phạt đất kia, thì có Đinh Bộ Lĩnh ông ta từ một người chân trắng vươn lên bằng cờ lau khởi nghĩa. Ông ta quả là một cốt cách phi thường, một phong tư xuất chúng. Thời ấy lại có hai ông Nguyễn Bồ, Nguyễn Bặc cũng là thứ nhân quan tuyệt thế, đã linh cảm trước mọi người, ví như loài rau quí rau hoắc biết hướng về mặt trời như hoa hướng dương, một thành tâm, bởi vậy mà đem cả đệ tử đến để nương dựa vào Đinh Bộ Lĩnh.

Khoảng năm Kỷ Tỵ, có một tay kỳ khôi trong đám 12 sứ quân, tên là Nguyễn Siêu, ở Tây Phù Liệt, vừa trỗi dậy thì cũng đúng lúc trời còn thương cho nội tộc nhà Đinh Tiên Hoàng là đã có bốn bảy tướng sĩ giỏi giang, nhưng lại nếu không có hai ông gan vàng dạ sắt nhận đặc mệnh thường lui tới Nam Phù Liệt, Phú Xuyên, Thượng Phúc thì sao có việc ban lệnh tới các sĩ tốt ở cơ sở Bình Vọng. Nguyễn Bồ tự tử ở xã Văn Điển, Cao Sơn chết ở Trương Trúc, Đinh Thiết chết ở xã Phúc Am. Ít ngày sau, bốn phu nhân biết tin, thương tiếc không ăn uống gì mà chết. Đinh Bộ Lĩnh nghe tin đại nộ đem trăm 30 người dẫn đường để giữ nghiêm quân luật, lại sai các tướng đem 10 vạn quân đi đánh: Thập đạo Tướng quân Lê Hoàng lĩnh quân 8 ngàn, Đinh Bộ Lĩnh làm Thống tướng đem voi ngựa một ngàn, tinh binh bảy vạn, chia quân theo đường tắt mà đi. Khi tới đất Cẩm Cò, lệnh

binh lính nghe thấy tiếng pháo nổ thì đuổi giặc dài mà diệt. Nguyễn Siêu nghe tin này mới theo kế sách của Đỗ Khả, chia quan quân thành hai bộ phận: một bộ phận ở lại quyết giữ thành, một bộ phận đi cầu viện binh của Nguyễn Thủ Tiệp. Đây là vào ngày 15 tháng 7, nước lũ dâng lên cuộn cuộn, trời mây sông nước một màu. Tướng quân Nguyễn Siêu ra đi qua Tây Phù Liệt, vừa ra giữa dòng bỗng gặp trận đại cuồng phong, gió mây mù mịt, sóng to gào thét, khác nào giao chiến giữa trời mây, chiếc thuyền của Nguyễn Siêu bị đắm, khí giới quân nhu tận chìm xuống đáy sông. Trong nháy mắt gió mây tiêu tan, trời trong trắng sáng. Đình Bộ Lĩnh biết tin, ban đêm sai bọn võ sĩ Nguyễn Đoàn hơn chục người đột nhập vào bản doanh của Nguyễn Siêu thừa gió phóng hỏa, ngọn lửa rừng rực, khói bốc ngút trời. Trong doanh mọi người khiếp sợ tẩu tán, duy chỉ có con em hơn chục người: Nguyễn Khởi, vợ Ngọc Giả, con gái Ngọc Cầu, con Nguyễn Triệu cao chạy xa bay tới bản doanh của Nguyễn Thủ Tiệp chiếm cứ ở huyện Tiên Du.

Tới khi Trần Minh Công qua đời, Đình Bộ Lĩnh lên ngôi bình dẹp 12 sứ quân, dựng đô ở phủ Hoa Lư.

Năm Canh Ngọ đổi niên hiệu đại xá thiên hạ, truy phong cho các công thần, nhớ tới hai ông phù hộ nhà vua linh thiêng hiển ứng, bèn bao phong cho các đất Ngọc Hồi nghĩa nặng tình sâu.

Ngày nay, đất đặc địa Văn Điển khởi dựng lâu dài, xuân thu phù trợ, hương hỏa vĩnh hằng, vật sinh sôi, dân khỏe mạnh.

Một cảnh đền Yên Ngưu, cùng ngược trông kính nhờ ơn thánh trạch thần, cứu giúp đã hơn ức vạn năm nay rồi.

10. SỰ TÍCH SỨ QUÂN NGUYỄN SIÊU Ở ĐÔNG PHÙ LIỆT THỜI NHÀ ĐÌNH

Tục truyền Nguyễn Nê là người tài lực khó ai bì, anh hùng trùm đời, làm quan thời Tấn Vũ Đế, nắm binh quyền, hàm Kiêu

ky Đại tướng quân. Đô thống quân Bình Dương hầu. Nhân khi nước Nam có loạn, thừa lệnh vua đem ba ngàn lừa ngựa, tám vạn tinh binh đi Nam chinh. Nguyễn Nê đem đại quân tiến đến Thanh Quả thì dừng, nhân đây thiết lập nha phủ, canh giữ ngày đêm, lại lấy Nguyễn Thị Mai người xã ấy làm vợ bé. Ông đóng đồn ở đó tất thảy 39 năm, sinh được ba con trai là Nguyễn Khoan, Nguyễn Thủ Tiệp, Nguyễn Siêu. Cả ba người đều là bậc anh tuấn phi thường. Nguyễn Nê rất hài lòng về gia cảnh của ông, bèn nảy ý mưu cầu đại sự. Thế rồi ông ra sức thi hành giáo dưỡng, người xa kẻ gần đều hồ hởi mà theo, đúng là nhân tâm qui phục. Tiền tài của ông chất cao như núi, binh giáp tinh nhuệ, lại khéo sắp đặt, xưa nay khó ai bì. Nhưng vào tối ngày 3 tháng 3 năm Mậu Thìn, thì Bình Dương Hầu tự nhiên vô bệnh mà chết tại bản doanh Thanh Quả, hưởng thọ 79 tuổi. Khi ấy các tướng sĩ Đỗ Hạo, Trần Mưu đưa thi hài ông về Bắc quốc an táng tại chân núi Thanh Xuân, Phúc Kiến. Các con ông là Nguyễn Khoan, Nguyễn Thủ Tiệp, Nguyễn Siêu đều kế tục nắm giữ binh quyền, tranh thân lập vị, theo mẹ không về Bắc quốc, nhập tịch nước Nam. Ngày qua tháng lại trở thành người Nam, hơn nữa, họ đều là người giàu có, lại có tài vũ dũng thao lược, lại được Ngô Vương Quyền tin dùng. Vương phong cho Nguyễn Khoan làm Cẩm hạp Tướng quân. Nguyễn Thủ Tiệp làm Tứ Xuyên đô hộ, Nguyễn Siêu làm Thống lĩnh Tướng quân. Ai nấy đều có binh dân, tùy sức nắm quyền cai quản.

Đại tướng quân Nguyễn Khoan chiếm cứ huyện Lập Thạch, phủ Tam Đối, đạo Sơn Tây. Trung tướng Nguyễn Thủ Tiệp chiếm giữ huyện Tiên Sơn, Kinh Bắc. Thứ tướng quân Nguyễn Siêu nắm giữ Đông Phù Liệt huyện Thanh Đàm. Đâu đâu cũng lập doanh đồn, trại, phủ, thu giữ binh quyền cầu đại sự.

Tướng quân Nguyễn Siêu nuôi dưỡng môn đệ đến tám ngàn người, binh mã có trên mười vạn. Đêm ngày lo toan, thu phục anh hào, vợ lớn vợ bé, kẻ theo hầu nô tỳ không sao đếm xuể. Bấy giờ có người ở Bái Xuyên tên là Nguyễn Thị Ngọc Giả, con của Ngọc Kiều, tuổi đương 18 đôi mươi, vào hầu trong phủ vừa

được ba năm thì sinh con trai, đặt tên là Nguyễn Triệu, sau lại sinh một con gái là Nguyễn Thị Ngọc Cầu. Nguyễn Siêu lại dùng Lưu Triệu người Bái Xuyên làm Tỳ tướng. Triệu là người ngỗ ngược, bỉ vật khinh người, nhiều kẻ sợ nể. Nguyễn Siêu bèn dùng tướng binh trên vạn người, chiếm cứ xã Thanh Đàm để canh phòng sự xâm loát của đối phương. Cho Nguyễn Trí Khả làm tiên phong. Nguyễn Còn làm Tả dực, Đỗ Cơ làm Hữu dực, Phạm Hiến tổng quản các quân. Tướng quân Nguyễn Siêu phú dụ kẻ xa người gần, bảo dưỡng người hiền tài, chiêu hiền đãi sĩ. Người ở khắp nơi đều nể uy. Thiên hạ xa gần đều ngưỡng mộ, chừng bảy năm sau, trong nước vô chủ, 12 số quân tranh giành ngôi thứ, thiên hạ loạn lạc, không ai thống lĩnh nổi. Mãi đến tháng 11 năm Nhâm Dần, nghe tin Đinh Bộ Lĩnh chiêu binh khởi nghĩa ở núi Đọi Lĩnh, các bộ tộc đều sợ nể, từ kinh đô đến trấn phủ đều tâm phục, tướng sĩ lên tới ba ngàn, mà cũng đều là loại tướng hổ binh hùng, đã đánh là thắng. Đúng là sự xưa nay chưa có, thiên hạ cho rằng không ai địch nổi. Tướng quân Nguyễn Siêu bèn cho tướng sĩ luyện tập võ bị, xây thành đắp lũy, trên thì từ sông cái xã Yên Việt, dưới thì ngang qua sông con tới xã Phúc Am, chỉ một đêm là xong. Nếu thấy địch tới, ban ngày thì chinh tề vũ khí, bày trận giao chiến, còn ban đêm thì canh phòng trống chiêng truyền báo, đóng cửa thành cố thủ, tránh mọi sơ hở để đối phương có thể lợi dụng.

Lại đến năm Ất Tý, tháng 6, ngày 6, thấy các tướng nhà Đinh như Nguyễn Bồ, Nguyễn Phục, Cao Sơn, Đinh Thiết, voi ngựa tướng sĩ âm âm từ miền Thượng Phúc, Phú Xuyên, Nam Đạo mà tràn tới. Họ đóng quân tại địa phận Ngọc Hồi, Bình Vọng, gươm dao lấp lánh, cờ bay rợp trời, quân vây tứ phía diệt trùng, trai gái trong hào lo âu khiếp sợ. Khi ấy, Nguyễn Trí Khả, Trần Cồn. Đỗ Cơ, Phạm Phúc xin mệnh lệnh Tướng quân cho mở Cờn thành để phản công. Từ giờ Dần đến giờ Thân, đánh nhau đến vài chục hiệp đã chém được đầu tướng nhà Đinh là Nguyễn Bồ tại Cổ Điển, Nguyễn Phục tại Văn Điển, Cao Sơn tại Tương Trúc, Đinh Thiết tại cầu Thọ Am, máu chảy đỏ ngầu

đồng ruộng, xác chết đầy đường, giặc thua tẩu tán, xa gần vui sướng. Đinh Bộ Lĩnh nghe tin cực phần nộ, thỉnh ý mệnh Minh Công Trần Lâm chém đầu 30 người dẫn đường để giữ nghiêm quân lệnh. Bộ Lĩnh lại sai Đại tướng quân Nguyễn Bặc đi tiên phong, lĩnh tướng sĩ một vạn người, Thập đạo Tướng quân Lê Hoàn tiếp ứng tám ngàn quân. Đinh Bộ Lĩnh thân chinh thống lĩnh toàn quân, voi ngựa ngàn thớt, tinh binh bảy vạn. Tất cả đều đi đường tắt, tiến thẳng đến xã Cẩm Cơ, rồi truyền mệnh lệnh khi nghe tiếng pháo nổ thì phải xông lên đại phá giặc. Nguyễn Siêu biết tin, chọn tướng luyện quân, chuẩn bị lương thảo thiết lập camp chông. Bấy giờ nhằm vào ngày 28 tháng 6, có tu sĩ Đỗ Khả từ Bắc phương tới, chỉ tay vào cửa quân mà hiến kế: "Thần nghe dụng binh lúc xung trận thì phải định mưu trước. Cho nên, nếu gặp quý kế mà bị bắt, thì ngay như người tiêu phu đồn củi cũng phải tự vẫn. Nay tướng quân là bậc quý khí của Bắc triều, là danh thần nước Nam, nên nhân thời thế này mà trừ bạo cứu dân, để nối nghiệp nhà Hán 500 năm về trước. Nhân đây lại dưỡng uy sức nhuệ, hà tất phải sợ đám 70 vạn binh của nhà Đinh. Thuận ý trời lòng dân quy tụ, đấy chính là thời cơ vậy. Hà tất cứ bo bo ôm lấy cái ấp nhỏ, phải tự tin vào sức mạnh binh sĩ, đã là một bậc chinh phu đường đường, thì chỗ nề khó khăn. Ngoài tướng quân ra thì còn ai đáng làm nên việc lớn này? Lại nghe phái Tây có Đại tướng quân, anh hùng hơn đời, phía Bắc có Trung tướng quân là bậc hào kiệt thời nay, sao tướng quân không nắm lấy cơ hội này. Đại nghiệp có thể mưu tính được đấy. Nay tướng quân chỉ nắm một mảnh sơn hà, một thân một lữ trợ trợ, viện binh không có, lương thảo thiếu, binh khí sĩ tốt thô sơ trông vào cảnh đường xa núi cao, thế khó mà địch nổi. Chẳng còn kế nào hay hơn là tướng quân lui quân về Tây Bắc, xin viện binh anh, khiến tướng nanh vuốt, dụng quan thái hùng, các nơi ứng viện. Một mũi từ bờ bắc Đông An xốc tới, một mũi từ phía tây Từ Liêm đánh xuống, đúng là cái thế Tấn công Sở phá mà diệt nhà Đinh. Chia dọc đánh ngang, quyết được thua một trận ở ngay trước mắt, định hưng vong

trong khoảnh khắc. Như vậy, Lê Hoàn mất mặt chẳng phiến tính mưu. Bộ Lĩnh phách lạc hồn xiêu, thật khó mà toan phục nghiệp. Ta thừa thế ấy mà đánh cho tan tác trúc chẻ ngói bay, đất lở trời rung. Đấy chính là đại sách bình Ngô, nhanh như gió cuốn cành khô, dùng đó mà dựng nghiệp ngàn đời thật dễ như trở bàn tay. Tại sao tướng quân vẫn chưa tin là sự ắt đại thành".

Tướng quân Nguyễn Siêu nghe theo kế sách đó, ngày 10 tháng 7 hội thể phân thành hai bộ phận, một bộ phận ở lại giữ thành, một bộ phận đi cầu viện binh. Khi đó nhằm vào ngày 15 tháng 7, lũ lên cuộn cuộn, trời nước một màu. Quan quân ra đi qua xã Đông Phù Liệt, vừa ra giữa dòng bỗng gặp gió to sóng lớn gầm thét âm âm, đúng là trời hại, thuyền rồng bị đắm, khí giới quân nhu đều mất sạch.

Đinh Bộ Lĩnh nghe tin, ban đêm sai võ sĩ Nguyễn Đoàn lĩnh hơn 10 người ngấm lên vào trong doanh, nhờ gió phóng lửa, ngọn lửa rừng rực, khói đen ngút trời. Trong doanh mọi người kinh sợ tẩu tán. Duy có con em hơn 10 người Ngọc Giả, Ngọc Triệu, Ngọc Cầu cao chạy xa bay tới bản doanh của Tướng quân Nguyễn Thủ Tiệp. Sau đó vài tháng, nghe tin có thi thể trôi tới Bái Xuyên: một ngựa một thân người trôi ra giữa dòng, ba tháng mà không thối, mặt tươi như lúc sống. Mọi người cho là thần. Vợ con ông Nguyễn Triệu cùng đám đệ tử là Nguyễn Liên, Nguyễn Thảo, Phạm Xu, Đỗ Như, Trần Hội, Bùi Thì, Lưu Khả tất cả hơn 10 người đều đến chứng kiến. Họ bèn đem thi thể an táng tại bãi phù sa (sau gọi là Mả Bái). Lúc đầu dựng am miếu tạm bằng mấy cây cỏ bông cỏ lau để thờ. Rồi lưu Bùi Thì, Lưu Khả ở lại lo việc đèn nhang. Tự đấy địa phương xã Phù Liệt bị coi là thù địch; ngày qua tháng lại, nhân dân bỏ cả quê hương mồ mả, lưu tán, cảnh vật tiêu điều, cỏ mọc hoang vu, cáo chồn làm tổ, năm tháng phủ phàng, rêu phong phủ lấp. Trải 19 năm sau, đến năm Canh Thìn, họ Đinh bình Ngô khai quốc, dựng đô ở phủ Trường Yên. Bấy giờ dân chúng Thanh Đàm dần dà trở về tụ hội, họ nhớ tới công đức của ông bèn lập từ đường thờ cúng.

Đông Phù Liệt là nơi đầu sông của bến lo việc đèn hương cúng tế, đại phàm thuyền bè qua lại nơi đây, nếu có người mắc bệnh tật gì cầu là khỏi, nguyện là xong. Cho nên mọi người xứ này kêu là: Cảm ứng linh thần.

Kể từ đây ngày qua tháng lại, thời gian đằng đẳng, công đức càng dày, niềm tôn kính càng cao. Lại thêm có đám đệ tử là Phạm, Nguyễn, Đỗ, Trần với hơn chục người, có kẻ làm y làm được, có người buôn bán, gom góp dựng lên chiếc lều nhỏ ở chợ, ai kiếm được gì đều cùng nhau ăn uống, năm tháng không ngừng, hương khói đèn nhang. Bấy giờ ở Trung Quốc đang thời Tống Thái Tổ thay triều Chu kiến quốc. Tới năm Đinh Mùi, Lê Hoàn nhân khi Tống Thái Tông lên ngôi đã bỏ việc tuế cống Bắc triều. Bởi vậy khi Tống Thái Tông nghe tin Lê Hoàn của nhà Đinh ở quận Giao Chỉ trỗi dậy hợp trời thuận dân, bỏ luôn tuế cống Bắc triều thì giận lắm. Tống Thái Tông bèn sai bọn Nhân Bảo, Thôi Lượng mang 8 vạn quân thủy bộ xuống đánh chiếm nước Nam. Chúng tiến đến Thị Cầu, thuộc đất Kinh Bắc, thì trú quân tại đó. Bấy giờ trong nước ấu chúa nhà Đinh còn nhỏ, khó bề chống cự, nhưng Đinh thái hậu vốn có tư ý với Lê Hoàn, bèn ngầm cử Lê Hoàn đem quân ra trận. Ngay sau đó, thái hậu đem áo bào khoác cho Lê Hoàn để nắm lấy quyền bính về tay. Lê Hoàn lên ngôi vua, đổi niên hiệu là Thiên Phúc. Vua Tống biết tin bèn hạ lệnh cho quân rút về. Thế là dân nước Nam lại được sống bình yên. Lê Hoàn dấy nghiệp được hai đời, gồm 29 năm sau thì suy. Bấy giờ Lý Công Uẩn người Kinh Bắc thừa cơ nổi lên. Nhà Lý lên ngôi dựng đô ở Đại La thành, đổi tên là: Thăng Long thành. Lúc bấy giờ, vết thương còn hoen ố, quốc nội chưa yên, chuột bọ cáo cây ẩn nấp, cảnh tượng thật hoang sơ.

Lại nói, tháng tư mùa hạ, Lý Thái Tổ thân đem quân thủy bộ Nam chinh. Trên đường đi qua khúc sông thuộc xã Đông Phù Liệt, khi đến giữa sông bỗng gặp gió mưa mù mịt, sấm chớp ùng ùng nổi lên, sóng gào hung dữ, vạn binh giải giáp, thật khó vượt qua. Thái Tổ quay hỏi quần thần, họ đáp: "Đây là nơi chiến thắng của sứ quân họ Đinh, đã nhờ thời cơ ấy mà dấy

nghiệp vậy". Thái Tổ ngẩng mặt lên trời mà khấn thần linh sông nước, ông than rằng: "Ta theo trời đi phạt kẻ có tội, cứu vớt nhân dân, trèo đèo lội suối, đâu phải vì tham phú quý. Nếu không thể thì có bị chết chìm làm mồi cho cá giải, thuồng luồng cũng đáng! Chớ đem gió mưa để làm hại sinh linh". Lời khấn chưa dứt thì gió mưa đã dừng, mặt sông phẳng lặng, thuyền bè lại tiếp tục hành quân, đường đi thuận tiện, chỉ mới ba tuần quan quân đã tới Diễn Biện dẹp yên lũ giặc, ca khúc khải hoàn.

Đại phạm các nơi mà Lý Thái Tổ đã đi qua, tới đâu ngài cũng hỏi han dân tình phong tục, ngài thấy đường sá hai ven bờ sông đầy gai góc, duy lại có cây Cò thụ um tùm, miếu vũ xiêu vẹo, kiến ở chim đậu, ong bầu, màng nhện mắc giăng. Ngài tự hỏi: "Có lẽ tại đây có vị thần kỳ anh linh, phải chăng thần là người thuộc thời đã quá xa mà đến nỗi điêu tàn như thế này!".

Ngài lại than thở: "Thần là bậc thiên thần mà dân cũng là dân của trời, thần lại là mẹ của dân mà sao phải đến bước này?". Nhân đấy có thơ phú rằng:

Giúp nước yên dân công chẳng nhỏ.

Mưa vui gió dập có nề chi...

Về tới kinh đô, ngài nằm mộng gặp trăm thần đến chầu, nhân đó ngài ra lệnh cho dân khắp nơi phải sửa sang miếu vũ thờ thần. Ngài lại ban sắc phong tặng cho trăm thần trong nước làm các bậc thượng, trung, hạ. Như: Đông Phù Liệt, Yên Sở, Sùng Thiện, Đàng Châu, Đòng Cò, Hắc Đế, Bộ Đầu đều xếp vào hạng đẳng thần.

Sắc phong cho thần viết rằng: Cảm ứng linh thần, Viên thông cảm ứng, Hưng phúc bác tế Đại vương. Ra lệnh cho các làng lân cận ba xã: Đông Phù Liệt, Đông Trạch, Yên Việt phải theo con cháu thần là Nguyễn Việt, Nguyễn Xu để đèn hương bốn mùa thờ phụng. Lý Thái Tổ qua đời, Lý Thái Tông lên ngôi vua, ngài lại ban sắc phong cho thần là Sùng linh hoàng liệt trang túc cung tín Đại vương. Các việc cúng phụng tế tự y như lệ trước. Sau đó nhà Lý truyền tới đời thứ 8, thì tôn sùng thần

Phật, cơ nghiệp truyền được 216 năm sau thì kết thúc. Đến đời Lý nữ Chiêu Hoàng thì nhường ngôi cho họ Trần. Trần Thái Tông lên ngôi Hoàng đế, ngôi nhân mà được nước, không thờ quỷ thần, nước lũ mênh mông, năm năm tràn ngập, đường sá ngập lụt, cá tôm quần tụ, mùa màng thất bát, dân chúng gánh vác nặng nề, binh dân đói khát, gạo đắt hơn vàng. Tháng Giêng mùa xuân năm Đinh Hợi, Thái sư Trần Thủ Độ dâng tấu trình về sự lợi hại của quốc gia Vua Trần bèn hạ lệnh đắp đường đê cao hơn 3 trượng ở hai bên bờ sông Hồng Hà, trên từ thượng nguồn, dưới đến tận bờ biển, đặt tên là Đỉnh Nhĩ để ngăn nước lũ ngập tràn. Bấy giờ dân chúng mới được yên ổn, nhưng có rất nhiều miếu thần đặt ở ngoài đê. Đến tháng 5 mùa hạ năm kỷ Sửu, bệnh dịch lệ hoành hành, số trâu bò dê lợn chết nhiều vô kể. Trạng nguyên Nguyễn Hiền bèn dâng sớ tâu Trần Thái Tông rằng: "Nhà Trần thừa hưởng nhà Lý, không đánh nhau mà thành, cho nên quỷ thần trong thiên hạ không biết theo ai mà giúp". Vua Trần theo ý của Trạng Hiền, ngài bèn hạ lệnh ban sắc cho trăm thần trong thiên hạ để ngự thủy tai, phù trợ cho nước. Lại phong Cảm ứng Đại vương là Viên thông cảm ứng, Hưng phúc bác tế, Sùng linh hoàng liệt, Trang túc cung kính, Hiền uy tĩnh mục, Thần hóa quảng dụ, Bố trạch bảo trị Đại vương. Họ Trần làm vua được 13 đời, 176 năm, thì Hồ Quý Ly nắm quyền được 7 năm. Nhưng chính sự phiến hà, làm mất lòng dân, chân trời góc bể, sớm nắng chiều mưa, dân Nam Việt lại lệ thuộc vào nhà Minh. Bọn Trương Phụ, Mộc Thành, Là Nghị, Hoàng Phúc nhân khi nước Nam có loạn, bèn xin vua Minh cho đem vạn vạn tinh binh, ngàn ngàn lừa ngựa với danh nghĩa vào đòi nạp cống, nhưng thực tế là cướp nước, dây dưa lưu ở nước Nam 19 năm ròng. Chúng bắt dân xuống bể mò ngọc trai, chằng đoái nổi đắm chìm bởi loài rùa rắn, khoét núi đào vàng mà liều thân hao tổn vì cảnh lam chướng tật dịch, ích mình hại người, dân thêm khốn khổ, phu phen thuế khóa nặng nề, mười nhà thì chín nhà khổ. Đất bằng thành gò nổi, ruộng dâu thành biển biếc...

Hoàng Phúc bèn nói với Trương Phụ, Mộc Thành rằng: "Thần Phật ma quỷ của nước Nam rất linh thiêng hiển hách. Nếu chúng ta cứ nghênh ngang thì thần nào phù hộ". Nhân đó, chúng bèn hạ lệnh lập đàn ngoài bãi, khải cứu bách thần và chia làm ba cấp: Thượng, trung đẳng và hạ thần. Phong thần Viên thông cảm ứng ở đây là Dương dương tại thượng, trạc trạc quyết linh (Vòi vọi ở trên cao, linh thiêng rực rỡ), bể 3 cái tán vàng ở trước hương án, đánh 7 con trâu khỏe ở trên đàn thì Hoàng Phúc suy biết tích cũ ở đây khi phong sắc danh thần của nước Nam thường thưởng nêu là Thượng đẳng. Vì vậy mà cũng tặng phong Cảm ứng Đại vương là Cương trực chương nghị, Chiêu hựu phù huệ, Trinh thuận nhân nghĩa, Tuyên tiếp Sùng khánh Đại vương. Sau đó lại ban tuất hậu cho tổ tông con cháu của thần và mua 10 mẫu ruộng thuộc địa phận xã Yên Việt để thờ tự thần. Lại phong cho cháu 12 đời của thần là Nguyễn Phó làm chủ sự, giữ lệ tế xuân hàng năm với 10 quan tiền. Lại theo lệ cổ, ba xã phụng sự hương đảng mới được 12 năm, đến khi Hoàng Phúc về Trung Quốc, chiến trận kế nhau nổ ra, binh đao nổi lên dữ dội, đe sạt núi lở, dân xã trôi giạt, xóm ấp tiêu điều, không người hương khói, mưa đập gió vùi, chân miếu lòng sông, chỉ còn cốt cách anh linh, danh truyền trên sông, bụi cây um tùm cao mấy thước, gió mưa rêu phong y nguyên, chỉ còn một cái lư hương đặt nơi thờ phụng. Nguyễn Phó cháu xa lui tới tháp hương, miệng nhắm tâm truyền, sắc thư không tận.

Đến tháng 2 năm Mậu Tuất, Lê Thái Tổ dấy nghĩa Lam Sơn, bình Ngô phục quốc. Đến năm Thuận Thiên, thiên hạ ổn định hòa bình, chế độ mới dựng lập, vẫn theo y lệ trước. Vua hạ lệnh ban sắc cho thiên hạ và gia phong Viên thông cảm ứng Đại vương là Tấn hựu chiêu huân, Bảo hựu hoàng mô, Phù quốc hoàng liệt Đại vương. Ban thêm tiền tế lễ, chuẩn cho trâu rượu gạo, tiền Cò 14 quan. Trao cho người cháu chính tông là Nguyễn Khởi tế xuân hằng năm và nhậm chức tại Lễ phiên để lo cung phụng tế tự. Chẳng may lại gặp thời đói khát, gạo đắt hơn vàng, mười nhà thì chín nhà không no đủ, càng ngày càng thêm tồi tệ.

Bấy giờ Nguyễn Khởi biết dất vợ con dời đến đầu làng Yên Việt, lại bị nước lũ phá vỡ đê, nhân dân càng thêm đói rét mà hai xã Phù Liệt và Đông Trạch đều bị trôi giạt về hai ngã nam bắc, mười phần mất bảy tám phần. Qua 15 năm mà vẫn chưa thể xum họp trở lại được. Nguyễn Khởi lúc bấy giờ, khi xin tiền tế xuân đều xưng là xã Yên Việt, nhưng thực tế việc phụng thờ lại ở từ chỉ cũ, vốn ở địa phận chợ Đông Phù Liệt. Đến khi Lê Thái Tổ băng hà, Lê Thái Tông lên ngôi vào năm Thiệu Bình (1434-1439), viện theo lễ cũ, sắc phong thiên hạ bách thần, lại phong cho thần là Tấn phúc phong công, Trứ đức trợ dân, Khang quốc phi liệt Đại vương.

Còn các công việc tế tự của thần cứ theo lệ cũ. Đến năm Thiệu Bình thứ 5 (1447), hai xã Đông Phù, Đông Trạch, cảnh cũ bắt đầu phục hồi, người còn thừa thớt, xã Yên Việt ở bên sông bị bệnh dịch, khiến cho kẻ bắc người nam, người ở chân trời kẻ ở góc bể. Nguyễn Khởi trở về ở chợ Phù Liệt, hằng năm lĩnh tiền tế xuân đều do ông ta gánh vác và cũng tự bỏ tiền riêng của mình ra mà lo liệu cả. Bấy giờ Nguyễn Khởi đã 66 tuổi, tự nghĩ tuổi đã cao mà con kế tự chưa có. Nếu bất chợt gặp chuyện chẳng lành thì ai thay làm chủ sự. Bèn gọi tất cả những người cũ tới gồm có cháu xa của Trần Hội, Phạm Tôn là 12 người, họp nhau lại thành một thôn gọi tên là Thị Giáp ở chung với ông ở thôn Trì Hạ, dựng nhà bằng tre nứa mà ở. Hoặc lấp chợ buôn bán, hoặc thuê ruộng để cày cấy. Vừa được 21 năm, đến ngày rằm tháng 7 năm ất Hợi, nước lũ lại dâng lụt hơn một tháng, bỗng lại gặp cơn gió lớn cuốn trôi ván gỗ giạt ra thôn ngoài. Tối khi nước sông cạn khô, ván gỗ trôi ra ở đầu bến mà chẳng có người nhận. Về sau có bọn Phạm Đạo, Phạm Thông, Nguyễn Cung, Trần Thọ ở Giáp Nhị nghĩ rằng thần cho bèn nhận tấm ván đó là của mình, rồi gọi thợ mộc đến mà dựng miếu để làm nơi thờ phụng thần. Bấy giờ người thợ mộc tên là Nguyễn Sầm ngắm nghía tấm gỗ mà đoán rằng: "Đây đích thị là gỗ hoàng cương". Rồi lại được thêm 30 đồng bạc giấu trong tấm ván mục Sầm mừng lắm. Đến ngày 21 tháng Giêng năm Bính Dần, mọi

người dựng một ngôi từ vũ ba gian, giáp vô bờ sông Đông Phù Liệt thị, xã Đông Trạch, tháng 3 thì hoàn tất. Từ ấy miếu đền phảng phất linh thiêng, mọi người lại làm thêm biển gỗ ghi chép liệt kê các đạo sắc của các triều đế mà thờ cúng tế lễ. Thị Giáp từ đó ẩn lên làm ra, con cháu ngày càng đông đúc. Tháng Giêng năm Đinh Hợi, tự nhiên thấy có ba người Bắc quốc tới tự xưng là con cháu của Nguyễn Nê, Nguyễn Siêu ở Thị Giáp là người họ mình. Ba người cho 10 nén bạc, một hai lạng vàng, và một cái áo gấm gọi là áo quốc y và một tờ điều lệ thờ cúng tế lễ chép rõ ngày sinh, mất của thần để làm bằng chứng dấu tích, truyền bảo cho con cháu. Họ ở lại được bảy ngày, rồi ba người lại giữ áo ra đi. Người ở lân cận đều cho là thần hiển ứng. Từ đó các ông Phạm Đạo, Nguyễn Cung, Nguyễn Thọ đều được người ta nhường ruộng nhường vườn, nên ngày càng giàu có. Ngày 8 tháng 2, mùa xuân năm Mậu Tý, nhân lễ nhập tịch kỳ phước, bọn các ông Phạm Đạo, Phạm Thông, Nguyễn Cung, Nguyễn Kính, Đỗ Hiến, Trần Thọ, Lưu Anh, Hoàng Tuế, Trần Đức, Đỗ Khiên bèn rước bài vị thánh về nơi ở, hát ca, cùng với thánh Đông Hải đại vương ở thôn Trì Hà và một ngôi đình tranh tại xứ Hạt Trăn. Mãn tiệc lại rước thánh vị về miếu. Còn dân chúng ở Yên Việt bị lưu lạc nhiều lần, mà hai xã Đông Phù Liệt và Đông Trạch thì bắt đầu xum họp lại, nhưng nhà cửa còn trống rỗng, xuân thuởng thu thuởng đều phó mặc không đoái hoài gì hết. Trải qua thời gian năm sáu năm từ khoảng Kỷ Sửu Canh Dần, Tân Mão, Nhâm Thìn, Quý Ty, cây cỏ thuộc hai xã Đông Phù Liệt, Đông Trạch đều điêu tàn, bệnh dịch hoành hành, người và súc vật mười phân chết bảy tám. Ban đêm thường nghe tiếng ngựa hí, truyền tin là sẽ chết, nhân vậy mà xem bói, mới biết thần linh thời cổ, dân xã không kính thờ, nên linh thần không giúp, bệnh dịch truyền theo. Bấy giờ các vị hương trưởng của xã Đông Phù Liệt là Nguyễn Đạt, Nguyễn Mộc, Lê Đức, Đặng Vũ gồm 26 người, liền mang một cối trầu đến Giáp Thụ, trình bày sự việc xin cùng được đóng góp xây dựng từ miếu để cùng được thờ thần. Bọn Phạm Đạo ở Thị Giáp

bằng lòng, bệnh dịch tạm lắng đi. Xã Đông Trạch xây riêng một ngôi miếu, hương trưởng thờ phụng, bệnh dịch càng tăng. Lại xem bói thì biết rằng miếu mới dựng nên linh thần không hiển ứng. Ngay hôm ấy, bọn hương trưởng Nguyễn Siêu, Trần Trọng, Bùi Cử mang một con trâu cũng lại tới Thị Giáp xin nạp tiền quyên góp, để cùng được thờ phụng thần y hết xã Đông Phù Liệt trước, Thị Giáp lại đồng ý. Bệnh dịch ngừng ngay, thế là Đông Trạch hủy ngay miếu riêng. Ngày 3 tháng 3 năm Giáp Ngọ, hai xã Đông Phù Liệt, Đông Trạch mang đầy đủ lễ vật và đặt ba lư hương vào giữa miếu Thị Giáp ở giữa, Đông Phù Liệt ở bên phải, xã Đông Trạch ở bên trái để cùng phụng sự thần. Việc tế xuân, cùng các việc cung đón phục dịch ba xã đều chịu chung. Cả ba bốn năm sau đó được mùa liên, người vật yên vui, khi ấy mới bắt đầu đặt lễ tế thờ.

Ngày 7 tháng 2 năm Mậu Tuất, Thị Giáp vào hội hát ca, rước bài vị thánh về nơi ở mà hát múa chung ở ngôi đình tranh thờ Đông Hải đại vương tại thôn Cả của xã Thôn Cả. Khi đoàn rước đi, quan viên hương trưởng hai xã mũ áo chỉnh tề tiễn đưa họ đến tận nơi hát xướng, đến khi mãn tiệc thì ba xã lại cùng rước Thị Giáp rước thánh vị về miếu. Năm Tân Sửu, Lê Thái Tông băng hà, Lê Nhân Tông lên ngôi mới được chín tháng thì bị Lạng Sơn vương (Nghị Dân) giết hại, thiên hạ lại loạn lạc.

Tháng 6 năm Canh Thìn, Lê Thánh Tông lên ngôi, đổi hiệu là Quang Thuận, rồi Hồng Đức. Năm Hồng Đức, vua hạ lệnh trong nước sửa chữa sổ đinh bạ, điền bạ cho dân lưu tán hồi hương, đại xá ba năm mới định thuế lệ.

Bấy giờ các ông trưởng của Thị Giáp là Phạm Thông, Hoàng Tuệ, hoặc là con em của Bùi Thời, Phạm Hoa, hoặc là con rể của Bùi Thời, ở xã Đạm Xuyên bất hợp tác với thôn Trì Hạ, mới nhập vào xã Đạm Xuyên lập thành một xã gọi là Thị Thôn. Nhưng vẫn ngụ cư tại địa phận thôn Trì Hạ. Các việc tạp dịch đều theo xã Đạm Xuyên.

Năm Hồng Đức thứ 2 (1461) mới hạ lệnh 13 Thừa tuyên

trong nước phải theo lệ trước, lập đàn giữa bãi cát để khảo khóa bách thần để mà xếp bậc cao thấp.

Bấy giờ triều đình sắc phong cho thần làm Hoàng hóa bảo chính, Phù vận quảng tế, Chấn quốc cương nghị, Hồng ân Đại vương, lại tăng thêm tiền tế xuân là một quan tiền Cờ.

Ngày 7 tháng 2 năm Mậu Tý, Thị Giáp mở hội kỳ phước có hát ca. Đi trước rước bài vị thánh về nơi ở, quan viên hương trưởng hai xã Đông Phù Liệt, Đông Trạch khấn mũ chỉnh tề, tiền đoàn rước về trong miếu ca hát; Đông Phù Liệt đi giữa rước lư hương, rồi sau nữa là Đông Trạch rước lư hương, xướng ca châu thân. Họ nhường nhau là trưởng, là thứ, là út. Tối khi mãn tiệc lại rước thánh vị về miếu. Hai xã Đông lại làm theo lệ trước quý quan triều đình. Phạm Trân người xã Đông Phù Liệt, Tri phủ Phạm Đức Thọ, cùng 2 xã có thư từ với Thị Giáp giết trâu mổ bò tế thần ở trong miếu. Tất cả bọn quan viên hương trưởng Phạm Đức Thọ ở xã Đông Trạch, huyện Từ Liêm, phủ Thường Tín, từ đây đổi thành Thị Giáp xã Văn Uyên, có Viên thông cảm ứng Đại vương ở ngay địa phận xã ấy ngài ứng quốc hộ dân, trừ tai diệt họa rất linh thiêng, hiển ứng mà xin nhận để thờ tự thần. Hai xã thấy thế thì bèn xin làm bài vị dựng bia chép tên, nhập thành một miếu để phụng thờ thần mãi mãi.

Năm Giáp Tý niên hiệu Cảnh Thống thứ nhất (1498). Triều đình sắc phong cho thần là Diễm phúc đức thánh, Khuông quốc phúc hậu Đại vương.

Vào ngày 27 tháng 6 năm Mậu Thìn, bất ngờ bị con cháu xã của Bùi Thời, Lưu Khả, trên đường chở thuyền thuế trở về, qua miếu sở, họ biết rất rõ là thần cảm ứng, mới bèn ăn trộm bài vị thành hoàng đem về kính thờ. Ban ngày Thị Giáp suy tính biết rõ sự việc nhưng vì nước lũ đang dâng tràn, khó khăn cho công việc truy tìm, đường sá lại cách trở, lại cũng khó nhận ra vết tích. Bọn Đỗ Khả, Nguyễn Mại mua luôn bài vị mới từ kinh đô mang về. Bấy giờ có Binh đồ Phạm Thông người xã ấy viết thánh vị, quan tước cùng sắc phong mỹ tự của thần vào bia để thờ. Đến ngày 28

tháng 8 tỵ uế chiêu hồn, đón rước thánh vị vào trong miếu, bên ngoài còn làm thêm Cồng khóa để giữ gìn nghiêm cẩn.

Lê Cung Hoàng đổi niên hiệu Thống Nguyên cũng phong sắc cho thần là Dương vô phù hộ, Bảo quốc đốc khánh, Thù dụ Đại vương.

Lê Anh Tông thực sự dựa vào Trịnh Thái Tổ Minh Khang Thái Vương diệt Mạc phù Lê, khôi phục Trung hưng cho nhà Lê, bèn hạ lệnh khắp nước tôn trọng việc phụng thờ các thần có công lao. Nhân đó, nhà vua đã ban sắc cho thần là Phát dạng diên hy, Hoàng mô viễn lược, Quảng đức long trạch, Thuần hòa cảnh hướng Đại vương.

Năm Canh Thân, niên hiệu Lê Vĩnh Tộ thứ 2 (1620) Trình Thành Tổ Triết Vương, Tổng quốc chính lệnh cho 13 đạo trong cả nước lập đàn giữa bãi cát bồi khảo sát trăm thần để mà suy tôn hoặc giáng truất cho sáng tỏ. Sắc Viên thông cảm ứng Đại vương là Viên thông cảm ứng Đại vương, Dương dương tại thượng, trạc trạc quyết linh, tam phát tam trúng, danh khôi thương đẳng. Sắc gia phong là Dương dương tại thượng, trạc trạc quyết linh, ba phát ba trúng, danh trùm cả bậc thượng đẳng. Tặng thêm là Viên thông cảm ứng Đại vương, Dương dương tại thượng, trạc trạc quyết linh, tam phát tam trúng, danh khôi thượng đẳng. Sắc gia phong là Dục chính tư phúc. Anh liệt nhuệ vũ Đại vương.

Tháng 10 mùa đông Kỷ Tỵ, niên hiệu Lê Đức Long thứ nhất (1629), Trịnh Văn Tổ Nghị Vương Tổng quốc chính sắc phong cho thần là Trợ uy phù hộ, Thông minh thần vũ Đại vương.

Tháng 10 nhuận năm Tân Sửu, niên hiệu Lê Vĩnh Thọ thứ 4 (1658), Trịnh Tây Định Vương sắc phong cho thần là Vệ quốc phẫn võ, Sùng văn mậu huân, Thịnh đức Đại vương.

Ngày 6 tháng 2 năm Giáp Thìn, niên hiệu Lê Cảnh Trị thứ 2 (1664) làm lễ mộc dục, xướng ca. Không ngờ thế tục ngày càng sa sút, con người dần điêu ngoa, mọi người theo điều lệ cựu chương, chỉ rõ bỉ lậu của Nguyễn Hữu Đạo xã trưởng xã Phù

Liệt, tự cây giàu có, võ đoán khuất khúc xóm làng, đè nén xã dân, không cho đánh trống, tỏ ý khinh mạn thánh thần. Bấy giờ Thị Giáp điểm nhiên ngồi nhìn không nói một lời mà bọn Phạm Hữu Khả, Trần Thời xã Đông Trạch cũng không nói một câu. Đến gần nửa đêm, bỗng nghe thấy tiếng rất to ở trên nóc miếu, Nguyễn Hữu Đạo đương ngồi bỗng ộc máu mũi tràn khắp mặt. Dân ba xã trông thấy vậy đều tái mặt. Nguyễn Hữu Đạo về đến nhà thì chết, mọi người cho là thánh vật. Từ đấy nhân dân xã Phù Liệt ốm đau bệnh tật, súc vật hư hao. Bấy giờ quan viên xã Đông Phù Liệt kính cẩn thỉnh pháp đàn, nghênh triệu thần hoàng của xã, suốt bảy ngày không ứng, ngói trong miếu bể nứt, thánh vị đổ mồ hôi, voi ngựa chuông khánh âm vang ngoài nội. Người Đông Phù Liệt kinh hoàng sợ hãi, mới làm văn từ xin với Thị Giáp quan viên Đông Trạch gọn gàng mũ áo, sắm đủ lễ vật cúng bái tạ cầu xin, mới trong chốc lát mà lư hương đã ba lần bốc lửa. Trống không đánh chuông chẳng khua mà gảy ba cây cấn, cảnh phước rủ xuống giữa miếu. Từ đấy mà vạn pháp quay về tổ, người đứng bên xem, đều phải lè lưỡi tấm tắc. Sau đó nhất nhất đều theo về tục cũ, không dám ngang trái nữa.

Tháng 4 năm Lê Dương Đức thứ 2 (1673), Trịnh Định Nam Vương gia phong mỹ tự cho thần là Lãm hùng kinh tiết, Trợ thuận Khang dân Đại vương.

Năm Giáp Dần, niên hiệu Lê Chính Hòa thứ 2 (1681) Trịnh Đình Quốc Vương gia tặng phong sắc cho thần là Bảo cảnh tuy hưu, Tài minh dũng lược Đại vương.

Tháng 3 mùa xuân năm Giáp Tuất, niên hiệu Lê Vĩnh Thịnh 3 (1707), Trịnh An Quốc Vương gia phong cho thần là Phù huệ hoàng tể, Chương thiện hiển khánh Đại vương.

Tháng 2 mùa xuân năm Canh Thân, niên hiệu Lê Vĩnh Hựu 3 (1737). Trịnh Minh Đô Vương sắc tặng cho thần là Sùng đức thù hiến, Thiên nhiên thần võ thánh văn Đại vương.

Ngày 8 tháng 8 năm Đinh Hợi, niên hiệu Lê Cảnh Hưng 28 (1767), Trịnh Tĩnh Quốc Vương Tổng quốc chính hạ lệnh trong

nước sắc phong cho thần là Nghiêm trực tinh tuý, Trung chính Đại vương.

Tự vương họ Trịnh được tiến phong tước Vương, dự vào nội chính Vương, ngài tôn phù tổ tông xã tắc, củng cố cơ đồ lớn, làm lễ dâng trật bách thần, dâng gia phong thì gia phong. Ngài phong thêm cho thần là: Viên thông cảm ứng, Hưng phúc bác tế, Sùng linh hoàng liệt, Tuyên trạch diệu vận, Bảo định cương nghị, Khuông chính chiêu hựu, Phù huệ trình thuận, Nhân võ tuyên tiếp, Sùng khánh tuyên hựu, Chiêu huân bảo hữu, Hoàng hựu phù quốc Hoàng liệt tuy phước, Phong công trứ đức Trợ dân khang quốc Phi liệt hoàng hóa, Minh uy bảo chính, Phù vận quảng tế, Trần quốc cương nghị, Hồng ân diễm phúc, Dực thánh khuông quốc, Tế thể phúc hựu, Dương võ trợ tộ, Bảo quốc đốc khánh, Thùy dụ chí nhân, Quảng đức thuần mỹ, Chương linh phát tường, Diên hy hoàng mộ, Viễn lược quảng đức, Long trạch thuần hà, Cảnh hưởng dực chính, Tư phúc anh liệt, Nhuệ võ trợ uy, Phù tổ thông minh, Thần võ vệ quốc, Phấn ngã sùng văn, Mậu huân thịnh đức, Lãm hùng khinh tiết, Trợ thuận khang dân, Bảo cảnh tuy hựu, Tài minh dũng lược, Ôn cung khoan hậu, Nhân thứ phù huệ, Hoàng tế chương thiện, Hiến khánh sùng đức, Thùy hiến thiên nhân, Thần võ thánh văn, Nghiêm trực trứ tinh, Trung chính Đại vương.

Bởi vậy mà phong sắc. Niên hiệu Cảnh Hưng thứ 28 (1767) tháng 8.

Sao y bảng ký hứ chữ Triền (tên hứ của sứ quân Nguyễn Siêu) tại Thị Giáp xã Văn Uyên.

- Quốc triều nhận ký hứ không được xâm phạm.
- Thần minh nhận kiềng hứ cấm không được xâm phạm.

11. TRUYỆN BỐN ANH EM MỘT NHÀ CÓ CÔNG PHÒ TÁ ĐÌNH TIÊN HOÀNG

Tương truyền, vợ chồng ông bà Trịnh Thông, Hoàng Thị Ngoạn, quê ở đạo Hải Hưng là gia đình tu nhân tích đức. Một

hôm bà Ngoạn đang nằm ở trong nhà, bỗng bồi hồi mơ màng nhìn thấy một ngôi sao lớn từ trên không trung rơi vào miệng bà, bà ngất đi thì bỗng tỉnh ngủ, rồi sau sinh ra Minh công. Đến năm Minh công lên sáu tuổi, bà Ngoạn vô bệnh mà chết. Từ đấy, gia đình lâm vào cảnh gà trống nuôi con. Vì quá buồn phiền, cha bèn dẫn Minh công chu du khắp đây đó. Có một ngày, cha con ông Trịnh đi tới xã Việt Yên xin dạy học trò. Dạy học được mấy năm, sau đó ông lại kết duyên với bà Trần Thị Hạnh. Một hôm, ông bà chiêm bao thấy ba con rồng từ trên trời giáng xuống giữa sân. Trong nháy mắt rồng lại biến thành con công ba đầu, bà tóm được ba đầu con công, sau đẻ ra ba người con, đều là bậc nam nhi hùng tráng, khôi ngô tuấn tú khí vũ hiên ngang, hơn hẳn hàng mấy vạn người thường. Đến lúc trưởng thành, gặp thời loạn 12 sứ quân cát cứ bỗng rung động chí tang bồng, trỗi dậy cái tâm hổ thỉ, anh em cũng kết thành bè đảng, dưỡng nhuệ sức uy, ngầm ấp ủ dị chí, anh hùng hào kiệt khắp mọi vùng đến quy phục, tiếng tăm lừng lẫy. Bấy giờ Ngô sứ quân giữ đất Trường Châu, biết tiếng tứ công anh hùng dũng lược, bèn sai người đến phủ dụ bốn anh em họ. Tứ vị không chịu. Ngô sứ quân bèn lệnh cho tướng sĩ tới đánh. Bốn ông bèn lập đồn, chia nhau trấn giữ, một đồn miền đất trước cửa chùa làng gọi là đồn xứ Cửa Chùa, do Minh công nắm giữ, một đồn tại xứ Cửa Triệu, do Lương công trấn giữ, một đồn tại xứ Kiều Kênh, do Nguyên công trấn giữ, và một đồn tại xứ Bến Đò, do Khang công canh giữ. Chính giữa xây một tòa gọi là Hội đồng cung sở, để Tứ công ở và hội họp chung. Ngô sứ quân thường tới đánh nhiều lần nhưng không có kết quả gì. Nhưng đến khi Đinh Tiên Hoàng sai Tỳ tướng Đinh Diên tới chiêu dụ, thì Tứ công ưng thuận, liền đem quân bản bộ theo về với nhà Đinh. Bộ Lĩnh bái phong cho Minh công làm chức Quản giới Nguyên soái tướng quân, Lương công làm Thống suất tướng quân, Nguyên công làm Giám sát tướng quân, Khang công làm Thượng Dũng sứ. Về sau, dưới sự viện trợ của Đinh Bộ Lĩnh, Tứ công đánh bại Ngô sứ quân, Kiều Công Hãn sứ, cùng các sứ

quân khác, giúp Đinh Bộ Lĩnh thống nhất giang sơn về một mối. Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế tại động Hoa Lư, cải nguyên là Thái Bình, quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Vua mở tiệc đại khánh để khao thưởng ba quân tướng sĩ, ai có công lao đều được phong hàm Đại vương. Anh em Tứ công đều được phong là Đại vương; lúc sinh thời, lấy xã Việt Yên làm hộ nhi sở tại, nhân dân địa phương này là cơ sở hương đèn của Tứ công muôn vạn năm về sau này.

12. SỰ TÍCH SỨ QUÂN NGÔ XƯƠNG XÍ

Theo sự tích Ngô công, tên ngài là Xương Xí, cha ở họ Trương tên gọi là Thắng, mẹ ở họ Khổng tên là Xương, vốn là người tích đức tu nhân, đem của nhà phát chẩn cho kẻ khó nghèo, ba đời hương hỏa, một đường phong lưu rực rỡ. Một ngày khí trời thanh tao, muôn nơi cảnh sắc; vợ chồng Trương công đều ngồi trước sân uống rượu làm vui. nhìn xem trên giới sao sáng vui thay, giăng thanh gió mát, vui cuộc rượu cười nói, phút thấy con rết tự trên giới sa xuống, mình dài một thước, bò vào chiếu, vợ chồng ông Trương công đều sợ hãi đứng dậy muốn đánh bắt, thời con rết tự biến mất. Thấy vậy ông Trương công lấy làm sự lạ, nói cùng bà họ Khổng rằng: Nhà ta vốn làm lành, không có một mảy gì ác tâm. Vả chưng điềm con rết, há có gì gì vậy. Ôi, đây ắt là ông Hoàng thiên báo ứng cho nhà ta, phúc trạch khá dày, bèn làm lễ khấn cầu giới đất. Đến khoảng đêm tối mờ mịt, thấy một người già đầu bạc bảo rằng: "Ban ngày con rết làm điềm ấy là giới lấy thừa báo nhà người tích thiện, chẳng phải là điềm gở vậy". Ông già nói rồi, phút biến mất. Ông Trương tỉnh lại, biết là điềm mộng, rất mừng lấy làm phúc có trùng lai, giới chung thừa cho, nhờ Cò ngữ nói rằng: "Tích thiện phùng thiện" (tích thiện gặp thiện), cũng chẳng phải là nói không. Tự khi ấy, bà họ Khổng mình có thai, lên mười một tháng, đến năm Giáp Dần mùa xuân, tháng hai, ngày mồng mười, sinh ra một người con giai, tinh thần tuấn chỉnh, khí vũ

rộng rãi, thật hơn muôn kẻ tâm thường. Ông Trương công lấy chước điếm con rết gọi tên là Ngô công, tên húy là Xương Xí. Ông Ngô công chí khí vượt cả lũ, thông sáng hơn người, đến năm hai mươi tuổi, khiến trăm nhà ai cũng đều theo, người người đều khen ông là Thánh. Ngài muốn cung tên, muốn học phép binh phù ông Thái công. Thường khi ngồi nói nghị luận như gió cuốn, bè bạn bằng vai chẳng ai là chẳng sợ, nói than rằng: Làm con người ta nên như ông Y, ông Lã, ông Quản, vui dựng công danh, đương chước chốn sa trường lấy da ngựa bọc thây mà về, mới phải là khí đởm trượng phu, đâu chỉ hay giữ việc bút nghiên. Đến năm hai mươi lăm tuổi, ông cùng mười hai ông sứ quân cùng chia ra mỗi người ở một phương. Ông Ngô công ở đất Bình Kiều, làng Phú Duy, nức tiếng vang lừng khỏe mạnh hơn người, cùng ông Nguyễn Linh công giữ phương tây mạnh giúp, ước làm thần tử mỗi rằng, có việc nguy cấp cùng ứng cứu, tự xưng làm vua đệ nhất trong mười hai ông sứ quân. Khi bấy giờ có làng Phí Trạch, huyện Sơn Lăng, địa vực có một rừng trúc, dưới có đầm nước, hằng năm hoa ngư rất lợi, có con Cự Đà không biết ở xứ nào đến, mình dài đầu lớn hình tựa con voi, phút ẩn phút hiện, biến hóa chẳng lường, gồm mọi cá nước lúa mạ đều bị nó phá hại, người người rất khổ, nhân đặt tên là làng Phí Trạch. Mỗi ngày dân làng già trẻ sửa lễ kêu ca chước đức Ngô công, xin lấy thương dân trừ hại, cả có nhờ phúc. Đức Ngô công nghe thấy đấy lấy làm nghi thương kẻ sinh dân, bèn đem quân sĩ tốt lại đánh. Hẳn thấy Cự Đà rất lớn, trông thấy chẳng ai là chẳng sợ. Ông Ngô công vây đánh ba lần nó hoặc chạy chước trên rừng trúc, hoặc nấp chước dưới chằm, đánh đấy chẳng hay được. Ông Ngô công lấy làm thiêng, ngày sau kết lưới vây khắp chằm rừng, quát lũ binh sĩ vây bọc, chiêm trống đều đánh. Cự Đà lại chạy lên rừng trúc, mọi người săn tìm ba bốn ngày không thấy, rất lấy làm quái lạ. Ông Ngô công thấy giữa rừng trúc có một cây gỗ lớn, bèn vạch cây viết chữ rằng: "Trúc lâm đại đầu đà, đả tam quy bất đắc, kiêm thủy pháp phong đại quốc thần" (Đại đầu đà rừng trúc, bắt ba lần chẳng được, nay

cho xuống nước phong làm thần đại quốc). Tự khi ấy chẳng thấy Cự Đà làm hại dân nữa. Dân đều nhờ đấy xin ông lưu lại làm lễ, mổ trâu bày rượu khao thưởng quân sĩ, xin làm tôi con, ngày sau lấy làm chứng dân thang mộc. Ông bằng lòng cho đấy, bèn viết cho làng Phí Trạch, làng Phú Duy làm dân con, để ngày sau hương lửa, hưởng thần chung có sở. Ông nhìn xem phong cảnh, thấy đằng trước có tam giang hợp khâm, đằng sau có ngũ nhạc bão hưởng, cũng là một nơi danh thắng. Ông bèn dựng một đồn ở đấy, ngày ngày cùng dân cấy cấy, khuyên bảo làm ruộng giống dâu. lấy lợi trừ hại, người ấy người khác đều yêu mến tôn ngài làm vua Hoàng đế. Đức Ngô công bèn dựng một tòa chùa, tô vẽ Phật tượng, ngày sóc vọng trai giới đèn hương tưng kinh. Ngày xuân thường dùng trò đánh vật, đá gót cùng dân đều vui. Đã trải ba bốn năm đức Ngô công lại trở về đất Bình Kiều, làng Phú Duy, ngày đêm thanh nhàn yến ẩm. Bấy giờ, ý giời mở thời bình, người động Hoa Lư họ Đinh tên là đức Bộ Lĩnh hùng tài đại lược khắp đời lực lượng hơn người, lòng quân sợ phục, trận đánh nào cũng được, hiệu là Vạn Thắng Vương, mọi quan sứ quân đều lui chẳng hay kháng cự. Thế rồi một trận đại chiến xảy ra ở đất Bình Kiều. Đức Ngô công cùng tướng nhà Đinh là Đinh Liễn, Đinh Điền, Lưu Cơ đều giao công và mười hợp. Nay ngài ngựa mỗi người một, trước không chừa người cứu viện, sau không chừa lương khá chứa, lực bức thế cùng, liệu sức chẳng hay chống lại, ngài bèn bỏ ngựa đi bộ vừa đánh vừa lui, nhân đêm sáng ánh sao, đi về Phí Trạch đồn cũ, nói cùng mấy người làng, ngài ngựa mặt lên giời than rằng: "Anh hùng một đời chẳng phải là chúng tôi đánh chẳng được vậy, sống vậy làm vua, chết thời làm thần". Nói rồi vung gươm tự vẫn mà chết, đó là ngày mồng 2 tháng 8. Sáng ngày mai mới dần lên một đồng đất to, thời người dân Phí Trạch làm lễ lập miếu thờ đấy. Dương khi dân làm lễ, thấy giời đất tự nhiên lại thấy mù mịt mưa gió, có một đám mây vàng tự phương bắc lại che chúng trên nơi đương tế. Làm lễ xong rồi, giời đất lại trong sáng, mưa gió đều thôi, đám mây vàng cũng biến mất. Tự khi ấy làng Phí Trạch

phàm có việc gì đều đến cầu đảo rất có linh ứng vậy. Thời bấy giờ vua Đinh Tiên Hoàng quét bỏ lũ mạnh, bèn mở mang bờ cõi, lên ngôi vua xưng ở động Hoa Lư. Sau truyền ngôi xưng con Thái tử là Đinh Liễn. Đinh Liễn làm vua, bèn truy phong bách thần mỹ tự, kịp những người tử vong vì nước đều phong vậy. Thời bấy giờ người dân Phí Trạch, dân Phú Duy lấy chứng sự tích đức Ngô công đều tấu xưng vua. Tự khi ấy chớ cần thâu đêm thường có hiển hiện. Chúa nhà Đinh bèn gia phong cho ngài chủ Phúc thần, sửa sang miếu đền ở làng Phí Trạch, làng Phú Duy; cho làng Phú Duy, làng Phí Trạch làm dân con họ, bốn mùa hương lửa muôn đời không cùng trải xưng khoảng triều nhà Lê, nhà Lý, nhà Trần thường có hộ nước giữ dân, cho nên đời Đế đời Vương gia phong mỹ tự, hương lửa phụng thờ, đời đời chẳng dứt, mong lấy âm phù ngôi nước, giữ mối dân đen. cùng với giới đất lâu dài, thịnh vậy dư, tốt vậy thay.

13. BA VỊ TƯỚNG TÀI LÀNG CHI NGÃI

Thời đó, mười hai sứ quân phân chia đất nước. Chiến tranh liên miên, xóm làng bị tàn phá. Nhân dân rất lầm than khổ cực. Ở một làng thuộc đạo Sơn Tây có ông nhà họ Phí, tên là Thấm. Vợ là Thanh họ Phạm. Ông bà lo tu nhân tích đức, vậy mà tuổi đã cao vẫn chưa có con. Ông bà bàn với nhau đem hết cả gia tài phát chẩn cho người nghèo. Sau bà Thanh sinh ra một bọc ba con trai. Diện mạo khôi ngô khác thường trên trán mỗi người đều có vết xám mờ hình chữ "Vương". Ông Thấm đặt tên cho các con mình là: Đạo - Đệ và Quan. Năm ba con lên năm tuổi, bà Thanh thụ bệnh mất, ông tự "gà trống nuôi con" giữa cảnh bần hàn, binh lửa. Ở vùng ông Thấm có nhiều toán giặc cướp bóc hoành hành. Tướng giặc thấy ông là người khỏe mạnh, lại nhiều mưu trí liền đến ép ông theo chúng, nhưng ông Thấm không chịu. Ông ôm các con than rằng: "Nhà ta vốn ăn ở hiền lành mà lại gặp cảnh này ư".

Ngay hôm ấy, ông Thấm đem ba con trốn về xứ Đông. Một đêm, ông dừng chân trú ẩn tại một ngôi chùa Cổ. Đây chính là

chùa thôn Chi Ngải huyện Phượng Nhân phủ Lạng Giang, trấn Kinh Bắc (thôn Chi Ngải huyện Chí Linh ngày nay). Cũng đêm ấy, các bô lão và hào trưởng làng Chi Ngải đều thấy mộng báo rằng "Có ba vị thiên tướng đến chùa, dân làng phải đến đón".

Sáng hôm sau, dân làng bàn nhau việc mộng rồi rủ nhau lên chùa thì chỉ thấy một ông cụ và ba cậu bé con ông. Được ông cho biết tình cảnh, dân làng đều thương xót và tình nguyện đem về làng nuôi dưỡng.

Ông Thấm về Chi Ngải được dân làng giúp đỡ mở trường dạy học. Ba con trai rất thông minh. Chẳng mấy năm đã nắm vững văn chương, tinh thông võ lược. Ba anh em cùng trai tráng trong làng tập luyện vũ thuật, tích trữ lương thực vũ khí, đợi thời ra giúp nước đến ơn dân.

Không chịu để đất nước chia xẻ, nhân dân đói rét. Đinh Bộ Lĩnh ở Hoa Lư được hai ông Nguyễn Bặc và Đinh Điền giúp sức đã khuyên dụ hào kiệt đợi thời dấy binh, thống nhất đất nước. Nghe tin làng Chi Ngải có ba vị tướng tài, Bộ Lĩnh đã thân đến vờ và nghe kể sách. Ba hôm sau, một sứ quân đem quân đến vây, ba tướng trẻ làng Chi Ngải liền ra quân trận đầu, phá tan được quân địch, giải vây, bảo vệ được Đinh Bộ Lĩnh.

Khi Đinh Bộ Lĩnh phát hịch, kêu gọi nhân dân đứng lên dẹp loạn cát cứ, ba tướng trẻ làng Chi Ngải là Đạo - Độ và Quan đều được người anh hùng họ Đinh phong làm tướng dẫn quân đi đánh dẹp các nơi.

Mười hai sứ quân lần lượt bại trận, đất nước trở về một mối. Cuộc sống trở lại thanh bình. Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua gọi là Đinh Tiên Hoàng, lấy niên hiệu là Thái Bình, quốc hiệu là Đại Cồ Việt.

Ba vị tướng là Chi Ngải lúc ra trận mang theo hơn bốn mươi trai làng làm thú túc, ra vào trận mạc dùng cầm mưu trí, giờ lại mang chiến công trở về quê cũ. Vua Đinh Tiên Hoàng phong ba vị tướng Chi Ngải là Đại vương, ăn lộc và trấn giữ vùng Phượng Nhân.

Khi trở về, thân sinh của ba tướng đã chín mươi tuổi. Ba ông đưa cha về thăm đạo Sơn Tây quê cũ, rồi lại trở về Chi Ngải sống.

Sau này, ba ông tướng chết cùng một ngày. Dân làng làm biểu dâng lên, vua Đinh Tiên Hoàng hạ giá về tại Chi Ngải tế một tuần và truyền cho dân làng lập đền thờ, nghìn năm hương khói.

Các triều sau như Trần, Lê đều có sắc phong ba vị tướng Chi Ngải là *Thượng đẳng Phúc thần*.

14. SỰ TÍCH SỨ QUÂN KIỀU CÔNG HÂN

Theo truyền tích, Hậu chúa đánh Chu Thái ở Bạch Hạc, thừa thắng đuổi giặc lên bắc, không may bị trúng tên có thuốc độc mà chết. Khi ấy trong nước không có chủ, nên đã xảy ra nạn cát cứ tranh giành xưng hùng xưng bá của bọn quyền thần. Sứ quân Kiều Công Hân đem quân người Man đi đánh chiếm Thái Châu, Hào Châu, Phong Châu, rồi tự xưng là Tam Chế. Năm Đinh Mão (967) tháng Chạp, ngày mùng 6, Đinh Tiên Hoàng tới lán côi quân của sứ quân thua, bèn nhằm đám bộ hạ điểm lấy vài trăm người đi về phía nam, có ý muốn đi gặp tới Giao Châu để cùng với Ngô Nhật Khánh tính kế cố thủ. Nhưng khi tới Nguyên Châu thì được tin ở Giao Châu, Ngô Nhật Khánh đã đầu hàng. Sứ quân biết tình thế cấp bách, lại đem thủ hạ quay về Trường châu, khi đến An Lũng (tức xã Hiệp Luật, huyện Nam Châu, Nam Định sau này) thì trời đã xế chiều, sứ quân ghé vào một quán ở bên đường, gặp bà chủ hàng họ Phạm tên Già thỉnh vào quán, rồi đem rượu hoa cúc và gọi cá trắm dâng mời sứ quân. Sứ quân nói: "Ta từ muôn dặm đến, vốn chưa quen biết lão bà, có sao mà hậu đãi ta làm vậy? Rồi đây ta biết lấy gì để đền ơn cho được".

Lão bà đáp: "Đêm qua tôi nằm chiêm bao có người bảo rằng ngày mai sẽ có bậc tôn quý đại nhân đến đây, người hãy tiếp đãi tử tế người ấy, hôm nay há chẳng phải là tướng quân ru?".

Sứ quân bèn nhận lời, ăn uống xong lại nói với chủ quán: "Ta nhớ mãi cái tình cảm nồng hậu này của bà, dẫu có thác chưa kịp báo ơn thì đất trời đền ơn, bà đã làm việc thiện ắt có nhiều điều vui. Bà hãy nhớ lấy lời ta". Nói đoạn bèn cởi áo cảm bào, một bộ long y và tất cả vàng bạc, đồ vật sẵn có trên yên ngựa, tất thảy trao cho bà chủ quán họ Phạm, rồi bước lên cầu mà hóa. (Do ở phía nam quán có cái cầu gỗ, nên tục gọi là Lũng Kiều). Hôm ấy là ngày 10 tháng 12 năm Đinh Mão. Ban đêm quân sĩ chôn cất xong rồi ra đi. Từ đấy bà chủ quán cảm kích, nhớ ơn công đức của sứ quân, cứ ngày ngày mang rượu cúc, gỏi cá thấp hương dâng lên trước mộ, nhân dân trong vùng cũng lập đền để phụng thờ sứ quân.

Về sau Lê Hoàn đem quân đi đánh giặc phương Bắc qua đây, đêm nằm mơ thấy sứ quân mang binh mã rất đông, nguyên cùng Lê Hoàn đi đánh giặc. Quả nhiên Lê Hoàn đại thắng, bắt được Phó tướng của giặc là Quách Quân Biện và Triệu Phụng Nuân. Sau khi Lê Hoàn trở về, lên ngôi vua, thấy sứ quân càng linh thiêng hiển ứng, bèn xuống chiếu phong sứ quân làm Đại vương, lại giao cho nhân dân Trường Châu lập miếu thờ vương tại quận này.

Khi vua Đại Hành mới gặp hỏi Vương rằng: "Ông là thần gì?" Vương đáp: "Tôi là thần Long Kiều An Lũng đấy". Bởi thế sau khi lập miếu, nhân đấy lấy chữ *Long Kiều* mà đặt tên hiệu cho Vương.

15. SỰ TÍCH ĐÔ QUAN THỜI TIỀN LÊ

Tương truyền bấy giờ có người con gái họ Chu ở trang Chi Ngải, phủ Nam Sách, đạo Hải Dương (tức Hồng Châu thời cổ), tên gọi Đô nương, tuổi vừa đôi tám, phong tư yếu điệu, nhan sắc phi thường, chốn phòng khuê buồng xuân còn khóa, duyên lành chưa hẹn, nên thời đẹp chưa bàn. Chẳng may cha mẹ nàng đều đã qua đời. Ngay hôm ấy, nàng liền chuyển sang nghề buôn tơ làm kế sinh nhai để chọn khách anh hùng, đón đợi nhân duyên.

Bấy giờ, nàng đi tới huyện Tiên Minh, cổ gọi là Bình Hà, sau đổi thành Tân Minh, phủ Nam Sách, đạo Hải Dương. Khi tới địa đầu nơi này thì đúng vào giữa trưa, bỗng nhiên thấy trời đất tối đen, mưa trút gió gào, sấm sét đùng đùng. Nàng khiếp sợ, bèn vào miếu thần ở trang Đăng Lai ẩn trú trong giày lát, bỗng nhiên mơ màng nhìn thấy trên điện có một dải hào quang rực rỡ phóng thẳng tới cuốn lấy nàng. Chốc lát nàng tỉnh dậy, thì trời quang mây đã tạnh, nàng lấy làm kỳ lạ, liền quay về nhà. Tự đấy nàng có thai, bấy giờ là ngày 4 tháng Giêng, năm Nhâm Dần thì sinh hạ một cậu con trai, phong tư dĩnh ngộ, tướng mạo khôi ngô, nàng rất yêu mến. Đô nương chăm chút nuôi dạy con, đến năm lên ba tuổi mới gọi tên là Đô công. Đến năm lên bảy thì cho đi học. Cho đến khi 17 tuổi đã nổi tiếng là chàng trai hào hoa phong nhã, học lực tinh thông, đọc khắp binh thư, võ nghệ lược thao. Năm 18 tuổi Đô công bèn hỏi mẹ: "Cha con bây giờ ở đâu mà mẹ con ta phải sống trong cảnh cô quạnh đơn nghèo như thế này". Khi ấy, mẹ mới đáp rằng: "Ta vốn lấy nghề buôn tơ để mà sinh sống, khi vừa tới địa đầu trang Đăng Lai, huyện Tiên Minh bỗng gặp trận mưa gào gió giạt, sấm sét đùng đùng, trời đất mịt mù, trong lòng hoảng sợ, mới vào miếu thần trú ẩn. Vừa lúc ấy thành hoàng xuất hiện cuốn lấy thân, làm mẹ mang thai, cho nên đã sinh ra con tài năng nhường ấy". Đô công nghe xong câu chuyện mẹ kể, thì mẹ tự nhiên vô bệnh mà chết. Đô công chỉ biết than khóc kêu trời, rồi tìm đất tốt để mai táng mẹ. Công ở nhà cư tang mẹ ba năm, hoàn toàn theo như nghi lễ. Giữa lúc ấy có lũ giặc Tống là bọn Hầu Nhân Bảo cùng với chúa Chiêm Thành tới xâm lấn, gây đại loạn với nước Việt. Chúng đem 5 vạn hùng binh, ngựa khỏe 3 ngàn con, chia 5 mũi tiến vào xâm lấn nước ta. Thư biên ải cáo cấp gửi về làm cho vua lo lắng vô cùng; ngài bèn hạ chiếu gửi tới các châu, huyện chiêu dụ người tài, thông văn giỏi võ có thể đánh đuổi giặc. Ngay trong một ngày, các địa phương phải chiêu mộ được hương binh cho họ sơ tuyển, người nào có tài thì ban cho quan tước. Bấy giờ Đô công vừa nghe thấy chiếu chỉ của nhà vua, đã khiến trời dậy nổi

lòng của người võ tướng; ông liền vượt lên trên hơn hai ngàn dặm sông vào trường ứng thí. Cuộc đua văn, bút rồng bay phượng múa, sao rụng sông sôi; võ trận tung hoành, hổ báo hồn kinh, lôi đình sấm dậy, biển động núi rung. Khi tới gặp vua, ông ứng đối lưu loát, xứng đáng là người văn võ kiêm toàn, không môn nào, chi tiết nào không tỏ rõ tài năng. Cho nên Đô công được chuyển lên chức Đô chỉ huy sứ Tướng quân. Ngày ấy ông được nhận quan tước, còn binh sĩ của ông thì được biên chế thành cơ đội. Tức thì vua giao phó cho ông đem quân đi tuần phòng và xem xét chăm lo đời sống dân phong ở đạo Hải Dương để phòng sự nhòm ngó của bọn giặc Tống giặc Chiêm. Đô công bái tạ nhà vua, lĩnh hơn hai ngàn binh sĩ lên đường với khí thế gió thổi cờ bay muôn dặm; thuyền bè chiêng trống rung động ngàn non, rong ruổi một ngày đêm, khi tới địa đầu huyện Tiên Minh, phủ Nam Sách, đạo Hải Dương thì trời vừa sắp tối. Đô công lẩm nhẩm đọc lời mẹ hiền, rồi xin trú tại miếu thần ở địa đầu trang Đăng Lai, nhân đây xem cảnh vật nhân tình ra sao. Sáng hôm sau, Đô công đi quan sát khu thôn trang, thấy có nhất cục địa thế sơn thủy lượn quanh, rồng chầu hổ phục. Tuy núi không cao mà lại có ao đầm nước nổi thuận tiện, thiết tưởng cảnh thắng khá phong quang. Công liền cho xây dựng đồn lũy để ứng phó với quân Tống, quân Chiêm Thành sau này. Khi ấy phụ lão, nhân dân trang Đăng Lai đều rất kính phục, mới xin công cho làm thần tử. Đô công thuận lòng bèn tuyển lấy 10 trai tráng làm gia thần thủ túc. Hôm ấy Đô công cho mổ trâu giết lợn để tế cáo trời đất, trăm thần sông núi, và để khao thưởng mọi người, nhân dân phụ lão, cùng các gia thần trong trang khu. Trong khi mọi người đang ăn uống thì các phụ lão tâu rằng: "Từ khi công dựng đồn đắp lũy ở đây, nhân dân đều an cư lạc nghiệp. Vậy nhân đây xin được phép nay làm đồn sở, ngày sau là miếu thờ". Đô công thuận lòng cho, lại hỏi phụ lão: "Thờ vị thần nào vậy?" Các phụ lão thưa: "Trang chúng con thờ phụng một vị thành hoàng rất linh thiêng, chừng hai năm gần đây có một phụ nữ buôn tơ, trên đường gặp gió mưa vào miếu

ẩn mưa trong chốc lát từ đấy không thấy thân linh ứng nghiệm gì cả". Đô công nghe rồi liền cười phá lên mà rằng: "Chính ta đây, từ mẫu ta khi sinh thời hay kể cho ta về thành hoàng ở trang các người, xuất thế đầu thai làm con từ mẫu để cứu nước giúp dân, nay ta đưa quân về đóng đồn ở đây là để khảo sát tình hình sự xâm bạo của giặc Tống, giặc Chiêm Thành ra sao, đừng lo. Nay dân làng các người đối đãi với ta hậu hỹ thì hãy trân trọng lời di mệnh của ta mà thờ phụng ta đến muôn ngàn năm sau". Nói đoạn, Đô công tặng cho phụ lão gia thần 5 hốt vàng để mua thêm ruộng tốt lo liệu cúng tế. Hôm sau thấy sứ giả mang chiếu thư của triều đình, triệu Đô công hồi kinh họp triều, để bàn kế sách tiến công quân thù. Đô công gấp gấp đem quân hồi triều, hiệp đồng cùng với các tướng sĩ cử binh đi tiêu trừ giặc Tống và Chiêm Thành. Cùng ngày, các tướng cùng nhau chia đường từ các ngả đánh ập vào đồn giặc, bọn chúng đại bại tháo chạy tan tác. Quân ta chém đầu Chánh tướng cùng hàng ngàn thủ cấp của chúng, lại thu vũ khí lương thảo của giặc nhiều không kể xiết.

Từ đó, thiên hạ thanh bình, quốc gia yên vui. Lê Đại Hành lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Thiên Phúc Lê Đại Hành liền mở hội mừng thưởng phong tướng sĩ cấp bậc khác nhau. Lại ban chiếu cho Đô công vinh quy nhiệm sở, thực ấp ở đạo Kinh Bắc, quận Vũ Ninh. Đô công trở về nhiệm sở thực ấp vào giữa mà đông. Công đi du ngoạn trên núi Phật Tích, trong khi các binh sĩ gia thân đang đi dạo bước ở bên sườn núi. Thời khắc giữa buổi ban trưa, bỗng trời đất tối đen mù mịt, mây đen bốn bề kéo tới giữa lúc mưa trút gió gào. Mọi người đều nhìn thấy có một dải mây trắng rơi thẳng xuống giữa xe của Đô công. Lại thấy Đô công bay theo dải mây ấy mà đi cho tới lúc khuất bên sườn núi thì thôi, tức công đã hóa rồi. (Bấy giờ là ngày 15 tháng 11). Trong khoảnh khắc, trời lại quang mây tạnh, nhìn rõ còn trùng đã đùn đất thành gò cao mô lớn. Khi ấy binh sĩ gia thân đều kinh ngạc, bèn làm biểu tâu lên triều đình. Nhà vua liền hạ chiếu, lệnh cho dân khắp các trang khu thuộc đạo châu huyện nào đã xin làm

thần tử Đô công thì đều được rước lệnh chỉ của vua, về lập miếu thờ tự. Lại sai quan thảo sắc phong thần hiệu cho Đô công là *Bản cảnh Thành hoàng Chu Đô quan Linh ứng Đại vương*.

Sau lại tặng phong là *Tể thế hộ quốc an dân, Phù vận dương vũ, Dư thánh Bản cảnh Hùng uy Đại vương, Trung đẳng tôn thần*.

Lại nói, từ đó về sau Đại vương đều luôn linh ứng hiển hách, cho nên nhiều đế vương các triều đại gia phong mỹ tự, chuẩn cho trang Đẳng Lai phụng thờ Đại vương mãi mãi.

Tới thời Trần Nhân Tông, giặc Nguyên sang xâm lược nước Nam, kinh thành bị vây hãm, Trần Quang Khải vâng mệnh vua cầu đảo trăm thần tại các đền miếu, trong ấy Đô công Đại vương cũng rất linh thiêng phù giúp và giúp cho triều đình đánh dẹp ô Mã Nhi. Bởi vậy mà Trần Nhân Tông Hoàng đế đã ban phong mỹ tự cho vị Đô công dòng chữ: *Linh ứng anh triết, Hiến hựu Trự thắng Đại vương*, lại ban sắc chỉ cho trang Đẳng Lai thờ phụng Vương ngàn thu.

Sau thời Hậu Lê, Lê Thái Tổ khởi nghĩa đánh dẹp giặc Liễu Thăng nhà Minh, đến khi được thiên hạ Thái Tổ bèn gia phong mỹ tự cho Đô công là *Phổ tế cương nghị Anh linh Hùng kiệt Đại vương*, lại ban sắc chỉ cho trang Đẳng Lai trùng tu miếu sở y theo lệ cũ thờ phụng Đô công mãi mãi.

Trong các tiết lễ, ngày sinh ngày hóa của thần, thì hai chữ "Đô quan" là tên húy của thần thì cấm ngặt không được gọi.

16. SỰ TÍCH VĂN LANG ĐẠI VƯƠNG

Tương truyền, thần xuất hiện vào thời Tiền Lê. Lúc đầu thần nhập vào khúc gỗ hương bạch đàn nổi lên trên sông Hương giang (thời xưa đoạn sông này rất sâu, phía bắc có sông Hội Khê, phía nam thuyền bè đánh cá neo đậu rất đông). Trong đám ấy có ngư phủ họ Mai, người thôn Đường Vịnh (nay là Đông Vịnh, thuộc xã Vũ Vinh, Vũ Thư, Thái Bình), tuổi đã cao

tính phác thực, trông thấy cây gỗ nổi lênh bênh giữa dòng sông, lại thấy gió mây nổi lên dị thường, bạn chài sợ hãi bỏ chạy hết lên bờ. Một mình ngư phủ miệng lẩm nhẩm khấn cầu: "Nếu đúng là thần linh thì xin phù hộ, đừng gió mưa để cho bắt đây thuyền cá". Lời khấn vừa dứt, quả nhiên ứng nghiệm ngay. Mai ngư phủ vớt gỗ lên để ở trên gò cao, lấy nón làm tán che, treo hoa làm sớ tạ ơn. Đêm ấy, ngư phủ được thần báo mộng: "Ta với người thực có duyên tương phù. Ta vốn là thần hầu hạ Thượng đế trên thiên đình, nay Thượng đế phái ta xuống trần gian tìm đất lành thay trời hiển hóa dân gian. Ta đã đi qua Tản Viên, Tam Đảo sơn, được Tản Viên Sơn Thánh mở đại yến khoản đãi. Ta đã báo cáo rằng ta đã chọn nơi cao xứ Đồi Long, ở thôn Đường Vinh (xưa thuộc xã Đông Nhuế, sau đổi gọi là Đông Vinh), huyện Chân Định, phủ Kiến Xương, đạo Sơn Nam để dựng đền miếu. Cây gỗ thơm hạch đàn từ Tam Đảo xuống dòng Nhị Hà về đây Người hãy báo cho dân thôn tới đó để dựng đền, ta sẽ ban phúc cho muôn đời". Sau đó, dân thôn trông thấy thần cưỡi ngựa trắng từ đất ấy bay lên trời, dân thôn lập miếu lên đó để thờ, xẻ gỗ tạc tượng, viết thần hiệu thờ thần. Từ đấy trở đi thần ngày càng linh thiêng hiển hách. Dân làng cầu gì được nấy. Các triều đều có phong tặng.

17. SỰ TÍCH BỐN ANH EM CÙNG MỘT BỌC CÓ CÔNG GIÚP VUA LÊ ĐẠI HÀNH

Theo thần tích, phụ thân của tứ vị họ Văn húy Thông, thân mẫu Hà Thị Tuyết, quán tại trang Yên Định, huyện Yên Định, phủ Thiệu Thiên, đạo Thanh Hoa (Thanh Hóa ngày nay), vốn nhà lương thiện, chuyên nghề nông tang. Vì muện con, nên cha mẹ thường buồn phiền. Vào một buổi chiều nọ cha mẹ bàn nhau sắm sửa lễ vật vào chùa cầu Phật. Đêm ngủ, ông nằm mơ gặp bốn người từ trên trời xuống, tự đẩy cửa đi thẳng vào nhà, rồi tới trước màn khiến ông sợ hãi. Bốn người nói: "Xin tôn ông đừng ngại ngần như thế. Tôn ông lòng thành tích đức, ra sức

làm việc nhân nghĩa, trời đã thấu tỏ cả, trời sai chúng tôi giáng sinh để nối nghiệp tôn ông. Tôn ông hà tất phải kinh sợ như vậy". Nghe dứt lời nói ấy thì ông tỉnh, và biết ngay là giấc mộng đẹp. Thế rồi phu nhân có thai, sau 11 tháng sinh ra một bọc bốn người con trai đều khôi ngô tuấn tú, đáng vẻ tinh anh. Cha mẹ xiết đổi vui mừng, liền đặt lên cho các con: Trưởng là Thụy công, thứ hai là Hoàng công, ba là Châu công và út là Vũ công. Đến năm 11 tuổi, cha mẹ kế nhau qua đời. Ba năm tang trở hoàn thành. Anh em dất dứu nhau đi tầm sư học đạo. Được ít năm, cả bốn anh em thầy đều tiến ích: Văn thao võ luyện, tiếng tăm lừng lẫy xa gần. Vừa lúc ấy tại đạo Tuyên Quang giặc già nổi lên như ong, vua Lê Đại Hành cử nhiều người đi đánh dẹp mà đều bị thua trận. Vua hết sức lo lắng, mới xuống chiếu cầu hiền. Nghe lời kêu gọi của thiên tử, bốn anh em liền ứng thí và đều trúng tuyển. Vua cả mừng, phong tước ban chức cho bốn anh em, sai lĩnh hơn một vạn tinh binh chia làm bốn đạo, cùng lên đường ra trận, hợp lực diệt giặc. Sau năm ngày hành quân thần tốc, quan quân đã áp sát đồn sở giặc, đánh một trận lớn quân địch đại bại, chúng bỏ chạy tán loạn về sông Bồ Tương, lại một đạo tháo chạy về quận Nam Hải. Thụy công và Hoàng công đóng đồn án ngữ tại thành Tuyên, Châu công dẫn một cánh quân đóng chặt bên sông Bồ Tương. Vũ công thì mau chóng tiến quân tới miền Nam Hải, hợp sức với anh trưởng và anh hai, phục kích địch ở đó từ trước để tiêu diệt hoàn toàn đám quân phiến loạn. Nghe tin quân ta đại thắng, vua Lê Đại Hành rất vui mừng, triệu tứ vị khải hoàn, mở tiệc khao thưởng tướng sĩ và ban phong phẩm tước. Nhưng tứ vị đều cố từ, mà chỉ xin nhà vua cho chu du vãng cảnh núi sông bốn phương, và thăm hỏi quê cha đất tổ nội ngoại. Nhà vua vui vẻ thuận theo. Tới một ngày kia, tứ vị tới địa phận khu Tam Long, trang An Xuyên, huyện Đông Quan, phủ Thái Bình, đạo Sơn Nam. Thấy đất đai nơi đó màu mỡ phong cảnh hữu tình, dân tình thuần hậu, tứ vị nảy ý muốn lưu cư ở đất này, bèn làm sớ tâu vua xin lấy đất khu Tam Long làm thái ấp. Vua cũng phê chuẩn theo ý nguyện.

Tứ vị liên tục xuất vàng bạc tiền của cho nhân dân xây dựng cung sở để ở. Từ đấy tứ vị ở lại nơi đây, giúp đỡ nhân dân hưng thịnh trừ hại, khuyên dạy dân cày cấy, trồng dâu nuôi tằm dệt lụa, lấy nhân nghĩa để cố kết nhân tâm, lấy điều hòa hiếu để tạo thành phong tục. Có thể nói, mọi người dân nơi đây nhờ có sự giúp đỡ khuyên bảo của tứ vị mà ai ai cũng được hưởng một cuộc sống yên vui, khắp chốn âu ca:

Trời ban phúc hậu họ Văn ta

Một bọc một bầu nở bốn hoa

Tạo lập công danh vang khắp cõi

Ơn vua nuần thấm thật bao la...

Thế rồi, có một ngày bốn vị sai sĩ tốt giết trâu mổ lợn làm cỗ, rồi triệu nhân dân già trẻ trai gái khu Tam Long đến cung sở cùng yến ẩm. Khi tiệc tàn, bốn vị từ biệt nhân dân rồi bay lên không trung mà biến hóa. Nhân dân ngỡ ngác kinh hoàng, thương xót khôn cùng, mới vội làm sớ tâu về triều. Vua nghe tin liền sai sứ về tận nơi các thần hóa làm lễ tế và gia phong thần hiệu, lại giao cho nhân dân Tam Long thờ phụng tứ vị để hương khói muôn đời.

18. CHA ĐỔ ĐÓ, MẸ LÁ CHÙA

Vào thời Thiên Phúc nhà Tấn (Trung Quốc), ở Trường Châu (thuộc Ninh Bình), có hai vợ chồng người nông dân nghèo. chồng là Lê Mịch, vợ là Đặng Thị. Hai vợ chồng ăn ở với nhau đã lâu mà vẫn chưa có một mụn con. Vợ chồng ông bà nghèo lắm, nghèo đến nỗi không có tác đất cắm dùi, không có nổi một túp lều tranh để ở mà phải nương nhờ trong một ngôi chùa. Hàng ngày, ông Lê Mịch thường đi đơm đó cá, tép ở đồng, ở sông. Bà Đặng Thị chuyên quét dọn lá đa, lá đề và làm lao dịch cho nhà chùa. Mọi người thường gọi ông bà là "ông đổ đó, bà lá chùa".

Một hôm bà Đặng Thị ra tắm ở hồ sen bên chùa, thấy có một nụ sen lớn, đang chụm chim nở, vươn cao, sắc hồng thắm, rực

rõ, thơm ngát hơn mọi đóa sen khác trong hồ. Bà liền hái nụ sen đó ngủi rồi mang về để ở đầu giường nằm cho thơm. Đêm hôm ấy, bà mộng thấy đức Phật Quan âm Bồ Tát hiện lên nói:

- Vợ chồng con hiền lành, nhân đức, nên đã cảm hóa được cõi Phật. Ta ban cho đóa sen Thiên Tử, vợ chồng con sẽ được toại nguyện.

Vợ chồng bà sụp lạy năm lạy, đang định hỏi thêm thì đức Phật đã biến mất. Bà Đặng Thị còn nằm mơ thấy đóa sen kết trong bụng mình thành hạt, bà hái chia cho mọi người ăn. Bỗng tỉnh dậy, bà quờ tay lên đầu giường để tìm bông sen thì không thấy đâu nữa. Bà đặt tay lên bụng mình, thấy khắp người rạo rức, bâng khuâng, lại như đang bay bổng bên trên chín tầng mây. Bà đánh thức chồng dậy, thuật lại giấc chiêm bao kỳ lạ đó. Vợ chồng ông bà định thần, nhìn ra bốn phía không thấy gì. Duy chỉ có mùi hương trầm lẫn hương sen là cứ quện thơm ngào ngạt. Tiếng chuông chùa vừa điểm canh tư.

Ngày qua ngày, bà Đặng Thị thấy trong người khang khác, lạ thường. Rồi bà có thai, hai vợ chồng mừng lắm. Nhưng chẳng may cho ông, một hôm đi đơm đó bị cảm nặng rồi chết đột ngột. Thấy bà Đặng Thị có thai, nhà chùa không cho ở trong chùa nữa. Một số kẻ xấu bụng đồn đại bà hoang thai, vì thế bà xấu hổ, bỏ làng vào rừng khum một túp lều để ở cho qua ngày. Có lần nghĩ cực thân quá, bà nhảy xuống suối tự tử, nhưng lạ kỳ thay, nước suối lại rẽ ra, rồi như có bàn tay vô hình đưa bà vào bờ.

Một hôm có hai vợ chồng người tiểu phu nghèo vào rừng đốn củi. Khi đến gần túp lều của bà, họ nghe thấy có tiếng trẻ khóc, đến gần thì thấy bà Đặng Thị đã chết, hai bên có hai con hổ đang nằm châu phủ phục. Vợ chồng người tiểu phu thấy vậy sợ hãi quá, chạy về gọi dân làng và báo cho nhà chùa biết. Sư cụ trụ trì ở chùa ra đọc kinh sám hối. Hai con hổ gầm lên hai tiếng rồi biến mất. Nhà sư đón đứa trẻ về nhà chùa nuôi. Cậu bé khôi ngô, tuấn tú, mắt sáng, mày sắc, tướng mạo khác với, mũi sư tử,

miệng rộng, môi dày, chúm chím như đóa hoa sen mới nở, dung nhan tươi tắn như tượng mới tạc. Sư cụ đặt tên cậu bé là Hoàn, tức là "trở lại" với nhà chùa và cho theo họ cha là họ Lê.

Lê Hoàn còn bé, ra chơi với lũ trẻ trong làng luôn luôn bị chúng chế giễu là "Cha dở đó, mẹ lá chùa" nên cậu rất bực. Sống ở chùa, Lê Hoàn chịu khó nghe sư cụ giảng dạy chữ nghĩa, kinh bốn. Chăm học và rất sáng dạ, quyển kinh dày hàng trăm trang, cậu chỉ đọc vài ba lần là đã thuộc lòng. Sư cụ thường nói với mọi người, thằng bé này lớn lên ắt không phải là người thường, nó sẽ là bậc kỳ tài, hiếm có người sánh kịp.

Ít lâu sau, sư cụ mất, những người trong chùa nói là cậu sống nương tựa vào chùa quá nhiều, lại hay nghịch ngợm làm mất vẻ u tịch của nhà chùa. vì vậy Lê Hoàn bỏ chùa đến xin làm người ở cho nhà viên quan trong châu là Lê Quan Sát. Thấy Lê Hoàn còn nhỏ tuổi nhưng vóc dáng khỏe mạnh, bước đi hùng dũng như cọp, nói năng, ứng đáp trôi chảy, Lê Quan Sát nhận cậu là người ở để chăn ngựa cho mình.

Một hôm, giữa đêm đông rét mướt, viên quan họ Lê dậy kiểm tra dinh phú, bỗng ông nhìn thấy có một quang sáng lạ phát ra dưới chuồng ngựa. Lê Quan Sát lẳng lặng đi đến chỗ phát ra vầng hào quang kỳ lạ đó để xem thì thấy Lê Hoàn đang nằm ngủ, phủ phục trên mình con ngựa bạch. Một con rồng vàng, miệng ngậm đóa sen hồng phát ra quang sáng huyền ảo, lung linh, đang áp tròn lấy lưng Lê Hoàn. Lê Quan Sát kinh sợ, cho là hài đồng Thiên tử giáng sinh, bèn sụp lạy rồi rước Lê Hoàn lên nhà. Thấy Hoàn cũng họ Lê nên Lê Quan Sát nhận Hoàn là con nuôi, đón thầy về dạy văn võ, kinh sử cho Hoàn.

Năm Hoàn hai mươi một tuổi, nghe tin Đinh Bộ Lĩnh dấy binh ở động Hoa Lư, chiêu hiền đãi sĩ bốn phương, Lê Quan Sát dẫn Lê Hoàn đến yết kiến Vạn Thắng Vương hoàng đế.

Thấy Lê Hoàn mặt phượng, miệng rồng, dáng đi như beo, như cọp, binh thư, kinh sử lâu lâu, Đinh Bộ Lĩnh lấy làm mừng lắm, bèn gọi Đinh Liễn là con trai trưởng của mình đến nói:

- Đây là chàng tuấn kiệt, ta giao cho con để làm tỳ tướng tiên phong. Con và chàng trai này là nanh vuốt của cha.

Đinh Liễn bái biệt cha rồi đưa chàng trai trẻ đó về doanh thự của mình. Từ đó Lê Hoàn trở thành một dũng tướng của Đinh Liễn, theo vua Đinh đi đánh dẹp bốn phương, mỗi khi ngọn giáo chỉ nơi đâu là nơi đó quân thù tan vỡ, quy hàng.

Sau khi dẹp xong loạn các sứ quân cát cứ, thống nhất sơn hà, dựng nước Đại Cồ Việt, sắp đặt các quan tước trong triều, Đinh Tiên Hoàng phong Lê Hoàn là *Thập đạo Tướng quân*, trông coi toàn bộ mười đạo binh mã nhà Đinh.

Khi nhà Đinh mất, Lê Hoàn lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là *Đại Hành hoàng đế*. Dân gian đều cho đó là điềm trời đã giáng sinh Thiên tử từ trước.

Sau khi Lê Đại Hành mất, nhân dân lập đền thờ, các đồ tế khí, hoành phi và cột đền đều chạm khắc, phù điêu hoa sen để ghi lại sự tích lý kỳ đó.

19. CÂY KHẾ TRONG VƯỜN VUA LÊ

Trong kinh thành Hoa Lư có vườn thượng uyển để vua ra ngự dạo và các quan tiến dâng trái đầu mùa cho vua hưởng. Vườn thượng uyển này có từ thời vua Đinh Tiên Hoàng. Thời vua Lê Đại Hành tiếp sứ Tống cũng thường bày các trò vui chơi và thưởng tiệc ở đây.

Trong vườn thượng uyển có hàng trăm thứ cây quả và chim thú lạ. Đặc biệt ở đây có một cây khế sum suê, mỗi năm chỉ ra một quả to hơn khế bình thường, có bốn múi đều đặn, ăn mát và ngọt lại không có hạt. Người ta nói giống khế này là của người Chiêm Thành tiến cống.

Đã bốn mùa liên cây khế không ra hoa kết quả, năm nay mới lại ra quả như trước. Khế chín, quan Thái giám hái dâng vua Lê Long Đĩnh. Độ này vua ốm yếu, chỉ nằm chứ không ngồi dậy được. Dân gian gọi là vua Ngọa Triều. Ngay cả lễ thiết

triều, vua cũng chỉ nằm trên long sàng mà phán chỉ. Bệnh trĩ càng ngày càng nặng. Các thầy thuốc đã được triệu về kinh để chữa nhưng bệnh vua vẫn không thuyên giảm. Nghe quan Thái giám tâu "ăn khế mát, bổ, lại là một vị thuốc quý", vua Ngọạ Triều tỏ ra rất vui lòng.

Giống khế này từ trước tới nay không có hạt, lần này vua ăn lại thấy có hạt. Kỳ lạ hơn, không phải là hạt khế mà lại là hạt mận. Nhà vua cho gọi quan chiêm tinh lại hỏi xem duyên cớ ra sao. Quan chiêm tinh xem xét hồi lâu rồi thưa:

- Muôn tâu, thần bẩm chỉ e trái ý Hoàng thượng, sẽ phạm trọng tội.

Vua Ngọạ Triều phát tay:

- Khanh cứ nói!

Quan chiêm tinh dâng hắng nói:

- Muôn tâu, quả tự nhiên sinh hạt tức là cây già cỗi. Hạt mận tức là chữ "Lý", ở đây là điềm báo họ Lý sẽ xuất hiện.

Vua Ngọạ Triều nhớ lại chuyện cây gạo ở châu Cổ Pháp¹ mấy tuần trước sét đánh chẻ đôi, trong thân cây có bài sấm ký nói họ Lý sẽ thay họ Lê, bây giờ lại có điềm báo ở quả khế này thì sự báo ứng đã hiện ra đến nơi rồi.

Nhà vua hoảng hốt, trai giới bảy ngày, làm lễ ở Thái miếu và lập đàn cầu siêu cho anh là Lê Long Việt đã bị mình giết chết cướp ngôi. Sau đó nhà vua hạ lệnh tìm khắp thiên hạ, ai là người họ Lý đều cho người giết chết hết. Rất nhiều người họ Lý phải mai danh ẩn tích, thay họ đổi tên để bảo toàn sinh mệnh.

Cùng lúc đó, quan Thái giám tâu với vua rằng: "Điện tiền tướng quân Lý Công Uẩn, hầu bên cạnh nhà vua, sao Người không giết ngay để trừ hậu họa? Hơn nữa, Công Uẩn lại là người của châu Cổ Pháp, phải chăng có liên quan đến điềm báo trong lời sấm ký ở cây gạo?".

1. Cổ Pháp: nay thuộc Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Vua Ngọa Triều suy nghĩ miên man, sức khỏe lại càng giảm sút. Những cơn ác mộng cứ hiện về hành hạ nhà vua. Ngài đã mấy lần định cho giết Lý Công Uẩn thì lại thấy Lý Công Uẩn đứng hầu bên cạnh. Ngọa Triều nghĩ: Công Uẩn tính tình khoan hòa, nhân thứ, lại có lòng trung. Khi ta sát hại vua anh là Long Việt, các đại thần văn võ đều bỏ chạy cả. Duy chỉ có Công Uẩn không chạy, mà ôm xác vua khóc than. Ta định giết luôn Công Uẩn nhưng không thấy hắn có ý chống lại, chỉ ngược mắt nhìn ta vừa như giận, lại vừa tỏ ý sẵn sàng theo ta. Khi ta dùng thì Công Uẩn tận tâm phụng sự. Ta không tin người ấy sẽ là người họ Lý như điểm cây khế và lời sấm ký trong cây gạo được.

Thế là Điện tiền tướng quân Lý Công Uẩn vẫn đêm ngày phụng sự bên cạnh vua Ngọa Triều mà không hề bị nghi kỵ, hoặc bị sát hại.

Vua Ngọa Triều một đêm thấy khó ở, bảo các quan cận thần cho ra nghỉ ở sân rồng. Vua vừa thiếp đi thì thấy Dương Vân Nga và con trai bà là Lê Long Việt đứng trước mặt. Vua Long Việt dấy mình máu đỏ. Ngọa Triều sợ quá hét lên một tiếng, các quan chạy lại thì vua băng hà.

Điện tiền tướng quân Lý Công Uẩn được Quốc sư Vạn Hạnh và các quan đại thần tôn lên làm vua. Từ kẻ chợ đến làng quê, đâu đâu người ta cũng thán phục điểm báo ơ cây khế trong vườn thượng uyển và lời sấm ký trong cây gạo ở châu Cổ Pháp.

Chuyện vua Ngọa Triều ăn khế thấy hạt mận đến nay vẫn còn lưu truyền ở Hoa Lư.

20. ÔNG TIÊN XOA BÀ RỒNG ẤP

Ông bà tổ phụ Lê Hoàn vốn nhà phúc đức nhân hậu nhưng nghèo túng, đi lang thang phiêu bạt nhiều nơi, cuối cùng mới về ở một bìa rừng vùng núi Bảo Cái (nay thuộc xã Liêm Cẩn), làm bạn với hươu nai, muông thú, hái củi kiếm sống. Tuổi đã cao

ông bà mới sinh được mụn con trai. Ông bà ngày càng tu nhân, tích đức, mong ngày sau được hưởng phúc dài lâu.

Một hôm, bà vào rừng hái củi, gặp con hổ con mới lọt lòng mẹ lăn lóc, trơ trọi trên một tảng đá, cơ chừng nó sắp chết. Bà động lòng thương, bèn ẵm lấy hổ con mang về nuôi. Từ đó, ông bà vừa nuôi con, vừa nuôi hổ, chăm chút hổ như con. Hổ ngày một lớn. Ông bà dạy cho hổ biết làm những công việc lật vật, biết trông nhà và nó tỏ ra ngoan ngoãn. Ông bà càng thương nó.

Thuở ấy, đồng Đò, đồng Te, đồng Cấm tôm cá nhiều vô kể. Ông làm nghề đơm đó. Ông bèn luyện cho hổ tập coi đó. Hôm ấy, để thử xem hổ đã thạo nghề coi đó chưa. Ông ăn mặc khác ngày thường, ông lò mò giả cách như người đi đồ đó trộm. Hổ thấy có kẻ lạ đồ trộm đó, nhảy ra vả liên cho mấy cái. Không ngờ phải chỗ hiểm, ông chết ngay. Hổ lật mặt người chết lên xem, thì ra chính là bố nuôi mình. Hổ gầm lên xót xa đau đớn. Nước mắt hổ tuôn ròng. Thế rồi, hổ công xác bố đem tìm chỗ giấu. Nó đi quần quanh khắp đồng, khắp núi, mãi mới tìm ra được một nơi kín đáo. Đó là chỗ núi Bảo Cái nhô ra như một cái đầu rồng, hai bên là hai quả đồi tựa như hàm rồng đang sắp khép lại, ở giữa là một lạch đất nhỏ cây cối um tùm dây leo chằng chịt. Hổ đặt xác bố nuôi vào đó lấy lá phủ lên, cào đất lấp lại. Nó vừa làm việc ấy, vừa vật vờ gào khóc thảm thiết, nước mắt hổ tuôn đọng thành vũng, bọt dãi hổ cũng sủu ra thành đồng quanh mộ. Xong xuôi, nó mới trốn biệt vào rừng xanh.

Đêm ấy, bà tổ phụ Lê Hoàn bồn chồn không sao ngủ được. Gần sáng, bà vừa chớp mắt thì mơ thấy ông về báo cho bà biết ông bị hổ vả chết. Rồi kể lại cho bà nghe đầu đuôi câu chuyện và dặn: Hãy đến núi Bảo Cái mà tìm mộ ông. Khi đi nhớ mang theo hai cái lọ, hổ còn để lại nước mắt và bọt dãi linh diệu đó, lấy hai thứ đó cho vào đầy hai lọ, mang về cất giữ để cho đời sau...

Bà bàng hoàng tỉnh dậy, kêu khóc, nhờ bà con, làng xóm đi tìm xác ông. Họ tìm đến nơi thì quả xác ông đã được mối đùn lấp cao như một cái gò (chỗ ấy từ đó có tên là Mả Giấu). Bà nhìn

quanh, thấy bọt dãi và nước mắt hồ còn đọng bên mộ. Bà làm đúng theo lời ông dặn, lấy hai thứ đó cho vào đây hai lọ, đem về chôn ở góc vườn. Dăm năm sau thì bà mất. Người con trai của ông bà năm ấy khoảng 13 - 14 tuổi. Đó là ông Lê Phụ, bố đẻ ra Lê Hoàn sau này.

Ông Lê Phụ mồ côi cả cha lẫn mẹ, phải lặn lội nay đồng, mai núi, khi cá tôm, khi than củi lặn hồi kiếm sống. Đến năm 18 tuổi, ông lấy một người vợ tuy nghèo nàn, cũ kỹ, tóc rối, da chì nhưng siêng năng, tần tảo, nghe đâu bà từ xứ Thanh phiêu bạt ra. Hai ông bà vừa cấy cấy, vừa kéo sợi, dệt vải nuôi nhau. Một hôm, bà ra vườn cuốc đất, cuốc đến góc vườn thì thấy bật ra hai cái lọ sành... Bà lấy làm lạ, mở ra một lọ cho tay vào xem trong lọ có gì không? Trong lọ chỉ có nước. Một thứ nước mát lạ kỳ, thấu tới tận gan ruột. Bà rút tay ra thì lạ thay, bàn tay bả vốn đen đũi, chai sạn nứt nẻ vì lam làm vất vả, bỗng trở nên trắng trẻo nuột nà. Bà thử xoa nước đó lên người, xoa đến đâu, bà cảm thấy mình trắng đẹp ra đến đó. Thế là bà cởi áo váy, bê cả lọ nước thần giội lên đầu, lên mình, xoa đều lên khắp thân thể, tay chân. Rồi bà chạy đi tìm ông. Ông trở mát lạ lùng, người đầu mà đẹp thế ông chỉ nhận ra bà nhờ bộ áo váy cũ rách mà thôi. Bà bèn kể cho ông nghe cái sự lạ ở góc vườn và dắt ông ra, chỉ cho ông xem hai cái lọ. Ông mở nắp lọ còn lại thò tay vào thử thì thấy toàn một chất nước nhầy như dãi dốt và khi tay ông vừa chạm vào nước ấy ông cảm thấy có hơi ấm lạ lan tỏa khắp người. Rút tay ra, ông cảm thấy tay mình lực lưỡng hơn xưa. Ông vui mừng, lấy nước xoa khắp lên người, lên tóc tai, tay chân, mặt mũi. Xoa rồi, ông cảm thấy có một nguồn sức lực mới cuộn cuộn trong từng đường gân, thớ thịt. Ông thử giậm chân một nhát, đất bỗng sụt xuống ngập sâu quá gối. Ông thử nhổ một cây cỏ thụ, cây bật gốc trốc rễ.

Chẳng mấy chốc tiếng đồn ông khỏe như thần, bà mẹ đẹp như tiên, lan truyền khắp tứ xứ.

Thuở ấy, các hào trưởng, thổ hào thường gây nuôi thế lực,

xưng hùng, xưng bá từng vùng. Họ không những tranh giành cướp đoạt lẫn nhau mà còn cậy mạnh hà hiếp dân chúng, làm cho thiên hạ thêm muôn nỗi rối ren. Nghe tin bà Lê Phụ đẹp như tiên sa thì không ít người mưu toan cướp đoạt lấy bà. Họ chỉ sợ nỗi ông Lê Phụ có sức khỏe mạnh lay thành, nhổ núi nên chưa dám.

Một hôm, ông vắng nhà, có một đoàn mấy chục tên tay chân của hào trưởng rầm rộ kéo đến nhà, xưng là đến mua vải. Chúng xông vào bắt bà, toan bó vồng mang đi. May sao, ông chợt về. Thấy thế, ông vớ ngay một hòn đá to, vác lên vai, lừng lững đi vào trùng mắt nhìn, cả lũ gian khiếp vía ù té chạy mất. Lại một lần khác, bà bị bắt xuống thuyền thả cánh chèo như bay. Khi biết, ông vội chạy theo dọc sông, vượt lên đón đầu và nhổ cây ném xuống, đầy nghẽn cả một khúc sông. Bọn cướp phải bỏ thuyền mà chạy, ông cứu được bà về.

Tiếng tăm về nhan sắc của bà đồn đến tận tai Bạch Hổ. Bấy giờ, Bạch Hổ là một trong những hào trưởng có thế lực nhất trong vùng. Vốn là con một bà mẹ bị hổ trắng hiếp sinh ra nên Bạch Hổ có sức mạnh và oai vũ lớn. người người đều khiếp sợ. Nhưng nghe đồn về sức khỏe của ông Lê Phụ thì Bạch Hổ cũng phải kiêng, bèn lập mưu để hại ông mà đoạt bà.

Một hôm, Bạch Hổ cho quân mang theo vồng cáng đến nấp sẵn quanh nhà ông bà Lê Phụ. Bạch Hổ tự mình dắt con trâu mộng đi vào trước cổng. Con trâu đã to, sừng lại được vót nhọn hoắt, mắt đỏ, mũi thở phì phò như ống thổi hơi rượu: trông nó dữ tợn hung hãn lắm. Bạch Hổ gọi ông Lê Phụ ra mà bảo:

- Ta nghe nhà ngươi có sức khỏe như thần. Liệu ngươi có vật nổi con trâu này không?

Ông Lê Phụ gật đầu, Bạch Hổ mừng lắm, thầm nghĩ ông Lê Phụ đã trúng kế hiểm.

Lê Phụ chẳng lười thôi, xắn tay xông vào. Con trâu cũng vừa được buông thừng, chồm tới. Ngay lúc đó Bạch Hổ đã vội hí hửng làm hiệu cho quân mang vồng cáng, kéo vào sân nhà Lê

Phụ... Nào ngờ, trong chớp mắt, Lê Phụ đã khóa chặt cổ con trâu, bứt lên quá đầu mà quật xuống. Trâu chết tươi, Lê Phụ quay vào thấy quân gia võng căng đầy sân thì làm bộ bờ ngỡ hỏi

- Các người mang võng căng vào làm gì?

Bạch Hổ chống chế.

- Thưa ngài, ngài quả là bậc thần vũ có một không hai. Tôi cho sắp võng căng để nghênh rước ngài một vòng, cho thỏa lòng kính mộ!

Lê Phụ thừa biết mưu toan thâm độc của chúng, nhưng ông không thèm chấp nhận. Ông chỉ cười khoan dung, rồi đường hoàng lên võng cho chúng rước.

Tiếng tăm nhan sắc của bà Lê Phụ vang dội sang tận triều đình nhà Tống. Vua Tống sai bốn sứ thần với đầy đủ quân gia hộ tống sang dò xét thực hư và tìm cách bắt bà mang về cho hấn. Sang đến nơi, chúng cải trang thành một đoàn kiểm củi chân trâu, ẩn núp quanh vùng đợi thời cơ hành động. Bốn sứ thần nhà Tống đang đêm leo lên núp trên mái nhà ông bà Lê Phụ. Sáng ra, bốn tên ngáy người trước vẻ đẹp chim sa, cá lặn của bà. Chúng đang nghĩ cách bắt bà thì ông Lê Phụ lòi từ trong nhà ra một con trần to kền. Con trần bị bóp ngang cổ, miệng há ra bằng mấy cái gấu gai đỏ lôm, giãy giữa dùng dùng một cách tuyệt vọng. Bốn sứ thần những trông đã kinh hãi, lại nghe ông bình thản bảo bà:

- Sáng nay, ta làm thịt con trần này, còn bốn con nữa trên kia, chiều bắt nốt làm thịt!

Cả bốn tên đều rụng rời khiếp vía, co quắp cả chân tay, lăn nhào xuống võ sọ, dập mặt chết ngay...

Ít lâu sau, bà Lê Phụ có mang. Truyền rằng từ đó, đêm nào cũng có con rồng vàng từ trên trời xuống ấp bóng trên giường bà và đêm nào trong nhà ông bà cũng rực rỡ hào quang. Đêm trước hôm sinh, bà mộng thấy một vị thần đặt vào lòng bà một đứa bé và bảo bà rằng đây là một vị hoàng đế. Vị thần còn đưa cho bà

một cái lọ con và dặn khi nào sinh con thì cho nó uống lọ nước thần này, sẽ đời đời giữ nghiệp đế vương.

Tỉnh dậy, cái lọ còn trên tay. Bà đem chuyện kể cho ông nghe. Ông sợ ý mở nút lọ ra xem thì nước thần bay hết, chỉ còn tí chút. Đến lúc sinh con, theo lời thần dạy, bà dốc lọ mãi mới được mỗi một giọt nước thần rơi vào miệng đứa bé. Vì vậy mà đứa con này dầu là chung đúc khí huyết của ông tiên xoa, bà rồng ấp, có hùng khí chọc trời, tài ba huân nghiệp rạng rỡ, oanh liệt đến vậy nhưng cũng chỉ ở ngôi vua, tức vua Lê Đại Hành, có một đời là đứt mạch.

21. BÀ CHÚA TÓ

Vào cuối thế kỷ thứ V, nhà Đinh suy tàn, giặc Tống bên ngoài lại lăm le xâm chiếm. Quân sĩ và triều đình tôn Lê Hoàn lên ngôi tức là vua Lê Đại Hành. Vừa yên vị, nhà vua đã ra lệnh cất quân đi dẹp giặc Tống.

Vua thường kéo quân theo dòng sông Nhuệ tiến lên phía Bắc.

Dân các ấp dọc hai bờ sông đều theo giúp nhà vua.

Một hôm, vua qua ấp Hoa Xá ở Tả Thanh Oai (nay thuộc huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội) tạm dừng quân để lấy binh lương. Giữa trưa, vua chợt thấy một vùng ráng đỏ ngời lên từ một khu ruộng, liền sai sứ tới xem. Sứ giả chỉ thấy một cô gái rất xinh đẹp đang làm cỏ lúa, trở về cứ thế tâu trình. Vua thân đến gặp hỏi, cô gái chẳng hề run sợ, lại thưa rằng: "Nhà vua có việc của nhà vua, chúng em có việc của chúng em. Nhà vua dẹp giặc nước, chúng em dẹp giặc cỏ". Vua rất lấy làm phục. Trong phút nghỉ ngơi, cô xuống sông vốc nước rửa tay, nhà vua còn thấy trên trời có đám mây năm sắc che đầu cô. Vua thầm cảm mến, liền chọn ngày thu nạp cô làm vợ và cho theo đoàn quân, lo việc tiếp tế lương thảo, phong làm Đô Hồ phu nhân. Nhân dân thường gọi là bà chúa Tó, theo tên gọi của làng, hoặc bà chúa Hến, theo việc làm hằng ngày của cô.

Chúa Tô lo lắng việc quân lương rất là đặc lực. Cả khu vực ấy, vừa sung sướng có người làng trở thành bà phi, vừa mến phục bà, nên rất hăng hái nghe lời bà khuyên nhủ. Trai tráng lực điền nô nức tòng quân. Các thôn như Kẻ Hữu (làng Hữu Lễ), Kẻ Giễn (làng Siêu Quân), Kẻ Từ (làng Tả Thanh Oai) đều đua nhau luyện võ, đóng thuyền. xay thóc giã gạo để giúp việc quân. Bà chúa Tô còn có sáng kiến làm bánh chè lam, làm cốm nếp ngào mật để quân sĩ có lương khô ăn đường giết giặc.

Khi quân ta đại thắng, vua Lê Đại Hành khải hoàn đưa bà chúa Tô về Trường Yên. Vua cấp ruộng đất, tiền của để bà đóng thuyền và lập cung điện ở nơi vườn cũ của bà. gọi là Đô Hồ phi cung. Khi bà mất, nhà phi cung này trở thành miếu điện. Nhân dân thờ chung bà và vua Lê Đại Hành ở đó.

Đời nhà Trần, giặc Nguyên sang xâm lược. Vua Trần sai quan về mật cầu tại đền. Thần đã hiển linh ngầm giúp đánh lui được quân giặc. Trong khởi nghĩa Lam Sơn, bà cũng linh ứng phò trợ cho quân ta đánh thắng các trận ở Đông Đô, Ninh Kiều, Chúc Động.

22. BA ĐÓA HOA HỒNG

Vào thời Tiền Lê, ở trang Ngọc Đường xã Vũ Xá, nay là Vũ Thương xã ái Quốc: Nam Sách, có một gia đình họ Vũ. ông chồng tên là Vũ Thành và vợ là Hoàng Thị Mậu. Hai ông bà ăn ở hiền lành. Chỉ hiếm một nỗi đã ngoại ba mươi tuổi mà ông bà vẫn chưa có con. Ông bà ngày ngày tu nhân tích đức, thành tâm cầu nguyện.

Họ sống trong ngôi nhà đơn sơ dựng trên một gò đất rìa làng Vũ Thương, hình con Kỳ Đà, thế đất rồng cuộn. Theo lời khuyên của thầy địa lý, ông có mệnh *đoài*, làm nhà mở hướng *thiên y*: gian chính hợp hướng *sinh khí*. Được thế đất, hướng nhà, ông bà tâm thành lễ mọn, cầu trời phật cho một mụn con để vui cửa vui nhà. Cho đến một đêm bà nằm mộng thấy mình đang từ gò Kỳ

Đà được tiên nữ sa xuống đất tay bay lên trời cao, ở đó có vầng mây hiện ra như một vườn hoa đẹp. Bà Hoàng Thị Mậu tự tay ngắt lấy ba đóa hoa hồng rồi lại từ từ theo tiên hạ xuống ngôi nhà quen thuộc. Từ hôm ấy bà có mang.

Sau chín tháng mười ngày, bà sinh ra ba cậu bé kháu khỉnh. Ông bà đặt tên cho ba con là Vũ Hồng, Vũ Huệ và Vũ Động (còn gọi là Hồng Hóa, Tuyên Huệ và Động Lâm). Lớn lên, cả ba anh em đều khôi ngô tuấn tú. Được cha mẹ lo cho có đủ cơm ăn áo mặc, ba anh em đều chăm chỉ, chuyên cần. Họ chẳng những đã thông lâu kinh sử văn chương mà còn luyện tập tinh thông võ nghệ. Ba ông một lòng phụng dưỡng mẹ cha, ngày đêm tín tâm kính thờ trời phật.

Đúng vào dịp ấy có giặc phương bắc sang xâm lược nước ta. Chúng cho quân chiếm đóng khắp nơi, gây ra nhiều tội ác man rợ. Vua ra chiếu chỉ kén chọn nhân tài cứu nước. Ông bà Vũ Thành - Hoàng Thị Mậu cho cả ba người con cùng lên kinh bái yết vua. Ba ông họ Vũ tân trình, được ngay nhà vua trọng dụng. Vua giao cho ba ông cầm quân đi trấn giữ vùng Sơn Nam, Khoái Châu, Đằng Châu. Tài võ nghệ của ba ông được đem ra thi thố. Ba ông liên kết với hai vị tướng ở trang Cáp Nhất cũng cầm quân ở gần đó tạo thành một mặt trận thống nhất. Quân sĩ được bố trí chặn đánh cả trên bộ lẫn dưới thủy, kết hợp quân lính nhà vua với lực lượng hùng hậu của nhân dân trong vùng. Trong khi đó, quân giặc từ xa đến, không hợp thủy thổ, tinh thần hoang mang lo sợ. Với khí thế áp đảo, quân lính của các tướng họ Vũ đã đánh cho quân giặc đại bại, chen nhau rút chạy tán loạn.

Làm tròn sứ mệnh vua giao, ba vị tướng kéo quân về báo công với vua. Vua bèn mở tiệc khao quân. Riêng với ba tướng, nhà vua ban cho vàng một trăm cân, lụa một trăm tấm.

Mang lộc vua ban, ba vị tướng lên đường trở lại quê hương bản quán. Từ xa đã thấy trên bầu trời trang Ngọc Đường lại xuất hiện đám mây hình dáng như một vườn hoa, nổi lên đỏ thắm ba bông hoa hồng. Về tới nhà thì song thân vừa qua đời.

Ba tướng lo ma cha mẹ, ban lộc cho dân làng rồi chia nhau về ba nơi được vua cho lập làm cung sở là Vũ Thượng, Vũ La và Văn Xá. Nơi ở cũ của ông bà Vũ Thành - Hoàng Thị Mậu được dân làng dựng thành ngôi chùa gọi là chùa Kỳ Đà để thờ thánh phụ, thánh mẫu. Cả ba tướng đều hiển thánh. Tướng Vũ Hồng hóa vào ngày mồng Hai tháng Mười, trở thành *Đương cảnh Thành hoàng Hồng Hóa Thượng đẳng Phúc thần Đại vương* làng Vũ Thượng. Tướng Vũ Huệ hóa vào ngày Mười Tám tháng Tám, là *Đương cảnh Thành hoàng Tuyên Huệ Thượng đẳng Phúc thần Đại vương* làng Vũ La. Còn ông thứ ba, tướng Vũ Động hóa vào ngày Hai Mười Tám tháng Tư, *Đương cảnh Thành hoàng Động Lâm Thượng đẳng Phúc thần Đại vương* làng Văn Xá.

Nhân dân xã ái Quốc và xã Nam Đồng tự hào đã có ba vị tướng tài họ Vũ xuất thế dẹp giặc cứu nước thời Tiền Lê. Hàng năm dân làng vẫn mở hội vào ba ngày mồng mười, mười một và mười hai tháng hai, rước ba vị Thành hoàng về hội ở chùa Kỳ Đà, sau đó lại rước về đình ba làng.

23. HANG THÁI ĐỨC

Năm 979, Đinh Tiên Hoàng bị ám hại, con trai thứ của Đinh Tiên Hoàng mới 6 tuổi được lập nên làm vua. Nhưng triều đình thấy vua còn quá nhỏ, e không lo được việc nước, nên đã tôn Lê Hoàn lên giữ ngôi vua. Ngay sau khi lên ngôi lập triều Tiền Lê, Lê Hoàn lập tức lên ngựa cùng những người thân tín của mình đi kinh lý khắp vùng biên giới và những nơi xung yếu để chuẩn bị chống giặc và bảo vệ Tổ quốc. Việc đầu tiên là xây dựng các cửa ải chặn chân quân Tống xâm lược. Năm 981, trên đường từ Mục Nam quan về kinh đô, sau khi đã chọn và xuống chiếu cho quân dân địa phương khẩn cấp xây dựng 8 cửa ải để chặn bước quân giặc mà Lê Hoàn vẫn chưa chịu dừng chân nghỉ ngơi lấy sức Các tướng sĩ đi bên ông cũng lấy làm lạ nhưng không ai

dám hỏi. Vua tôi khởi hành ở ải Nam quan từ canh tư (gà gáy lần thứ nhất) qua hơn 30 dặm đường trèo đèo lội suối, người ngựa, vừa đói khát, mệt mỏi rã rời mà nhà vua vẫn chưa hạ lệnh dừng chân.

Các tướng sĩ thấy đôi mắt sáng rực của nhà vua vẫn phóng xa về phía trước, khuôn mặt dăm chiêu vẫn ngẩng cao trên mình ngựa, dây cương gò chặt trong bàn tay to lớn của ông. Họ biết đến chỗ dừng chân còn dài. Cửa ải thứ 9 mà nhà vua đã định, chắc còn xa.

Mặt trời xuống dần, lơ lửng treo đầu ngọn núi phía xa. Sương lam đã tỏa mờ khe núi. Lo cho sức khỏe của tướng quân, một cận thần nhắc nhở:

- Tâu bệ hạ, trời sắp tối, khi núi chiều ta, e hại đến mình vua, xin bệ hạ cho dừng chân giữ sức.

- Không sao! Không sao! Chớ lo cho trầm. Các khanh, chắc các khanh mệt lắm phải không? Gắng lên, gắng chút nữa, sắp tới rồi!

- Tâu bệ hạ, nơi đó chắc địa hình hiểm trở lắm?

- Sẽ là nơi giặc vào như bẻ xuôi thác, giặc ra như cá mắc hom. Nơi ấy phải là nơi sinh ra những người lính trấn ải làm rạng rỡ tổ tiên, sáng danh đất nước, những người không chỉ biết đàn đờ, bẻ hom mà còn biết đón dòng bắt cá.

Và vua mỉm cười, thúc ngựa vượt lên.

Đi thêm được năm dặm đường thì đến một địa điểm mà cảnh vật rất lạ.

Hình như sông núi hện nhau hội ngộ ở đây và cũng từ đây lại tỏa ra mọi miền đất nước. Hai bên là núi đá cao, vách dựng đứng, giữa là dòng sông chảy xiết trong lòng nước lộ nhô những mỏm đá nhọn hoắt như những mũi gươm. Đến một quả núi, ngựa của Lê Hoàn bỗng dừng lại, con tuấn mã bỗng quay ngang người, cái đầu ngẩng cao, hướng lên đỉnh núi, vó trước cào cào trên mặt đất, rồi hí từng hồi dài khùng khiếp.

Nhà vua xuống ngựa, nhanh nhẹn trèo qua từng mỏm đá đi lên. Cả đoàn tùy tùng vội vã xuống ngựa theo ông. Vách đá cheo leo, có đoạn đầu gối chấm cằm. Theo một lối hình chữ Chi dài chừng một phần ba dặm, cao năm mươi trượng, vua đến một cái hang đá tuyệt đẹp, lối vào to bằng con trâu nghé, càng vào trong càng rộng mãi ra, ngách ngang, ngách dọc chéo nhau như bàn cờ.

Những cột thạch nhũ ánh lên lấp loáng những sắc màu mới rực rỡ làm sao. Những phiến đá nhẵn lì như mặt ghế.

Sau khi xem xét kỹ từng ngách đá, Lê Hoàn trở ra đứng trên cửa hang, quan sát địa hình trên núi. Bộ râu hùm của ông rung rinh sau làn gió lạnh, và đôi mắt phượng ánh lên nụ cười mãn nguyện. Ông truyền lệnh hạ trại.

Dưới chân núi, một đoàn người ngựa khăn áo chỉnh tề đang quây quanh đoàn kỵ mã, đeo cung tên, dao quắm. Lê Hoàn ngạc nhiên chỉ tay xuống đoàn người lạ, hỏi các tướng sĩ:

- Đoàn người kia đi đâu mà khăn áo xênh xang, lại có cả cung dao vậy?

Đúng lúc đó, một người lính hốt hải từ chân núi chạy lên thưa:

- Tâu bệ hạ! Có một đoàn bộ lão người địa phương muốn đến yết kiến nhà vua.

- Trẫm vui lòng hậu tiếp các bộ lão.

Một lát sau, mười cụ già râu, tóc bạc phơ, da dẻ hồng hào đã thoăn thoắt leo lên triền núi như những chàng trai. Những bộ xiêm áo màu chàm đậm thắm như quỳên lấy lá rừng trong khói lam chiều huyền ảo.

Nhà vua tươi cười ra đáp lễ mừng bộ lão. Giọng nói vang như trống đồng của Lê Hoàn vui vẻ cất lên đầy cảm tình:

- Xin đa tạ các bộ lão. Sao các bộ lão biết trẫm ở đây mà cùng nhau đến thăm?

Một cụ già to khỏe chấp tay cung kính thưa:

- Tâu bệ hạ! Được biết bệ hạ đi kinh lý vùng biên giới, định

ải chống giặc, các thần dân trộm nghĩ: suốt từ Móng Cái qua châu Quảng Yên về đến đây, cảnh giặc lúc mạnh diệt giặc lúc suy, không nơi nào lợi thế bằng ở đất này, bởi vậy chúng tôi nóng lòng đợi nhà vua đã mấy tuần trăng nay.

Lê Hoàn gật đầu khen phải và cười vang. Đúng lúc đó, một mũi tên bất ngờ không biết từ đâu tới cắm phập vào búi tóc sau ót ông già. Nhà vua đổi sắc mặt hỏi:

- Tên từ đâu bắn tới?

Ông già điềm tĩnh thông thả đưa cánh tay ra sau gáy, rút mũi tên:

- Tàu bè hạ, anh em từ núi bên bắn sang.

- Tại sao họ lại bắn cần làm vậy?

- Bẩm không ạ! Họ bắn tên báo hiệu cơm chiều đã làm xong, xin mời nhà vua và các tướng sĩ hạ cố cùng uống với chúng tôi một chén rượu nhạt, ăn lưng cơm bắp với rau rừng, để cho vui lòng người dân miền ngược. Nói vậy, rồi ông già nhanh nhẹn giương cung bắn một mũi tên lao vút sang đám người lơ nhố phía bên kia sông.

Lê Hoàn vỡ lẽ, cười ha hả và vui vẻ nhận lời. Ông say sưa hỏi các bộ lão;

- Từ đây sang đó vừa đúng một tầm tên?

- Tàu bè hạ, còn non một tầm tên, tên bắn đến đây còn căng lắm.

Nhà vua vỗ đùi khoái trá:

- Thế thì hay lắm.

Đúng lúc đó, một đoàn trai tráng người địa phương nai nịt chỉnh tề, từ trên núi, đội những mâm cơm thịnh soạn đưa lên. Mùi nếp nướng quyện với mùi thịt nai nướng, gan sơn dương xào, nem công độn măng chua, lạc rang, bốc lên thơm phức.

Đêm ấy, ở cửa một hang đá vô danh, đuốc cháy sáng đêm, Lê Hoàn và các tướng sĩ đang cùng trai tráng địa phương bàn kế chống giặc. Những chiến sĩ vô danh người Tày ấy cách đây gần

một ngàn năm đã cùng Lê Hoàn và quân dân cả nước chém chết tướng giặc là Hầu Nhân Bảo, chặn đứng cuộc xâm lược lần thứ nhất của nhà Tống, giữ vững nền độc lập non trẻ của nước nhà. Từ đó, cái hang đá vô danh kia đã đi vào lịch sử như một chiến sĩ được lập công to, mang tên hang Thái Đức và cũng từ đó về sau, các vua đời Lê, Lý, Trần, mỗi lần đi kinh lý phía Bắc đều dừng lại nghỉ ngơi luận bàn việc nước ở đây: Hang Thái Đức trên đầu núi Quỷ.

24. SỰ TÍCH SỨ QUÂN ĐỔ CẢNH THẠC ĐỘC NHĨ ĐẠI VƯƠNG

Theo tích cũ, Độc nhĩ Đại vương vốn người Quảng Lăng, Bắc quốc cha ông họ Đỗ tên Thạc, mẹ là Trần Thị Thọ. Gia đình thường làm việc tốt, chuyên làm nghề y để chữa bệnh cứu người, chẩn cấp giúp đỡ những người gặp cảnh đói rét cơ hàn: Ai đói thì cho ăn, ai rét thì cho mặc, ai ốm thì chữa bệnh nuôi nấng, ai chết thì chôn cất... Khắp vùng nhân dân ai cũng đều khen Đỗ công là nhà tích đức thì tất có phúc lớn. Tới năm Đỗ công 37 tuổi: bà Trần Thị 36 tuổi, vào một đêm nọ, ông bà đang nằm bên nhau bỗng mơ màng mộng mị mà trông thấy hai gấu từ trên không trung giáng xuống nước sân, chúng cùng nhau vờn nhảy tung tăng. Hai vợ chồng trong mộng bắt được một con, thế rồi bà Trần cảm ứng mà có mang. Đến ngày 12 tháng 5 năm Mậu Tý, bà sinh ra một cậu con trai, phong tư dĩnh dị. dáng mạo khôi ngô quả là bậc siêu phàm muôn người có một không hai. Giữa lúc sinh, khí lành nghi ngút, hương thơm ngát ngào. Sinh được trăm ngày, cha bèn đặt tên cho là Cảnh Thạc công. Cảnh Thạc lớn lên thông minh tuấn tú, theo học Trương Đường tiên sinh, tài thơ Thạc công kiêm cả thơ Lý (Lý Bạch, Đỗ Phủ), học lục vượt cả Âu, Tô (Âu Dương Tu, Tô Đông Pha), lại kiêm bói lục giáp thần phù, không việc gì không tinh tường khéo léo, tinh xảo. Năm 26 tuổi, ông cùng bạn Nguyễn Thủ Tiệp, Phạm

Viết Hồ, Lý Khuê, Nguyễn Viết Khoan, Kiều Công Hãn, Ngô Xương Xí, Lã Tá Đường... tất cả 12 người dời xuống phía nam phò giúp Ngô Vương Quyền. Đến khi Ngô Vương qua đời, 13 người đều tự xưng là vua của 12 xứ, cát cứ mỗi người một phương. Cảnh Thạc công cũng tự xưng là một sứ quân và đi quan sát hình thế tiện lợi của sông núi nước Việt để xây dựng doanh thành đóng giữ.

Một hôm Cảnh Thạc đi tới trang Liên Hạ, huyện Ninh Sơn (Ninh Sơn sau đổi là An Sơn) phủ Quốc Oai, đạo Sơn Tây, ông nhìn thấy ở bên sông Động Giang, phía tây trang Liên Hạ có một cái trại gọi là Trại Quyền, núi vòng phía sau, sông lượn phía trước. Núi sông bao bọc như thế rồng ôm hổ bế. Núi không cao mà đất đai bằng phẳng, nước trong xanh mà nguồn mạch dồi dào. Ông cho rằng đây cũng là một dải đất hữu tình. Bởi thế, ông liền cho đắp thành tại đất Trại Quyền để đóng quân, nên mới gọi tên là thành Cổ Hiền. Thế rồi ông lại tự lấy họ của mình mà đặt danh hiệu cho dòng sông Động Giang là Đỗ Động Giang. Cả huyện Ninh Sơn nối liền một dải từ Trại Quyền đến Thiên Phúc, từ Thụy Khê tới Bảo Đà, Thanh Oai, nơi nơi đều lập hành cung cả thảy gồm 72 cơ sở. ông ra sức tu tạo thuyền chiến, tích trữ lương thảo, ngày đêm luyện tập sĩ tốt ở tại bản doanh Trại Quyền. Nhân khi rảnh việc, ông triệu tập nhân dân phụ lão Trại Quyền tới để khuyến khích, hướng dẫn họ về công việc cày cấy, nông tang, thuyền ngư chải lưới, đào luyện gốm sành, và giáo dục họ về các đức khiêm nhường lễ nghĩa. Nhân dân từ phía quanh vùng đều ái mộ ông, tám chín năm liền chỉ nghe tiếng ngợi ca:

Nước Nam sông núi, vua Nam trị

Đất Bắc giang sơn, người Bắc coi.

Về sau, tại thôn Đại Hoàng, động Hoa Lư, phủ Trường Yên, châu ái, có người họ Đinh tên là Bộ Lĩnh ứng mệnh trời, thuận lòng người, gặp thời dấy nghĩa. Lại được bọn Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Lê Hoàn, Phạm Trù cùng nhau phò giúp, đánh dẹp 12 sứ

quân, trăm trận trăm thắng, nên có danh hiệu là "Vạn Thắng Vương". Trong số 12 sứ quân, chỉ còn lại một mình Cảnh Thạc là chưa dẹp được mà thôi.

Có một ngày kia, Đinh Bộ Lĩnh bàn mưu cùng các tướng sĩ rằng: "Đỗ Cảnh Thạc trí dũng mưu lược, chỉ có thể thắng bằng kế, chứ không thể chiến thắng bằng lực". Thế rồi nhân lúc đêm tối, Bộ Lĩnh mới chia quân thành 4 đạo: một đạo xuất phát từ huyện Mỹ Lương đi ra, một đạo từ huyện Yên Lạc phủ Tam Đới kéo tới, một đạo từ huyện Chương Đức, Sơn Nam tiến lên, một đạo từ huyện Bát Bạt, Quảng Oai đánh xuống, tứ phía hiệp công. Lúc bấy giờ Cảnh Thạc đang ở đồn Bảo Đà, còn ở bản doanh Trại Quyển chỉ có một tướng giữ thành. Vì thế mà ở đầu ở đuôi không ứng cứu cho nhau được. Tất thủy doanh thành, đồn trại, lương thực, thuyền chiến, khí giới đều bị Đinh Bộ Lĩnh tước đoạt phá phách tan tành. Đỗ Cảnh Thạc bèn tập hợp tàn quân sĩ tốt bại trận, cùng gia thần dân phu của 72 ấp, lại một phen chỉnh đốn quân ngũ tại Trại Quyển, giao tranh với Đinh Bộ Lĩnh và cầm cự hơn một năm trời. Hai hổ chọi nhau mấy mươi trận để tranh giành ngôi báu mà vẫn không phân thắng bại. Bởi vì ngôi báu tối hệ trọng, phải do mệnh trời định đoạt, chứ không thể giành giật nó bằng chiến trận.

Một hôm giao chiến với Đinh Bộ Lĩnh, ông bị một mũi tên lạc làm sát thương, lại bị bệnh sốt liên miên. Một đêm, ông gắng gượng đi ra ngoài quan sát thiên văn, thấy ngôi sao tướng của mình bị mờ tối sắp sa xuống, bèn than rằng: "Trời xanh với với sao nữ bức ta đến bước đường cùng". Rồi ông lại thấy một làn gió nhẹ thổi hắt vào mặt, lạnh buốt thấu xương, ông tự biết mệnh mình chỉ còn trong sớm tối. Ông bèn triệu tập gia thần 71 hương (làng) hội họp ở cung Trại Quyển ân cần căn dặn. Cất đặt công việc xong xuôi, lại chọn lấy 10 tay sào chèo thuyền đưa ông về Bắc quốc, nhưng khi vừa tới dưới chân núi Đồng Lĩnh, phủ Lạng Giang, đạo Kinh Bắc thì mất (Lúc ấy là vào ngày 25 tháng 10). Gia thần mua quan tài quý bằng gỗ thơm, hành lễ khâm liệm, chôn cất trên núi Đồng Lĩnh. Sau khi chôn cất xong, gia

thần quay về báo cho dân chúng Trại Quyền và 71 hương cùng lập miếu thờ phụng ông.

Bấy giờ Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi xưng hiệu là Đinh Tiên Hoàng, chẳng bao lâu bị Đỗ Thích giết, Lê Hoàn lên làm vua thay Đinh Tiên Hoàng xưng là Lê Đại Hành hoàng đế.

Đến khi Lý Thái Tổ sớm ứng điềm câu sấm "Thập bát tử thành" lên ngôi nắm quyền trị nước, định đô ở Thăng Long, đổi tên nước là Đại Việt. Bấy giờ gia phong cho Bách thần sông núi, nhân thấy Đỗ Cảnh Thạc là người Bắc triều chưa được phong mỹ hiệu, vua bèn nói hết đầu đuôi sự nghiệp của ông gửi cho triều Bắc (nhà Tống) đề nghị phong mỹ tự cho ông. Nhà Tống nhận thấy Đinh Tiên Hoàng là bậc anh hùng dũng mãnh như thế mà Đỗ Cảnh Thạc một thần dám chống chọi lại, bèn phong Đỗ Cảnh Thạc là Độc nhĩ vương, lại sai sứ thần mang sắc thứ sang nước Việt. Lý Thái Tổ nhân đó mà ban sắc phong cho Trại Quyền trang Liên Hạ và 71 hương là gia thần của Đỗ Cảnh Thạc ngày trước cũng đều được nghênh sắc của nhà vua để thờ phụng ông.

Truy tôn Đỗ Cảnh Thạc Độc nhĩ Đại vương làm Thượng đẳng thần. Cho Trại Quyền Liệp Hạ trang phụng thờ.

Lại nói, từ đó trở về sau, trải hai triều Lý, Trần và cho tới bản triều khai sáng nghiệp lớn, đều thường thấy linh thiêng hiển ứng giúp nước cứu dân, giúp mưa phù tạnh, nên đã được các triều đại luôn luôn gia phong mỹ tự cho Vương để được hưởng sự cúng tế ngàn năm, muôn thuở vĩnh hằng cùng trời đất.

Tục lệ địa phương cấm ngặt không được dùng chữ *Thạc*. Khi tế lễ cấm dùng sắc phục màu vàng.

- Ngày sinh của Đại vương vào ngày 15 tháng 5. Tế lễ dùng trâu cả con, xôi rượu, có hát xướng ba ngày.

- Ngày hóa của Đại vương vào ngày 25 tháng 10. Tế lễ dùng lợn đen, xôi rượu.

- Lễ tiết chúc mừng vào ngày rằm tháng 2 và tháng 8; tế lễ dùng lợn đen, xôi, rượu. Mỗi tiết lễ hát xướng một ngày.

25. TRUYỆN HAI VỊ THẦN Ở LONG NHÃN, NHƯ NGUYỆT

Năm Thiên Phúc nguyên niên đời Lê Đại Hành, Tổng Thái Tổ sai bọn tướng quân Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng cất quân xâm lược Nam phương. Lê Đại Hành và tướng quân Phạm Cự Lượng kéo quân tới sông Đồ Lỗ cự địch. Hai bên đối lũy. Đại Hành mộng thấy hai thần nhân ở trên sông vái mà nói rằng: "Anh em thần, một tên là Trương Hồng, một tên là Trương Hát, xưa kia theo Triệu Việt Vương cầm quân chinh phạt nghịch tặc mà lấy được thiên hạ. Về sau Triệu Việt Vương mất nước, Lý Nam Đế triệu hai anh em thần. Bọn thần vì nghĩa không thể theo được, uống thuốc độc mà tự tử. Thượng đế thương anh em thần có công lại trung nghĩa một lòng, mới phong làm quan tướng trong hàng các thần linh, thống lĩnh quỷ binh. Nay quân Tống phạm cội, làm khổ sinh linh nước ta, cho nên anh em thần đến yết kiến, xin nguyện cùng nhà vua đánh giặc này để cứu sinh linh". Vua giật mình tỉnh dậy, mừng rỡ mà bảo cận thần rằng: "Có thần nhân giúp ta rồi vậy". Bèn lập tức đốt hương ở trước thuyền ngự mà khẩn tâng: "Nếu thần nhân có thể giúp ta làm nên công nghiệp này, thì xin bao phong huyết thực muôn đời". Đoạn gia súc vật tế lễ, hóa mũ áo, voi ngựa, tiền giấy. Đêm ấy Đại Hành mộng thấy hai thần nhân mặc mũ áo vua ban đến bái tạ. Đêm sau lại thấy một người dẫn đoàn quỷ áo trắng từ phía nam sông Bình Giang mà tới, một người dẫn bọn quỷ áo đỏ từ phía bắc sông Như Nguyệt mà lại, cùng xông vào trại giặc mà đánh. Canh ba đêm ba mươi tháng mười trời tối đen, mưa to gió lớn bùng bùng. Quân Tống kinh hoàng. Thần nhân tàng hình ở trên không, lớn tiếng ngâm rằng:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư,

Hoàng thiên dĩ định tại thiên thư.

*Như hà Bắc lỗ lai xâm lược,
Bạch nhận phiên thành phá trúc dư¹⁾.*

Quân Tống nghe thấy, xéo đạp vào nhau mà chạy tan, ai lo chạy thoát thân người ấy, bị bắt không biết bao nhiêu mà kể. Quân Tống đại bại mà về. Đại Hành trở về ăn mừng, phong thưởng công thần, truy phong cho hai vị thần nhân, một là Tinh mẫn Đại vương lập miếu thờ ở ngã ba sông Long Nhân, sai dân ở Long Nhân, sông Bình Giang phụng thờ, một là Khuốc mẫn Đại vương lập miếu ở ngã ba sông Như Nguyệt, sai dân ở bờ sông Như Nguyệt phụng thờ, hưởng huyết thực đời đời nay vẫn còn là Phúc thần.

26. SỰ TÍCH SÓC THIÊN VƯƠNG²

Theo sách *Thiên uyển tập anh* chép: Đời vua Lê Đại Hành, quan Khuông Việt thái sư họ Ngô thường lên chơi núi Vệ Linh, ở quận Bình Lỗ xem xét địa thế, thấy phong cảnh chỗ này rất đẹp, muốn dựng am để ở. Đến đêm mộng thấy một vị thần, mình mặc

1. Tạm dịch thơ:

Non sông nước Nam, Nam đế ngự
Hoàng thiên đã định tại sách trời
Cớ sao giặc Bắc sang xâm lược
Gươm sắc ta bầm hấn tả tơi.

2. Đền ở núi Sóc Sơn, trước thuộc huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên, hiện nay thuộc huyện Đa Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Núi Sóc Sơn (xưa gọi là núi Ninh Sóc tức là Vệ Linh sơn) cũng có đền thờ Phù Đổng thiên Vương, nay lại có truyền "Sóc Thiên Vương" này, độc giả tất không khỏi thắc mắc. Vậy xin phụ dân một đoạn sau đây, để tiện tham khảo: "*Đền Sóc Sơn* (tại xã Vệ Linh, huyện Kim Anh cũng thờ Phù Đổng Thiên Vương) - Đền ở ngọn cao nhất trên núi Vệ Linh, gọi là Sóc Sơn, cảnh trí rất thanh vắng. Theo sử chép thì đây là nơi Thiên Vương phóng ngựa lên trời, lại xét đến *truyền tích quái* thì xưa Tỳ sa tướng quân hiển linh đánh phá quân Tống. Vua Lê Đại Hành phong là Sóc Thiên Thần Vương, cũng dựng đền thờ ở nơi này. Nay một đền ở đỉnh núi, mà đền ở chân núi, tra đến thần hiệu thì cũng không được rõ ràng: Đền trên, tôn hiệu là "Đổng Thiên Vương, Sóc Thiên đại thánh", đền dưới tôn hiệu là "Vệ Linh sơn thần, Phù thánh Đại Vương".

áo giáp vàng, tay cầm giáo, theo sau có hơn mười người, bộ mặt cổ quái đáng sợ. Thần đến trước mặt bảo rằng: "Ta là Tỳ sa môn Thiên Vương, bọn theo hầu ta đều là Dạ thoa. Thượng đế có lệnh sai ta ở đây hộ trì cho dân với người có duyên, nên ta đến nói chuyện". Thái sư thức dậy, nghe trong núi có tiếng hò hét, rất lấy làm lạ. Đến sáng vào núi, thấy một cây rất to, cành lá rườm rà, trên ngọn có đám mây phủ kín, mới sai thợ đốn cây tạc tượng thần, rồi lập đền thờ.

Năm Thiên Phúc thứ 1(980), quân Tống sang lấn, vua Đại Hành đã biết tiếng thần thiêng, mới sai Thái sư đến đền cầu đảo. Bấy giờ quân Tống đóng ở thôn Tây Kết, chưa giao chiến với quân ta, quân Tống đã sợ sệt, lui lên giữ Chi Giang, gặp cơn sóng cả gió to, thuyền luồng và rần nổi lên rất nhiều, quân Tống sợ chạy tan tác. Tướng Tống là Quách Quỳ phải rút quân về nước ngay. Giặc đã yên, vua Đại Hành sai sửa dựng lại đền rộng rãi hơn trước.

Lại có thuyết các cụ già tương truyền: không nhớ rõ về đời nào, Thiên Vương sinh ở một làng kia, lúc hãy còn phải bế ẵm, trong nước có giặc, vua sai sứ đi các nơi cầu người tài giỏi ra giúp nước. Thiên Vương nghe nói vùng dậy hỏi, bà mẹ bảo rõ. Thiên Vương liền nói: "Xin mẹ lấy cơm cho con ăn ngay", rồi ăn rất nhiều, chỉ ít lâu thân cao tới hơn mười trượng, ra ứng mộ đi cùng sứ giả đến kinh đô. Vua rất mừng, hỏi muốn xin gì? Thiên Vương xin một thanh gươm, một ngựa sắt, rồi lên ngựa cầm gươm xông vào trận, quân giặc thua chạy tán loạn. Khắp các nơi đều yên, Thiên Vương liền phóng ngựa đến núi Vệ Linh, lên ngọn cây đa rồi bay lên trời. Nay chỗ Thiên Vương bỏ áo vẫn còn, người làng gọi là "cây cởi áo" (dịch phục thụ). Nhân dân vùng ấy lấy làm lạ, lập đền thờ tế lễ dùng bánh trái đồ chay, cầu khẩn mọi việc đều linh ứng.

Đến nhà Lý, muốn cho tiện việc cầu đảo, mới dời đền về Tây Hồ thờ làm Phúc thần, có chép vào tự điển.¹

1. Theo lời truyền thuyết trên đây thì chính là chuyện Phù Đổng Thiên Vương. Song sử chép: "Về đời Hùng Vương thứ 6, Thiên Vương sinh ở làng Phù Đổng (nay thuộc huyện Tiên Du - Bắc Ninh), mà đây nói không rõ đời nào" và "ở một làng kia". Vì là lời truyền thuyết mới lờ mờ như thế.

27. TRUYỆN ĐỀN THỜ HOÀNG THÁNH ĐẠI VƯƠNG

Hoàng thánh Đại vương chính là Phạm Cự Lượng ở triều vua Lê Đại Hành. Cự Lượng người Nam Sách, ông nội Lượng là Chiêm làm chức Đồng giáp tướng quân nhà Ngô, bố Lượng là Mạn, làm chức Tham chính đời Ngô Nam Tấn Vương, anh Lượng là Đình làm chức Vệ úy tướng quân đời Đinh. Khi vua Đinh còn thơ ấu quân Tống sang xâm lược, Đại Hành nắm mọi quyền bính. Đinh thái hậu truyền lựa chọn dũng sĩ để chống giặc Tống, Đại Hành cử Lượng làm Đại tướng quân. Đương khi đặt kế xuất quân, Cự Lượng cầm đầu tướng sĩ, tôn Đại Hành làm Hoàng đế. Lượng làm quan đến chức Thái úy. Năm Thông Thụy đời Lý Thái Tông, vua thấy trong đô hộ phủ có nhiều nghi án, án quan không giải quyết nổi, có ý muốn lập thần tự chuyên xử xét các án kiện, tỏ rõ sự linh hiển để thấy hết mọi kẻ gian trá, bèn tắm rửa, thấp hương cầu khấn Thượng đế. Đêm đó, mộng thấy có vị sứ giả mặc áo đỏ, vâng mệnh Thượng đế tới phong Cự Lượng làm minh chủ của các án quan ở đô hộ phủ. Vua hỏi sứ giả rằng: "Người ấy là ai, giữ chức gì của ta?" Đáp "Chính là chức Thái úy của vua Lê Đại Hành". Vua tỉnh mộng bèn hỏi lại quần thần. Khi biết rõ chuyện, bèn phong Lượng làm Hoàng thánh Đại vương, sai quan lập đền ở phía Tây cửa nam thành để phụng thờ lại đổi là Hồng thánh, đời đời tôn làm ngục thần.

28. SỰ TÍCH THÁNH TRẦN VŨ

Theo huyền tích, ngài là đức Thánh Trần Vũ, húy hiệu là Huyền Vũ.

Tương truyền, Tây Hà Quốc Vương (bên Bắc quốc) lập đàn cầu tự Bấy giờ Đạo sĩ Diệu Lạc Thiên Tôn đem 3 hỗn 7 phách Định Đại Vương đưa vào bụng hoàng hậu, rồi cúng lễ trong vòng một tháng thì hoàng hậu có thai. Thai nằm trong bụng những 3

năm 60 ngày, rồi sinh ra thái tử, đặt tên là Huyền Quang. Năm 15 tuổi ngài lên ngôi trị vì trong 15 năm thì ngài bỏ ngôi rồng đi tu ở núi Linh Giá Sơn. Nhưng 42 năm tai nạn của ngài chưa hết, nên ngài lại phải giáng xuống trần tục, đầu thai để chịu hết sự tai nạn rồi mới được vào cõi cực lạc. Đạo sĩ Diệu Lạc Thiên Tôn lại hóa cho ngài thành một đạo Kim Quang đầu thai vào nước Tĩnh Lạc. Khi ấy hoàng hậu Tĩnh Lạc nằm mơ thấy nuốt mặt trời vào bụng thì thụ thai, sinh ra thái tử vào giờ Ngọ (12 giờ) ngày mùng 3 tháng 3 năm Khải Hoàng thứ 25, mà đẻ ngài ra dằng nách, có 9 con rồng vàng hiện ra tắm gội cho ngài và đặt tên là Huyền Nguyên thái tử. Khi ngài lên 14 tuổi, ngài xin phép vua cha ra ngoài thành đi xem hội thả đèn. Ngài trông thấy những sự sắc, tửu, tiền tài ngài không ưa. Ngài không muốn lên ngôi trị vì bèn nhất quyết xuất gia tu hành ở núi Võ Đương Sơn, cách kinh thành 8 dặm.

Còn em ngài thì lên nối nghiệp ngôi vua cùng trị nước. Trong khi ngài tu gần đắc đạo, thì Đạo sĩ Diệu Lạc Thiên Tôn hóa phép thần thông, mổ bụng ngài lấy ruột và gan ra vứt ở dưới một tảng đá sâu ở núi Võ Đương Sơn cho hết mùi trần tục. Ruột và gan vứt ở đấy lâu năm hóa thành 2 quái tinh: Một là Quy Tinh (Tinh Rùa), hai là Xà Tinh (Tinh Rắn), làm hại lương dân rất nhiều. Bấy giờ ở trong triều ăn ở vô đạo, hôn mê, giết hại trung lương rất nhiều, nên mới thành ra một đám oán khí kia bốc lên bốn phương trời ngùn ngụt.

Ngọc Hoàng thượng đế liền tìm Diệu Lạc Thiên Tôn để tìm Tĩnh Lạc thiên sư (tức là Huyền Vũ) vào châu, để ngài truyền xuống cõi phàm, thu trừ hết hai thứ oán khí đó. Ngọc Hoàng bèn ban cho một thanh Thất tinh kiếm, một chiếc Hoàng giáp, 500 viên hỏa đan và phong cho làm Bắc phương Chân Vũ Đại tướng quân và ban cho 3 chén Ngự tửu.

Trước khi đi, thiên sư có từ biệt Diệu Lạc tôn sư thì tôn sư có dặn dò cặn kẽ và nhủ rằng, việc ấy cũng chẳng khó: "Ngày trước người tu hành ở núi Võ Đương Sơn có chút ruột gan vứt ở dưới

tảng đá ven sườn núi, gan thành Quy Tinh và ruột thành Xà Tinh ở dưới trần gian quấy rối, người xuống ngay cõi phàm, phải thu phục trấn áp lấy hai yêu tinh ấy làm tùy tướng, thì mới thành công được". Quả nhiên, thiển sư xuống gặp hai yêu tinh ấy, phải gỡ phép thần thông biến hóa đánh nhau hồi lâu mới thu phục được hai yêu tinh. Sau khi nó hàng, nó bèn biến thành nguyên hình: Xà Tinh đầu có một cái sừng, mình mẩy một khúc vàng, khúc đen, còn Quy Tinh thì lưng có Cửu Cung bát quái, 3 mặt, 3 đuôi.

Thiển sư thấy hai yêu tinh đã thành nguyên hình đầu hàng bèn lấy ra 2 viên hỏa đan cho uống và dặn rằng: nếu hai người ăn hỏa đan này mà còn phản lại ta thì ta hô lửa cháy thì hai người chết ngay lập tức.

Từ đấy Ngọc Hoàng phong cho Quy Tinh và Xà Tinh làm Thủy hỏa tướng quân theo hầu đức Huyền Thiên Chân Vũ.

Bắc phương Huyền Thiên Thượng đế Chân Vũ tướng quân thường thường hiện phép oai linh, gặp người bị nạn cứu cho thoát nạn, gặp kẻ côn nguy cấp cứu cho khỏi nguy, 4 bể gió lặng, trăm họ cảm kích thần ân, con hiếu cháu thuận, cầu cho ông bà cha mẹ diên thọ, bị đau cầu khỏi, không con cầu tự rất ứng nghiệm. Tiếng đồn trong suốt 2 kinh 13 tỉnh. Ngoài khắp cõi Bắc miền Nam thiên hạ muôn dân, già trẻ trai gái nổi gót đến miếu thờ rất đông, dâng hoa cầu phúc.

Nay vạn cảm ứng linh vô cương mãi đến mấy nghìn năm vẫn miếu đền nguy nga, hương đăng nghi ngút, phụng thờ như xưa....

Lại nói, đức Thánh Trấn Vũ trừ hồ tinh ở Hồ Tây đất Thăng Long. Nguyên thành Thăng Long ngày xưa gọi là Long Biên, về đời thượng cổ không có ai ở. Đến đời Lý Thái Tổ, có một hôm ngài chở thuyền xuống bến sông Nhĩ Hà chơi, tự nhiên thấy 2 con rồng hiện lên chở dẫn thuyền đi. Cho nên ngài đặt tên là Thăng Long và cho đóng đô ở đấy. Xưa ở phương Tây đất ấy có một cái núi tên là Tiểu Thạch, ở dưới hang núi ấy có một con Cửu Vĩ Hồ tinh (tức Cáo tinh chín đuôi). Không biết rằng nó

sống mấy năm, nó thường làm yêu quái, lúc hiện ra người, lúc hiện ra ma để đi khắp thiên hạ ở lẫn với người ta.

Lúc bấy giờ ở chân núi Tản Viên, những người Mán lấy gỗ làm nhà, làm sàn, lấy cỏ lợp nhà. Dân ở đó, trên núi thì thờ thần, ông thần núi đó có dạy dân làm nghề dệt vải để may áo trắng che thân nên gọi là Mán bạch y.

Con Cửu Vi Hồ tinh nó cũng mặc áo trắng chẳng khác gì Mán bạch y; nó ở lẫn với người ta, hát xuống chơi bởi, rồi nó dỗ con giai con gái vào hang núi, con giai thì nó ăn thịt, con gái thì nó hiếp chết. Những dân Mán ở đấy khổ sở không biết chừng nào mà kể.

Đức Long Quân thấy dân gian khổ sở như thế, bèn sai quân Thủy phủ dâng nước lên phá cái núi Tiểu Thạch. Hồ tinh thấy quân Thủy phủ dâng nước, nó sợ bỏ chạy. Quân Thủy phủ đuổi bắt con Hồ tinh, rồi phá tan quả núi Tiểu Thạch, làm thành cái đầm to tức gọi là Hồ Tây bây giờ.

Nhưng nó vẫn còn sót giống Hồ lại, nó thường biến ra nam và nữ để làm hại lương dân như trước. May nhờ có đức Thánh Chân Vũ ngài giáng xuống mới thu trừ được hết. Vì thế, ở đấy mới lập được một ngôi đình thờ để trấn áp những loài Hồ tinh, mới gọi là đền Chân Vũ, tức bây giờ gọi là đền Quán Thánh.

Đến đời Lê mới nhớ ơn ngài, đúc một pho tượng đồng đen để thờ, truyền đến bây giờ vẫn còn linh ứng lắm.

Ngài sinh vào ngày mừng Ba tháng Ba.

Ngày hóa mừng Chín tháng Chín.

Ngày hiển thánh vào mừng Bảy, giờ Ngọ, tháng Giêng.

Tục truyền, đức Thánh Chân Vũ từng giúp vua Lê Đại Hành. Về đời Lê Đại Hành, đời Tiền Lê, vua Tống sai hai viên tướng là Hầu Nhân Bảo và Tôn Tuấn Hưng đem một đạo binh rất mạnh mang cướp nước Nam.

Vua Lê Đại hành được tin bèn vội sai tướng Ngô Quốc Sử và nhiều tướng khác mang quân ra chống giặc Tống.

Một đêm, tướng Ngô Quốc Sử lên núi Sóc cầu nguyện giới Phật phù hộ cho được thắng trận, thì lúc ngủ nằm mơ thấy đức Thánh Chân Vũ bảo rằng: "Này Sa môn, ta là người nhà trời xuống giúp ngươi đây."

Đến hôm hai bên sắp sửa giao chiến thì tự nhiên có một trận phong ba bão táp nổi lên, rồi sấm sét âm ầm, trên mặt sông mặt bể sóng nổi cuộn cuộn. Thế rồi trên lưng chừng gời hiện ra một ông tướng, thân cao 10 trượng mặc áo vóc vàng, tay cầm một thanh kiếm bằng vàng, lơ lửng trên từng mây.

Quân Tống trông thấy cho là việc giời định, nên sợ chạy, vòng quân vỡ tan nát chạy trốn rút cả về nước.

Ngô Quốc Sử mừng rỡ không phải đánh nhau gì cả, kéo binh mã về tâu cho vua biết.

Vua Lê Đại Hành mừng rỡ khôn xiết, bèn lập miếu thờ ở núi Sóc và truyền đúc tượng thờ ngài để cảm ơn công đức.

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	5
PHẦN I	
TRUYỀN THUYẾT VỀ THỜI BẮC THUỘC	7
1. SỰ TÍCH CHÀNG CẢ, CHÀNG HAI, CHÀNG BA ĐẠI VƯƠNG THỜI TRIỆU VŨ ĐẾ	9
2. SỰ TÍCH BÀ MAN THIÊN	11
3. TRUYỆN HAI BÀ TRINH LINH PHU NHÂN HỌ TRUNG	13
4. BÀ TRUNG NHỊ VÀ THÀNH DỀN	14
5. SỰ TÍCH NĂM ANH EM CHÀNG VỊT.....	18
6. SỰ TÍCH ANH EM TRỪ CÔNG VÀ THUẬN NƯƠNG GIÚP BÀ TRUNG ĐÁNH ĐUỐI TÔ ĐỊNH	21
7. SỰ TÍCH ĐÀO KỲ THỜI VUA TRUNG	22
8. SỰ TÍCH ĐƯỜNG HOÀNG THỜI VUA TRUNG	26
9. SỰ TÍCH THỦY HẢI VÀ ĐÀNG GIANG THỜI VUA TRUNG.....	29
10. SỰ TÍCH MỘC HOÀN THỜI VUA TRUNG.....	30
11. SỰ TÍCH DOÃN CÔNG ĐẸP GIẶC TÔ ĐỊNH	35
12. SỰ TÍCH HỌC CÔNG, NGA NƯƠNG, HỒNG NƯƠNG THỜI HAI BÀ TRUNG.....	38
13. SỰ TÍCH PHƯƠNG DUNG CÔNG CHÚA THỜI VUA TRUNG.....	41
14. SỰ TÍCH HÀ ĐẠI LIÊU, CAO SƠN, TẤN THẮNG THỜI VUA TRUNG.....	45
15. SỰ TÍCH ĐỨC THÁNH HƯNG PHÚC THỜI HAI BÀ TRUNG	47
16. SỰ TÍCH Ắ TỬ, Ắ HUYỀN, THUỘNG CÁT - BA NỮ TUỞNG THỜI HAI BÀ TRUNG.....	48
17. SỰ TÍCH PHẠM ĐỒNG.....	49

18. SỰ TÍCH BÁT NÀN CÔNG CHÚA.....	51
19. SỰ TÍCH HAI ANH EM UYÊN MẶC ĐẠI VƯƠNG VÀ QUANG DUNG CÔNG CHÚA THỜI HAI BÀ TRUNG	54
20. TRUYỆN HAI MẸ CON THEO VUA TRUNG ĐÁNH GIẶC TÔ.....	56
21. SỰ TÍCH CAO THIÊN HOÀNG BÀ.....	59
22. TRUYỆN TAM VỊ THIÊN THẦN THỜI TRUNG VƯƠNG	60
23. SỰ TÍCH BA ANH EM MỘT NHÀ LÀM TƯỚNG CỦA HAI BÀ TRUNG	65
24. SỰ TÍCH HAI ANH EM ĐÁNH GIẶC TÔ ĐỊNH	66
25. BÀ TRUNG VỚI QUÊ HƯƠNG LÂM THAO	68
26. NHỮNG CÁNH ĐỒNG MANG TÊN CHIẾN CÔNG	69
27. SỰ TÍCH THIẾU HOA CÔNG CHÚA	72
28. KHÂU NI CÔNG CHÚA	74
29. VĨNH HOA CÔNG CHÚA	76
30. XUÂN NƯƠNG CÔNG CHÚA	81
31. DOÃN CÔNG - ĐÀO NƯƠNG.....	88
32. NỮ TƯỚNG CÔN NƯƠNG.....	92
33. BA ANH EM HỌ NGUYỄN VÀ THỤC NƯƠNG	96
34. ĐỊNH THỊ PHẬT NGUYỆT	99
35. SỰ TÍCH CÁC ÔNG CẢ LỢI, HAI LỢI	101
36. BA CHỊ EM BÀ DƯƠNG	105
37. SỰ TÍCH ANH HÙNG CỦA HAI CHỊ EM LÊ Ắ LAN VÀ LÊ ANH TUẤN.....	107
38. BÀ CHÚA BẦU.....	112
39. HÀ TƠ, HÀ LIÊU	113
40. SỰ TÍCH TƯỚNG QUÂN LỮ LỮ.....	115
41. THẦN MIẾU ĐỘ MI	116
42. ÔNG TỔ LÀNG LẠC ĐẠO.....	118

<i>Truyện thuyết về thời Bắc thuộc & Ngô - Đinh - Tiền Lê - Quyển 2</i>	281
43. NÀNG HÁT HAY LÀM QUAY MUÔN GIÁO.....	119
44. SỰ TÍCH THẦN ĐÌNH TÀO.....	120
45. TRUYỆN MAN NƯƠNG.....	124
46. NÓI VỀ SỰ TÍCH ÔNG SĨ VƯƠNG TIÊN.....	125
47. NĂM ĐẤT HƠN MƯỜI CỐT VÀNG.....	127
48. TRUYỆN CÁI KHIÊN.....	128
49. MÁI TÓC BIẾT KHÓC BIẾT CƯỜI.....	131
50. VỊ TỔ NGHỀ GIẤY.....	133
51. SỰ TÍCH LŨ GIA.....	135
52. BÀI KÝ VỀ LỆ HẢI BÀ VƯƠNG.....	136
53. SỰ TÍCH LÝ BÍ.....	141
54. HOÀNG HẬU NƯỚC VẠN XUÂN.....	142
55. BA ANH EM TRUNG - THÀNH - TRINH.....	144
56. BÀ CHÉN.....	146
57. BA ANH EM HỌ NGUYỄN.....	147
58. BA VỊ THẦN Ở TAM BẢO CHÂU.....	152
59. VÕ TƯỚNG LÀNG VĨ.....	153
60. THÀNH HOÀNG LÀNG THẠCH LỎI.....	154
61. NÓI VỀ SỰ TÍCH NGHỀ THỢ BẠC Ở NƯỚC NAM.....	156
62. SỰ TÍCH TRIỆU VIỆT VƯƠNG VÀ CỎ NƯƠNG.....	157
63. SỰ TÍCH NGUYÊN CÔNG BẢO GIÚP TRIỆU VIỆT VƯƠNG ĐÁNH GIẶC LƯƠNG.....	160
64. SỰ TÍCH ĐẠI LANG, NHỊ LANG THỜI TRIỆU VIỆT VƯƠNG.....	161
65. SỰ TÍCH THẦN SÔNG NHƯ NGUYỆT.....	165
67. SỰ TÍCH LUY ÔNG.....	166
68. SỰ TÍCH NAM HẢI ĐẠI VƯƠNG VÀ ĐÔNG HẢI ĐẠI VƯƠNG NGUYỄN PHỤC.....	168
69. TRUYỆN HAI ANH EM THỦY THẦN SINH ĐÔI ĐÁNH GIẶC LƯƠNG.....	171

70. SỰ TÍCH HAI MẸ CON ĐÁNH GIẶC LƯƠNG	172
71. TRUYỆN THẦN CHÍNH KHÍ LONG ĐỒ	174
72. TRUYỆN SÔNG TÔ LỊCH.....	176
73. BÀI KÝ VỀ HƯỜNG LÂM MAI HẮC ĐẾ.....	177
74. BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG	182
75. Ả ĐẠI NƯƠNG	183
76. NÚI PHƯỢNG HOÀNG.....	184
77. MÃ YÊN SƠN	186
78. SỰ TÍCH HUYỀN THIÊN ĐẾ QUÂN	187
79. BẠCH XÀ NƯƠNG.....	188
80. CHUYỆN VŨ HỒN	189

PHẦN II TRUYỆN THUYẾT VỀ THỜI NGÔ - ĐÌNH - TIỀN LÊ 193

1. TRUYỆN ĐÌNH TIÊN HOÀNG	195
2. SỰ TÍCH BÀ MẸ ĐÌNH TIÊN HOÀNG VÀ CÁC CÔNG THẦN.....	197
3. HOÀNG HẬU THỜI ẤU THƠ.....	200
4. SỰ TÍCH QUAN ẢI ĐẠI VƯƠNG THỜI ĐÌNH TIÊN HOÀNG.....	202
5. SỰ TÍCH ĐÔ CÔNG, CHẤT CÔNG, ĐÌNH CÔNG THỜI ĐÌNH TIÊN HOÀNG	203
6. SỰ TÍCH TRÌNH AN TỂ THỜI ĐÌNH	207
7. TRUYỆN PHÚC CÔNG THỜI ĐÌNH TIÊN HOÀNG	212
8. SỰ TÍCH SỨ QUÂN TRẦN LÂM.....	214
9. TRUYỆN NGUYỄN BỐ, NGUYỄN BẠC	217
10. SỰ TÍCH SỨ QUÂN NGUYỄN SIÊU Ở ĐÔNG PHÙ LIỆT THỜI NHÀ ĐÌNH.....	220

11. TRUYỆN BỐN ANH EM MỘT NHÀ CÓ CÔNG PHÒ TÁ ĐINH TIỀN HOÀNG.....	235
12. SỰ TÍCH SỨ QUÂN NGÔ XƯƠNG XÍ	237
13. BA VỊ TƯỚNG TÀI LÀNG CHI NGÀI	240
14. SỰ TÍCH SỨ QUÂN KIỀU CÔNG HÂN	242
15. SỰ TÍCH ĐÔ QUAN THỜI TIỀN LÊ	243
16. SỰ TÍCH VĂN LANG ĐẠI VƯƠNG.....	247
17. SỰ TÍCH BỐN ANH EM CÙNG MỘT BỌC CÓ CÔNG GIÚP VUA LÊ ĐẠI HÀNH	248
18. CHA DỠ ĐÓ, MẸ LÁ CHÙA.....	250
19. CÂY KHẾ TRONG VƯỜN VUA LÊ	253
20. ÔNG TIÊN XOA BÀ RỒNG ẤP	255
21. BÀ CHÚA TÓ	260
22. BA ĐÓA HOA HỒNG	261
23. HANG THÁI ĐỨC	263
24. SỰ TÍCH SỨ QUÂN ĐỖ CẢNH THẠC ĐỘC NHĨ ĐẠI VƯƠNG	267
25. TRUYỆN HAI VỊ THẦN Ở LONG NHÂN, NHƯ NGUYỆT	271
26. SỰ TÍCH SÓC THIÊN VƯƠNG	272
27. TRUYỆN ĐẾN THỜ HOÀNG THÁNH ĐẠI VƯƠNG	274
28. SỰ TÍCH THÁNH TRẦN VŨ.....	274

TRUYỀN THUYẾT VỀ THỜI
BẮC THUỘC & NGÔ - ĐÌNH - TIỀN LÊ
Quyển 2



Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. VI QUANG THỌ

<i>Biên tập nội dung:</i>	BAN BIÊN TẬP
<i>Kỹ thuật vi tính:</i>	NGUYỄN HÀNG
<i>Sửa bản in:</i>	NGUYỄN DUY MINH
<i>Trình bày bìa:</i>	NGÔ TRỌNG HIỂN

In 1.020 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty Cổ phần in
và thương mại Đông Bắc.

Số đăng ký KHXB: 136 – 2009 / CXB / 35 – 14 / KHXH.

Số QĐXB: 23 / QĐ - NXB KHXH ngày 18/02/2009.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/2009.

Sách Phát hành Kỷ niệm 10 năm thành lập

Nhà sách **Thăng Long**



101101090



Giá: 40.000đ